

LU-CA

Warren W. Wiersbe

1. HÃY NGHE PHÚC ÂM (Lu 1:1-80)

Tác giả: (Lu 1:1-40. Người từng viết cuốn sách chứa nhiều tin tốt lành cho mọi người, ấy là bác sĩ Lu-ca. Ông trình bày thông điệp quan trọng: “Bởi Con Người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất” (Lu 19:10). Ông giới thiệu về Chúa Giê-xu Christ, Con Người đầy lòng thương xót đã đến giữa tội nhân, yêu thương, giúp đỡ và chết thay cho họ.

Qua sách Phúc Âm này, bạn sẽ gặp nhiều người: đoàn dân, đàn ông, phụ nữ, trẻ con, người nghèo, kẻ giàu, tội nhân lẫn thánh đồ. Đây là sách chứa một thông điệp dành cho mọi người, bởi Lu-ca nhấn mạnh một đặc điểm chung về Chúa Giê-xu và sự cứu rỗi của Ngài. “...một Phúc Âm sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân” (Lu 2:10).

Bác sĩ Lu-ca chỉ được nhắc đến 3 lần trong Thánh Kinh Tân Ước: Co 4:14 I Ti 4:11 Phi 1:24. Ông viết sách Công vụ và đồng hành với Phao-lô (so sánh Lu 1:1-4 với Cong 1:1), chú ý những từ “chúng ta” ở Cong 16:10-17 20:4-15 21:1-18 27:1-28:16. Có thể ông là người ngoại theo học nghề thầy thuốc nên không có gì ngạc nhiên khi ông mở đầu sách bằng câu chuyện chi tiết về sự ra đời của 2 con trẻ “đặc biệt” và nhấn mạnh về sự cảm thông của Đấng Christ đối với người bất hạnh! Ông viết sách bằng tinh thần nghiêm túc của một sử gia và tấm lòng bác ái của người thầy thuốc.

Phúc Âm Lu-ca được viết cho Thê-ô-phi-lơ (“người yêu của Đức Chúa Trời”), có lẽ là một quan chức La Mã tin Chúa Giê-xu và bây giờ cần được củng cố niềm tin. Thê-ô-phi-lơ có thể đã tìm kiếm lẽ thật sau khi nghe về Phúc Âm, vì Lu 1:4 viết “để ông biết những điều mình đã học là chắc chắn”.

Cuộc đời và thông điệp của Chúa Giê-xu gây ảnh hưởng lớn nên có nhiều sách viết về Ngài, nhưng không phải mọi sách đều đáng tin cậy. Lu-ca viết sách này cốt để người đọc biết một sự kiện chính xác về cuộc đời, chức vụ và thông điệp của Chúa Giê-xu. Lu-ca thận trọng thu thập các sự kiện, chứng cứ, lắng nghe người giảng đạo và chủ yếu có sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh (Gi 3:31 19:11) – Ấy chính là sự hà hơi của Thánh Linh Đức Chúa Trời trên thông điệp của ông.

Qua đoạn 1, Lu-ca cho ta biết thế nào thông điệp kỳ diệu từ Đức Chúa Trời đã đến với mọi tầng lớp khác nhau và được hưởng ứng ra sao. Bạn sẽ thấy có 4 thái độ hưởng ứng khác biệt:

1. Vô tín (Lu 1:5-25)

Có một ngày thật đen tối đến với dân tộc Y-sơ-ra-ên. Dân sự không nhận được lời tiên tri nào từ Đức Chúa Trời trong 400 năm kể từ lúc Ma-la-chi nói về tiên tri Ê-li (Ma 4:5-6). Những người lãnh đạo thuộc linh thời bấy giờ bị bắt bớ bởi truyền thống cố hữu, sự bại hoại của xã hội và bởi bạo chúa Hê-rốt - kẻ từng xử tử một trong chín (hoặc mười) người vợ mình không cần biết lý do chính đáng. Dẫu ngày ấy đen tối ra sao, Đức Chúa Trời vẫn luôn có những con người biết dẫn thân và vâng phục.

Thầy tế lễ trung tín (Lu 1:5-7). Xa-cha-ri (“Đức Giê-hô-va nhớ đến”) và Ê-li-xa-bét (nghĩa là “Đức Chúa Trời là giao ước tôi”) là cặp vợ chồng tin kính thuộc dòng tế lễ. Các thầy tế lễ được phân thành 24 ban thứ (ISu 24:1-31) và mỗi thầy tế lễ sẽ hầu việc trong đền thờ suốt 2 tuần lễ trong năm. Dù quanh họ đầy dẫy sự vô tín, Xa-cha-ri và Ê-li-xa-bét vẫn trung tín vâng theo lời Đức Chúa Trời trong cách sống mẫu mực. Nỗi khổ duy nhất của họ là không có con nối tự nên đã kiên trì cầu nguyện cho nan đề

này. Họ đâu ngờ Đức Chúa Trời sẽ nhậm lời (họ) và ban cho họ không phải một thầy tế lễ, nhưng là một tiên tri! Đó không phải là tiên tri bình thường, vì con họ sẽ là sứ giả dọn đường cho Đấng Rất Cao!

Thầy tế lễ kinh hãi (Lu 1:8-17). Theo lệ, các thầy tế lễ bắt thăm để xem ai sẽ lãnh nhiệm vụ gì và Xa-cha-ri được chọn để dâng hương trong nơi thánh. Vinh dự đặc biệt này dành cho thầy tế lễ chỉ một lần duy nhất trong đời. Việc dâng hương được thực hiện khoảng 3 giờ chiều mỗi ngày, trước của lễ buổi sáng và sau của lễ buổi chiều. Có lẽ, Xa-cha-ri được dâng hương vào buổi chiều.

Nếu để ý, chắc bạn sẽ thấy Đức Chúa Trời thường nói với con cái Ngài cũng như kêu gọi họ lúc họ đang bận rộn với công việc thường nhật. Chẳng hạn, Môi-se và Đa-vít đang chăn chiên, Ghi-đê-ôn đang đập lúa, Phi-e-rơ cùng các bạn chài đang vá lưới lúc Chúa Giê-xu gọi họ. Thật khó điều khiển chiếc xe khi máy của nó không hoạt động!

Chúng ta bận rộn - chính là lúc Đức Chúa Trời khởi sự dẫn dắt chúng ta. Lu-ca nói về các thiên sứ 23 lần trong Phúc Âm này, thực ra, có rất nhiều thiên sứ (Kh 5:11) chứ không chỉ 2 thiên sứ thường được nói đến trong Kinh Thánh như Mi-ca-ên và Gáp-ri-ên (Da 10:13,21 12:1 Giu 1:9 Kh 12:7 Da 8:16 9:21 Lu 1:19,26). Khi Thiên sứ Gáp-ri-ên xuất hiện bên bàn thờ xông hương, Xa-cha-ri rất hoảng sợ vì sự hiện diện của Thiên sứ có thể là sự đoán phạt của Chúa.

Lời phán “Đừng sợ!” được ghi lại nhiều lần trong Phúc Âm Lu-ca (Lu 1:13,30 2:10 5:10 8:50 12:7,32). Bạn hình dung xem, hẳn Xa-cha-ri xúc động biết bao khi nghe rằng vợ chồng ông sẽ có một con trai! “Sự vui mừng” cũng là chủ đề chính trong Phúc Âm Lu-ca, được nhắc đến ít nhất 19 lần. Tin tức tốt lành thực sự đem đến “sự vui mừng”!

Thiên sứ Gáp-ri-ên cho Xa-cha-ri biết phải đặt tên con trẻ là Giăng (nghĩa là “Đức Giê-hô-va hay thương xót”) và dâng nó cho Đức Chúa Trời để làm một Na-xi-rê trọn đời (Dan 6:1-21). Con trẻ này sẽ đầy đầy Đức Thánh Linh trước khi ra đời (Lu 1:41), sẽ là tiên tri của Đức Chúa Trời nói cho dân Y-sơ-ra-ên biết về Con Độc Sanh (Gi 1:15-34). Đức Chúa Trời sẽ dùng chức vụ của Giăng để khiến lòng nhiều người trở lại cùng Chúa của họ như tiên tri Ê-sai đã báo trước (Es 40:1-5).

Thầy tế lễ thiếu đức tin (Lu 1:18-22). Có lẽ bạn nghĩ rằng sự hiện diện của thiên sứ cùng với thông điệp từ Đức Chúa Trời có thể củng cố niềm tin của Xa-cha-ri. Tiếc thay, không phải vậy. Thay vì tin nơi Đức Chúa Trời, thầy tế lễ này chỉ nhìn thấy thực trạng của chính mình và vợ, rồi cho rằng chuyện sinh con không thể xảy ra. Ông cần có sự bảo đảm nào đó, có thể là một dấu hiệu từ Đức Chúa Trời chứ không chỉ ở lời nói suông của Gáp-ri-ên một sứ giả của Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên đây là sự vô tín điều Đức Chúa Trời không thể chấp nhận. Xa-cha-ri thực sự đang chất vấn Đức Chúa Trời về khả năng thực thi lời hứa của Ngài! Ông há dễ quên điều Đức Chúa Trời đã làm cho Ap-ra-ham và Sa-ra sao? (Sa 18:9-15 Ro 4:18-25). Phải chăng ông cho rằng những giới hạn về thể chất của chính mình có thể ngăn trở Đức Chúa Trời toàn năng? Tuy nhiên trước khi quá phê phán Xa-cha-ri, chúng ta nên nhìn lại chính mình xem đức tin của chúng ta đang ở mức độ nào.

Đức tin đáng được chúc phước, nhưng sự vô tín phải bị lên án vì vậy Xa-cha-ri bị câm (có thể điếc - Lu 1:62) cho đến khi lời tiên tri được thực hiện. “Ta đã tin, cho nên ta nói” (ICo 4:13), nhưng Xa-cha-ri không tin nên ông không thể nói được. Đức Chúa

Trời quả đã ban cho ông một “dấu hiệu” đặc biệt chỉ mình ông biết, hầu ông có thể sống với dấu hiệu ấy suốt 9 tháng sau đó.

Thầy tế lễ được ưu ái. Xa-cha-ri chắc đã trải qua thời gian căng thẳng để hoàn thành tuần lễ nhiệm vụ của mình, chẳng phải vì tật nguyền, nhưng vì xúc động mãnh liệt (Lu 1:23-25). Ông hầu như không thể chờ đợi được nữa, mong sao trở về “miền núi” (Lu 1:39) nơi ông sống để thuật cho vợ nghe về tin mừng này.

Đức Chúa Trời thành tín với lời hứa của Ngài: Ê-li-xa-bét mang thai một con trai ở tuổi già. “Chẳng có sự gì là khó quá cho Ngài cả” (Gie 32:17). Có thể thấy sự ngạc nhiên và tính tò mò của những kẻ khác buộc Ê-li-xa-bét phải ẩn mình, nhưng vẫn ca ngợi Chúa về sự thương xót của Ngài. Bà không chỉ có một con trai nhưng sự ra đời của con bà là chứng cứ Đấng Mê-si-a sắp đến! Quả là những ngày vui mừng!

2. Bày tỏ niềm tin (Lu 1:26-38)

Khi Ê-li-xa-bét mang thai được 6 tháng, Thiên sứ Gáp-ri-ên một lần nữa loan tin về sự ra đời của con trẻ kế tiếp cho nữ đồng trinh Ma-ri ở Na-xa-rét. Ít ra, Thiên sứ này đã xuất hiện ở những nơi khác nhau đến với những con người khác nhau: cụ già, thiếu phụ, thầy tế lễ, con cháu Đa-vít, kẻ vô tín, người tin kính, đền thờ, Giê-ru-sa-lem, Na-xa-rét.

Người dân trong vùng Giu-đê rất khinh thường người Do Thái ở Ga-li-lê, họ tuyên bố rằng họ sẽ vi phạm luật pháp nếu tiếp xúc với những người ngoại này (Mat 4:15). Họ đặc biệt khinh khi người ở Na-xa-rét (Gi 1:45-46). Dầu vậy bởi An điển, Đức Chúa Trời đã chọn một nữ đồng trinh từ Na-xa-rét xứ Ga-li-lê để làm mẹ Đấng Mê-si-a của lời hứa.

Khi sự kiện này xảy đến với Ma-ri, người ta thiên về 2 thái cực: hoặc quá ca tụng bà đến nỗi Chúa Giê-xu chỉ chiếm vị trí phụ (Lu 1:32), hoặc không để tâm đến bà và thiếu sự tôn trọng đối với bà (Lu 1:48). Khi Ê-li-xa-bét đầy dẫy Đức Thánh Linh đã gọi bà là “Mẹ Chúa tôi” (Lu 1:43), lý do đó đủ để thấy bà đáng được tôn trọng.

Ta biết gì về Ma-ri? Nàng là nữ đồng trinh Do Thái thuộc đại tộc Giu-đa, con cháu vua Đa-vít (Es 7:14). Nàng đã hứa hôn với người thợ mộc ở Na-xa-rét tên là Giô-sép (Mat 13:55) và rõ ràng cả hai đều rất nghèo (Lu 2:24 Le 12:8). Giữa vòng dân Do Thái thời bấy giờ, hứa hôn cũng có tính chất ràng buộc như hôn nhân và chỉ có thể chấm dứt bằng cách ly hôn. Thực ra, người nam và người nữ thời đó đã được gọi là “vợ chồng” trước khi tiến tới hôn nhân (so sánh Mat 1:19 và Lu 2:5). Vì những người nữ Do Thái lấy chồng rất sớm, nên có thể khi Thiên sứ hiện đến với Ma-ri, nàng là thiếu nữ mới lớn.

Sự ngạc nhiên của Ma-ri (Lu 1:26-33). Đọc kỹ lời chào mừng của Thiên sứ Gáp-ri-ên, bạn có thể hiểu rõ lý do Ma-ri bối rối sợ sệt. “Hỡi người được ơn, mừng cho người Chúa ở cùng ngươi” Nhiều cổ bản Hy Lạp không có câu: “ngươi có phước trong đám đàn bà” (mà bạn tìm thấy ở đây trong Lu 1:42). Vì sao Thiên sứ đến chào mừng Ma-ri? Bà được ơn Đức Chúa Trời ở phương diện nào? Chúa ở cùng bà ra sao?

Lời đáp của Ma-ri bày tỏ sự khiêm cung thành tâm của bà trước Đức Chúa Trời. Bà thực sự chưa bao giờ mong gặp Thiên sứ để nhận những đặc ân thiên thượng ấy. Bà không có gì lạ thường”. Để những điều này phải xảy đến cho bà. Nếu bà khác biệt với tất cả những người nữ Do Thái khác như một số nhà thần học tuyên bố, có lẽ lúc

ấy bà sẽ nói với thiên sứ rằng: “Ô, thời điểm đã đến! Ta đang đợi ngươi đây!” Không phải vậy, mọi sự xảy đến thật quá ngạc nhiên đối với bà.

Thiên sứ Gáp-ri-ên báo cho bà tin mừng: bà sẽ làm mẹ Đấng Mê-si-a của lời hứa, Đấng bà sẽ đặt tên là Giê-xu (“Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi” Mat 1:21). Bạn hãy để ý rằng Thiên sứ Gáp-ri-ên khẳng định cả thần tánh và nhân tánh của Chúa Giê-xu: là Con Ma-ri Ngài là Con Người, là Con của Đấng Rất Cao (Lu 1:32), Ngài là Con Đức Chúa Trời (Lu 1:35). “Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta (nhân tánh của Ngài) tức là một con trai ban cho chúng ta (thần tánh Ngài)...” (Es 9:5). Lời xác nhận này chỉ về sự vĩ đại của Con (Lu 1:15) chứ không phải của mẹ. Ngài sẽ là một Vị Vua nối ngôi Đa-vít và cai trị Y-sơ-ra-ên đời đời! Nếu giải thích theo nghĩa đen lời Gáp-ri-ên nói trong Lu 1:30-31, ta cũng phải giải thích theo nghĩa đen lời Thiên sứ ấy nói trong Lu 1:32-33. Vị này muốn nói đến giao ước Đức Chúa Trời lập với Đa-vít (IISa 7:1-29) và vương quốc của Ngài hứa với dân Y-sơ-ra-ên (Es 9:1-7,11-12,61,66 Gie 33:1-26).

Chúa Giê-xu đến thế gian để cứu rỗi con người, đồng thời thực hiện lời hứa Đức Chúa Trời đối với tổ phụ dân Do Thái (Ro 15:8). Hôm nay, Ngài đang ngự trên Thiên đàng (Cong 2:29-36) không phải trên ngôi Đa-vít. Sẽ có một ngày, Ngài tái lâm để lập vương quốc công bình trên đất và làm trọn những lời hứa này.

Sự thuận phục của Ma-ri (Lu 1:34-38). Bà biết điều sẽ xảy đến nhưng không rõ bằng cách nào. Câu hỏi của bà trong câu 34 không phải chứng cứ của sự vô tín (Lu 1:18). Ngược lại, đó chính là sự bày tỏ đức tin. Bà tin vào lời hứa Đức Chúa Trời, nhưng không hiểu cách hành động của Ngài. Làm sao trinh nữ có thể sinh con?

Trước tiên Gáp-ri-ên giải thích rằng sự kiện này là một phép lạ do Thánh Linh Đức Chúa Trời hành động. Giô-sép chồng hứa của Ma-ri không phải là cha đứa trẻ (Mat 1:18-25), dù theo luật pháp Chúa Giê-xu được công nhận là con trai Giô-sép (Lu 3:23 4:22 Gi 1:45 6:42). Có thể ai đó nghĩ rằng Ma-ri không chung thủy với Giô-sép và Chúa Giê-xu là “con ngoại tình” (Gi 8:41). Đây là nỗi đau Ma-ri phải mang suốt đời (Lu 2:35).

Thiên sứ Gáp-ri-ên cho biết rõ rằng con trẻ sinh ra sẽ là “Con Thánh” không mang bản chất tội lỗi của con người. Chúa Giê-xu là Đấng chẳng biết tội lỗi (IICo 5:21), chưa từng phạm tội (IPhi 2:22) và trong Ngài không có tội lỗi (IGi 3:5). Thân thể được sắm sẵn cho chính Ngài bởi Thánh Linh Đức Chúa Trời (He 10:5), Đấng “che phủ” Ma-ri dưới bóng mình. Từ “che phủ” này được áp dụng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời ở nơi Chí Thánh trong đền tạm và đền thờ của người Do Thái (Xu 40:35). Tử cung Ma-ri đã trở thành nơi chí thánh cho Con Đức Chúa Trời!

Thiên sứ chấm dứt thông điệp với lời khích lệ Ma-ri: Ê-li-xa-bét người bà con của bà cũng đang chịu thai, chứng tỏ “không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được”. Đức Chúa Trời đã phán với Áp-ra-ham lời tương tự khi cho ông biết về sự ra đời của I-sác (Sa 18:14). Đức Chúa Trời chúng ta có thể làm được mọi sự, điều này được chứng minh qua Gióp (Giop 42:2) Giê-rê-mi (Gie 32:17), Chúa Giê-xu (Mat 19:26). Đức Chúa Trời thực hiện chương trình Ngài bằng quyền năng của Lời phán Ngài (Thi 33:9).

Đáp ứng đức tin của Ma-ri là thuận phục, hiến dâng bản thân để trở thành một đầy tớ sẵn sàng cho “tôi tớ Đức Chúa Trời”. Bà kinh nghiệm ơn Đức Chúa Trời (Lu 1:30), tin nơi Lời Ngài nên bà được Đức Thánh Linh sử dụng để thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời. “Tôi tớ” là chức phận thấp nhất được Ma-ri sử dụng để bày tỏ mức độ bà tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Bà hoàn toàn thuộc về Chúa: thể xác (Lu 1:38), linh

hồn (Lu 1:46) và tâm thần (Lu 1:47). Thật là một tấm gương đáng để chúng ta noi theo! (Ro 12:1-2).

3. Vui mừng (Lu 1:39-56)

Khi Ma-ri biết mình sắp làm mẹ và người bà con Ê-li-xa-bét sẽ sinh con trong vòng 3 tháng, bà muốn đi thăm Ê-li-xa-bét để cùng chia sẻ niềm vui. "Sự vui mừng" là chủ đề chính của phân đoạn này, bạn sẽ thấy có 3 người vui mừng trong Chúa.

Trước tiên là sự vui mừng của Ê-li-xa-bét (Lu 1:39-45). Khi Ma-ri bước vào nhà, Ê-li-xa-bét nghe lời chào của bà, liền được Thánh Linh cảm động để nói ra lý do Ma-ri đến. Lời nói nơi môi miệng bà sử dụng nhiều lần từ "phước". Để ý rằng bà không nói Ma-ri có phước "trên hết" những người nữ, nhưng nói Ma-ri có phước "trong đám" người nữ, và thật sự như thế. Trong khi đó, chúng ta không muốn quy cho Ma-ri những điều chỉ thuộc về Đức Chúa Trời, cũng không muốn đánh giá thấp vị trí của bà trong chương trình Đức Chúa Trời.

Điều Ê-li-xa-bét muốn nhấn mạnh là đức tin của Ma-ri: "Phước cho người đã tin" (Lu 1:45). Chúng ta được cứu "nhờ ân điển, bởi đức tin" (Eph 2:8,9). Ma-ri kinh nghiệm quyền năng Đức Chúa Trời bởi bà đã tin nơi Lời phán của Ngài.

Kế đến là sự vui mừng của Giăng - con trẻ sắp sinh ra (Lu 1:41,44). Có thể đây chính là thời điểm Giăng được đầy đầy Đức Thánh Linh như lời Thiên sứ báo trước (Lu 1:15). Ngay cả trước khi ra đời, Giăng đã vui mừng trong Chúa Giê-xu, và tiếp tục vui mừng suốt thời gian thi hành chức vụ trên đất (Gi 3:29-30). Là Giăng Báp-tít ông có đặc quyền lớn lao, được nói về Đấng Cứu Thế cho dân tộc Do Thái.

Người vui mừng thứ ba là Ma-ri (Lu 1:46-56). Niềm hân hoan tràn ngập khiến bà bật lên lời ca tụng Chúa. Đầy đầy Đức Thánh Linh sẽ khiến chúng ta có thể vui mừng ngợi khen Chúa trong cuộc sống (Eph 5:18-20) và sự đầy đầy Lời Chúa cũng khiến chúng ta vui mừng như thế (Co 3:16-17). Bài ca của Ma-ri chứa đựng những lời trích dẫn được chép trong Thánh Kinh Cựu Ước, đặc biệt ở sách thi thiên và bài ca của Anne trong Isa 2:1-10. Ma-ri giấu Lời Chúa trong lòng và biến nó thành bài ca.

Bài ca này được gọi là "Bài ca của trinh nữ Ma-ri" (The Magnificat), Tiếng La-tinh ở Lu 1:46 ghi rằng "Magnificat anima mea Dominum" (Linh hồn tôi ngợi khen Chúa). Niềm khao khát mãnh liệt của bà là được ca tụng Chúa, không phải chính mình. Bà sử dụng những từ "Ngài đã..." nhiều lần khi kể lại những ơn phước Ngài đã ban cho ba người.

Điều Đức Chúa Trời đã làm cho Ma-ri (Lu 1:46-49). Trước tiên, Ngài cứu rỗi bà (Lu 1:47). Điều này cho thấy Ma-ri là một tội nhân giống như chúng ta, cần phải tin nhận Chúa để được sự sống đời đời. Không chỉ cứu rỗi bà, Đức Chúa Trời còn chọn bà làm mẹ Đấng Christ (Lu 1:48). Ngài "đoái đến" bà, nghĩa là Ngài lưu tâm đến bà và ban ơn cho bà. Không có gì ngạc nhiên nếu Ngài chọn một ai khác, nhưng Ngài đã chọn Ma-ri! Đức Chúa Trời thật đã bày tỏ ân điển Ngài trên bà (ICo 1:26-28).

Đức Chúa Trời không chỉ lưu tâm đến Ma-ri, Ngài còn bày tỏ quyền năng Ngài trên bà (Lu 1:49). Ma-ri không thể không ngợi khen "Đấng toàn năng đã làm các việc lớn cho tôi" (Lu 8:39 Isa 12:24 IISa 7:21-23 Thi 126:2-3). Ma-ri tin Đức Chúa Trời và đầu phục ý muốn Ngài, nên Ngài đã thực hiện một phép lạ trong cuộc đời bà và sử dụng bà để đưa Đấng Cứu Thế vào trần gian.

Điều Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta? (Lu 1:50-53). Trong khổ thơ kế tiếp, Ma-ri nhắc đến tất cả những người kính sợ Chúa trải các đời. Chúng ta đều được Chúa thương xót và kinh nghiệm sự cứu giúp của Ngài. Ma-ri kể ra 3 nhóm người được Đức Chúa Trời thương xót: người bắt lực (Lu 1:51), người khiêm nhường (Lu 1:52) và người đói khát (Lu 1:53).

Người dân thời bấy giờ hầu như đều bắt lực trước công lý và dân quyền. Họ đói khát, bị hà hiếp và bị nhục chí (Lu 4:16-19), vô phương chống lại quy lệ này. Tổ chức bí mật của những nhà ái quốc cực đoan Do Thái gọi là “những kẻ cuồng tín” đã dùng bạo lực để chống đối La Mã, nhưng các hoạt động của họ chỉ làm cho thực trạng càng thêm tồi tệ.

Ma-ri thấy Chúa đảo lộn tất cả mọi sự: người yếu đuối truất phế kẻ mạnh, người khiêm nhường đuổi kẻ kiêu ngạo, những người tầm thường được tôn cao, người đói khát được no đủ, kẻ giàu có về tay không. An điển của Đức Chúa Trời hành động ngược với tư tưởng và quy lệ của thế gian (ICo 1:26-28). Hội Thánh cũng giống như những nhóm người đã tụ tập quanh Vua Đa-vít (ISa 22:2).

Điều Đức Chúa Trời đã làm cho dân Y-sơ-ra-ên (Lu 1:54-55). “Ngài sẽ cứu dân mình ra khỏi tội” (Mat 1:21). Dẫu ở tình trạng thiếu thốn cơ cực, dân Y-sơ-ra-ên vẫn là tội tớ Đức Chúa Trời, Ngài sẽ giúp họ thực hiện ý muốn Ngài. Đức Chúa Trời bảo vệ dân Y-sơ-ra-ên, Ngài sẽ nhớ lại sự thương xót và thực hiện lời hứa Ngài (Thi 98:1-3 Sa 12:1-3 17:19 22:18 26:4 28:14).

Ma-ri ở với Ê-li-xa-bét cho đến khi Giăng ra đời, sau đó bà trở lại Na-xa-rét. Vào lúc này, việc Ma-ri có thai có thể dễ nhận ra và miệng đời đã bắt đầu xâm xì. Suy cho cùng bà xa gia đình đã 3 tháng và người ta có thể thắc mắc vì sao bà ra đi vội vã như thế? Lúc ấy Đức Chúa Trời đem tin mừng đến cho Giô-sép và chỉ dẫn ông những gì phải làm (Mat 1:18-25).

4. Ngợi khen (Lu 1:57-80)

Đức Chúa Trời ban phước dồi dào trên Xa-cha-ri và Ê-li-xa-bét. Ngài ban cho họ một con trai như Ngài đã hứa. Họ đặt tên con là “Giăng” theo lời Đức Chúa Trời. Dân Do Thái xem con trẻ như sự ban cho của Đức Chúa Trời và “là cơ nghiệp bởi Đức Giê-hô-va mà ra” (Thi 127:3-5 128:1-3). Thật như vậy! Họ không theo tập tục của dân ngoại bang vô thần bằng cách giết con mình hoặc bỏ rơi chúng. Chỉ riêng con số 1.500.000 thai nhi bị phá bỏ hằng năm ở Nước Mỹ đủ để bạn thấy chúng ta đã đi xa khỏi luật pháp Đức Chúa Trời chừng nào rồi.

Tiến sĩ E.T.Sullivan nói rằng: “Sức mạnh vĩ đại nhất trên thế giới không phải là những trận động đất hay sấm sét - mà chính là những con trẻ”.

Theo lệ, con trai sẽ được đặt tên theo cha hay người trong gia đình. Khi Ê-li-xa-bét khẳng định tên con là Giăng, bà con hàng xóm đều lấy làm lạ. Xa-cha-ri viết trên tấm bảng: “Giăng là tên nó” và đồng ý như vậy. Tức thì Đức Chúa Trời mở miệng ông. Bài ca tụng của Xa-cha-ri cho chúng ta 4 bức tranh xinh đẹp có ý nghĩa về sự hiện diện của Chúa Giê-xu trên thế gian:

Cửa ngục tù rộng mở (Lu 1:68): Từ “cứu chuộc” có nghĩa như giải thoát bằng cách trả một giá “Có thể dùng để nói đến việc thả tù nhân, hoặc giải phóng nô lệ. Chúa Giê-xu Christ đến thế gian để giải thoát cho những kẻ bị giam cầm (Lu 4:19), cứu những ai trong xiềng xích tội lỗi và sự chết (Eph 1:7 IPhi 1:18-21).

Bức tranh thắng trận (Lu 1:69-75): Trong Kinh Thánh “sùng” là biểu tượng của sức mạnh và chiến thắng (IVua 22:11 Thi 89:17,24). Đây là bức tranh mô tả một đội quân sắp bị thất thủ, nhưng sau đó có sự cứu giúp đã đánh bại kẻ thù. Ở bức tranh trước, những kẻ bị cầm được tha. Nhưng ở bức tranh này, kẻ thù bị đánh bại hoàn toàn nên không thể bắt giữ thêm tù nhân nào. Nó có nghĩa là toàn thắng của con dân Đức Chúa Trời.

Sự cứu chuộc (Lu 1:69,71) mang ý nghĩa “khoẻ khoắn, mạnh mẽ”. Dù kẻ bị giam cầm ở tình trạng nào đi nữa, Đấng cứu chuộc vẫn đem đến cho họ một sự mạnh mẽ, vững vàng thuộc linh. Khi tin nhận Chúa Giê-xu Christ là Đấng Cứu Thế, bạn được giải thoát khỏi quyền Sa-tan để bước vào Vương quốc của Đức Chúa Trời, được cứu rỗi và được tha thứ (Co 1:12-14).

Đấng Cứu Thế từ đâu đến? Ngài sinh ra từ nhà Đa-vít (Lu 1:69) là Vị Vua chiến thắng mọi kẻ thù. Đức Chúa Trời phán trước rằng Đấng Cứu Thế sẽ là người Do Thái (Sa 12:1-3), dòng Giu-đa (Sa 49:10) con cháu Đa-vít (IISa 7:12-16), sanh trong thành Đa-vít (Bết-lê-hem) (Mi 5:1). Cả Ma-ri và Giô-sép cũng thuộc dòng Giu-đa (Lu 1:27 Mat 1:20). Sự hiện diện của Đấng Cứu Thế trên trần gian vốn gắn liền với giao ước Đức Chúa Trời lập cùng dân Ngài (Lu 1:72) và được các tiên tri báo trước (Lu 1:70).

Hãy nhớ rằng chiến thắng này là kết quả của sự thánh hoá và tinh thần hầu việc (Lu 1:74-75). Đức Chúa Trời giải thoát chúng ta không phải để chúng ta đi theo ý riêng mình (vì đó sẽ lại là xiềng xích) nhưng làm theo ý muốn Ngài và vui mừng trong sự tự do Ngài ban.

Bức tranh của “sự tha nợ” (Lu 1:76-77) “Tha tội” nghĩa là cất đi, xoá đi món nợ. Chúng ta đều mắc nợ Đức Chúa Trời - vì phạm luật pháp Ngài và không sống theo tiêu chuẩn Ngài (Lu 7:40-50). Hơn thế nữa chúng ta bị phá sản thuộc linh không thể trả nổi món nợ. Nhưng Đức Chúa Giê-xu đã đến và trả nợ thay cho chúng ta (Gi 1:29 Thi 103:12).

Bức tranh “buổi bình minh của một ngày mới” (Lu 1:78-79). Bình minh nghĩa là lúc mặt trời mọc. Chúa Giê-xu đến khi mọi người đang ở nơi tối tăm, trong bóng sự chết cùng sự khốn khó vây quanh. Nhưng Ngài đem đến sự sáng, sự sống và bình an. Đây là buổi bình minh của một ngày mới bởi Đức Chúa Trời đã bày tỏ lòng thương xót vô biên của Ngài (Mat 4:16).

Thầy tế lễ Xa-cha-ri không nói được suốt 9 tháng, nhưng ông đã bù đắp sự yên lặng bấy lâu ấy khi bật lên bài ca tụng này cho Đức Chúa Trời! Ông vui mừng khôn xiết vì con ông được Đức Chúa Trời chọn để dọn đường cho Đấng Christ (Es 40:1-3 Ma 3:1). Giảng là tiên tri của Đấng Rất Cao (Lu 1:76), rao cho dân Y-sơ-ra-ên biết về Con của Đấng Rất Cao (Lu 1:32) Đấng được hoài thai trong tử cung Ma-ri bởi quyền năng Đấng Rất Cao (Lu 1:35).

Thay vì hưởng một cuộc sống an nhàn với tư cách thầy tế lễ, Giảng sống nơi đồng vắng, nghiêm khắc với bản thân về thuộc linh lẫn thuộc thể, chờ đợi ngày Đức Chúa Trời sai ông dọn lòng dân Y-sơ-ra-ên đón Đấng Christ. Những người như Si-mê-ôn và An-ne (Lu 2:25-38) đã chờ đợi ngày này từ nhiều năm. Ngày ấy sẽ chóng đến!

Hôm nay Đức Chúa Trời đang kêu gọi chúng ta tin nhận Phúc Âm của Ngài. Những ai tin đều kinh nghiệm sự vui mừng trong Ngài vẫn mong muốn ngợi khen Ngài. Nếu chỉ nói Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Thế, có lẽ vẫn chưa đầy đủ ý nghĩa. Chúng ta phải

đồng thanh với Ma-ri rằng: “Tâm thần tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu Chúa tôi” (Lu 1:47)

2. CHÚA ĐÃ ĐẾN (Lu 2:1-52)

Đoạn 2 này có lẽ là đoạn quen thuộc và được ưa chuộng nhất trong sách Lu-ca. Vào đêm Giáng sinh hằng năm, tôi và vợ tôi thường đọc chung 21 câu đầu của đoạn này. Giờ đây các con đã khôn lớn, chúng tôi vẫn đọc... Câu chuyện xảy ra đã lâu, nhưng sao cứ mới mẻ khiến con cái Đức Chúa Trời chẳng bao giờ chán đọc!

Bác sĩ Lu-ca giới thiệu với chúng ta 3 nét đại cương về những năm trên đất của Đức Chúa Giê-xu Christ:

1. Hải nhi mới sinh (Lu 2:1-20)

“Yếu như một em bé” là một lối nói thông thường lại không thể áp dụng được với Hải nhi Giê-xu trong máng cỏ. Theo cách nói của con người là Ngài yếu như bất cứ em bé nào, nhưng đối với cõi trời Ngài là trung tâm quyền lực.

Sự Giáng sinh của Hải nhi Giê-xu đã khiến Giô-sép và Ma-ri đến thành Bết-lê-hem (Lu 2:1-7). Sê-sa Au-gút-tơ cai trị thời bấy giờ, nhưng chính Đức Chúa Trời đã thực hiện chương trình Ngài khi sử dụng sắc lệnh của Sê-sa để đưa Giô-sép và Ma-ri đi 80 dặm từ Na-xa-rét đến Bết-lê-hem, hầu Lời Ngài được ứng nghiệm. Vì mục đích quân sự và thuế, cứ 14 năm một lần Rô-ma lại có cuộc điều tra dân số. Mỗi người nam Do Thái phải trở về quê quán mình để khai họ tên, nghề nghiệp, tài sản và gia đình. Khi Ma-ri nói: “xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời người truyền!” (Lu 1:38) cũng là lúc cuộc đời bà góp phần vào sự ứng nghiệm của lời tiên tri. Đức Chúa Trời phán rằng Đấng Christ sẽ là một Con Người, không phải thiên sứ (Sa 3:15 He 2:16), là người Do Thái chứ không phải người ngoại (Sa 12:1-3 Dan 24:17). Ngài thuộc dòng Giu-đa (Sa 49:10), con cháu vua Đa-vít (II Sa 7:1-17), sanh bởi một nữ đồng trinh (Es 7:14) trong hành Bết-lê-hem, tức thành Đa-vít (Mi 5:2).

Mọi sự đã ứng nghiệm như lời Kinh Thánh, như vậy Sê-sa hoàn toàn không biết mình đã đóng một vai trò quan trọng. A.T. Pierson từng nói: “Lịch sử là câu chuyện của Ngài”. Tổng thống James A. Garfield lại gọi lịch sử là “cuốn sách tiên tri được mở ra”. Khi lời Chúa chiếm hữu đời sống chúng ta, những biến cố lịch sử sẽ giúp chúng ta làm trọn ý muốn Ngài. Ngài phán: “Ta sẽ tỉnh thức, giữ lời phán ta đừng làm trọn” (Gie 1:12).

Ma-ri và Giô-sép tuy là vợ chồng, nhưng họ không ăn ở cùng nhau cho đến khi Chúa Giê-xu sinh ra, Ma-ri chỉ là “vị hôn thê” của Giô-sép (Mat 1:18-25). Có lẽ đối với Ma-ri, cuộc hành trình này thật là một thử thách đối với bà, nhưng bà vui mừng được thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời và điều chắc chắn là bà cũng cảm thấy nhẹ nhõm khi tránh được những lời đàm tiếu ở Na-xa-rét.

Các bà mẹ thời đó bọc trẻ sơ sinh bằng một giải vải dài để tay chân chúng được cứng cáp và an toàn “Máng cỏ” được nói đến ở Lu 2:7,12,16 có thể là máng ăn của gia súc hoặc khoảng đất được vào lại để nuôi gia súc. Ngày nay khi qua vùng Đất Thánh (The Holy Land), bạn sẽ thấy những máng gia súc bằng đá thời xưa, có lẽ Hải nhi Giê-xu đã nằm trong một máng cỏ như thế. Nhiều học giả cho rằng Chúa chúng ta sinh ra trong một hang đá, nơi ẩn náu của thú vật, không phải là chuồng gỗ như bạn thấy ngày nay.

“Bết-lê-hem” nghĩa là “nhàbánh” nơi Giáng sinh lý tưởng của Đấng được gọi là “Bánh của sự sống” (Gi 6:35). Bết-lê-hem - di sản lịch sử quý báu bao gồm sự qua đời của Ra-chên và sự sinh ra của Bên-gia-min (Sa 35:16-20 Mat 2:16-18), hôn nhân của Ru-tơ, những kỳ công của Đa-vít. Đáng chú ý là tên Bên-gia-min “Con trai tay hữu” và tên Đa-vít (“người yêu dấu”). Cả hai tên này được áp dụng cho Chúa chúng ta, vì Ngài là Con yêu dấu (Lu 3:22) tại bên hữu Đức Chúa Trời (Thi 110:1).

Sự Giáng sinh của Chúa Giê-xu tác động đến các Thiên sứ trên trời (Lu 2:8-14). Hẳn các vị ấy sững sốt biết bao khi thấy Đấng Sáng tạo giáng sinh như một vật thọ tạo! Ngôi Lời đã trở nên một con trẻ yên lặng! Lời giải thích rõ ràng nhất về sự kiện này được viết trong ICo 8:9. Đáp ứng tốt nhất của tấm lòng chúng ta phải được thể hiện qua sự ngợi khen của tấm lòng chúng ta là kinh ngạc và tôn thờ. “Sự màu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm: Đấng đã được tỏ ra trong xác thịt...” (ITe 3:16).

Lời công bố đầu tiên về sự giáng sinh của Đấng Christ được thiên sứ chuyển đến cho những người chăn chiên vô danh. Tại sao là những người chăn chiên mà không phải các thầy tế lễ hay các học giả tôn giáo? Khi đến với những người chăn chiên, Thiên sứ bày tỏ cho họ biết ân điển của Đức Chúa Trời đối với loài người. Họ thật sự là những kẻ bị ruồng bỏ trong Y-sơ-ra-ên. Công việc của họ không những khiến họ bị ô uế về mặt nghi thức mà còn cầm chân họ không đến được đền thờ trong vài tuần lễ liền nên không thể thực hiện nghi thức tinh sạch được. Đức Chúa Trời không gọi người giàu có hay kẻ thế lực, Ngài gọi người nghèo khổ và kẻ thấp hèn (ICo 1:26-29 Lu 1:51-53).

Đấng Christ đã đến với tư cách “Người Chăn Chiên hiền lành” (Gi 10:1-30) và “Chiên Con Đức Chúa Trời” gánh thay tội lỗi thế gian (Gi 1:29). Có thể những người chăn chiên này đang canh giữ bầy chiên được dùng làm của tế lễ trong đền thờ. Điều này rất có ý nghĩa khi tin mừng về Người Chăn Chiên và Chiên Con của Đức Chúa Trời được loan báo trước tiên cho những kẻ chăn khiêm nhường này.

Những người chăn chiên đâu dễ bị đánh lừa! Họ là những con người thực dụng, ít khi làm việc gì bằng trí tưởng tượng. Nếu họ nói rằng họ đã thấy Thiên sứ, đi tìm và gặp Đấng Christ, bạn chắc sẽ tin. Đức Chúa Trời đã chọn những kẻ lao khổ để làm những chứng nhân đầu tiên nói cho mọi người biết: Con Đức Chúa Trời đã đến thế gian!

Trước tiên, một thiên sứ (Gáp-ri-ên?) loan tin mừng, sau đó muôn vàn thiên sứ đồng thanh ngợi khen Đức Chúa Trời. Từ hằng bao thế kỷ, đây là lần đầu tiên, sự vinh hiển Đức Chúa Trời đã tái hiện trên đất. Nếu các gã chăn can đảm kia còn sợ hãi về những điều mắt thấy tai nghe, bạn càng có cơ sở biết chắc đây là sự thật!

“Đừng sợ!” là một trong những chủ đề chính của câu chuyện Giáng sinh này (Lu 1:13,30,74 Mat 1:20). Nguyên văn thiên sứ nói rằng: “Đừng sợ chi, vì này ta báo cho các ngươi một Phúc Âm, sẽ là một sự vui mừng lớn cho muôn dân” Thiên sứ dùng từ có nghĩa là “công bố tin lành một từ được Lu-ca sử dụng trong cả Phúc Âm và Công vụ. Ta thấy Lu-ca nhấn mạnh về một Phúc Âm cho cả thế giới, cho mọi người chứ không riêng gì dân Do Thái.

Phúc Âm ấy là gì? Đức Chúa Trời không sai một tinh binh, một quan án hay một nhà cải cách, nhưng Ngài ban xuống một Đấng Christ để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của nhân loại. Đó là thông điệp hoà bình cho một thế giới từng nếm trải quá nhiều mùi chiến tranh. Hiệp ước hoà bình của Rô-ma (Roman Peace) được nhiều người

biết đến có hiệu lực từ năm 27 TC, thế nhưng “không có chiến tranh” đâu có nghĩa là “có hoà bình”.

Triết gia trường phái khắc kỷ Epictetus nói rằng: “Hoàng đế có thể đem hoà bình đến cho xứ sở bị chiến tranh, nhưng không thể đem hoà bình đến cho lòng giận dữ, sầu khổ, đố kỵ. Ông không thể ban sự bình an trong tâm hồn mà con người khao khát hơn cả sự hoà bình bề ngoài”.

Từ Do Thái “shalom” (hoà bình) có nghĩa vượt trội hơn một hiệp định ngưng bắn, đình chiến trong các trận chiến trong cuộc sống. Nó có nghĩa như: khoẻ mạnh, hạnh phúc, thịnh vượng, an ninh, toàn vẹn, hoàn hảo. Nó có liên quan đến con người nhiều hơn hoàn cảnh. Cuộc sống vốn khó khăn, xưa nay vẫn thế. Thuế cao, nạn thất nghiệp gia tăng, đạo đức con người cứ xuống dốc, bộ máy quân sự được kiểm soát chặt chẽ, Luật pháp La Mã, triết học Hy Lạp và cả Do Thái giáo cũng không thể đáp ứng được nhu cầu trong tâm hồn con người. Chính lúc ấy, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến thế gian!

Trong sự tạo dựng vũ trụ thiên sứ đã ca ngợi Đức Chúa Trời (Giop 38:7), giờ đây họ lại ngợi khen Ngài vào khởi điểm của sự tạo dựng mới. Mục đích của kế hoạch cứu rỗi là “để ngợi khen Đức Chúa Trời” (Eph 1:6,12,14). Vinh hiển Đức Chúa Trời từng ngự trong đền tạm (Xu 40:34) và đền thờ (IISu 7:1-3), nhưng đã vắng bóng một thời gian dài bởi tội lỗi dân sự (ISa 4:21 Exo 8:4 9:3 10:4,18 11:22-23). Giờ đây, vinh hiển của Đức Chúa Trời lại tái hiện trên đất trong thân vị Con Ngài (Gi 1:14). Máng cỏ thấp hèn kia lại là nơi chí thánh bởi Chúa Giê-xu đã ngự vào!

Sự Giáng sinh của Chúa Giê-xu đã lôi cuốn các gã chăn chiên ngoài đồng (Lu 2:15-20). “Chúng ta hãy tới thành Bết-lê-hem”, lời nói này chứng tỏ họ đang ở xa Bết-lê-hem. Tuy vậy, họ vẫn chấp nhận lên đường tìm Đấng Christ mới sinh ra. Hẳn họ phải nhờ người khác chăn hộ đàn chiên khi vội vã đến Bết-lê-hem. Halford Luccock gọi hành trình này là “Sự vội vã của Giáng sinh đầu tiên”, dĩ nhiên chẳng giống với việc đổ xô mua hàng vào dịp Giáng sinh như chúng ta thấy ngày nay!

Động từ thấy ở Lu 2:16 nghĩa là “đã gặp được sau khi tìm kiếm”. Các gã chăn chiên biết điều họ đang tìm kiếm: “một con trẻ bọc bằng khăn, nằm trong máng cỏ”. Và họ đã gặp Ngài! Họ thờ lạy Ngài, ngợi khen về ân điển, sự nhân từ cùng sự màu nhiệm Ngài đã bày tỏ cho họ.

Những gã chăn chiên ấy là những gương tốt cho chúng ta noi theo hôm nay. Họ đã đón nhận thông điệp từ Đức Chúa Trời bằng đức tin, hưởng ứng bằng thái độ vâng phục nhanh chóng. Sau khi gặp Con Trẻ, họ loan báo tin mừng cho người khác: “Làm sáng danh và ngợi khen Đức Chúa Trời”. Họ thật đã thế chỗ các Thiên sứ! (Lu 2:13-14) Sau đó, họ trở lại với công việc thường nhật của mình. Công việc chẳng có gì thay đổi, nhưng giờ đây họ là những con người được đổi mới!

Có lẽ vì lý do nào đó, những gã chăn chiên không được phép làm chứng trước pháp luật. Tuy vậy, Đức Chúa Trời đã sử dụng những gã chăn chiên hèn mọn để làm chứng nhân đầu tiên, minh chứng rằng lời tiên tri đã ứng nghiệm, Đấng Christ đã sinh ra. Các Thiên sứ chưa từng kinh nghiệm được ân điển của Đức Chúa Trời vì vậy họ không thể làm chứng như chúng ta. Nói cho người khác về Đấng Christ là nghĩa vụ cấp bách và là đặc quyền lớn lao. Tín hữu chúng ta phải trung tín!

2. Con trẻ (Lu 2:21-38)

Đến đây bác sĩ Lu-ca cho ta thấy có 3 cuộc gặp gỡ quan trọng trong đền thờ Giê-ru-sa-lem: Con trẻ Giê-xu gặp Môi-se (Lu 2:21-24), Si-mê-ôn (Lu 2:25-35) và An-ne (Lu 2:36-38).

Môi-se (Lu 2:21-24). Ta thấy từ “luật pháp” được nhắc đến 5 lần trong Lu 2:24-40. Chúa Giê-xu đến để giải phóng dân Ngài khỏi sự trói buộc của luật pháp, nhưng Ngài “sinh ra dưới luật pháp” và vâng phục luật pháp (Ga 4:1-7). Ngài không đến để phá bỏ luật pháp nhưng để làm trọn luật pháp (Mat 5:17,18).

Cha mẹ Chúa Giê-xu vâng theo luật pháp bằng cách cho con trẻ chịu phép cắt bì sau khi sinh 8 ngày. Đó là dấu hiệu của giao ước Đức Chúa Trời lập cùng Áp-ra-ham (Sa 17:1-27), mỗi người nam phải chịu phép cắt bì để bày tỏ niềm tin. Người Do Thái rất tự hào mình là dân của giao ước Đức Chúa Trời, họ đã ngạo nghễ gọi những người ngoại là - ‘người không chịu cắt bì’ (Eph 2:11-12). Tiếc thay, phép cắt bì đã trở thành một nghi thức trống rỗng cho vô số người Do Thái, vì họ không nhận thức được một chân lý thuộc linh quan trọng hàm chứa trong đó (Phu 10:15-20 Ro 2:28-29). Donald Grey Barnhouse, một vị Mục sư kiêm tác giả ở Philadelphia nói rằng: “Phép cắt bì Ngài chịu là sự thương khó đầu tiên Ngài gánh thay ta”. Phép cắt bì tượng trưng cho công việc Đấng Christ thực hiện trên thập tự giá để đổi phốt với bản tánh tội lỗi của chúng ta (Co 2:10-11 Phi 3:1-3 Ga 6:15). Vâng lời Đức Chúa Trời, Ma-ri và Giô-sép đặt tên Ngài là GIÊ-XU, nghĩa là “Đức Giê-hô-va là sự cứu rỗi” (Mat 1:21).

Phép cắt bì chỉ là nghi thức đầu tiên. Khi con trẻ được 40 ngày Ma-ri và Giô-sép phải đến đền thờ để làm lễ chuộc tội như đã được mô tả trong Le 12:1-8. Họ cũng phải “chuộc ” con trẻ vì là con đầu lòng của Ma-ri (Xu 13:1-12). Họ phải trả 5 siếc-lơ để chuộc “Đấng Cứu chuộc” Đấng một ngày kia sẽ cứu chúng ta bằng huyết báu Ngài (IPhi 1:18,19). Của lễ đơn sơ họ dâng lên chứng tỏ họ quá nghèo, không thể dâng nổi một con chiên con (II Co 8:9). Nhưng chính Chúa Giê-xu Ngài là Chiên Con!

Mối liên hệ giữa Chúa chúng ta với luật pháp đóng vai trò quan trọng trong nhiệm mạng cứu chuộc của Ngài. Ngài sinh ra dưới luật pháp (Ga 4:4), mặc dù lên án những truyền thống tôn giáo của con người, Ngài vẫn vâng phục trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời (Gi 8:46). Ngài mang sự rửa sả của luật pháp vì chúng ta (Ga 3:13 và buông tha chúng ta khỏi ách nô lệ (Ga 5:1).

Si-mê-ôn (Lu 2:25-35). Cũng như Xa-cha-ri và Ê-li-xa-bét, Si-mê-ôn và An-ne là những người trung tín còn sót lại trong dân Do Thái nôn nả tìm kiếm Đấng Christ (Ma 3:16). Vì Si-mê-ôn sẵn sàng mong muốn được chết (Lu 2:29) nên người ta thường nghĩ rằng ông rất già, nhưng không có chỗ nào trong Kinh Thánh chứng tỏ điều ấy. Người ta cho rằng lúc ấy ông được 113 tuổi, nhưng đó cũng chỉ là lời truyền khẩu.

“Sự yên ủi của Y-sơ-ra-ên” nghĩa là hy vọng về Đấng Mê-si-a. Một trong những lời cầu nguyện theo truyền thống của dân Do Thái là: “Xin cho con nhìn thấy sự yên ủi của Y-sơ-ra-ên”. Lời cầu nguyện ấy của Si-mê-ôn được nhậm khi ông gặp Chúa Giê-xu Christ trong đền thờ. Ông là người được Thánh Linh Đức Chúa Trời dắt dẫn, được dạy dỗ bởi Lời Ngài, vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời. Vì vậy, ông được đặc quyền nhìn thấy sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Đối với con người được nhìn thấy sự cứu rỗi (tức Chúa Giê-xu Christ) trước khi qua đời thật có ý nghĩa biết bao!

Qua Lu 2:29-32, ta thấy đáp ứng của Si-mê-ôn khi gặp Chúa Giê-xu. Đây là bài ca Giáng sinh thứ năm và cuối cùng trong sách Lu-ca (Ê-li-xa-bét Lu 1:42-45 Ma-ri 1:46-56 Xa-cha-ri 1:67-79 các Thiên sứ 2:13-14). Trước hết, đây là một bài ca thờ

phương, ông chúc tụng Đức Chúa Trời vì đã giữ lời hứa Ngài và ban Đấng Christ. Ông nức lòng ngợi khen Đức Chúa Trời bởi Ngài ban cho ông đặc ân được nhìn thấy Đấng Christ.

Bài ca của ông cũng là một bài ca cứu rỗi: “Vì con mắt tôi đã thấy sự cứu vớt của Ngài” (Lu 2:30). Giờ đây, ông sẵn sàng được chết! “Sự qua đời” theo tiếng Hy Lạp mang nhiều ý nghĩa, mỗi ý nghĩa đều cho ta biết về sự chết của người tin Chúa. Nó có nghĩa như: giải thoát tù nhân, nhổ neo một con tàu và ra khơi, hạ trại (II Co 5:1-8 Mat 11:28-30). Con cái Đức Chúa Trời chẳng hề khiếp hãi sự chết thể xác, bởi nó giúp ta thoát khỏi những gánh nặng của đời này và dắt ta vào cõi phước hạnh của đời sau.

Bài ca của Si-mê-ôn cũng là bài ca truyền giáo, một điều bất thường đối với người Do Thái mộ đạo trong đền thờ. Si-mê-ôn thấy sự cứu rỗi lớn lao này sẽ được loan truyền cho dân ngoại. Chúa Giê-xu phục hồi sự vinh hiển cho Y-sơ-ra-ên và đem ánh sáng đến cho dân ngoại hầu mọi người đều được cứu (Lu 2:10). Hãy nhớ rằng sự thương xót của Đấng Christ đối với cả thế gian là một trong những chủ đề chính của Phúc Âm Lu-ca.

Si-mê-ôn dứt lời khen ngợi và bắt đầu nói tiên tri (Lu 2:34-35). Trong lời tiên tri này chứa đựng 3 hình ảnh có ý nghĩa: Hòn đá, dấu lạ và thanh gươm.

“Đá” là hình ảnh về Đức Chúa Trời trong Thánh Kinh Cựu Ước (Sa 49:24 Thi 18:2 71:3 Phu 32:31). Đấng Christ sẽ là “Đá góc nhà bị bỏ ra” (Thi 118:22 Lu 20:17-18 Cong 4:11) và dân Y-sơ-ra-ên sẽ vấp ngã vì có Ngài (Es 8:14 Ro 9:32). Vì có Chúa Giê-xu, nhiều người trong Y-sơ-ra-ên sẽ bị lên án và được rỗi. Đến hôm nay, dân Y-sơ-ra-ên vẫn vấp ngã bởi có thập tự giá (ICo 1:23), họ không hiểu rằng Chúa Giê-xu chính là Hòn đá của họ (I Phi 2:1-6).

“Dấu lạ” nghĩa là “phép lạ”, không thiên nhiều về sự bày tỏ quyền năng, nhưng có ý nghĩa như “sự mạc khải về chân lý trên trời”. Trong Phúc Âm Giảng, những phép lạ của Chúa Giê-xu được gọi là “dấu lạ” vì chúng bày tỏ những chân lý đặc biệt về Ngài (Gi 20:30,31). Chúa Giê-xu chính là phép lạ của Đức Chúa Trời. Vậy mà thay vì ca tụng Ngài, con người đã chống đối và phạm thượng Ngài. Sự Giáng sinh của Ngài là một phép lạ, thế nhưng con người đã vu cáo và nói hành sự kiện đó (Gi 8:41). Họ cho rằng những phép lạ Ngài làm bởi quyền phép của Sa-tan (Mat 12:22-24), phẩm cách Ngài đáng ngờ (Gi 8:48,52 9:16,24). Họ nhạo báng sự chết của Ngài (Thi 22:6-8 Mat 27:39-44) và làm chứng dối về sự sống lại của Ngài (Mat 27:62-66). Hôm nay con người vẫn nói hành về sự tái lâm của Ngài (II Phi 3:1-18).

Cách con người nói về Chúa Giê-xu là bằng chứng những gì họ suy nghĩ trong lòng. Ngài không chỉ là “Đá cứu rỗi”, “Đá phán xét” (Da 2:34,45) nhưng còn là “Đá gây có vấp phạm” phơi bày bản chất con người. “Về Đấng Christ, các ngươi nghĩ thế nào?” (Mat 22:42) vẫn luôn là câu hỏi ý nghĩa nhất để mọi người trả lời (IGi 4:1-3).

Hình ảnh “thanh gươm” chỉ dành riêng cho Ma-ri, nói về sự đau khổ, buồn rầu bà phải mang lấy khi làm mẹ Đấng Christ. (Điều này cho thấy có lẽ khi Chúa Giê-xu khởi sự chức vụ Ngài 30 năm sau, Giô-sép đã chết, nếu không ông hẳn phải được nhắc đến). “Thanh gươm” theo tiếng Hy Lạp là loại gươm lớn như Gô-li-át đã sử dụng (Isa 17:51), “đâm thấu” có nghĩa luôn đâm xuyên qua.

Trong suốt đời sống và chức vụ của Chúa, Ma-ri thực sự từng trải càng lúc càng nhiều hơn về sự buồn rầu cho đến một ngày khi bà đứng bên thập tự giá để chứng

kiến Chúa chịu đau đớn và tắt hơi (Gi 19:25-27). Chúng ta không đánh giá thấp sự dẫn thân của Ma-ri, nhưng nỗi đau riêng của bà không thể góp phần gì trong công tác cứu chuộc của Đấng Christ. Chỉ mình Ngài mới có thể chết thay cho tội lỗi của thế gian (ITi 2:5-6).

Ma-ri và Giô-sép hiểu được kế hoạch vĩ đại của Đức Chúa Trời đối với Con Trẻ kỳ diệu này ở mức độ nào? Chúng ta không thể biết được, nhưng chắc chắn ta biết Ma-ri ghi nhớ mọi điều và suy nghĩ trong lòng (Lu 2:19,51). Ma-ri tìm kiếm một khuôn thước nào đó hầu có thể giúp bà hiểu ý muốn Đức Chúa Trời. Đôi lúc bà không hiểu ý Ngài (Mac 3:31-35), nên càng thêm buồn rầu. Ma-ri được nhắc đến lần cuối cùng trong Kinh Thánh khi bà ở Phòng Cao cầu nguyện với các tín hữu khác (Cong 1:14).

An-ne (Lu 2:36-38). Tên bà nghĩa là “ân điển”, bà là một goá phụ cao tuổi có đời sống tin kính. Trong Phúc Âm Lu-ca có 43 chi tiết nói về phụ nữ và có 3 goá phụ được nhắc đến trong số 12 goá phụ trong Kinh Thánh (Lu 2:36-40 7:11-15 21:1-4 18:1-8). Hiểu được tấm lòng của một thầy thuốc qua cách trình bày của Lu-ca thật không khó!

Thời ấy, các goá phụ chẳng được sống bình yên. Họ thường bị quên lãng, bị hà hiếp mặc dù đây là vấn đề có trong điều răn của luật pháp (Exe 22:25 Phu 10:17-18 14:29 Es 1:17). An-ne dâng mình hầu việc Đức Chúa Trời, kiêng ăn và cầu nguyện. Bà rời khỏi đại tộc và A-se, ở luôn trong đền thờ, chờ đợi Đấng Mê-si-a của lời hứa Đức Chúa Trời (ITi 5:3-16). Đức Chúa Trời định thời gian luôn hoàn hảo chính xác. An-ne chợt đến vừa khi Si-mê-ôn ngợi khen Chúa về Con Trẻ Giê-xu, nên bà cũng dự phần vào bài ca! Ôi, tôi thích được nghe những vị cao tuổi này hát ngợi khen Chúa trong đền thờ biết bao! Sự ngợi khen của họ được Thánh Linh cảm động và được Đức Chúa Trời hài lòng. Không chỉ ngợi khen, An-ne còn loan tin mừng này cho những người tin kính khác đang đợi trông sự cứu chuộc của Y-sơ-ra-ên. Niềm hoan hỉ bắt đầu lan rộng khi ngày càng có nhiều người nghe Phúc Âm.

An-ne là nữ tiên tri, bà được sự ban cho đặc biệt để rao truyền và giải nghĩa thông điệp từ Đức Chúa Trời. Trong Kinh Thánh cũng có các nữ tiên tri khác như: Mi-ri-am (Xu 15:20), Đê-bô-ra (Cac 4:4) Hun-đa (IIVua 22:14) Nô-a-đa (Ne 6:14), vợ của Ê-sai (Es 8:3). Nhà truyền giáo Phi-líp cũng có 4 người con gái là nữ tiên tri (Cong 21:8-9).

3. Thời niên thiếu (Lu 2:39-52)

Sau khi làm trọn mọi điều của luật pháp. Ma-ri và Giô-sép trở về Na-xa-rét là quê hương của Chúa Giê-xu cho đến khi Ngài bắt đầu thi hành chức vụ. Có nhiều người Do Thái cũng mang tên Giê-xu (Giô-suê) nên Chúa Giê-xu được biết như “Đức Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét” (Cong 2:22). Môn đồ của Chúa Giê-xu được gọi là nhóm “người Na-xa-rét” (Cong 24:5 Mat 2:23). Kẻ thù Ngài đã nhạo báng tên Ngài và thậm chí quan toà Phi-lát đã cho treo tên Ngài trên thập tự (Mat 27:37). Tuy vậy, Chúa Giê-xu không hổ thẹn dùng tên này khi Ngài từ trời phán xuống cho Sau-lo (Phao-lô) (Cong 22:8). Chúa Giê-xu Christ đã cất lên tận thiên đàng và làm vinh hiển điều con người cho là thấp hèn!

Chúa Giê-xu đã làm gì suốt những năm tháng ẩn dật tại Na-xa-rét. Bác sĩ Lu-ca thuật lại rằng cậu bé Giê-xu này đã phát triển về thể chất, trí tuệ, tâm linh, cách ứng xử (Lu 2:40-52). Khi hiện thân làm người, Con Đức Chúa Trời đã từ bỏ mọi quyền hạn của Ngài để đầu phục Cha trên trời cách trọn vẹn (Phi 2:1-11). Có những lẽ màu nhiệm

sâu xa ở đây không ai có thể hiểu hoặc giải thích đầy đủ được, chúng ta chỉ có thể đón nhận bằng đức tin mà thôi.

Trong hình hài một cậu bé, Chúa Giê-xu không thực hiện bất kỳ phép lạ nào. Phép lạ đầu tiên Ngài làm là hoá nước thành rượu (Gi 2:1-11). Ngài lao động cùng với Giô-sép trong trại mộc (Mat 13:55 Mac 6:3) và vẫn tiếp tục công việc sau khi Giô-sép qua đời. Trong những năm tháng đó, Ma-ri và Giô-sép đã có với nhau những người con khác (Mat 13:55-56 Gi 7:1-10), vì “cho đến khi” trong Mat 1:25 chứng tỏ rằng đôi vợ chồng này đương nhiên đã có những quan hệ thể xác bình thường.

Phúc Âm Lu-ca chỉ cho ta một câu chuyện về những năm thiếu thời của Chúa Giê-xu. Giô-sép và Ma-ri là những người Do Thái mộ đạo, luôn dự lễ Vượt Qua hằng năm ở Giê-ru-sa-lem. Người nam Do Thái được đòi hỏi phải đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời 3 lần trong năm (Phu 16:6), nhưng không phải mọi người đều đủ chi phí để đi đến đó. Nếu phải chọn một lễ thờ phượng, họ thường chọn lễ Vượt Qua là lễ quan trọng nhất theo lịch Do Thái.

Người ta đi dự các lễ thờ phượng này theo từng nhóm, phụ nữ và trẻ con đi trước, đàn ông và thanh niên theo sau. Bà con cùng cả làng đi chung và trông chừng bọn trẻ cho nhau. Ở tuổi 12, cậu bé Giê-xu dễ dàng tách khỏi nhóm người này để đi với nhóm khác, vẫn không bị lạc. Giô-sép tưởng cậu bé Giê-xu đi với Ma-ri và những trẻ em khác trong lúc Ma-ri lại cho rằng Ngài đi với Giô-sép và những người đàn ông khác, hoặc với một người bà con.

Họ từ Giê-ru-sa-lem trở về được một ngày đường mới hay Chúa Giê-xu vắng mặt. Họ phải mất một ngày đường trở lại Giê-ru-sa-lem và một ngày nữa mới tìm gặp Ngài. Suốt 3 ngày này, Ma-ri và Giô-sép rất “buồn bực” (Lu 2:48 “khó nhọc”). Điều này cũng được mô tả qua sự lo lắng của Pha-ô-lô đối với dân Y-sơ-ra-ên hư mất (Ro 9:2) cũng như nỗi khốn khổ của những linh hồn hư mất nơi Âm phủ (Lu 16:24-25).

Chúng ta lưu ý thấy cách diễn đạt của Lu-ca trong Lu 2:43 “Giô-sép và mẹ Ngài” mang ý nghĩa sự giáng sinh đồng trình trong lúc cách diễn đạt “cha con và mẹ” trong Lu 2:48 cho thấy Giô-sép được chấp nhận như cha pháp lý của Chúa Giê-xu. Nếu dùng Lu 2:48 để bác bỏ sự Giáng sinh đồng trình của Ngài thì thật là một sự suy diễn quá đáng!

Chúa Giê-xu có ở trong đền thờ trọn thời gian ấy hay không, chúng ta không thể biết. Hẳn ở đó rất an toàn vì Cha trên trời luôn bảo vệ Ngài. Chúng ta thấy khi Giô-sép và Ma-ri gặp được Ngài, Ngài đang ở giữa mấy thầy thông thái để lắng nghe và hỏi. Các thầy đều ngạc nhiên về sự khôn ngoan đối đáp của cậu bé Giê-xu.

Lời trách yêu của Ma-ri được cậu bé Giê-xu đáp lại với vẻ kính trọng lẫn ngạc nhiên: “Cha mẹ kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao?” (Lu 2:49). Chúa Giê-xu đã khẳng định chức phận làm Con thiêng thượng và nhiệm vụ Ngài phải làm theo ý Cha trên trời.

Từ “phải” thường được Chúa chúng ta sử dụng: “Ta phải rao Tin Lành” (Lu 4:43) “Con người phải chịu nhiều điều khốn khổ” (9:22) “Con người phải bị treo lên Gi 3:14. Ngay cả ở tuổi 12 Chúa Giê-xu đã được thúc đẩy bởi sự ràng buộc thiên thượng để thực hiện ý Cha.

Vì Chúa Giê-xu “khôn ngoan càng thêm” (Lu 2:52), chúng ta không biết lúc ấy Ngài hiểu được kế hoạch kỳ diệu của Đức Chúa Trời ở mức độ ra sao. Đừng cho rằng ở tuổi

12 Chúa Giê-xu có thể thông suốt mọi sự. Nhưng chắc chắn rằng Ngài đã lớn lên trong sự thông hiểu những lẽ mầu nhiệm ấy khi giao thông với cha trên trời và được Đức Thánh Linh dạy dỗ.

Dĩ nhiên, Ma-ri và Giô-sép không hiểu gì cả! Đây là một phần nỗi đau do “thanh gươm” Si-mê-ôn đã nói trước (Lu 2:35), và chắc chắn nỗi đau ấy sẽ tiếp diễn khi cậu bé Giê-xu trưởng thành. Những năm sau, suốt thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ, gia đình đã không hiểu Ngài (Lu 8:19-21 Gi 7:1-5).

Chúa Giê-xu - Ngài là một tấm gương tuyệt diệu cho người trẻ tuổi noi theo. Ngài lớn lên trong sự phát triển toàn diện (Lu 2:52), không hề xao lãng bất cứ nhiệm vụ gì trong đời sống. Điều ưu tiên của Ngài là làm theo ý muốn Cha trên trời (Mat 6:33). Ngài biết lắng nghe (Lu 2:46) và đặt câu hỏi chính đáng. Ngài học cách lao động và vâng phục cha mẹ.

Cậu bé Giê-xu đã lớn lên trong một gia đình đông con, ở một thành thấp hèn, được nuôi dưỡng bởi nhưng thân nghèo khó. Do Thái giáo ở thời kỳ nguội lạnh, chính quyền La Mã cai trị trong xứ, xã hội đầy đau khổ lọc lừa. Dầu vậy, khi Ngài rời Na-xa-rét 18 năm sau đó, Cha trên trời đã có thể phán về Ngài: “Người là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường” (Lu 3:22).

Nguyện Cha trên trời cũng có thể nói với chúng ta như thế.

3. ĐÂY LÀ CON CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Lu 3:1-4:44)

Napoleon Bonaparte nói rằng: “Nếu Socrates bước vào phòng này, chúng ta phải đứng dậy bày tỏ sự tôn trọng đối với ông. Nhưng nếu Chúa Giê-xu bước vào, ta phải sấp mình xuống thờ lạy Ngài”.

Bác sĩ Lu-ca hẳn cũng đồng tình với viên tướng người Pháp nổi tiếng này, vì ở hai đoạn đầu của Phúc Âm ông chứng tỏ Chúa Giê-xu Christ ở Na-xa-rét thực sự là Con Đức Chúa Trời. Hãy để ý đến những chứng nhân ông đưa ra, tất cả những người này đều tuyên bố rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời.

1. Giảng Báp-tít (Lu 3:1-20)

Giảng Báp-tít xuất hiện khi nào. Giảng Báp-tít xuất hiện sau thời gian 400 năm dân Y-sơ-ra-ên không được nghe lời tiên tri nào (Lu 3:1-2). Sự hiện diện của ông nằm trong tính toán hoàn hảo của Đức Chúa Trời, vì mọi sự có liên quan đến Con Đức Chúa Trời luôn đúng ngày giờ. (Ga 4:4 Gi 2:4 13:1). Năm thứ 15 đời Sê-sa Ti-bê-rơ là năm 28 hoặc 29 SC.

Trong 3:1-2 Lu-ca nhắc đến 7 người: Sê-sa, quan tổng đốc, 3 vua chư hầu và 2 thầy tế lễ cả thượng phẩm. Không ai trong số họ nhận được Lời phán Đức Chúa Trời. Trái lại, thông điệp của Đức Chúa Trời đã đến với Giảng Báp-tít, một tiên tri Do Thái khiêm nhường!

Giảng Báp-tít xuất hiện thế nào. Giảng cũng giống như tiên tri Ê-li về phong cách và y phục (Lu 1:17 Mat 3:4 IIVua 1:8), ông đi qua miền cận sông Giô-đanh, giảng dạy và làm phép báp-tem cho mọi người. Ông rao giảng về sự đến của Nước Trời (Mat 3:3 và giục lòng mọi người ăn năn. Hằng thế kỷ trước dân Y-sơ-ra-ên đã vượt qua sông Giô-đanh để nhận miền đất hứa. Giờ đây Đức Chúa Trời kêu gọi họ ăn năn tội lỗi để bước vào Vương quốc thuộc linh của Ngài.

Cần nhớ rằng ngoài việc giảng dạy về kháng tội lỗi Giăng cũng rao truyền Phúc Âm. Giăng tuyên bố Chúa Giê-xu là “Chiên Con Đấng Chúa Trời” (Gi 1:29) và kêu gọi mọi người tin nhận Ngài. Giăng chỉ là người phù rể trong “tiệc cưới”, còn Chúa Giê-xu mới chính là “Chàng Rể” (Gi 3:25-30). Giăng vui mừng vì có cơ hội giới thiệu mọi người cho Đấng Christ và rời lui vào hậu trường.

Điểm đặc biệt trong chức vụ của Giăng là làm phép báp-tem (Gi 1:25-28 Lu 20:1-8). Phép báp-tem chẳng có gì lạ đối với người dân Do Thái, bởi người Do Thái vẫn làm báp-tem cho người ngoại cải đạo. Nhưng Giăng lại làm báp-tem cho chính người Do Thái, thật là điều không bình thường! Cong 19:1-5 giải thích rằng phép báp-tem của Giăng hướng về sự đến của Đấng Mê-si-a, còn phép báp-tem của Cơ Đốc quay lại với công tác cứu chuộc đã hoàn tất của Đấng Christ.

Tuy nhiên, có điều còn vượt hơn phép báp-tem của Giăng. Đó là phép báp-tem mà Đấng Christ sẽ thực hiện (Lu 3:16). Ngài sẽ làm phép báp-tem cho người tin nhận bằng Thánh Linh, và điều này được bắt đầu vào ngày Lễ Ngũ tuần (Cong 1:5 2:1-4). Hôm nay, khi một tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu, người ấy sẽ được báp-tem bởi Đức Thánh Linh để hiệp làm một thân trong Đấng Christ (ICo 12:13).

“Báp-tem bằng lửa là gì? Đó chẳng phải là những “lưỡi lửa” ở lễ Ngũ tuần, vì lưỡi lửa qua đầu người không thể được gọi là một phép báp-tem. Dấu hiệu “lửa” Giăng sử dụng trong Lu 3:9,17 cho thấy ông muốn nói về sự đoán phạt chứ không phải là phước hạnh. Vào năm 70 SC, dân tộc này đã ném trái một báp-tem bằng lửa khi hoàng đế Titus và quân đội La Mã dày xéo Giê-ru-sa-lem, làm mọi người bị tan lạc. Tất cả những kẻ vô tín cũng sẽ ném mùi báp-tem của sự đoán phạt trong hồ lửa đời đời (Kh 20:11-16).

Tại sao Giăng Báp-tít xuất hiện (Lu 3:4-20). Những minh họa trong đoạn này sẽ giúp ta hiểu chức vụ Đức Chúa Trời giao phó cho Giăng.

Khởi đầu chức vụ, Giăng Báp-tít là “tiếng kêu la trong đồng vắng” (Lu 3:4 Es 40:1-5 Gi 1:23). Ông giống như sứ giả đi trước đoàn diễu hành của Hoàng gia để dọn đường tiếp đón nhà vua. Về thuộc linh, dân Y-sơ-ra-ên đang sống trong “đồng vắng” của sự vô tín, những con đường dẫn đến lễ thật thuộc linh đã bị cong queo và xuống cấp, sự sa ngã của chức tế lễ (thay vì chỉ có một thầy tế lễ cả, vậy mà đã có 2 thầy tế lễ cả), sự giả hình về pháp luật của các học giả tôn giáo và người Pha-ri-si đã làm suy yếu thuộc linh của dân tộc này. Họ thực sự cần được nghe tiếng nói từ Đức Chúa Trời và Giăng chính là tiếng nói đáng tin cậy ấy.

Nhiệm vụ của Giăng là dọn lòng người tiếp Đấng Christ và bày tỏ cho họ về Ngài (Lu 1:16-17,76,77 Gi 1:6-8,15-34). Ông khiển trách tội lỗi và rao truyền sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, vì nếu không có sự nhận biết về tội lỗi, sẽ không có sự hối cải.

Giăng cũng được so sánh với người nông dân đốn chặt những cây vô dụng (Lu 3:9) và tách lúa mì khỏi trấu (Lu 3:17). Giống như những tội nhân thuộc linh hôm nay, nhiều người Do Thái nghĩ rằng họ được định sẵn ở thiên đàng đơn giản chỉ vì họ là con cháu Áp-ra-ham (Gi 8:31-34 Ro 4:12-17 Ga 3:26-29). Giăng nhắc nhở họ rằng Đức Chúa Trời xét mọi sự đến tận gốc, và không khoan nhượng với kẻ chỉ mang danh nghĩa tôn giáo chứ không hề sanh trái tốt. Trong kỳ phán xét cuối cùng, người tin Chúa thật (lúa mì) sẽ được Đức Chúa Trời nhóm lại, còn tội nhân hư mất (trấu) sẽ bị đốt nơi hồ lửa.

Trong Lu 3:7, Giăng mô tả những tội nhân công bình riêng như loài rắn trườn ra khỏi đám cỏ vì có một ngọn lửa đang đến gần. Chúa Giê-xu cũng từng so sánh người Pha-ri-si với loài rắn lục (Mat 23:33), vì sự công bình riêng và lòng vô tín đã khiến họ trở thành con cái ma quỷ (Gi 8:44-45 Kh 20:2). Bị thắm thay, những người lãnh đạo tôn giáo đã từ chối thông điệp của Giăng và không muốn chấp nhận phép báp-tem của Giăng (Lu 20:1-8). Không những họ không được hưởng thiên đàng mà còn làm gương xấu và dạy dỗ người ta sai lẽ thật, ngăn trở kẻ khóc bước vào thiên đàng.

Giăng Báp-tít cũng là một người thầy (Lu 3:12). Ông không chỉ giảng đạo trước công chúng, mà còn có một nhiệm vụ riêng đối với dân tộc, cho họ biết cách bày tỏ niềm tin (Lu 3:10-14). Ông khuyên họ đừng ích kỷ nhưng phải chia sẻ phước hạnh với người khác (Cong 2:44-45 4:32-37).

Cả những người thu thuế cũng đến với Giăng để được khuyên nhủ. Họ bị những người Do Thái khinh ghét vì họ làm việc cho người La Mã và thường “mời” tiền dân chúng. Lu-ca nhấn mạnh vấn đề Chúa Giê-xu làm bạn với những người thu thuế (Lu 5:27 15:1-2 19:1-10). Giăng không khuyên họ phải chấm dứt công việc, nhưng khuyên họ phải làm việc cách lương thiện.

Tương tự như vậy, quân lính cũng không bị lên án bởi nghề nghiệp của họ. Hơn thế, Giăng khuyên họ phải tự kiềm chế, không dùng quyền hạn mình có để tư lợi. Có lẽ họ là những quân nhân Do Thái có sự gắn bó với đền thờ hoặc với toà án của một trong những quan cai trị Do Thái. Dường như lính La Mã không bao giờ học hỏi ở một tiên tri Do Thái để được sự khuyên răn!

Giăng trung tín trong chức vụ mình, dọn lòng người và cho họ biết về Đấng Christ. Ông khẳng định Giê-xu là “Chúa” (Lu 3:4) và là Con Đức Chúa Trời (Gi 1:34). Do đã can gián vua Hê-rốt về việc quan hệ với Hê-rô-đi-a, ông đã bị vua cầm tù và cuối cùng bị xử trảm. Dầu vậy, ông đã trung tín hoàn tất nhiệm mạng Đức Chúa Trời giao phó và đã dọn lòng người gặp Đấng Christ - Con Đức Chúa Trời.

2. Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh (Lu 3:21-38)

Ngày kia, sau khi mọi người đã chịu báp-tem, Chúa Giê-xu cũng đến sông Giô-đanh để chịu báp-tem. Lúc đầu, Giăng chối từ (Mat 3:13-15), bởi ông biết rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là Con của Đức Chúa Trời không cần ăn năn tội lỗi. Vậy tại sao Con thánh khiết của Đức Chúa Trời lại chịu báp-tem?

Trước tiên, Chúa Giê-xu đồng nhất hoá với tội nhân bằng phép báp-tem hầu có thể cứu họ. Phép báp-tem này cũng là sự khởi đầu chức vụ Ngài (Cong 1:21-22 10:37-38). Lúc ấy Ngài khoảng 30 tuổi (Lu 3:23), giống như những người Do Thái dòng Lê-vi bắt đầu chức vụ họ ở tuổi 30 (Dan 4:3,35). Lời Chúa cho ta biết lý do chính Chúa Giê-xu chịu báp-tem “vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy” (Mat 3:15). Phép báp-tem ấy được thực hiện thế nào? Nó được mô tả qua phép báp-tem trong Nước Chúa Giê-xu chịu tại sông Giô-đanh. Nhiều học giả Kinh Thánh đã thừa nhận rằng phép báp-tem theo Tân Ước được thực hiện bởi sự ngâm mình toàn thân trong nước. Đó là hình ảnh về sự chết, chôn và sống lại. Phép báp-tem Chúa Giê-xu chịu trong nước là hình ảnh về công tác cứu chuộc của Ngài (Lu 12:50 Mat 20:22). Chính bởi phép báp-tem của sự đau đớn trên thập tự giá, Đức Chúa Trời đã “làm cho trọn mọi việc công bình”. (Từ “chúng ta” trong Mat 3:15 không có nghĩa là Chúa Giê-xu và Giăng. “Chúng ta” ý muốn nói đến Đức Chúa Cha, Con và Đức Thánh Linh).

Khi Chúa Giê-xu lên khỏi mặt nước, Đức Chúa Cha từ trời phán xuống và nhận Chúa Giê-xu là Con yêu dấu của Ngài. Đức Thánh Linh hiện đến với Chúa Giê-xu trong hình dạng chim bồ câu. Những ai phủ nhận Chúa Ba Ngôi thật khó lòng giải nghĩa được sự kiện này.

Đây là lần đầu tiên trong 3 sự kiện được ghi lại khi Đức Chúa Cha từ trời phán xuống. Lần thứ hai xảy ra khi Chúa Giê-xu hoá hình (Lu 9:28-36) và lần thứ 3 xảy ra vào tuần lễ cuối cùng trước khi Chúa Giê-xu lên thập tự (Gi 12:28).

Lu-ca là người duy nhất đề cập đến việc Chúa Giê-xu đang cầu nguyện và đây chỉ là một trong nhiều lần cầu nguyện khác (Lu 5:16 6:12 9:18,28,29 11:1 23:34,46). Là Con người toàn vẹn. Chúa Giê-xu phụ thuộc vào Cha trên trời để đáp ứng các nhu cầu của Ngài. Đó chính là lý do Ngài cầu nguyện.

Lu-ca tạm dùng câu chuyện ở đây và cho chúng ta biết về gia phổ Chúa Giê-xu. Theo Ma-thi-ơ, gia phổ này (Mat 1:1-17) được bắt đầu từ Áp-ra-ham đến Chúa Giê-xu, còn Lu-ca lại bắt đầu gia phổ từ Chúa Giê-xu ngược về A-đam. Ma-thi-ơ nói về gia phổ của Giô-sép, là cha nuôi theo luật pháp của Chúa Giê-xu. Lu-ca lại nói về gia phổ của Ma-ri, mẹ Ngài. Câu 23 có thể được giải thích: Khi Chúa bắt đầu chức vụ, Ngài độ 30 tuổi, là con Giô-sép. Giô-sép là con Hê-li, Hê-li là tổ tiên của Ma-ri. Ma-ri không được chú ý đến vì phụ nữ không được kể tên trong các gia phổ chính thức, mặc dù Ma-thi-ơ đã kể ra 4 người (Lu 1:3,5,16).

Khi kể gia phổ ở đoạn này, Lu-ca muốn nhắc người đọc nhớ rằng Con Đức Chúa Trời cũng là Con người, được sinh ra trên thế gian và có những nhu cầu, nan đề của con người. Vì Giô-sép và Ma-ri thuộc dòng Đa-vít nên những gia phổ này chứng minh rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét có quyền hợp pháp nối ngôi Đa-vít (Lu 1:32-33).

3. Sa-tan (Lu 4:1-13)

Cả kẻ thù cũng thừa nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. “Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời” (Lu 4:3,9) - không phải là một giả định, nhưng là một sự xác nhận. Câu ấy có nghĩa “vì sự kiện ngươi là Con Đức Chúa Trời”. Sa-tan biện luận “Sao ngươi lại đói? Ngươi có thể biến đá thành bánh kia mà!” Sa-tan muốn Chúa Giê-xu bất tuân ý muốn Cha trên trời bằng cách cậy quyền năng mình để làm theo ý riêng.

Vì sao Chúa Giê-xu chịu cám dỗ? Một lý do đó là Cha trên trời hài lòng về Ngài (Lu 3:22). Ngài thực sự là Con yêu dấu luôn làm đẹp lòng Cha (Gi 8:29). Qua sự cám dỗ, Ngài cũng vạch trần mưu chước kẻ thù và dạy chúng ta cách đắc thắng khi bị cám dỗ. Từng trải này giúp Chúa chúng ta chuẩn bị cho chức vụ hiện tại. Ngài là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm hay thương xót của chúng ta, hầu cho ta có thể đến với Ngài và cầu xin sự giúp đỡ khi cần để chiến thắng cám dỗ (He 2:16-18 4:14-16). A-đam đầu tiên bị cám dỗ trong khu vườn xinh đẹp và đã thất bại. Nhưng A-đam sau cùng bị cám dỗ trong đồng vắng hiểm trở đã chiến thắng (Mac 1:13).

Hôm nay chúng đang sẵn có nguồn sức mạnh thuộc linh Chúa Giê-xu từng sử dụng khi Ngài đương đầu và đánh bại Sa-tan, đó là: sự cầu nguyện (Lu 3:21), tình yêu của Cha trên trời (3:22), quyền năng Đức Thánh Linh (4:1) và Lời Đức Chúa Trời (“vì có chép rằng...”). Hơn nữa, chúng ta còn có Đấng Christ đang cầu thay cho ta nơi Thiên đàng, Ngài từng đánh bại hoàn toàn kẻ thù. Sa-tan cám dỗ chúng ta làm điều tồi tệ nhất, nhưng Đức Chúa Trời có thể dùng những hoàn cảnh khó khăn này để đem đến cho chúng ta điều tốt đẹp nhất. Cám dỗ là vũ khí Sa-tan dùng để đánh bại chúng ta,

nhưng nó cũng có thể trở thành công cụ để Đức Chúa Trời gây dựng chúng ta (Gia 1:1-8,13-17).

Trong lời cám dỗ đầu tiên, Sa-tan cho rằng có điều gì đó không ổn đối với tình yêu của Cha trên trời, vì “Con yêu dấu” của Ngài đang bị đói! Trong những năm tháng dân Y-sơ-ra-ên bị đói trong đồng vắng, Đức Chúa Trời đã ban bánh từ trời cho họ. Như vậy, chắc chắn Chúa Giê-xu cũng có thể dùng quyền phép của chính Ngài để nuôi và cứu sống Ngài. Sa-tan khôn khéo sử dụng phương cách nó từng nói với Ê-va khi xưa: “Đức Chúa Trời đang giấu ngươi điều gì! Tại sao ngươi không thể ăn mọi cây trong vườn? Nếu Ngài thực sự yêu ngươi, Ngài hẳn sẽ chia sẻ mọi điều với ngươi!”

Sự cám dỗ lần này còn tinh vi hơn cả sự cám dỗ Ê-va khi xưa, bởi Sa-tan muốn Chúa Giê-xu phân cách thuộc thể khỏi thuộc linh. Trong đời sống Cơ Đốc nhân, ăn cũng là một hành động thuộc linh, chúng ta có thể ngợi khen Đức Chúa Trời qua thức ăn hằng ngày (ICo 10:31 Ro 14:20-21). Những khi ta xếp loại cho từng lãnh vực khác nhau của đời sống mình bằng các nhãn hiệu “thể chất”, “vật chất”, “tài chánh”, hoặc “thuộc linh”, chắc chắn ta đã đặt Chúa ra ngoài những lãnh vực đứng ra phải thuộc về Ngài. Đấng Christ phải là đầu mọi sự, nếu không Ngài chỉ là vô nghĩa (Mat 6:33). Thà bị đói trong ý muốn Đức Chúa Trời còn hơn thoả mãn theo ý riêng!

Khi Chúa chúng ta trích dẫn Phu 8:3, Ngài nhấn mạnh từ “loài người”. Là Con Đức Chúa Trời hằng sống, Ngài có quyền làm mọi sự. Nhưng vì là Con Người khiêm nhường, Ngài chỉ có quyền làm điều Cha trên trời muốn (xem kỹ Gi 5:17,30 8:28 10:17-18 15:10,15). Là “tôi tớ”, Chúa Giê-xu không sử dụng thần tính để đạt những mục đích tự kỷ (Phi 2:5-8). Vì là con người, Ngài cũng biết đói, nhưng Ngài tin Cha trên trời có thể đáp ứng nhu cầu Ngài theo giờ Cha định và theo cách riêng của Chúa.

Bạn và tôi cũng cần bánh cho thân thể mình (Mat 6:11), nhưng ta đừng sống chỉ nhờ bánh thuộc thể không thôi, ta cũng cần lương thực cho “con người bên trong” để đáp ứng nhu cầu tâm linh của mình. Lương thực ấy chính là Lời Đức Chúa Trời (Gie 15:16 Thi 119:103 IPhi 2:2). Sự tiêu hoá dành cho thân thể, nhưng sự suy gẫm dành cho linh hồn. Khi ta đọc Lời Đức Chúa Trời và suy gẫm lời ấy, ta sẽ nhận được “sức khoẻ thuộc linh” và sức mạnh cho “con người bên trong” hầu có thể vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời.

Chúng ta không rõ vì sao Lu-ca thay đổi thứ tự giữa lần cám dỗ thứ hai và thứ ba, nhưng vì ông không tuyên bố những sự kiện này được viết theo thứ tự, nên ông không hề mâu thuẫn với Mat 4:1-11. Những từ “bèn”, “lại” (Mat 4:5,8) cho thấy thứ tự cám dỗ theo sách Ma-thi-ơ là đúng. Dường như trong thứ tự cám dỗ của sách Lu-ca, có một ý tương tự với ý của IGi 2:16 sự mê tham của xác thịt (đá thành bánh), mê tham của mắt (các nước thế gian và sự vinh hiển) và sự kiêu ngạo của đời (gieo mình xuống từ nóc đền thờ). Tuy nhiên, cũng không có gì chắc chắn Lu-ca có ý như vậy.

Cha trên trời hứa ban cho Con mọi nước trên thế gian (Thi 2:7-8) nhưng trước tiên Con phải chịu đau đớn và chết (Gi 12:23-33 Kh 5:8-10). Sự thương khó phải đi trước sự vinh hiển (Lu 24:25-27). Kẻ thù lại hứa cho Ngài các nước thế gian này nếu Ngài quỳ lạy nó, điều này sẽ ngăn trở Ngài bước lên thập tự giá (Mat 16:21-23). Sa-tan lúc nào cũng muốn chiếm vị trí Đức Chúa Trời để được kẻ khác thờ phượng (Es 14:13-14).

Là vua thế gian này, Sa-tan hiện có một số quyền lực được Đức Chúa Trời cho phép (Gi 12:31 14:30). Sẽ có một ngày nó sẽ chia sẻ quyền lực mình với Antichrist là kẻ cai trị thế giới trong một thời kỳ ngắn (Kh 13:1-18). Điều Sa-tan hứa ban cho Chúa Giê-xu là điều có giá trị, nhưng điều kiện của nó không thể chấp nhận được, và Đấng Christ đã chối từ.

Một lần nữa, Chúa Giê-xu lại trích dẫn Lời Đức Chúa Trời trong Phu 6:13. Sa-tan chẳng nói gì về sự hầu việc, nhưng Chúa Giê-xu biết rằng khi chúng ta thờ phượng điều gì, chúng ta sẽ hầu việc cho điều đó. Hầu việc Chúa là tự do thật, nhưng hầu việc Sa-tan là xiềng xích kinh khiếp. Khuôn mẫu của Đức Chúa Trời là: bắt đầu bằng sự đau đớn trong lúc khuôn mẫu của Sa-tan khởi đầu bằng sự vinh hiển và kết thúc bằng vinh hiển và kết thúc bằng sự đau đớn. Sa-tan muốn chúng ta đánh đổi giá trị đời đời để nhận lấy sự tạm bợ và chọn “con đường dễ đi”

Trong đời sống Cơ Đốc nhân, không có “con đường tắt”, cũng không có phương cách dễ dàng để đạt chiến thắng và trưởng thành về thuộc linh. Nếu Con toàn vẹn của Đức Chúa Trời còn phải treo thân trên thập tự trước khi Ngài có thể ngự ngôi vinh hiển, vậy môn đệ Ngài đừng mong một lối sống dễ dàng hơn thế! (Lu 9:22-26 Cong 24:22).

Sa-tan muốn chất vấn tình yêu của Đức Chúa Cha khi nó cám dỗ Chúa Giê-xu hoá đá thành bánh. Nó chất vấn sự hy vọng của Chúa Giê-xu khi hứa hiển cho Ngài cái vương quốc trần gian phía bên này thập tự giá (He 12:1-3). Sa-tan đặt vấn đề về sự thành tín của Đức Chúa Cha khi cám dỗ Chúa Giê-xu gieo mình từ nóc đền thờ xuống để chứng minh rằng Cha sẽ giữ lời hứa (Thi 91:11-12). Do đó, kẻ thù đã tấn công vào ba đức tính cơ bản của đời sống Cơ Đốc nhân: đức tin, hi vọng, tình yêu thương.

Nóc đền thờ có thể là đỉnh cao ở phía Đông Nam đền thờ, phía trên trũng Kidron. Sa-tan có thể cám dỗ chúng ta ngay trong “Thành Thánh” ở nơi cao nhất của đền thánh! Theo gương Chúa Giê-xu, Sa-tan cũng quyết định trưng dẫn Kinh Thánh, nó chọn Thi 91:11-12. Dĩ nhiên nó đã trưng dẫn sai lời hứa và hơn thế còn cắt đi nhóm từ “trong các đường lối người”.

Khi một con cái Chúa sống theo ý muốn Đức Chúa Trời, người ấy có thể biết chắc sự bảo vệ và chăm sóc của Cha trên trời. Nhưng nếu người ấy cố tình chọn lấy những khó khăn rồi trông chờ Đức Chúa Trời giải cứu, vậy có nghĩa là người ấy đang thử Đức Chúa Trời (Xu 17:1-7). Chúng ta thử Đức Chúa Trời khi “buộc” Ngài phải hành động ngược lại với Lời Ngài. Thật nguy hiểm thay khi thử sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời, dù Ngài thực sự là Đấng nhẫn nhục và nhân từ!

Chúa Giê-xu trả lời: “Cũng có lời chép rằng:...” (Mac 4:7) Ngài trưng dẫn Phu 6:16 Ngài cân nhắc giữa Lời Kinh Thánh này với lời Kinh Thánh khác để bày tỏ rõ ràng ý muốn Đức Chúa Trời. Nếu bạn tách các câu Kinh Thánh khỏi ngữ cảnh của nó, hoặc các phân đoạn khỏi sự mạch lạc chung của Kinh Thánh, bạn có thể chứng minh hầu hết bất cứ điều gì từ Kinh Thánh. Hầu hết các hệ phái sai lạc đều cho rằng đã dựa trên những những sự dạy dỗ của Kinh Thánh. Khi chúng ta làm tìm kiếm mạng linh bằng cách gộp nhặt các câu Kinh Thánh rải rác đây đó, nghĩa là chúng ta không sống bằng đức tin. Chúng ta chỉ đang sống bằng cơ hội và đang thử Chúa. “Phàm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi” (Ro 14:23), và “đức tin đến bởi” sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Ro 10:17).

Chúa ra khỏi đồng vắng với tư cách người chiến thắng, thế nhưng Sa-tan không chịu đầu hàng. Nó luôn tìm mọi cơ hội hòng cám dỗ Đấng Christ không làm theo ý Đức Chúa Cha. Andrew Bonar thật có lý khi nói rằng: “Chúng ta hãy cảnh giác sau chiến thắng cũng như trước chiến trận”!

4. Kinh Thánh (Lu 4:14-30)

Những sự kiện được ghi chép trong sách Gi 1:19-4:45 xảy ra ở thời điểm này nhưng Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca đã không ghi lại. Họ đi ngay vào chức vụ của Chúa ở Ga-li-lê, riêng Lu-ca đã tường thuật việc Chúa Giê-xu trở về quê hương Ngài ở Na-xa-rét. Giờ đây quyền năng của Giê-xu ở Na-xa-rét đã đồn ra cách rộng rãi. Gia đình, bạn hữu và người lân cận cũng nôn nóng muốn gặp để nghe tiếng Ngài.

Chúa Giê-xu có thói quen dự lễ thờ phượng chung. Tín hữu chúng ta hôm nay nên học theo thói quen tốt ấy (He 10:24,25). Ngài có thể biện luận rằng hoạt động tôn giáo đang xuống cấp, hoặc Ngài không cần ai chỉ dẫn. Nhưng Ngài không làm thế, vào ngày Sa-bát Ngài vẫn tìm đến nơi cầu nguyện.

Một buổi thờ phượng tiêu biểu ở nhà hội mở đầu bằng sự cầu xin ơn phước Đức Chúa Trời, sau đó đến phần đọc bài tín điều truyền thống Hê-bơ-rơ (Phu 6:4-9 11:13-21), cầu nguyện, phần đọc những đoạn quy định trong sách Luật Pháp và sách Các Tiên Tri. Người đọc sẽ dẫn giải Kinh Thánh Hê-bơ-rơ bằng tiếng Aram.

Tiếp theo là bài giảng luận ngắn do một do người trong hội chúng hoặc một ra-bi được mời (Cong 13:14-16). Nếu có mặt thầy tế lễ, buổi thờ phượng sẽ chấm dứt bằng lời chúc phước. Nếu không, một trong những thuộc viên sẽ cầu nguyện và buổi nhóm chấm dứt.

Chúa Giê-xu được yêu cầu đọc Kinh Thánh và giảng luận. Ngài đọc Es 61:1,2 và chọn đoạn này làm đầu đề cho bài giảng của Ngài. Đoạn Kinh Thánh này được các thầy dạy luật Do Thái giải thích có liên quan đến Đấng Mê-si-a và mọi người trong nhà hội đều biết. Bạn tưởng tượng xem họ bàng hoàng biết bao khi Chúa Giê-xu dạn dĩ tuyên bố rằng đoạn Kinh Thánh ấy được chép về Ngài, và Ngài phán rằng Ngài đến để đánh dấu “năm lành” của Chúa. Đây là “năm hân hỉ” được chép trong Le 25:1-12. Mỗi năm thứ bảy là năm Sa-bát của dân tộc, năm để cho đất được nghỉ. Năm thứ 50 (sau 7 kỳ năm Sa-bát) được biệt ra làm “Năm hân hỉ”. Mục đích chính của năm đặc biệt này là để điều chỉnh qui lệ kinh tế: tôi tớ được trả tự do để trở về quê quán mình, sản nghiệp bán đi sẽ được trả về cho nguyên chủ, mọi nợ nần được xoá. Đất bị bỏ hoá khi con người và súc vật, nghỉ ngơi và vui mừng trong Chúa.

Chúa Giê-xu đã áp dụng điều trên vào đời sống chức vụ Ngài không theo ý nghĩa chính trị hay kinh tế, nhưng theo ý nghĩa thuộc thể và thuộc linh. Ngài thực sự đem Phúc Âm của sự cứu rỗi đến cho tội nhân hư mất và cứu vớt những kẻ khốn khổ bị hà hiếp. Ngài đã giải phóng nhiều người khỏi bóng tối và xiềng xích của ma quỷ, bệnh tật. Thật vậy, đây chính là “một năm hân hỉ thuộc linh” đối với dân tộc Y-sơ-ra-ên!

Vấn đề ở đây chính là sự vô tín của những người nghe Ngài. Dưới mắt họ, Ngài chỉ là con Ma-ri và Giô-sép, một thanh niên đã lớn lên từ thành phố nơi họ ở. Hơn thế, họ muốn Chúa thực hiện ở Na-xa-rét những phép lạ Ngài từng thực hiện tại Ca-bê-na-um, nhưng Ngài từ chối. Đó là ý nghĩa của câu “Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lấy mình!”

Lúc đầu, họ ca ngợi cách dạy dỗ của Ngài, Nhưng không bao lâu lại trở mặt đối địch cùng Ngài. Vì sao? Bởi Ngài bắt đầu nhắc họ rằng ân điển Đức Chúa Trời cũng dành cho dân ngoại. Tiên tri Ê-li chẳng viếng thăm bất cứ goá phụ Do Thái nào nhưng chỉ giúp cho một goá phụ ngoại bang ở Si-đôn (IVua 17:8-16) và người thừa kế ông là Ê-li-sê đã chữa lành bệnh phong cho một người ngoại xứ Sy-ri (IIVua 5:1-15). Thông điệp ân điển từ Đức Chúa Trời là một đòn nặng giáng vào tính độc quyền cao ngạo của những người trong hội chúng Do Thái, nên họ không muốn ăn năn tội. Bạn hình dung xem, chính “Cậu bé” Giê-xu ngày nào của xứ sở này đang tuyên bố rằng dân Do Thái được cứu bởi ân điển giống như người ngoại.

Mọi người rất giận dữ, họ có ý định giết Ngài. Thánh Augustine nói rằng: “Họ thích lẽ thật khi nó làm rạn danh họ, nhưng họ căm ghét lẽ thật khi nó lên án họ!” Đó là suy nghĩ của nhiều người trong giáo hội hôm nay, họ chỉ muốn “các lời đầy ơn lành” (Lu 4:22) nhưng không muốn đối diện với lẽ thật (Gi 1:17).

Bất chấp sự vô tín của dân Na-xa-rét. Thánh Kinh tuyên bố rằng Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét là Con Đức Chúa Trời. Những ai không cần Ngài và khước từ “năm lành của Chúa” sẽ có một ngày phải đối diện với “ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta” (Es 61:2). Ý nghĩa thay khi Chúa Giê-xu ngưng đọc tại chính chỗ này!

5. Ma quỷ (Lu 4:31-44)

Chúa Giê-xu rời Na-xa-rét xuống thành Ca-bê-na-um (Mat 4:13-16), đây là quê quán của Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng. Ngài thường dạy dỗ trong nhà hội và khiến mọi người lấy làm lạ về sự dạy dỗ có quyền của Ngài (Mat 7:28,29). Họ càng ngạc nhiên hơn về quyền phép của Ngài đối với tà ma.

Sao một người bị tà ma ám có thể ngồi trong nhà hội? Người ấy không biết rằng Chúa cũng ở đó sao? Chúa không muốn ma quỷ làm chứng về Ngài, nên Ngài bảo nó yên lặng và đuổi nó ra khỏi người bệnh. Dĩ nhiên, ma quỷ biết Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (Lu 4:34,41) nên nó rất run sợ (Gia 2:19).

Sau đó, Ngài ra khỏi nhà hội, vào nhà Si-môn Phi-e-rơ. Tại đây Ngài đã chữa lành cơn rét của bà gia Si-môn. Mặt trời lặn là lúc ngày Sa-bát đã qua, nghĩa là có thể chữa bệnh được. Người ta đem đến nhà Phi-e-rơ nhiều kẻ đau bệnh để xin Chúa cứu chữa. Một lần nữa Ngài quở nặng ma quỷ, không cho nó tỏ Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Hắn Chúa rất mỏi mệt sau một ngày đầy ắp công việc, nhưng Ngài thức dậy rất sớm để cầu nguyện lúc tờ mờ sáng (Mac 1:35). Ngài có được sức mạnh và quyền năng trong chức vụ chính bởi sự cầu nguyện. Chúng ta cũng phải cầu nguyện như thế!

4. CHÚA GIÊ-XU ĐẮNG BIẾN ĐỐI MỌI SỰ (Lu 5:1-39)

Chúa Giê-xu luôn quan tâm đến từng con người. Dù dạy dỗ trước đám đông, nhưng thông điệp của Ngài cốt dành cho từng cá nhân, và Ngài cũng để thì giờ giúp đỡ họ cách riêng tư. Mục đích của Ngài là muốn biến đổi con người họ, hầu họ sẽ có thể ra đi chia sẻ thông điệp “tha thứ” của Ngài cho những người khác. Trong đoạn này, Lu-ca mô tả những cuộc gặp gỡ của Chúa với 4 nhân vật và những đổi thay họ kinh nghiệm được do tin cậy nơi Ngài.

1. Phi-e-rơ: Từ thất bại đến thành công (Lu 5:1-11)

Sự kiện này không giống với sự kiện mô tả trong Mat 4:18-22 và Mac 1:16-20. Theo hai sách đó, Phi-e-rơ và Anh-rê đang bận thả lưới. Nhưng theo sách Lu-ca, họ đã đánh cá cả đêm nhưng không được chi nên phải giặt lưới (nếu lưới không giặt và phơi khô, sẽ bị mục và rách). Chúa Giê-xu đã tuyển 4 người này trước đó và, họ đồng hành với Ngài đến Ca-bê-na-um và Ga-li-lê (Mac 1:21-39), nhưng rồi họ đã trở lại với nghề cũ. Giờ đây, Chúa muốn gọi họ dành trọn đời sống cho chức vụ môn đệ Ngài.

Có lẽ trong số môn đệ Chúa, có ít nhất 7 người làm nghề chài lưới (Gi 21:1-3). Bạn nên biết rằng những người đánh cá này nói chung có những phẩm chất khiến họ dễ thành công trong sự hầu việc Chúa. Can đảm, dám nghĩ dám làm, kiên trì, dứt khoát với công việc giữa biển cả, họ cũng có thể có một đức tin lớn. Họ phải sẵn sàng làm việc với nhau và giúp đỡ nhau (vì họ dùng lưới chứ không dùng câu). Họ phải trau dồi tay nghề, những kỹ năng cần thiết để tiến hành công việc nhanh chóng, hiệu quả.

Nếu thả lưới cả đêm mà không được gì, có lẽ tôi sẽ bán lưới mình chứ chẳng muốn giặt để rồi phải chuẩn bị lần nữa! Nhưng những người đánh cá chân thật này không chịu bỏ cuộc. Phi-e-rơ vẫn tiếp tục làm việc trong khi Chúa Giê-xu dùng thuyền ông làm nơi dạy dỗ cho đoàn dân đông trên bờ. Tiến sĩ J.Wernon McGee nói rằng: “Mỗi bục giảng đều là một thuyền đánh cá, là chỗ ban phát lời Chúa và cố gắng lưới cá!”

Lời yêu cầu của Chúa Giê-xu còn mang một khía cạnh khác: Phi-e-rơ là một “thính giả bị bắt buộc” khi ông ngồi trong thuyền nghe lời Chúa. “Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Ro 10:17). Trong một thời gian ngắn nữa, Phi-e-rơ sẽ phải bày tỏ đức tin, và Chúa Giê-xu đang chuẩn bị cho ông. Trước tiên, Ngài bảo: “Ra khỏi bờ một chút”. Và khi Phi-e-rơ đã sẵn sàng, Ngài ra lệnh: “Hãy chèo ra ngoài sâu, thả lưới mà đánh cá”. Nếu không vâng theo mệnh lệnh đầu tiên dường như vô nghĩa, Phi-e-rơ chắc không bao giờ có thể dục phần vào một phép lạ.

Phi-e-rơ chắc rất ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu nắm quyền điều khiển chiếc thuyền và những người trên thuyền. Nói cho cùng Chúa Giê-xu chỉ là một người theo nghề thợ mộc (Mac 6:31 mà các thợ mộc thì biết gì về nghề đánh cá? Vấn đề mà ai cũng biết là tại biển Ga-li-lê người ta đánh cá vào ban đêm tại vùng nước cạn chớ không phải vào ban ngày ở chỗ nước sâu! Điều Chúa bảo Phi-e-rơ làm thật mâu thuẫn với những gì ông biết và kinh nghiệm, nhưng ông vẫn vâng theo. Chìa khoá vấn đề chính là niềm tin nơi Lời Chúa của Phi-e-rơ: “đầu vậy, tôi cũng theo lời thầy” (Lu 5:5). Từ được dịch là : “thầy” Lu 5:5 chỉ có Lu-ca dùng và nó có nhiều nghĩa khác nhau. Tất cả đều có liên quan đến quyền lực: vị tổng tư lệnh. Quan toà, thị trưởng, viện trưởng đại học. Phi-e-rơ sẵn sàng phục tùng mệnh lệnh Chúa, dù không hiểu mọi điều Chúa làm. Và bạn nên nhớ rằng, có một đám đông đang dòm ngó quanh bờ!

Cách người ta đáp ứng với sự thành công cho thấy bản chất thật của họ. Thay vì tuyên bố mẽ cá lớn này thuộc về mình, Phi-e-rơ và Anh-rê lại gọi đồng bạn mình đến để cùng dục phần. Chúng ta không phải là những “nguồn tích trữ”, nhưng là những “dòng phước hạnh” chia sẻ cho người khác những gì Đức Chúa Trời đã ban cho ta cách rộng rãi.

2. Từ đau bệnh đến lành mạnh (Lu 5:12-16)

Đây là người cần được thay đổi vì anh ta mắc bệnh phong. Đối với người Do Thái, có nhiều chứng bệnh ngoài da bị liệt vào loại bệnh phong, cũng như bệnh Hansen

ngày này. Dù y học ngày nay không ngừng phát triển, vậy mà ước tính có khoảng 10 triệu người trên thế giới mắc bệnh phung. Có một dạng bệnh phung huỷ hoại các dây thần kinh khiến bệnh nhân không hề cảm thấy đau đớn. Sự lây nhiễm bắt đầu hình thành và phát triển cho đến khi các tế bào bị thoái hoá, chân tay bị biến dạng và cuối cùng có thể bị rớt ra.

Nhiệm vụ của thầy tế lễ Do Thái là kiểm tra dân sự để biết họ có mắc bệnh phung hay không? (Le 13:1-59). Người nào nhiễm bệnh sẽ bị cô lập và không thể hoà nhập với cộng đồng bình thường cho đến khi được định là “tinh sạch”. Chứng bệnh phung cũng bị Ê-sai ví như một hình ảnh của tội lỗi (Es 1:4-6). Những chỉ dẫn chi tiết trong Le 13:1-14:57 cho thấy có nhiều điểm liên quan đến nghi thức nhiều hơn là duy trì sức khoẻ chung.

Giống như tội lỗi, vết phung nằm sâu hơn da (Le 13:3) nên không thể chữa bằng những phương pháp “bên ngoài” (Gie 6:14). Nó ăn lan cũng như tội lỗi (Le 13:7-8) và gây ô uế (Le 13:44-45). Do ô uế, người mắc bệnh phải bị cô lập ngoài “trại quân” (Le 13:46). Ngày kia, những tội nhân hư mất cũng sẽ bị cô lập nơi địa ngục! Người bị phung giống như “người đã chết” (Dan 12:12) và áo quần vương vết phung phải bị thiêu trong lửa (Le 13:52). Thật ý nghĩa thay đổi với tội nhân hư mất nhờ cậy Chúa Giê-xu để thoát khỏi “những vết phung!”

Người phung này không chỉ “cần” được thay đổi, mà anh ta thực lòng “muốn” được thay đổi. Người phung bị buộc phải cách ly, nhưng lần này anh ta quyết định “phá lệ” và đến với Chúa Giê-xu cách riêng tư. Qua sách Phúc Âm, Lu-ca chứng minh rằng Chúa Giê-xu là bạn của những kẻ bị ruồng bỏ, họ có thể đến với Ngài để được cứu giúp. Người phung này đã hạ mình trước Chúa và cầu xin sự thương xót.

Bởi ân điển và quyền năng Đức Chúa Trời, người bệnh đã được lành! Thực ra, khi Chúa Giê-xu “giơ tay rờ đến người ấy”, nghĩa là chính Ngài bị ô uế! Đây là hình ảnh cao đẹp về điều Chúa Giê-xu đã làm cho tội nhân hư mất: “Đấng vốn chẳng biết tội lỗi trở nên tội lỗi vì chúng ta, hầu cho chúng ta nhờ Đấng đó mà được trở nên sự công bình của Đức Chúa Trời” (IPhi 2:24 IICo 5:21). Ngài không chỉ muốn mọi người được cứu (ITi 2:4 IPhi 3:9), nhưng Ngài có thể cứu được mọi người (He 7:25) và ngay bây giờ Ngài có thể làm được điều ấy (IICo 6:2).

Chúa Giê-xu dặn người được chữa lành đi gặp thầy tế lễ và vâng theo những qui tắc về “lễ làm sạch bệnh phung” được chép trong Le 14:1-32. Lễ này là hình ảnh về công tác của Chúa Giê-xu qua sự thành nhục thể, sự chết và sự sống lại của Ngài. Tất cả điều này đều thực hiện “trên nước chảy” đó là biểu tượng về Thánh Linh Đức Chúa Trời. Của lễ này nhắc nhở ta rằng chính Chúa Giê-xu đã chết thay chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi.

Chúa Giê-xu cấm người này bày tỏ cho kẻ khác về việc Ngài làm, nhưng anh ta đã làm chứng nhiệt tình về Ngài (Chúa Giê-xu kêu gọi chúng ta làm chứng cho mọi người, vậy mà chúng ta lại nín lặng!). Vì chứng cứ này, vô số người đã đến với Ngài để được cứu giúp, và Ngài đã giúp họ tận tình. Tuy nhiên, Ngài chẳng có cảm xúc gì với đoàn dân đông này, bởi Ngài biết đa số họ chỉ muốn xem quyền năng chữa bệnh của Ngài chứ không cần sự cứu rỗi của Ngài. Ngài thường tách khỏi đám đông và lánh đi nơi yên tĩnh khác để cầu nguyện, xin sự giúp sức của Đức Chúa Cha. Thật là một gương mẫu để mọi con cái Đức Chúa Trời noi theo.

3. Từ tội lỗi đến được tha (Lu 5:17-26)

Chúa Giê-xu trở lại thành Ca-bê-na-um, có lẽ vào nhà Phi-e-rơ. Đoàn dân đông nhóm lại xem Ngài chữa bệnh và nghe Ngài dạy dỗ. Có một chi tiết mới được lưu ý: một số chức sắc tôn giáo từ Giê-ru-sa-lem đến để dò xét điều Chúa làm. Họ có quyền làm vậy, vì nhiệm vụ của các trưởng lão là phải ngăn cản tiên tri giả dẫn dụ dân sự đi sai lạc (Phu 13:1-18 18:15-22). Họ từng chất vấn Giăng Báp-tít (Gi 1:19-34) và bây giờ họ lại muốn dò xét Chúa Giê-xu ở Na-xa-rét.

Vì đây là lần đầu tiên các thầy luật và người Pha-ri-si được nhắc đến trong Phúc Âm Lu-ca, nên biết về họ cũng là điều có ích cho ta. Từ “Pha-ri-si” theo ngôn ngữ gốc Hê-bơ-rơ nghĩa là “phân cách tách ra”. Có lẽ các thầy dạy luật và người Pha-ri-si phát triển từ chức vụ của thầy tế lễ E-xơ-ra, người đã dạy dân sự phải vâng theo luật Môi-se và phân cách khỏi những dân tộc ngoại đạo quanh họ (Exo 9:1-10:44 Ne 8:1-9:38). Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si rất khao khát hiểu biết, phát huy luật pháp Đức Chúa Trời và áp dụng vào đời sống thường nhật.

Tuy nhiên, hành động của họ chẳng mấy chốc trở nên quá hình thức. Các chức sắc đã đặt lên vai dân sự quá nhiều gánh nặng đến nỗi họ khó lòng “hầu việc Đức Giê-hô-va cách vui mừng (Thi 100:2). Hơn thế, có nhiều người Pha-ri-si là kẻ giả hình, họ không thực hành những điều họ dạy kẻ khác (Mat 15:1-20 23:1-36). Qua bài giảng trên núi (Mat 5:1-7:29), Chúa Giê-xu đã vạch trần sự nông cạn của những người dòng Pha-ri-si. Ngài giải thích rằng “sự công bình thật” là vấn đề thuộc tấm lòng, chứ không chỉ ở hình thức tôn giáo bên ngoài.

Các thầy dạy luật và người Pha-ri-si đã chọn một thì giờ thuận lợi để tham dự một trong những buổi nhóm họp của Chúa Giê-xu, bởi quyền năng Đức Chúa Trời bày tỏ cách lạ lùng khi Chúa Giê-xu chữa lành người đau bại. Nếu chúng bệnh phung mình hoạ cho sự sa đoạ và ô uế của tội lỗi, chúng đau bại này là hình ảnh của sự tê liệt mà chính tội lỗi sản sinh ra trong một đời sống. Nhưng Chúa Giê-xu còn muốn làm hơn việc chữa bệnh cho người này. Ngài muốn tha tội cho anh ta và dạy đám đông một bài học về sự tha tội.

Kẻ bại liệt không thể đến được với Chúa Giê-xu, nhưng anh ta may mắn có 4 người bạn hữu giúp anh đến với Ngài. Bốn người bạn ấy là những tấm gương về cách phải làm gì cho người khác và giúp những tội nhân khốn khổ đến với Đấng Christ. trước hết, tin họ rằng Chúa Giê-xu sẽ chữa lành người bại (Lu 5:20), đó là đức tin được Đức Chúa Trời hài lòng. Tình yêu họ dành cho người bại đã hiệp sức họ lại, hầu cho không gì có thể khiến họ nản lòng, dù có cả một đám đông án ngữ trước cửa. Xa-chê cũng ở trong hoàn cảnh tương tự (Lu 19:3). (Đám đông cứ cản đường những người khao khát gặp Chúa, thật bi thảm thay!) Không vào nhà được, họ trèo lên mái nhà, dỡ ngói, dòng người bệnh và giường nhỏ xuống ngay trước mặt Chúa!

Lẽ ra Chúa chỉ cần chữa bệnh người bại và cho anh ta về, nhưng Ngài dùng cơ hội này để giảng một bài học về tội lỗi và sự tha thứ. Nói với người bệnh rằng: “Tội người đã được tha” dĩ nhiên dễ hơn câu nói “Người hãy đứng dậy mà đi”. Vì sao? Bởi không ai có thể chứng minh tội lỗi người ấy thực sự được tha hay chưa! Chúa Giê-xu đã dùng phương pháp khó hơn để chữa lành người bại, đó là điều mọi người tại nơi đó có thể làm chứng.

Phải chăng bệnh tật của người ấy là kết quả của tội lỗi? Chúng ta không biết chắc, nhưng có thể là vậy (Gi 5:1-14). Sự chữa lành thân thể anh ta là bằng chứng về sự chữa lành thuộc linh bên trong. Chúa Giê-xu đã khiến các thầy thông giáo và người Pha-ri-si sửng sốt khi Ngài tuyên bố về quyền chữa bệnh và tha tội. Dân chúng từng biết về quyền năng dạy dỗ và đuổi quỷ của Ngài (Lu 4:32,36), nhưng giờ đây Ngài cũng tuyên bố về quyền tha tội. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không thể phủ nhận quyền năng chữa bệnh của Ngài, nhưng họ dò xét lời tuyên bố tha tội của Ngài. Lời ấy chẳng khác nào sự lộng ngôn, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể tha tội. Chúa Giê-xu có thể bị ném đá vì lời tuyên bố này, bởi Ngài muốn nói rằng: chính Ngài là Đức Chúa Trời!

Trong Lu 5:24, lần đầu tiên ta thấy Lu-ca sử dụng danh hiệu Con người, từ này được nhắc lại suốt Phúc Âm Lu-ca 23 lần. Những người nghe Chúa dạy dỗ đã quen với danh xưng này. Tiên tri Ê-xê-chi-ên sử dụng từ này hơn 80 lần. Đa-ni-ên cũng dùng danh xưng này để nói về Đấng Mê-si-a (Da 7:13,18). “Con người” là danh xưng Chúa muốn dùng cho chính Ngài, được nhắc lại ít nhất 82 lần trong các sách Phúc Âm. Đôi lúc Chúa dùng danh xưng “Con Đức Chúa Trời” (Mat 27:43 Lu 22:70 Gi 5:25 9:45 10:36 11:4), nhưng “Con người” được dùng nhiều hơn. Dân Do Thái lẽ đương nhiên đều biết danh hiệu này nói về Đấng Mê-si-a, nhưng danh hiệu ấy còn gắn bó Ngài với những tội nhân Ngài đến cứu vớt (Lu 19:10). Giống như Ê-xê-chi-ên “Con người” của Cựu Ước, Chúa Giê-xu là Đấng “ngồi tại nơi họ ngồi” (Exe 3:15).

Sự lành bệnh xảy ra tức thì khiến mọi người ngợi khen Đức Chúa Trời. Người bệnh không những được chữa lành, anh ta còn kinh nghiệm được sự tha thứ và khởi đầu một cuộc đời mới. Những phép lạ của Chúa không chỉ bày tỏ thần tính và lòng thương xót của Ngài đối với những kẻ khốn khổ, mà còn nêu bật những bài học thuộc linh quan trọng về sự cứu rỗi. Các phép lạ ấy là những “bài học thực tiễn” để dạy cho những người mù loà về tâm linh biết điều Đức Chúa Trời có thể làm cho họ, chỉ khi họ tin nơi Con Ngài.

4. Từ con người cũ trở thành con người mới (Lu 5:27-39)

Khi Chúa gọi Lê-vi, Ngài đã thực hiện 3 điều: cứu một linh hồn hư mất, thu nhận một môn đệ mới, tạo cơ hội để giải thích chức vụ Ngài cho các bạn hữu của Lê-vi, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Sự kiện này có thể đã xảy ra ngay sau khi Chúa chữa lành người bại vì những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo vẫn còn ở đó (Lu 5:17). Có thể lúc này Chúa đặt cho Lê-vi một tên mới: “Ma-thi-ơ, tặng phẩm của Đức Chúa Trời” (Lu 6:15 Mat 9:9).

Ma-thi-ơ ngồi tại sở thu thuế, có nhiệm vụ đánh thuế các mặt hàng buôn bán. Vì giá thuế luôn thay đổi và không rõ ràng, nên người gian dối dễ dàng biến thủ cho riêng mình. Cho dù nhân viên thuế nào làm việc trung thực đi nữa, anh ta vẫn bị người Do Thái khinh ghét vì đã làm ô uế bản thân khi phục vụ cho ngoại bang. Giảng Báp-tít chứng minh rằng bản chất của sự thu thuế không có gì tội lỗi cả (Lu 3:12-13), nên chúng ta cũng không có cơ gì cho rằng Ma-thi-ơ là “kẻ cắp”. Tuy nhiên đối với dân Do Thái, Lê-vi là kẻ có tội. Chúa Giê-xu bị nghi ngờ có liên quan với anh ta và bạn hữu tội nhân của anh ta. Chúng ta không rõ Ma-thi-ơ biết Chúa ở mức độ nào. Tình bạn giữa Chúa với Phi-e-rơ và đồng bạn ông giúp Ngài có được mối liên lạc với những thương gia ở Ca-bê-na-um này, và chắc chắn Ma-thi-ơ đã nghe Chúa giảng đạo ở bờ biển. Ma-thi-ơ nhanh chóng vâng theo tiếng gọi của Chúa, bỏ hết mọi sự và

theo Ngài. Ông quá đỗi vui mừng về sự cứu rỗi của Ngài đến đỗi gọi nhiều bạn hữu đến để cùng chia sẻ (Lu 15:6,9,23).

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si chỉ trích Chúa Giê-xu vì họ không hiểu thông điệp và chức vụ Ngài. Chúa không dễ rập khuôn theo lối sống đạo truyền thống của họ. Thật là bất hạnh khi các chức sắc tôn giáo bảo thủ đề kháng với điều đang đổi thay và không muốn hiểu những việc mới mẻ Đức Chúa Trời đang thực hiện. Để giúp họ hiểu rõ điều này. Chúa Giê-xu đưa ra 4 ví dụ minh họa về công việc Ngài đang làm:

Thầy thuốc (Lu 5:31,32): Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si xem Ma-thi-ơ và đồng bạn ông như những kẻ tội lỗi đáng bị lên án, nhưng Chúa Giê-xu lại xem họ như các con bệnh thuộc linh cần được thầy thuốc cứu giúp. Thật ra, Chúa đã minh hoạt điều này khi làm sạch người phong và chữa lành người bại liệt. Tội lỗi giống như một căn bệnh, khởi đầu từ một vết nhỏ khó phát hiện, sau đó nó âm thầm tiến triển, huỷ hoại sức khoẻ ta, và cuối cùng sẽ giết chết chúng ta nếu không kịp thời chữa trị. Thật bi thảm khi bệnh hoạn giết chết thân thể con người, nhưng còn khủng khiếp hơn khi tội lỗi kết án linh hồn nơi hoả ngục!

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si “có tài” chẩn đoán nhu cầu kẻ khác mà không biết mình đang mù loà trong nhu cầu của bản thân, vì họ cũng là tội nhân như bao người khác. Họ “ra dáng” công bình bề ngoài, nhưng bề trong đã sa đoạ (Mat 23:25-28). Có thể họ không phải là những “đứa con hoang đàng” mắc tội về thể xác, nhưng thực sự là những “người anh cả” mắc tội về phần thuộc linh (Lu 15:11-32 ICo 7:1).

Khi tôi viết đến chỗ này, có một cú điện thoại của một phụ nữ từ Canada người bất đồng với chức vụ phát thanh của tôi và không ngừng lên án chúng tôi là những “tên chính thống xét đoán”. Tôi dùng lời Chúa cố giải thích với bà, nhưng bà vẫn phản đối. Bà cho rằng không có địa ngục nào cả và tôi không có quyền rao giảng về điều đó. Khi tôi trưng dẫn Kinh Thánh, bà liền cúp máy. Tất cả mọi điều tôi có thể làm lúc ấy là ngưng mọi sự để cầu thay cho bà bằng một tấm lòng nặng nề.

Bước đầu tiên để có thể chữa được căn bệnh tội lỗi, đó là chúng ta phải thừa nhận rằng mình có một nhu cầu và phải làm một điều gì cho nhu cầu đó (Gie 6:14). Nhưng tôi tớ Đức Chúa Trời đã cho chúng ta biết lẽ thật về tội lỗi, sự chết và hoả ngục, đồng thời đưa ra một giải pháp duy nhất: niềm tin nơi Chúa Giê-xu tôn giáo của các thầy luật và người Pha-ri-si không thể đem đến cho Ma-thi-ơ và đồng bạn ông sự trông cậy, chỉ có Chúa Giê-xu mới làm được điều này! Chúa Giê-xu thật là một thầy thuốc đại tài! Ngài đến với chúng ta bằng tình yêu, chọn lựa và cứu vớt chúng ta khi chúng ta tin cậy nơi Ngài. Chính Ngài sẽ “thanh toán đơn thuốc” thay ta. Sự chuẩn đoán của Ngài luôn chính xác và sự chữa trị của Ngài thật hoàn hảo, trọn vẹn. Chẳng còn gì nghi ngờ, Ma-thi-ơ quá vui mừng và muốn chia sẻ tin mừng này với đồng bạn!

Chàng rể (Lu 5:33-35) : Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không chỉ tức giận vì có đồng bạn của môn đệ Chúa mà còn vì có thấy họ vui mừng được theo Chúa và làm bạn với những người khác. Dường như những người Pha-ri-si này chẳng hề kinh nghiệm sự vui mừng trong nếp sống đạo của họ (Mat 6:16 Lu 15:25-32). Chúa Giê-xu là người “từng trải sự buồn bực” (Es 53:3) nhưng cũng là Đấng “đầy dẫy sự vui mừng” (Lu 10:21 Gi 15:11 17:13).

Lễ cưới của người Do Thái kéo dài một tuần lễ, đó là thời gian vui mừng và tiệc tùng. Với hình ảnh này Chúa Giê-xu muốn nói với những kẻ phê phán rằng: “Ta đến

để biến cuộc đời thành một lễ cưới, chứ không phải một đám tang. Nếu người biết Chàng Rể, người mới có thể dự phần trong niềm vui của Người”. Ngài phán rằng sẽ có ngày Chàng Rể “bị đem đi”, Ngài muốn nói đến sự thương khó và sự chết. Đồng thời, cũng có một cơ để vui mừng, vì sẽ có nhiều tội nhân ăn năn.

Sự kiêng ăn thường được thấy trong Cựu Ước, nhưng không có chỗ nào trong Tân Ước qui định về vấn đề đó. Tuy nhiên, gương kiêng ăn của các tiên tri và Hội Thánh đầu tiên thực sự có ý nghĩa đối với tín hữu hôm nay! Lời Chúa trong Mat 6:16-18 cho thấy chúng ta sẽ kiêng ăn (“khi” chứ không phải “nếu”), và các đoạn như Cong 13:1-3 14:23 chứng tỏ kiêng ăn là thói quen của Hội Thánh ban đầu (ICo 7:5 IICo 6:5 11:27).

Chiếc áo (Lu 5:36): Chúa Giê-xu đến không phải vá lại chiếc áo cũ, Ngài đến để ban phát chiếc áo mới. Người Pha-ri-si thừa nhận rằng Do Thái giáo không thể hoàn hảo mọi đàng, có lẽ họ hy vọng Chúa sẽ cộng tác với họ để khôi phục lại tôn giáo cũ kỹ này. Nhưng Chúa cho họ thấy sự ngu dại của cách nghĩ này khi Ngài so sánh chiếc áo cũ với chiếc áo mới. Nếu bạn xé một miếng áo mới vá vào áo cũ, bạn sẽ làm hỏng cả hai chiếc áo. Áo mới bị rách còn áo cũ có miếng vá mới không xứng với nó, khi đem giặt áo cũng sẽ bị rách trở lại. Trong Kinh thánh, những chiếc áo đôi khi cũng được dùng để minh họa về tư cách và phẩm chất con người (Co 3:8-17). Ê-sai viết về “chiếc áo của sự công bình” (Es 61:10 IICo 5:21) lên án tư tưởng cho rằng được cứu là do công đức riêng (Es 64:6). Nhiều người đang mang một tôn giáo “chấp vá” do họ tự tạo, chớ không muốn tin cậy nơi Đấng Christ để được chiếc áo cứu rỗi Ngài ban bởi ân điển!

Bầu rượu (Lu 5:37-39): Nếu chứa rượu chưa lên men vào bầu da cũ dễ vỡ, hơi men sẽ làm vỡ bầu da, cả rượu và bầu đều sẽ bị hư. Sự sống mới của Đức Thánh Linh không thể bị bức ép trong “bầu da cũ” của Do Thái giáo. Chúa Giê-xu bày tỏ rằng niềm tin cổ xưa của người Do Thái đã “cũ kỹ” và không lâu sẽ được thay thế (He 8:13). Đa số người Do Thái đều thích những điều xưa cũ, và khước từ những gì mới mẻ. Cho đến năm 70 SC, người La Mã đã dày xéo Giê-ru-sa-lem và đền thờ, làm tản lạc dân sự. Đó là sự kiện khiến Do Thái giáo được mô tả trong sách Luật đi đến kết thúc. Ngày nay, người Do Thái không có thầy tế lễ, đền thờ, bàn thờ nên không thể thực hiện nghi lễ tôn giáo như tổ phụ họ từng làm (Os 3:4).

Mọi điều thuộc về luật lễ nghi đã được Chúa Giê-xu thực hiện. Vì vậy hôm nay chẳng cần phải có của lễ, thầy tế lễ, đền thờ hay lễ nghi. Mọi con cái Đức Chúa Trời chính là các thầy tế lễ dâng của lễ thuộc linh cho Chúa (IPhi 2:5,9). Các điều khoản luật pháp đã được thay thế bởi những điều trong lòng người, đó là nơi Thánh Linh Đức Chúa Trời đặt để lời Ngài và khiến chúng ta trở nên giống Chúa Giê-xu (IICo 3:1-3,18). Chúa Giê-xu vẫn là Đấng “làm mới lại hết thảy muôn vật” (Kh 21:5). Là thầy thuốc, Ngài ban cho tội nhân cuộc sống mới và sức mạnh thuộc linh. Là Chàng Rể, Ngài đem đến tình yêu và sự vui mừng. Ngài ban cho chúng ta chiếc áo công bình và rượu “của Thánh Linh (Eph 5:18 Cong 2:13). Cuộc đời là một lễ hội, không phải là nạn đói hay một đám tang. Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có thể thay đổi mọi sự trong cuộc đời chúng ta.

5. CÓ GÌ MỚI NÀO? MỌI SỰ ĐỀU MỚI! (Lu 6:1-49)

Hơn một năm, Chúa Giê-xu dạy dỗ và chữa bệnh khắp nơi được nhiều người biết đến, đoàn dân theo Ngài rất đông. Nhưng bây giờ là thời điểm Ngài chuẩn bị cho các môn đệ và tuyên bố về vương quốc. Trong đoạn này, chúng ta thấy Chúa Giê-xu lập

nên 3 thực thể thuộc linh mới để thay thế cho những gì không thể sử dụng được trong niềm tin của dân Do Thái: một ngày Sa-bát mới, một nước mới, và một ân phước mới trong Vương quốc thuộc linh mới.

1. Một ngày Sa-bát mới (Lu 6:1-11)

Tính thiêng liêng của ngày thứ bảy là một phần đặc biệt trong niềm tin của dân Do Thái. Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên luật về ngày Sa-bát tại núi Si-nai (Ne 9:13,14) và xem như một dấu đòi đòi giữa Ngài với dân sự (Xu 20:8-11 31:12-17). Từ “Sa-bát” có nghĩa là “nghỉ ngơi” và có liên quan đến việc Đức Chúa Trời tạm nghỉ sau 6 ngày sáng tạo trời đất (Sa 2:2-3). Một số thầy dạy luật giảng rằng: Đấng Mê-si-a không thể xuất hiện trước khi dân Y-sơ-ra-ên đã giữ ngày Sa-bát cách trọn vẹn vì vậy vâng theo luật này là điều rất ý nghĩa đối với cá nhân và quốc gia.

Nếu gọi Chủ nhật là “ngày sa-bát” tức là đã nhầm lẫn ngày đầu tiên với ngày thứ bảy cũng như ý nghĩa của mỗi ngày. Ngày Sa-bát là ngày nhắc nhở sự hoàn tất “công việc sáng tạo cũ” của Đức Chúa Trời, còn Ngày của Chúa (Chúa Nhật) nhắc nhở về công tác hoàn tất của Ngài trong “sự sáng tạo mới” (ICo 5:21 Eph 2:10 4:24). Ngày Sa-bát nói về sự nghỉ ngơi sau khi làm việc và có liên hệ với luật pháp, còn Ngày của Chúa nói về sự nghỉ ngơi trước khi làm việc và có liên hệ với ân điển. Chúa nhật là kỷ niệm ngày Chúa phục sinh từ kẻ chết, cũng như sự Giáng lâm của Đức Thánh Linh và “ngày khai sinh” của Hội Thánh đầu tiên (Cong 2:1-47).

Hội Thánh ban đầu nhóm lại vào ngày thứ nhất trong tuần (Cong 20:7 ICo 16:1-2). Tuy nhiên có số tín hữu Do Thái vẫn giữ ngày Sa-bát, điều này dẫn đến sự chia rẽ. Phao-lô đề cập vấn nạn này trong thư tín Ro 14:1-15:3, và đưa ra những nguyên tắc thúc đẩy quyền tự do và sự hiệp một trong Hội Thánh. Phao-lô luôn chứng minh rằng việc giữ những ngày lễ đặc biệt không liên quan gì đến sự cứu rỗi (Ga 4:1-11 Co 2:8-17). Chúng ta được cứu khỏi tội chẳng phải bởi đức tin “kèm theo” việc giữ ngày Sa-bát. Chúng ta được cứu chỉ bởi đức tin trong Đấng Christ mà thôi!

Bởi những luật lệ khắt khe và nặng nề, người Pha-ri-si và các thầy thông giáo đã biến ngày Sa-bát thành một gánh nặng, không còn là một ngày phước hạnh như điều Đức Chúa Trời muốn nên Chúa Giê-xu đã thách thức cả giáo lý và quyền lực của họ. Ngài từng tuyên bố về “năm hên hi” (Lu 4:19), giờ đây Ngài cũng tuyên bố về một ngày Sa-bát mới, Ngài chữa lành người què ngay trong ngày Sa-bát nên các chức sắc tôn giáo quyết định giết Ngài (Gi 5:16,18). Bây giờ Ngài lại vi phạm luật Sa-bát của họ thêm 2 lần nữa.

Trong đồng lúa (Lu 6:1-5): Theo luật pháp, người Do Thái được phép ăn trong vườn nho, vườn cây hoặc ruộng lúa của người lân cận, miễn sao không bỏ vào giỏ riêng mình và không sử dụng lưỡi hái (Phu 23:24-25). Các môn đệ Chúa vì đói nên đã bứt bông lúa mì, vò trong tay và ăn. Theo các thầy thông giáo, họ đã phạm luật Sa-bát bởi hành động nói trên, vì họ đang gặt hái, sảy hạt và chuẩn bị thức ăn! (Lu 6:1)

Luôn “vạch lá tìm sâu” hòng chỉ trích, người Pha-ri-si hỏi Chúa vì sao Ngài cho phép môn đệ vi phạm luật Sa-bát (Lu 6:2). Đây là lần thứ hai họ xúc phạm Ngài, họ chắc rằng có đủ chứng cứ để nói nghịch Ngài. Thật đáng thương cho họ! Sự nô lệ cho những nguyên tắc tôn giáo đã khiến họ mù loà, không thấy bản chất đúng của luật pháp cũng như sự hiện diện của Chúa, Đấng ban luật pháp này cho họ. Chúa không tranh luận với họ (Lu 6:3,4). Ngài hướng họ về Lời Đức Chúa Trời (ISa 21:1-6).

Bánh trần thiết gồm 12 ổ, mỗi ổ tượng trưng cho một chi phái Y-sơ-ra-ên. Bánh được đặt trên bàn trong nơi thánh của đền tạm sau đó là đền thờ (Xu 25:23-30 Le 24:5-9), vào mỗi ngày Sa-bát và chỉ có các thầy tế lễ mới được phép ăn. Đa-vít và những người theo ông đã ăn những ổ bánh này và dân Do Thái sẽ lên án vị vua vĩ đại của Y-sơ-ra-ên ra sao đây? Có thể họ biện luận rằng: “Ông ấy là người được Đức Chúa Trời xúc dầu”. Nhưng đó chính là điều Chúa Giê-xu tuyên bố về chính Ngài (Lu 4:18). Ngài không chỉ là Đấng chịu xúc dầu của Đức Chúa Trời, Ngài còn là Chúa của ngày Sa-bát! Khi phán lời này, Ngài muốn tuyên bố rằng chính Ngài là Giê-hô-va Đức Chúa Trời, vì chỉ có Chúa mới làm nên ngày Sa-bát. Nếu Chúa Giê-xu là Chúa ngày Sa-bát thì Ngài có quyền làm mọi điều Ngài muốn trong ngày ấy. Bạn có thể biết chắc rằng người Pha-ri-si không thể không hiểu ý nghĩa Chúa muốn nói!

Đức Chúa Trời luôn quan tâm về sự đáp ứng nhu cầu con người hơn bảo vệ những nguyên tắc tôn giáo. Đa-vít và những người theo ông thà có sức lực để hầu việc Đức Chúa Trời, còn hơn phải chết vì mục đích của một luật lệ tạm thời! Đức Chúa Trời muốn lòng thương xót hơn của lễ (Mat 12:7 Os 6:6). Dĩ nhiên, người Pha-ri-si có cái nhìn về luật pháp thật khác biệt (Mat 23:23).

Trong nhà hội (Lu 6:6-11): Người Pha-ri-si biết Chúa Giê-xu dạy dỗ trong nhà hội vào ngày Sa-bát, nên họ cũng ở đó để xem xét Ngài và tìm dịp cáo Ngài (Lu 6:6,7). Họ không biết người teo tay cũng ở đó sao? Phải chăng họ “đặt” anh ta sẵn ở đó? Chúng ta không thể biết và Chúa Giê-xu có lẽ không quan tâm đến điều này. Ngài thoả đáp nhu cầu anh ta bằng tấm lòng thương xót và chữa lành cho anh ta. Thay vì phải chờ đợi vài giờ nữa để ngày Sa-bát trôi qua hoặc có thể chữa bệnh cho người này ở nơi kín đáo, nhưng Chúa công khai chữa bệnh nhanh chóng. Đây chính là sự phản đối có chủ ý về những tập tục ngày Sa-bát.

Trong đồng lúa mì, lời biện giải của Chúa dựa trên Kinh Thánh Cựu Ước, nhưng trong nhà hội Ngài biện luận dựa trên bản chất luật Sa-bát của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ban luật ấy để giúp đỡ dân sự, chẳng phải để làm khổ họ. “Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ chẳng phải ngày Sa-bát mà dựng nên loài người” (Mac 2:27). Ai trong nhà hội cũng muốn cứu một con chiên trong ngày Sa-bát, vậy tại sao không thể cứu một con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời? (Mat 12:11-12). Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã biến sự ban cho của Đức Chúa Trời thành “một ách nặng nề” không ai mang nổi! (Cong 15:10 Ga 5:1).

Phép lạ này cho thấy quyền năng của đức tin trong Lời Chúa. Chúa Giê-xu ra lệnh cho người bệnh làm chính hành động ngoài khả năng anh ta, nhưng anh vẫn vâng theo! “Không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được” (Lu 1:37). Những mạng lệnh của Đức Chúa Trời luôn là những điều Ngài có thể giúp con người thực hiện được.

Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si vô cùng tức giận. Chắc rằng việc thờ phượng Đức Chúa Trời trong nhà hội sáng hôm ấy chẳng đem lại ích lợi gì cho họ. Họ giận dữ đến nỗi đã hiệp với phe Hê-rốt (là những người Do Thái ủng hộ Hê-rốt) lập mưu giết Chúa (Mac 3:6). Ngài biết ý tưởng họ (c.8 Mat 12:15) nên lánh ra bờ biển Ga-li-lê, dạy dỗ cho đoàn dân và lên núi cầu nguyện một mình.

Chúa Giê-xu là Đấng ban “sự yên nghỉ thuộc linh” bất tận trong lòng người (Mat 11:28-30). Không giống như “ách khó chịu” của luật pháp, ách Chúa Giê-xu thật “dễ chịu và nhẹ nhàng” khi một tội nhân tin nhận Đấng Christ, người ấy được làm hoà với Đức Chúa Trời vì tội lỗi đã được tha (Ro 5:1-11). Khi đầu phục Đấng Christ trong

cuộc sống hằng ngày, người ấy vui hưởng “sự bình an của Đức Chúa Trời” trong lòng và trí mình (Phi 4:6-7).

2. Một Nước mới (Lu 6:12-19)

Chúa Giê-xu thức trọn đêm để cầu nguyện vì Ngài chuẩn bị chọn lựa 12 sứ đồ trong số nhiều môn đệ theo Ngài. “Môn đồ” là người theo học, còn “sứ đồ” là sứ giả được chọn ra có nhiệm vụ đặc biệt. Chúa có nhiều môn đệ (Lu 10:1) nhưng chỉ có 12 sứ đồ được chọn.

Tại sao Ngài phải cầu nguyện cả đêm? Ngài biết rằng sự chống nghịch Ngài đang đến gần và cuối cùng Ngài sẽ phải bước lên thập tự giá. Vì vậy Ngài cầu xin có thêm sức mạnh để đương đầu với con đường trước mặt. Ngài muốn có sự chỉ dẫn của Đức Chúa Cha trong việc chọn lựa 12 sứ đồ, vì tương lai Hội Thánh tùy thuộc vào họ. Nên nhớ rằng có một trong số 12 sứ đồ phản Ngài và Ngài đã biết người ấy là ai ngay từ đầu (Gi 6:64). Chúa chúng ta có những cảm xúc thật của con người (Lu 22:41-44 He 5:7-8), và qua sự cầu nguyện, Ngài đã thực hiện sự lựa chọn khó khăn này.

Tên các sứ đồ được nói đến trong Mat 10:1-4 Mac 3:16-19 Cong 1:13. Trong mọi danh sách, tên Phi-e-rơ luôn đứng đầu còn Phi-e-rơ ở cuối. Giu-đe trong Cong 1:13 là Giu-đe con Gia-cơ, còn gọi là Tha-đê trong Mac 3:18. Một người có hai hay nhiều tên cũng là điều bình thường.

Khi Anh-rê dẫn Si-môn đến Chúa Giê-xu, Ngài đặt tên Si-môn là Phi-e-rơ (đá) (Gi 1:40-42). Ba-thê-lê-my chính là Na-tha-na-ên Gi 1:45-49. Si-môn khác trong nhóm có biệt danh là Xê-lốt. Biệt danh này có thể bao gồm hai ý. Ông này có thể thuộc nhóm ái quốc cuồng nhiệt được biết đến như “những kẻ cuồng tín”, mục đích họ nhằm giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi sự chuyên chế của La Mã. Họ sử dụng mọi phương tiện sẵn có, kể cả hành hung và giết người để đạt được mục đích. Có thể từ “xê-lốt” theo từ gốc Hê-bơ-rơ là “qanna” có ý nghĩa như “cuồng nhiệt, sốt sắng vì danh Đức Chúa Trời”. Si-môn được biết đến vì sự sốt sắng về danh Đức Chúa Trời hay vì tư cách hội viên của một nhóm đấu tranh bằng bạo lực, ta không thể biết, có lẽ vì cả hai.

Chúng ta không biết chắc nguồn gốc của từ “Ích-ca-ri-ốt”. Nó có thể có nghĩa là “người ở Kê-ri-ốt” một thị trấn ở miền nam Giu-đa (Gio 15:25). Một số người liên hệ từ ấy với từ Aramaic “seqar” nghĩa là “sự đối trá”. Như vậy, Giu-đa là “kẻ đối trá”. Giải thích theo địa lý có lẽ hợp lý hơn.

Thật là một nhóm người thú vị! Họ minh họa cho điều Phao-lô viết ở ICo 1:26-29 và là sự yên ủi đối với chúng ta hôm nay. Xét cho cùng, nếu Đức Chúa Trời có thể dùng họ, Ngài không thể dùng chúng ta sao? Có lẽ 7 người trong số họ làm nghề đánh cá (Gi 21:1-3). Một người làm nghề thu thuế, 4 người còn lại là những người không ai biết gì về nghề nghiệp của họ. Họ là những con người bình thường có những tính cách khác nhau. Nhưng Chúa Giê-xu đã kêu gọi họ đến với Ngài để học hỏi nơi Ngài và ra đi vì Ngài (Mac 3:14).

Tại sao Chúa chọn 12 sứ đồ? Vì có 12 chi phái trong Y-sơ-ra-ên và Chúa Giê-xu muốn tạo ra những hạt nhân mới cho một dân tộc mới (IPhi 2:9 Mat 21:43). Những tín hữu đầu tiên là người Do Thái vì Phúc Âm đến với người Do Thái trước tiên (Ro 1:16 Cong 13:46). Sau đó dân ngoại cũng được thêm vào Hội Thánh qua sự làm chứng của những tín hữu Do Thái bị tản lạc và qua chức vụ của Phao-lô, sứ đồ cho dân ngoại.

Trong Hội Thánh, không còn sự phân biệt người Do Thái với người ngoại, vì tất cả đều là một trong Chúa Giê-xu (Ga 3:28).

Sau khi chọn ra 12 sứ đồ và trước khi rao bài giảng lớn này, Chúa đã dành thời gian chữa bệnh nhiều người. Điều này thật có ý nghĩa! Nó bày tỏ quyền năng và sự thương xót của Ngài đồng thời nhắc ta về những người hầu việc vừa được chọn lựa của Ngài. Công việc họ là chia sẻ tình yêu và quyền năng của Chúa cho một thế giới khốn khó. Ước tính có khoảng 300 triệu dân trên thế giới vào thời Chúa Giê-xu, nhưng hôm nay đã có hơn 5 tỉ dân, 4/5 là những quốc gia kém phát triển. Quả là một thách thức cho Hội Thánh Chúa!

3. Một ơn phước mới (Lu 6:20-49)

Bài giảng này có lẽ là một bản thảo gọn “Bài giảng trên núi” (Mat 5:1-7:29), dù có một số học giả cho rằng đây là hai sự kiện khác nhau, nhưng Lu-ca đã bỏ bớt những phần trong bài giảng không gây thích thú cho độc giả người ngoại. Nếu cả hai là cùng một sự kiện thì việc Phi-e-rơ cho rằng bài giảng được thực hiện ở “trên núi” (Mat 5:1), trong khi Lu-ca thì nói ở “đồng bằng” Lu 6:17), vẫn không tạo ra một vấn đề gì. Tiến sĩ P.A. Carson cho biết từ Hy Lạp được dịch là “đồng bằng” có thể có nghĩa là “một cao nguyên ở miền núi”.

Chúa Giê-xu vào vùng núi cùng các môn đệ. Sau một đêm cầu nguyện Ngài đi xuống một nơi bằng phẳng, chọn ra 12 sứ đồ, chữa lành nhiều kẻ bệnh tật và rồi giảng bài giảng này. Qua bài giảng, Ngài bày tỏ ý nghĩa của một đời sống phước hạnh

Đối với đa số dân Do Thái, “ơn phước” gợi lên hình ảnh của sự trường thọ, giàu sang, gia đình khoẻ mạnh, vừa lắm đầy ắp và kẻ thù bị thất bại. Giao ước Đức Chúa Trời lập cùng dân Y-sơ-ra-ên bao gồm những ơn phước về vật chất và thuộc thể tương tự như vậy (Phu 28:1-68 Giop 1:1-12 Ch 3:1-10), vì đây là cách Đức Chúa Trời dạy dỗ và kỷ luật họ. Tóm lại, họ là “con trẻ” trong đức tin và cách chúng ta dạy dỗ con trẻ thường bằng sự thưởng phạt. Khi Chúa Giê-xu đến, giai đoạn “con trẻ” của Y-sơ-ra-ên đã chấm dứt, họ phải trưởng thành trong sự hiểu biết về chương trình của Đức Chúa Trời (Ga 4:1-6).

Chúa Giê-xu muốn dạy dỗ cho môn đệ Ngài, cùng đoàn dân (Lu 6:27,49), bởi chính 12 sứ đồ phải từ bỏ nhiều điều trước khi có thể hầu việc Ngài cách kết quả. Hơn thế, họ phải hy sinh mọi điều để theo Ngài (Lu 5:11,28) và đương nhiên họ sẽ tự hỏi “chúng tôi sẽ được chi?” (xem Mat 19:27). Qua bài giảng này, Chúa bày tỏ rằng đời sống hạnh phúc thật không đến từ “sự được gì” hay “làm gì” nhưng từ chính bản thể con người, đặc biệt là bản tính giống Đức Chúa Trời.

Bài giảng này không phải là Phúc Âm và không ai có thể lên Thiên đàng bởi làm theo bài giảng trên núi. Tội nhân hư mất không thể vâng phục Đức Chúa Trời hằng sống. Họ phải được tái sinh trước hết để nhận lãnh sự sống từ Đức Chúa Trời (Gi 3:1-7,36).

Bài giảng này cũng không phải là một “hiến pháp” đối với vương quốc Đức Chúa Trời sẽ lập trên đất một ngày nào đó (Lu 22:30 Mat 20:21). Bài giảng trên núi có giá trị ứng dụng vào cuộc sống hôm nay, nó bày tỏ đức tính thánh khiết chúng ta cần phải có khi làm con cái Đức Chúa Trời giữa thế gian. Hẳn Chúa mô tả một tình trạng sống hoàn toàn khác với sự sống nơi vương quốc vinh hiển, bởi nó chỉ chứa toàn nước mắt, khổ sở, bất bớ, đói khát, cùng sự giả hình của các thầy dạy luật.

Mục đích của Chúa là nhắm vào thái độ của chúng ta: đối với hoàn cảnh (Lu 6:20-26), con người (Lu 6:27-38), bản thân (Lu 6:39-45) và đối với Đức Chúa Trời (Lu 6:46-49). Ngài nhấn mạnh 4 đức tính cần thiết để có hạnh phúc thật: đức tin nơi Chúa, tình yêu tha nhân, thành thực với chính mình, và vâng phục Đức Chúa Trời.

Đối với hoàn cảnh (Lu 6:20-26): Cuộc sống của người dân thời bấy giờ rất khó khăn và hoàn cảnh họ không mong gì khác hơn. Ngày hôm nay cũng thế, nhiều người cho rằng hạnh phúc đến từ của cải vật chất, địa vị xã hội cao quý, hoặc hưởng thụ những thú vui và danh vọng có thể mua được bằng đồng tiền. Bạn hình dung xem, họ ngạc nhiên biết bao khi nghe Chúa Giê-xu mô tả bản chất hạnh phúc hoàn toàn khác hẳn điều họ mong đợi! Họ vừa khám phá rằng nhu cầu thiết yếu của họ không phải là một sự thay đổi hoàn cảnh sống nhưng là sự thay đổi trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời và trong nhận thức về cuộc sống của họ.

Chúa không hề dạy rằng nghèo khổ, đói khát, bắt bớ, than khóc tự nó là những phúc hạnh. Nếu vậy, Ngài đã không bao giờ thực hiện tất cả những gì Ngài đã thực hiện để làm dịu nỗi đau khổ của kẻ khác. Hơn thế, Ngài muốn bày tỏ những thái độ “bên trong” chúng ta phải có nếu muốn kinh nghiệm được phúc hạnh của đời sống Cơ Đốc. Dĩ nhiên chúng ta phải làm những gì chúng ta có thể để giúp đỡ người khác về phương diện vật chất (IGi 3:16-18 Gia 2:15-17), nhưng phải nhớ rằng không điều gì có thể thay thế được mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời!

Ma-thi-ơ trình bày rõ ràng “Phước cho những kẻ có lòng khó khăn... Phước cho những kẻ đói khát sự công bình...” (Mat 5:3,6). Chúa không đề cao sự khốn khó về vật chất, nhưng kêu gọi những tấm lòng khốn khó ăn năn xưng nhận ra sự nghèo nàn thuộc linh bên trong (Lu 18:9 Phi 3:4-14). Người khiêm nhường là đối tượng cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Es 57:15 66:2 IPhi 5:6). Nếu bạn so sánh những phúc lớn này với Es 61:1-3 và Lu 4:18, bạn sẽ hiểu rằng Chúa muốn nói về tình trạng thuộc linh chứ không phải những hoàn cảnh bên ngoài. Ma-ry đã bày tỏ nhận thức này qua bài ca tụng của bà (Lu 1:46-55).

Chính Chúa Giê-xu sẽ trải qua sự bắt bớ (Lu 6:22) nên môn đệ Ngài cũng bị bắt bớ như vậy. Làm sao có thể vui mừng khi chúng ta bị kẻ khác bắt bớ? Trong hoàn cảnh ấy, bạn hãy luôn nhớ rằng chịu khổ vì danh Chúa là một đặc ân (Phi 3:10). Khi chúng ta bị đối xử giống như hoàn cảnh của Chúa, đó là bằng chứng chúng ta đang bắt đầu sống như Chúa. Điều đó thật đáng khích lệ! Các thánh đồ của mọi thời đại cũng từng bị đối đãi như thế, nên chúng ta vẫn còn may mắn hơn họ. Đức Chúa Trời hứa ban phần thưởng đặc biệt cho những ai trung tín theo Ngài vì vậy điều tốt đẹp nhất vẫn chưa đến!

Bốn nỗi bất hạnh ấy nói lên cùng một lẽ thật: Bạn muốn hưởng điều gì trong cuộc sống, bạn phải trả giá cho điều đó. Nếu bạn muốn có ngay của cải, sự no đủ, niềm vui, và danh vọng, bạn có thể đạt được. Nhưng giá phải trả chính là tất cả những gì bạn sẽ nhận. Chúa không nói rằng những điều đó sai quấy, nhưng Ngài phán chỉ hài lòng với những điều đó là sự đoán xét của chính nó.

HH.Farmer nói rằng: “Đối với Chúa Giê-xu thì điều đáng sợ trong việc thủ đắc những giá trị sai lầm trong cuộc sống và theo đuổi những gì không chính đáng không phải là bạn bị rơi vào tình trạng thất vọng nã nề mà là vẫn thông dong không phải là bạn không đạt được điều mong muốn mà là đạt được” Khi con người hài lòng với những điều nhỏ bé trong cuộc sống, thay vì tìm kiếm điều tốt nhất, khi ấy những

thành công của họ thêm vào chẳng khác chi những thất bại. Họ đã bị phá sản về mặt tâm linh nên không nhận thức được điều này.

Cuộc đời được xây dựng trên bản tính, bản tính được xây dựng trên những quyết định. Nhưng quyết định lập nền trên các giá trị và những giá trị ấy phải được đức tin chấp nhận. Môi-se đã tạo những quyết định làm thay đổi cuộc đời trên căn bản những giá trị mà người đời cho là rồ dại (He 11:24-29), nhưng Đức Chúa Trời hài lòng với đức tin của ông. Cơ Đốc nhân luôn vui mừng với những gì Chúa ban cho (ITi 6:17) vì người ấy sống trong sự nhận biết những giá trị vĩnh cửu.

Đối với con người (Lu 6:27-38): Chúa Giê-xu phán rằng những ai sống cho giá trị vĩnh cửu đều sẽ gặp khó khăn rắc rối với những người trong thế gian. Cơ Đốc nhân là “muối của đất” và “ánh sáng của thế gian” (Mat 5:13-16), có lúc muối ấy làm “day dứt” kẻ khác và ánh sáng phô bày tội lỗi. Tội nhân căm ghét chúng ta, tránh né hoặc xua đuổi ta (Lu 6:22), sỉ nhục (Lu 6:28), ức hiếp (Lu 6:29), và vu cáo chúng ta (Lu 6:30). Đây là điều chúng ta phải lường trước (Phi 1:29 IITi 3:12).

Vậy ta phải đối xử với kẻ thù ra sao? Chúng ta phải yêu thương, giúp đỡ và cầu nguyện cho họ. Giận dữ chỉ nuôi dưỡng thêm lòng oán ghét mà thôi, “vì cơn giận của người không làm nên sự công bình của Đức Chúa Trời” (Gia 1:29). Chúng ta không thể làm được điều này bằng sức riêng của mình nếu không nhờ quyền năng của Thánh Linh (Ro 5:5 Ga 5:22-23).

Chúng ta không nên xem những lời răn này như một “chuỗi luật lệ” buộc phải thi hành. Những lời răn ấy nói lên thái độ của con người được bày tỏ một cách tích cực khi những người khác tiêu cực, rộng rãi khi người khác ích kỷ. Tất cả nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời. Đây là một sự bày tỏ tinh thần chứ không phải một nhiệm vụ bắt buộc. Chúng ta phải có khôn ngoan để biết khi nào cần “đưa má kia cho kẻ khác vả” cũng như khi nào cần phải bày tỏ quyền hạn mình (Phi 1:9-11 Gi 18:22-23 Cong 16:35-40).

Ở đây có hai nguyên tắc rõ rệt: Chúng ta muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người khác thế ấy (Lu 6:31) điều này cho thấy chúng ta muốn nhận được những điều thuộc linh tốt nhất cho mình và chúng ta phải có lòng thương xót như Cha trên trời (Lu 6:36). Điều quan trọng không phải chúng ta được minh oan trước mặt kẻ thù, nhưng bản tánh chúng ta phải càng trở nên giống Chúa (Lu 6:35). Đây là phần thưởng tuyệt vời mà bất cứ ai cũng có thể nhận được, nó có giá trị lớn lao vượt hẳn của cải vật chất, thú vui, danh vọng (Lu 6:24-26). Những điều ấy ngày kia sẽ thành hư vô, nhưng bản chất con người sẽ còn lại đời đời. Chúng ta phải tin Mat 6:33 và làm theo bằng quyền năng của Thánh Linh.

Câu Lu 6:37,38 nhắc rằng chúng ta sẽ gieo gì gặt nấy và số lượng gặt tùy mức độ gieo. Nếu xét đoán kẻ khác, ta sẽ bị xét đoán. Nếu tha thứ, ta sẽ được tha thứ. Nếu lên án, ta sẽ bị lên án (Mat 18:21-35). Chúa không nói về sự xét đoán đời đời, Ngài chỉ nói đến cách chúng ta được đối xử ở đời này. Nếu sống để “ban phát”, chắc chắn rằng chúng ta được “nhận”. Nhưng nếu sống để “thâu tóm”. Chắc rằng ta sẽ “mất hết”. Nguyên tắc này không chỉ đúng với việc chúng ta ban phát tiền bạc vật chất, nhưng cũng đúng với tinh thần chúng ta quên mình phục vụ kẻ khác.

Đối với bản thân (Lu 6:39-45): Có 4 hình ảnh nổi bật qua phân đoạn này dạy chúng những bài học quan trọng về chức vụ. Trước hết, là môn đệ Chúa Giê-xu, chúng ta phải biết chắc mình đã thấy rõ đủ để có thể hướng dẫn người khác trên bước đường

thuộc linh. Có những người mù lại có một cảm quan về phương hướng bén nhạy, nhưng dĩ nhiên chẳng có một ai sử dụng họ làm phi công hay hướng dẫn viên vùng hoang dã! Chúa muốn nói đến những người Pha-ri-si, là kẻ dẫn dân sự đi sai đường (Mat 15:14 23:16). Nếu ta xem mình là người hướng dẫn “tài ba” nhưng không nhận ra sự mù loà của mình, chúng ta chỉ có thể đưa kẻ khác xuống hố mà thôi (Ro 2:17-22).

Câu 40 nhắc nhở rằng chúng ta không thể dẫn dắt kẻ khác đến nơi ta chưa từng qua, và chúng ta cũng không trọn vẹn như Chúa được. Thực ra, càng rèn luyện để trở nên giống Chúa, ta càng nhận ra sự khiếm khuyết của mình. Đây là lời cảnh tỉnh lòng kiêu ngạo, vì không có điều gì làm mù loà con người như lòng kiêu ngạo.

Tiếp theo hình ảnh về “mắt”, Chúa dạy rằng chúng ta phải thấy rõ đủ mới có thể giúp kẻ khác nhìn rõ hơn. Dĩ nhiên giúp một anh em lấy “cái rác” gây đau nhức ra khỏi mắt không có gì sai trái, miễn sao chúng ta có thể thấy rõ điều mình đang làm. Đám đông có lẽ đã cười nhạo khi Chúa mô tả một “bác sĩ nhãn khoa” bị “một cây đũa” vướng trong mắt, lại chữa cho một bệnh nhân chỉ vướng “cái rác” trong mắt!

Điều nhấn mạnh ở đây là sự thực lòng với chính mình và đừng trở thành kẻ giả hình. Thật dễ dàng giúp một anh em mắc lỗi lầm, chỉ có vậy ta mới hòng “khoả lấp” tội lỗi mình! Người luôn chỉ trích kẻ khác lại là người luôn phạm điều tệ hại hơn trong cuộc sống.

Hình ảnh minh họa về “cây” nhắc ta rằng “trái” luôn luôn đúng với bản chất của cây. Cây táo sanh trái táo, nào phải trái cam! Người tốt cũng bày tỏ sự tốt lành, không phải điều xấu xa. Những người tin nhận Chúa dù đã từng phạm tội, nhưng chúng có về lời nói và việc làm của họ luôn làm sáng danh Đức Chúa Trời. Trong chức vụ, những tội tớ nào trung tín với Chúa sẽ tái sản sinh chính họ qua những con người thành tâm với Chúa (IITi 2:2),

Hình ảnh cuối cùng là “kho chứa” dạy ta rằng điều gì từ môi miệng ra tùy thuộc vào những gì chứa trong lòng. Lòng người như một “kho chứa, điều chúng ta nói ra bày tỏ những gì đã sẵn có trong lòng. Một người xin lỗi rằng: “Tôi thật sự không nghĩ vậy!”, nhưng bạn anh ta đáp: “Anh đã nghĩ thế, nếu không, anh đâu nói ra!”

Chúng ta phải thành thực với chính mình, thừa nhận những điểm mù loà trong đời sống mình. Những trở ngại làm mờ tầm nhìn của ta phải được khắc phục và chỉnh đốn. Khi ấy Đức Chúa Trời mới có thể sử dụng ta để giúp đỡ kẻ khác mà không dắt họ đi lầm lạc.

Đối với Đức Chúa Trời (Lu 6:46-49): Ở đoạn này, Chúa nói về sự vâng phục. Nghe lời Chúa và gọi Ngài là “Chúa” như vậy chưa đủ, chúng ta phải vâng theo những gì Ngài truyền. Chúng ta như những “thợ xây nhà”, phải xây cách khôn ngoan, “Xây nền trên vàng đá” nghĩa là vâng theo mệnh lệnh Chúa qua Lời Ngài. “Cất nhà trên đất không xây nền” giống như chỉ hầu việc Đấng Christ bằng môi miệng chứ không vâng theo ý muốn Ngài. Giống như chúng ta muốn xây một ngôi nhà chắc chắn, nhưng nếu không có nền, nhà ấy không thể tồn tại lâu. Giông tố ở đây không phải là sự xét đoán sau cùng nhưng là những thử thách trong cuộc sống sẽ đến với mọi Cơ Đốc nhân đã tuyên xưng đức tin. Không phải bất cứ ai tự nhận mình biết Chúa đều có một kinh nghiệm thật về sự cứu rỗi. Có thể họ rất sốt sắng trong Hội Thánh, hoặc trong những tổ chức tôn giáo, nhưng nếu họ chưa được cứu bởi đức tin, như vậy họ không có nền

tảng cho đời sống mình. Khi những khó khăn chột đến, thay vì ngợi khen Chúa, họ sẽ bỏ Ngài, Ngôi nhà chứng cứ của họ bị sụp đổ.

Nếu không bởi Đức Thánh Linh, không ai có thể xưng Chúa Giê-xu là “Chúa” (ICo 12:3 Ro 8:16). Nếu Đấng Christ ở trong lòng chúng ta, môi miệng chúng ta sẽ phải xưng nhận Ngài và làm chứng về Ngài cho người khác (Ro 10:9-10). Nếu chúng ta “châm rễ và lập nền trong Ngài” (Co 2:7), chúng ta sẽ sinh những bông trái tốt và ngôi nhà chúng ta cũng sẽ chịu được bão tố. Có thể chúng ta sẽ phạm những lỗi lầm và gặp thất bại, nhưng chứng cứ vững chắc trong cuộc sống chúng ta sẽ bày tỏ Đấng Christ và tôn vinh Ngài.

Đây là “ơn phước mới” Chúa Giê-xu muốn ban cho dân Ngài. Hôm nay, Ngài cũng muốn ban cho chúng ta. Chúng ta có thể kinh nghiệm được phước hạnh từ trời và những ơn phước thật mà chỉ có Ngài mới có thể ban cho. Nền tảng của mọi sự này là đức tin cứu rỗi trong Chúa Giê-xu Christ, như tấn sĩ H. A. Ironside từng nói: “Chúng ta không thể có sự sống này nếu trước tiên nó không thuộc về chúng ta”.

6. THƯƠNG XÓT BẰNG HÀNH ĐỘNG (Lu 7:1-50)

Sự thương xót từng được định nghĩa là “nỗi đau của bạn trong lòng tôi”. Đó là nỗi đau Chúa Giê-xu hẳn đã cảm nhận khi Ngài thi hành chức vụ từ nơi này sang nơi khác. Chỉ trong đoạn này thôi Chúa đã đối diện với những nỗi bất hạnh của người đầy tớ sắp chết, bà goá đau khổ, một tiên tri đang hoang mang và một tội nhân ăn năn và Ngài giúp đỡ tất cả. Nếu yêu cầu “Ủy ban cứu trợ” quyết định xem ai sẽ xứng đáng được cứu giúp, chúng ta chẳng biết ai sẽ được chọn!

Chúa Giê-xu giúp tất cả, bởi vì lòng thương xót không có sự cân nhắc: chỉ có sự phục vụ! Benard Clairvaux nói rằng: “Công lý chỉ luôn tìm kiếm những công đức, nhưng lòng thương xót chỉ lưu tâm đến nhu cầu”. Chính bởi sự thương xót chớ không phải công lý ấy đã thúc đẩy Vị thầy thuốc vĩ đại đến “không phải để gọi kẻ công bình hối cải, nhưng gọi kẻ tội” (Lu 5:32). Chúng ta hãy gặp 4 con người đau khổ và xem sự đáp ứng của Chúa đối với nhu cầu của họ.

1. Người đầy tớ: Chúa đáp ứng đức tin (Lu 7:1-10)

Qua các sách Phúc Âm và sách Công vụ, các thầy đội La Mã được nhắc đến như những con người có đạo đức. Thầy đội trong đoạn này là một gương điển hình. Các trưởng lão Do Thái chẳng yêu mến gì người La Mã nói chung cũng như lính La Mã nói riêng. Tuy nhiên, họ vẫn giới thiệu thầy đội với Chúa Giê-xu. Thầy đội này rất mến dân Do Thái ở Ca-bê-na-um, thậm chí còn xây cho họ một nhà hội. Ông yêu người đầy tớ mình và không muốn nó chết. Ông không phải là người khắc kỷ, lạnh lùng với nỗi khổ của kẻ khác. Ông quan tâm đến mọi người, cả đến đứa đầy tớ thấp hèn đang hấp hối vì cơn bại liệt (Mat 8:6).

Đoạn kể súc tích ở Mat 8:5-13 không hề mâu thuẫn với phần tường thuật đầy đủ hơn ở sách Lu-ca. Bạn hữu của thầy đội thay ông đến gặp Chúa Giê-xu và thay Chúa trở về báo tin cho ông. Khi một phát thanh viên tường thuật lại lời phát biểu của Tổng thống hoặc Thủ tướng tại Quốc hội hoặc Nghị viện. Thông điệp này không nhất thiết phải được thực hiện bởi chính các vị ấy, nó có thể do những nhân viên đại diện loan báo, nhưng người ta xem như đã nhận thông điệp này từ chính vị Tổng thống hoặc Thủ tướng ấy.

Chúng ta không chỉ cảm kích về tình yêu cao cả của thầy đội mà còn khâm phục sự khiêm nhường đáng quý của ông. Bạn nghĩ xem, một viên chức La Mã lại thú nhận với vị thầy Do Thái nghèo nàn rằng ông không xứng đáng tiếp Người vào nhà mình! Người La Mã vốn không quen bày tỏ lòng khâm phục, đặc biệt trước mặt dân Do Thái.

Tính cách khiến Chúa cảm động nhất chính là đức tin của thầy đội này. Sách Luca ghi lại 2 trường hợp khiến Chúa ngạc nhiên. Tại Ca-bê-na-um này, Ngài ngạc nhiên về đức tin của một người ngoại. Ở Na-xa-rét, Ngài ngạc nhiên về sự vô tín của dân Do Thái (Mac 6:6). Có một người khác được Chúa cho rằng có “đức tin lớn” đó là người đàn bà xứ Ca-na-an có con gái bị quỷ ám đã được Chúa chữa khỏi (Mat 15:28). Đáng chú ý là ở 2 trường hợp trên, Chúa đều chữa bệnh từ xa (Eph 2:11-13 Thi 107:20).

Đức tin của thầy đội thật đặc biệt. Xét cho cùng, ông chỉ là một người ngoại vốn vô thần. Ông là quân nhân La Mã, đã học cách tự xoay sở không cần ai giúp đỡ. Ta cũng không có chứng cứ nào nói rằng ông đã nghe qua bài giảng của Chúa. Có lẽ ông biết quyền năng chữa bệnh của Chúa từ quan thị vệ là người có con trai được Chúa chữa bệnh từ xa (Gi 4:46-54). Quân lính ông có thể kể cho ông về những phép lạ Chúa đã làm, vì người La Mã luôn tiếp cận với những sự kiện trong cuộc sống người Do Thái.

Từ có ý nghĩa trong Lu 7:8 là “cũng” (cũng có trong Mat 8:9). Thầy đội đã nhận ra điểm tương tự giữa cách ông ra lệnh cho quân lính với cách Chúa Giê-xu ra lệnh chữa bệnh. Chúa Giê-xu và thầy đội đều có quyền hạn của mình và có thể thực hiện quyền hạn ấy. Tất cả những gì họ cần làm là nói một lời thì mọi sự sẽ xảy ra. Thầy đội bày tỏ một đức tin thật tuyệt vời! Tất nhiên đức tin ấy khiến Chúa phải ngạc nhiên.

Nếu thầy đội La Mã này là người hiểu biết rất ít về thuộc linh, còn có đức tin nơi Lời Chúa như vậy, đức tin chúng ta càng phải lớn hơn thế! Chúng ta hôm nay có một cuốn Kinh Thánh trọn bộ để đọc và học hỏi, cũng như lịch sử Hội Thánh suốt 2.000 năm qua đã khích lệ chúng ta. Vậy mà chúng ta lại phạm tội “vô tín” (Mac 4:40) hoặc “ít đức tin” (Mat 14:31). Ta phải cầu xin: “Lạy Chúa, xin thêm đức tin cho con!” (Lu 17:5)

2. Bà goá: Chúa đáp ứng trước nỗi tuyệt vọng (Lu 7:11-17)

Thành Na-in cách Ca-bê-na-um khoảng 25 dặm, phải đi mất một ngày. Nhưng Chúa vẫn đến đó dù không có sự yêu cầu. Vì dân Do Thái chôn người chết nội trong ngày (Phu 21:23 Cong 5:5-10), có lẽ Chúa Giê-xu và các môn đệ đến cửa thành vào buổi chiều trong ngày đưa con trai này chết. Hôm ấy, tại cửa thành xảy ra 4 cuộc gặp gỡ đặc biệt.

Trước hết là cuộc gặp gỡ giữa 2 đám đông. Chúng ta thật ngạc nhiên về kế hoạch của Đức Chúa Trời khi Chúa Giê-xu gặp đám tang ấy ngay lúc họ đang tiến về nghĩa trang. Chúa đã sống theo một giờ giấc thiêng liêng vì Ngài vâng phục ý muốn Cha Ngài (Gi 11:9 13:1). Đấng Christ giàu lòng thương xót luôn cứu giúp khi chúng ta cần Ngài (He 4:16).

Thật là một sự khác biệt rõ rệt giữa đám đông theo Chúa và đám đông theo bà goá với đứa con trai đã chết, Chúa Giê-xu cùng các môn đệ vui mừng trong ơn phước Đức Chúa Trời, nhưng bà goá và đồng bạn lại than khóc vì đứa con trai đã chết. Chúa Giê-xu đang tiến về cửa thành, trong khi những kẻ than khóc đang tiến đến nghĩa trang!

Về mặt thuộc linh, mỗi người chúng ta cũng đang thuộc một trong hai đám đông này. Nếu tin nhận Chúa Giê-xu, bạn đang tiến đến cửa thành (He 11:10,13-16 12:22). Nếu đang “chết trong tội lỗi” bạn đang tiến gần nghĩa trang và chịu sự thanh nộ của Đức Chúa Trời (Eph 2:1-3 Gi 3:36). Bạn phải tin nhận Chúa Giê-xu để được tái sinh từ kẻ chết (Eph 2:4-10 Gi 5:24).

Kế đến là cuộc gặp gỡ giữa hai con một. Một người đang sống nhưng đã được định trước sẽ chịu chết, người kia đã chết nhưng sẽ được định cho sống. Thuật ngữ “Con Độc Sanh” nói về Chúa Giê-xu nghĩa là “chỉ có một”. Ngài không phải là “con” theo nghĩa như tôi là đứa con hiện diện trên đời qua sự hoài thai và sinh ra. Vì Chúa Giê-xu chính là Đức Chúa Trời hằng hữu, Ngài mãi mãi tồn tại! Danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” nói lên bản tính thiêng liêng thánh khiết của Đấng Christ và mối liên hệ của Ngài với Đức Chúa Cha, là Đấng Ngài đầu phục và hạ mình xuống từ cõi vĩnh hằng. Ba ngôi của Đức Chúa Trời đều bình đẳng, nhưng mỗi ngôi có vai trò hành động cụ thể?

Thứ ba, đó là cuộc gặp gỡ giữa hai người chịu khổ. Chúa Giê-xu, Con người gánh mọi khổ đau của kẻ khác có thể dễ dàng đồng cảm với nỗi đau trong một xã hội không có sự quan tâm đến các goá phụ. Điều gì đã xảy đến với bà! Chúa cảm nhận nỗi đau do tội lỗi và sự chết đem đến cho thế gian, nên Ngài đã xoa dịu nỗi đau ấy.

Cuối cùng là cuộc gặp gỡ giữa hai kẻ thù. Bởi Chúa Giê-xu đã đối diện với sự chết là “kẻ thù sau cùng” (ICo 15:26). Khi bạn chứng kiến những đau đớn khổ sở đầy dẫy trên thế gian, sự chết thực sự là một kẻ thù. Chỉ có Chúa Giê-xu mới có thể giúp chúng ta đắc thắng sự chết (ICo 15:51-58 He 2:14-15). Chúa chỉ phán một lời, cậu bé này liền sống lại và khoẻ mạnh. Hai bằng chứng cho thấy cậu bé thực sự sống lại: “ngồi dậy và khởi sự nói” (Lu 7:5a)

Cậu bé nằm trên cái cáng, không phải trong quan tài đóng kín, nên cậu dễ dàng ngồi dậy. Cậu nói gì, chúng ta không biết, nhưng chắc hẳn cậu rất vui mừng. Thật là một hành động dịu dàng khi Chúa Giê-xu giao cậu bé lại cho người mẹ đang vui sướng. Hình ảnh này nhắc ta về sự kiện sẽ xảy đến khi Chúa tái lâm. Khi ấy, chúng ta sẽ đoàn tụ với những người thân yêu đã khuất trong sự ngợi khen Đức Chúa Trời (ITe 4:13-18).

Hưởng ứng của dân chúng là ngợi khen Đức Chúa Trời và xem Chúa như vị tiên tri dân Do Thái từng mong đợi (Phu 18:15 Gi 1:21 Cong 8:22-23). Phép lạ này nhanh chóng được đồn ra. Người ta háo hức mong gặp Ngài, người theo Ngài càng đông hơn (Lu 8:4,19,40).

3. Giảng Báp-tít: Chúa đáp ứng cho sự nghi ngờ (Lu 7:18-35)

Sự hoang mang (Lu 7:18,20): Giảng đã bị cầm tù vài tháng (3:19,20) nhưng ông biết Chúa đang thi hành chức vụ vì môn đệ ông luôn thông báo lại với ông mọi việc. Chắc Giảng rất khó chịu vì vốn quen với cuộc sống hoang dã, nay lại bị giam trong ngục. Dĩ nhiên ông phải chịu một sự căng thẳng về thể xác và tinh thần, bởi những chuỗi ngày chờ đợi chẳng lấy gì làm dễ chịu. Các nhà cầm quyền Do Thái không can thiệp cho Giảng và dường như Chúa Giê-xu cũng không giúp gì cho ông. Nếu Ngài đến để giải thoát kẻ bị cầm (4:19), vậy Giảng là đối tượng trước tiên để Ngài giải cứu

Không có gì lạ khi những người lãnh đạo thuộc linh trải qua thời gian ngờ vực và không biết chắc. Môi-se muốn thoát khỏi gánh nặng (Dan 11:10-15) và Ê-li, Giê-rê-mi

cũng vậy (IVua 19:1-21 Gie 20:7-9,14-18). Cả Phao-lô cũng ném trái sự thất vọng (ICo 1:8-9).

Có sự khác biệt giữa nghi ngờ và vô tín. Sự nghi ngờ là vấn đề của tâm trí (khả năng lý luận): Chúng ta không thể hiểu được điều Đức Chúa Trời hành động và lý do Ngài hành động. Sự vô tín chính là vấn đề thuộc về ý chí: chúng ta khước từ không tin Lời Đức Chúa Trời và không vâng theo những gì Ngài bảo ta làm. Oswald Chambers nói rằng: “Sự nghi ngờ luôn là dấu hiệu của người đang sai lầm nó có thể là dấu hiệu người ấy đang suy nghĩ”. Trong hoàn cảnh của Giăng, vấn đề đặt ra không phải là sự vô tín nhưng là sự nghi ngờ phát sinh từ tình trạng căng thẳng về thể chất và tinh thần. Bạn và tôi có thể nhìn lại chức vụ Chúa Giê-xu để hiểu điều Ngài làm, nhưng Giăng không có lợi điểm đó. Giăng rao truyền về sự xét đoán, nhưng Chúa đang thi hành công việc của tình yêu và lòng thương xót. Giăng báo trước về Nước Trời đang đến gần, nhưng không có chứng cứ nào cho điều đó. Ông bày tỏ Chúa Giê-xu là “Chiên Con Đức Chúa Trời” (Gi 1:29). Như vậy, hẳn Giăng đã hiểu phần nào về sự hy sinh của Chúa, nhưng sự hy sinh ấy có liên quan gì đến Vương quốc được hứa ban cho Y-sơ-ra-ên? Ông hoang mang về chương trình Đức Chúa Trời và vai trò của ông trong đó. Tuy vậy, bạn đừng xét đoán Giăng quá gay gắt, vì các tiên tri cũng từng hoang mang về những điều này (IPhi 1:10-12).

Lời khăng định (Lu 7:21-23): Chúa không giảng cho hai người này về vấn đề thần học hay lời tiên tri. Ngài chỉ bảo họ xem những gì Ngài đã làm cho mọi kẻ bệnh tật và chữa lành họ ra sao. Chắc chắn đây chính là những khả năng của Đấng Mê-si-a của lời hứa (Es 29:18-19 35:4-6 42:1-7). Ngài không lập nên vương quốc chính trị nhưng vương quốc Đức Chúa Trời đã hiện diện tại đó trong quyền năng. Từ Hy Lạp được dịch là “vấp phạm” còn mang nghĩa “xúc phạm”. Nguyên thủy từ này được để chỉ về một “miếng mồi” trong bẫy. Giăng có nguy cơ mắc sai lầm khi quan tâm về điều Chúa không làm. Ông đang vấp ngã vì Chúa mình và chức vụ Ngài. Chúa Giê-xu dịu dàng bảo ông giữ vững đức tin, vì Chúa của ông biết điều Ngài đang làm.

Ngày nay, nhiều người đang chỉ trích Hội Thánh vì đã không “thay đổi thế giới” và giải quyết các vấn nạn về kinh tế, chính trị, xã hội. Họ quên rằng Đức Chúa Trời đang thay đổi thế giới qua từng cá nhân. Lịch sử chứng minh rằng Hội Thánh thường dẫn đầu về công tác từ thiện. Tuy nhiên, công việc chính của Hội Thánh là đưa đất tội nhân hư mất đến với Đấng Christ. Mọi sự khác chỉ là vấn đề phụ mà thôi. Rao giảng Phúc Âm phải luôn là nhiệm vụ hàng đầu của Hội Thánh.

Lời khen ngợi (Lu 7:24-30): Điều chúng ta nghĩ về mình hoặc người khác nghĩ về chúng ta không quan trọng bằng những điều Đức Chúa Trời đang nghĩ. Đợi những người đưa tin đi khuất, Chúa Giê-xu mới đề cao nhiệm vụ của Giăng trước công chúng, đồng thời cáo trách những tấm lòng cứng cõi không tin nơi chức vụ Giăng. Giăng không phải là con người thoả hiệp, cũng không phải là cây sậy bị gió rung” (Eph 4:14). Ông không phải là người nổi tiếng có nhiều bạn bè giàu sang hoặc hưởng những thú vui của cải. Giăng không phải là con người do dự hay yếu đuối, dù con người có làm gì đối với ông cũng chẳng hề gì Giăng không chỉ là một tiên tri mà là một tiên tri có chức vụ nói tiên tri! (Es 40:3 Ma 3:1). Là vị tiên tri cuối cùng của Cựu Ước, Giăng được đặc quyền làm sứ giả của Đức Chúa Trời rao ra Đấng Mê-si-a cho dân Y-sơ-ra-ên.

“Trong Nước Đức Chúa Trời kẻ rất nhỏ còn lớn hơn Giăng” nghĩa là gì? Ý nghĩa của câu này nói về địa vị chứ không phải bản chất hay chức vụ. Giăng là sứ giả của Vua thiên đàng rao rờ Nước Trời. Ngày nay những ai tin nhận Chúa đều là công dân Nước Trời và là bạn hữu của Vua Trời (Gi 15:15). Chức vụ của Giăng đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc ông và trong kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời (Lu 16:16)

Câu Lu 7:29-30 là lời của Chúa Giê-xu, không phải lời giải thích của Lu-ca (Mat 21:32). Đó là giải đáp cho những ai từng hỏi “Nếu là một tiên tri lớn, sao Giăng lại bị cầm tù?” Giăng bị cầm tù bởi chính sự vô tín của các chức sắc tôn giáo. Những con người đơn sơ đã tiếp nhận thông điệp từ Giăng và chịu phép báp-tem của ông, đó là chứng có họ ăn năn tội lỗi mình. Họ nhìn biết Đức Chúa Trời, nghĩa là đồng tình với điều Chúa phán về họ (Thi 51:4). Nhưng các chức sắc tôn giáo chỉ nhìn thấy “cái tôi” thay vì nhìn biết Đức Chúa Trời, vì vậy họ chối từ Giăng và thông điệp của ông.

Lời kết án (Lu 7:31-35): Chúa ví thế hệ đó với những người còn tính chất trẻ con, không phải giống như con trẻ, họ chẳng hài lòng điều gì cả. Có lẽ Ngài muốn nói đến các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Giăng rao giảng về sự xét đoán nghiêm khắc, họ lại cho rằng “người mắc quỉ dữ”. Chúa Giê-xu hoà nhập với quần chúng rao giảng thông điệp vui mừng về sự cứu rỗi, họ cũng cho rằng “Ay đó là người ham ăn mê uống bạn với người thu thuế và kẻ có tội” Họ không muốn có “tang tóc” cũng chẳng cần “tiệc cưới”, vì không có gì làm hài lòng họ cả.

Những kẻ muốn trốn tránh sự thật về bản thân mình đều tìm sơ hở để chỉ trích người rao giảng. Đây là một phương cách họ biện hộ cho bản thân. Nhưng sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời chẳng thể bị cản trở bởi những lý luận của “kẻ hiểu biết và người khôn lanh”. Điều đó được bày tỏ qua cuộc đời đối mới của những ai tin nhận Ngài. Đây là cách sự khôn ngoan thật được chứng minh.

4. Người đàn bà có tội: Chúa đáp ứng trước tình yêu (Lu 7:36-50)

Chúa Giê-xu không chỉ hưởng ứng lòng hiếu khách của những người thu thuế và kẻ có tội, nhưng cũng hưởng ứng lời mời của những người Pha-ri-si nữa. Họ cũng cần có lời Đức Chúa Trời, dù họ có nhận thức được điều đó hay không. Chúng ta tin rằng lời mời của Si-môn là lời mời chân thành, không có mục đích nào khác khi mời Chúa vào nhà. Nếu có thì kế hoạch của ông chẳng đem lại kết quả gì mong muốn, bởi ông đã được học hỏi về chính mình nhiều hơn điều muốn biết.

Người đàn bà ăn năn (Lu 7:36-38): Thời bấy giờ những người ngoại cuộc thường lảng vảng quanh những bữa tiệc để xem những “người nổi tiếng” và nghe họ nói chuyện. Mọi cửa đều mở, nên người ngoài có thể vào phòng tiệc và nói chuyện với khách. Đây là lý do người đàn bà có thể đến gặp Chúa Giê-xu. Ngài không ở phía sau những cánh cửa đóng chặt. Thời đó, phụ nữ không được mời vào buổi tiệc.

Các thầy Do Thái không nói chuyện với phụ nữ công khai, cũng không ăn chung bàn với họ. Người đàn bà này không được tiếp đón tại nhà Si-môn và người Pha-ri-si. Tội lỗi bà không bị kể ra ở đây, nhưng chúng ta có thể hiểu rằng bà là người phụ nữ đứng đường và bị mang tiếng xấu.

Bạn đừng lẫn lộn sự việc này với một sự việc tương tự nói về Ma-ri ở thành Bê-tha-ni (Gi 12:1-8), cũng đừng nhầm người đàn bà này với Ma-ri-Ma-đơ-len (Lu

8:2 Mac 16:9) như nhiều vẫn nghĩ. Người đàn bà này nhận mình là tội nhân, điều đó chứng minh rằng bà đã ăn năn. Nếu bạn xem lại trình tự các sự việc trong xét sự hoà hợp của các sách Phúc Âm, bạn sẽ thấy trước khi sự kiện này xảy ra, Chúa từng ân cần mời gọi: “Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các người được yên nghỉ (Mat 11:28). Có lẽ đó chính là lúc người đàn bà này ăn năn tội và tin nhận Đấng Christ. Những giọt lệ ăn năn, thái độ khiêm cung và món quà quý giá của bà đã bày tỏ một tấm lòng được đổi mới.

Người chủ nhà hay chỉ trích (Lu 7:39-43): Si-môn thật lo ngại cho bản thân và cho những vị khách mời của mình. Dân chúng cho rằng Chúa Giê-xu là Đấng Tiên tri lớn (Lu 7:16), nhưng Ngài thật sự không bày tỏ sự sáng suốt của một tiên tri nếu Ngài cho phép một người đàn bà tội lỗi rờ chân mình, vậy chắc Ngài chỉ là kẻ lừa dối.

Nạn đề thật của Si-môn chính là sự mù loà của ông. Ông không thể hiểu bản thân mình, cũng không hiểu về Chúa Giê-xu và người đàn bà này. Ông dễ dàng nói: “Bà ta là kẻ có tội!”, nhưng khó nói rằng: “Tôi cũng là kẻ có tội!” (Lu 18:9-14). Chúa chứng minh rằng Ngài thực sự là một tiên tri khi đọc được tư tưởng Si-môn và cho ông ta biết nhu cầu của chính ông.

Ví dụ Chúa đưa ra không đề cập đến lượng tội lỗi trong đời người, nhưng nói về “nhận thức tội lỗi” trong lòng người. Phạm tội ở mức độ nào mới bị gọi là “tội nhân”? Si-môn và người đàn bà đều là tội nhân. Si-môn phạm tội về thuộc linh đặc biệt là lòng kiêu ngạo, còn người đàn bà phạm tội về thể xác (II Co 7:1). Tội lỗi người đàn bà được mọi người biết đến, nhưng chẳng ai thấy tội lỗi nơi Si-môn ngoại trừ Đức Chúa Trời. Si-môn bị bại hoại về mặt thuộc linh cũng như người đàn bà tội lỗi này, nhưng bản thân ông không nhận ra điều đó.

Sự tha tội là món quà ân điển của Đức Chúa Trời, món nợ tội đã được Chúa Giê-xu gánh thay (Eph 1:7 I Phi 1:18,19). Người đàn bà đã nhận được sự cứu rỗi vô điều kiện của Đức Chúa Trời nên bà tự do bày tỏ tình yêu của mình đối với Ngài. Si-môn khước từ sự ban cho của Đức Chúa Trời nên vẫn chưa được tha thứ. Ông không chỉ mù loà đối với bản thân nhưng còn mù loà về người đàn bà này cũng như về vị khách cao trọng của mình!

Đấng Christ đầy lòng tha thứ (Lu 7:44-50): Người đàn bà có tội trong công việc còn Si-môn có tội thiếu sót Ông không phải là người chủ nhà đối đãi tử tế cùng Chúa Giê-xu. (Để so sánh, hãy xem Áp-ra-ham ở Sa 18:1-8). Mọi điều Si-môn bỏ qua lại chính là những gì người đàn bà này thực hiện một cách hoàn hảo!

Có 2 điều lầm lẫn ta cần tránh khi giải nghĩa Lời Chúa. Trước hết, ta không nên kết luận rằng người đàn bà được cứu do những giọt nước mắt và món quà của bà. Chúa Giê-xu đã phán rõ. Đức tin bà đã cứu bà (Lu 7:50), không có lượng việc lành nào có thể trả cho sự cứu rỗi (Tit 3:4-7). Chúng ta cũng đừng nghĩ rằng tội nhân được cứu bởi tình yêu hoặc bởi tình yêu Đức Chúa Trời dành cho họ, hoặc bởi tình yêu của họ dành cho Ngài. Đức Chúa Trời yêu cả thế gian (Gi 3:16), vậy mà thế gian vẫn chưa được cứu hết thảy. “Vả ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình” (Eph 1:8,9). Ân điển chính là tình yêu đã trả một giá, giá ấy là sự chết của Con Đức Chúa Trời trên thập tự.

Chúa Giê-xu không chối từ những giọt lệ và bình dầu thơm của người đàn bà, vì việc làm của bà bày tỏ một đức tin”. Nếu ai nói mình có đức tin, nhưng không có việc

làm, thì ích chi chẳng?” (Gia 2:14-26). Chúng ta được cứu chẳng phải do đức tin”kèm theo” việc làm, nhưng được cứu bởi đức tin “dẫn đến” việc làm. Người đàn bà vô danh này bày tỏ lẽ thật trong Ga 5:6 “Trong Đức Chúa Giê-xu, điều có giá trị... tại đức tin hay làm ra bởi sự yêu thương vậy”.

Làm sao người đàn bà này biết tội mình đã được tha? Chính Chúa Giê-xu đã phán với bà như vậy. Làm sao chúng ta biết hôm nay chúng ta đã được tha tội? Đức Chúa Trời cho chúng ta biết điều đó qua Lời Ngài. Mời bạn xem một số câu Kinh Thánh sau đây: Es 1:18 43:25-26 55:6,7 Cong 13:38-39 Ro 4:7-8 Eph 4:32 He 8:12. Bạn từng hiểu rõ ý nghĩa ân điển của Đức Chúa Trời, không ngần ngại đón nhận sự tha thứ trọn vẹn vô điều kiện của Ngài và vui mừng khi nhận được sự tha thứ ấy.

Dĩ nhiên, thật bất ngờ đối với những kẻ chỉ trích khe khắt tại bữa ăn hôm ấy khi họ nghe Chúa Giê-xu phán: “Tội lỗi người đàn bà này nhiều lắm, đã được tha hết”. Khi phán lời ấy, Ngài đang tuyên bố chính Ngài là Đức Chúa Trời (Lu 5:21). Ngài là Đức Chúa Trời, cũng là Đấng chết thay cho tội lỗi của người đàn bà này. Những lời tha thứ Ngài phán ra thật quý báu, bởi Ngài đã trả một giá rất đắt trên thập tự.

Người đàn bà này được cứu ra sao? Bà ăn năn tội lỗi mình và đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu. Làm sao bà biết chắc mình đã được tha thứ? Lời Chúa bảo đảm cho bà điều ấy. Chúng có nào cho thấy bà được cứu? Tình yêu của bà dành cho Đấng Christ bày tỏ qua sự dâng hiến thành kính cho Ngài. Lần đầu tiên trong cuộc đời, bà được làm hoà với Đức Chúa Trời (Lu 7:50). Nói theo nghĩa đen là “hãy đi vào sự bình an”, vì bà đã rời khỏi phạm vi đối nghịch với Đức Chúa Trời và giờ đây vui hưởng sự bình an với Ngài (Ro 8:7-8 5:1).

Chúa Giê-xu đã thực hiện một phép lạ lớn khi chữa lành người đầy tớ của thầy đội. Ngài còn làm một phép lạ lớn hơn khi khiến đứa con trai của bà goá sống lại. Qua đoạn này Ngài đã thực hiện một phép lạ kỳ diệu nhất khi cứu người đàn bà khỏi tội lỗi và đổi mới bà. Phép lạ của sự cứu rỗi là một phép lạ kỳ diệu nhất trong mọi phép lạ, vì nó đáp ứng nhu cầu to lớn nhất, đem lại những kết quả kỳ diệu nhất (là những kết quả còn đời đời) và phải trả cái giá đắt nhất.

Si-môn là kẻ “mù loà”, đối với người đàn bà và chính mình. Ông biết quá khứ bà, nhưng Chúa biết tương lai bà. Tôi không biết đã có bao nhiêu kẻ có tội bị ruồng bỏ nhưng tìm được sự cứu rỗi qua lời làm chứng của người đàn bà này trong Phúc Âm Lu-ca. Nhưng bà giúp chúng ta tin rằng Chúa có thể chọn bất cứ tội nhân nào và khiến người ấy trở nên con cái Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, sự tha thứ của Đức Chúa Trời không có tính áp đặt: chúng ta có quyền chối bỏ ân điển Ngài. Vào năm 1830, một người tên George Wilson bị bắt vì tội ăn cắp bưu phẩm và bị xử treo cổ. Sau một thời gian, Tổng thống Andrew Jackson ký lệnh tha anh ta, nhưng phạm nhân này lại khước từ! Các nhà chức trách cảm thấy khó xử. “Nên tha bổng hay treo cổ Wilson đây?”

Họ hỏi ý kiến Chánh án John Marshall và được ông quyết định: “lệnh tha chỉ là một mảnh giấy, giá trị của nó tùy thuộc vào sự đón nhận của kẻ được tha. Nếu bị khước từ, đó không phải là lệnh tha nữa. Vậy Wilson phải bị treo cổ!”.

Nếu bạn chưa từng đón nhận “lệnh tha” của Đức Chúa Trời, bây giờ chính là lúc bạn phải tin nhận để được tha thứ.

7. NHỮNG BÀI HỌC VỀ ĐỨC TIN (Lu 8:1-56)

Một trong những chủ đề chính ở đoạn 8 là làm thế nào để có đức tin và áp dụng nó vào đời sống. Ở phần đầu, Chúa dạy dỗ môn đệ dựa trên nền tảng đức tin đến từ sự tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời vào lòng. Ở phần kế tiếp, Ngài đưa họ vào những “cuộc trắc nghiệm” để biết mức độ tiếp thu của họ. Chúng ta đều thích học Kinh Thánh, nhưng lại muốn tránh những cuộc thi thường đến sau khi học! Tuy nhiên, chính qua những thử thách của cuộc sống, đức tin sẽ thực sự tăng trưởng và chúng ta càng gần gũi với Đấng Christ hơn.

H.L.Mencken một viên chủ bút hoài nghi người Mỹ định nghĩa niềm tin như “một sự tin tưởng phi lý vào điều không thể xảy ra”. Còn Mark Twain lại cho rằng niềm tin là “sự tin tưởng vào điều bạn biết rõ là không phải như vậy”. Dĩ nhiên những người này muốn nói về sự “mê tín” chứ không phải niềm tin. Vì niềm tin của Cơ Đốc nhân dựa trên những nền tảng vững chắc.

Bất cứ ai cũng đều sống bởi niềm tin nơi một điều gì đó hay một người nào đó. Sự khác nhau giữa người tin Chúa và người ngoại không phải ở chỗ người này có niềm tin hoặc người kia không có. Cả hai đều có niềm tin, chỉ khác nhau ở đối tượng của niềm tin, vì niềm tin chỉ có ý nghĩa khi có đối tượng để tin. Cơ Đốc nhân là người đặt niềm tin mình nơi Chúa Giê-xu trên cơ sở Lời Đức Chúa Trời.

1. Lời dạy về việc nghe Lời Chúa (Lu 8:1-21)

Chúa tiếp tục chức vụ giảng lưu hành của Ngài tại Ga-li-lê, có các môn đệ và những người đàn bà tin kính theo giúp đỡ Ngài. Các thầy dạy luật Do Thái thường nhận quà của những người tỏ lòng biết ơn và có lẽ mấy đàn bà này đã chịu ơn nhiều từ chức vụ của Chúa Giê-xu. Những người lãnh đạo Hội Thánh thời Tân Ước được sự hỗ trợ vật chất từ bạn hữu và các Hội Thánh khác (IITi 1:16-18 Phi 4:15-17). Phao-lô thì tự lo cho mình qua việc làm (IITe 3:6-10).

Từ “nghe” được sử dụng nhiều lần trong phân đoạn này. “Nghe” có nghĩa là hiểu và tiếp nhận về mặt thuộc linh. “Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đức Chúa Trời được rao giảng” (Ro 10:17). Nhớ điều này, ta có thể hiểu được 3 lời khuyên Chúa dạy môn đệ.

Nghe và tiếp nhận đạo (Lu 8:4-15): Người gieo giống đầu tiên là Chúa Giê-xu, nhưng người gieo giống cũng tượng trưng cho mọi con cái Đức Chúa Trời là người rao ra lời Ngài (Gi 4:35-38). Hạt giống là lời Đức Chúa Trời, vì (giống) như hạt giống, lời ấy có sức sống và quyền năng (He 4:12), có thể sinh ra bông trái thuộc linh (Ga 5:22-23). Tuy vậy, hạt giống ấy chẳng đem lại ích lợi gì nếu không được gieo ra (Gi 12:24). Khi một người nào đó nghe và hiểu Lời Chúa, lúc ấy hạt giống thực sự đã gieo vào lòng người nghe. Kết quả sau đó sẽ phụ thuộc vào tính chất của “đất”.

Chúa Giê-xu gọi ví dụ này là “ví dụ về kẻ gieo giống” (Mat 13:18), hay còn gọi là “ví dụ về đất”. Hạt giống không có đất sẽ không có kết quả, đất không được gieo giống là đất vô dụng. Lòng người tựa như mảnh đất, nếu được chuẩn bị đúng mức, có thể tiếp thu hạt giống của Lời Đức Chúa Trời và đem lại một mùa thu hoạch dồi dào!

Chúa mô tả về 4 loại khác nhau của lòng người, trong đó có 3 tấm lòng chẳng sanh kết quả gì. Chứng cứ của sự cứu rỗi là “bông trái” chứ không chỉ nghe hoặc tuyên

xưng đức tin trong Đấng Christ là đủ. Chúa Giê-xu đã nói rõ điều này trong “Bài Giảng Trên Núi” (Lu 6:43-49 Mat 7:20).

Đất cứng (Lu 8:5,12): tượng trưng cho người nghe đạo nhưng sau đó bị ma quỷ cướp đi “hạt giống”. Lòng người cứng cỏi ra sao? Bên “lề đường là con đường tắt dẫn đến cánh đồng lớn chia thành những lô đất nhỏ. Đường bờ ruộng là con đường chạy qua cánh đồng phân chia cánh đồng thành những thửa ruộng. Bước chân người qua lại làm cho đất trở nên cứng. Bất cứ điều gì “tai nghe mắt thấy” đều được ghi vào lòng, vì vậy hãy cẩn thận kéo có kẻ “dẫn dụ lòng bạn”.

Đất đá sỏi (Lu 8:6,13) đại diện cho người nghe đạo sốt sắng và hưởng ứng nhanh chóng với Lời Chúa, nhưng sau đó sự quan tâm của họ giảm sút dần cho đến khi không sống theo Lời Chúa nữa (Gi 8:31-32). Ở nhiều vùng tại xứ Thánh (The Holy Land), bạn sẽ thấy tầng đá vôi bên dưới được phủ lên bởi một lớp đất mỏng, chồi non có thể mọc lên nhưng rễ không đâm sâu và mặt trời làm nó héo khô. Mặt trời tượng trưng cho thử thách đến với mọi người xưng mình là Cơ Đốc nhân để thử nghiệm đức tin họ. Mặt trời có ích cho những cây có rễ. Khó khăn, bắt bớ có thể khiến rễ của Cơ Đốc nhân thật bám sâu hơn, nhưng cũng phơi bày sự nông cạn của Cơ Đốc nhân giả.

Đất có gai (Lu 8:7,14): là người nghe đạo nhưng không ăn năn và chẳng từ bỏ những điều gây trở ngại cho mùa gặt. Ở đây có đủ đất để cây cắm rễ, nhưng lại không đủ diện tích cho cây phát triển và sinh quả. Cây bị nghẹt ngào nên không sinh trái. Chính “sự lo lắng, giàu sang, sung sướng đời này” như cỏ dại lẫn trong vườn khiến đất không sinh lợi gì cả. Người có “lòng nghẹt ngào” là người đã đến gần sự cứu rỗi nhưng vẫn chưa sinh “trái của sự trọn lành”.

Đất tốt (Lu 8:8,15): mới thật sự sinh bông trái. Đó là người nghe Lời Đức Chúa Trời, hiểu và tiếp nhận vào lòng. Họ được cứu và bày tỏ sự cứu rỗi qua đời sống kết quả (ITe 2:13 IPhi 1:22-25). Không phải ai cũng sinh bông trái giống nhau (Mat 13:8), nhưng mọi người tin Chúa thật sẽ sinh trái theo đời sống thuộc linh. Trái đó có thể là: đem người khác đến với Đấng Christ (Ro 1:13), dâng hiến cho công việc Đức Chúa Trời (Ro 15:25-28), làm việc lành (Co 1:10), bày tỏ phẩm chất Cơ Đốc nhân (Ga 5:22-23) hoặc ngợi khen Đức Chúa Trời (He 13:15).

Ví dụ này chứng tỏ Chúa không xúc động vì có nhiều người theo Ngài. Ngài biết đa số họ không thực sự muốn “nghe” Đạo và tiếp nhận vào lòng. Ngài lấy ví dụ này cốt để khích lệ môn đệ trong chức vụ sắp tới của họ và khích lệ chúng ta hôm nay. Khi xem lại mức độ tiến triển về phương diện bồi linh, truyền giảng, làm chứng theo kế hoạch trong một tháng hay một năm, bạn sẽ thắc mắc không biết vì sao mùa gặt “thất thu” đến thế. Lỗi không do người gieo giống hay hạt giống, vấn đề là do đất gieo. Lòng người sẽ không quy phục Đức Chúa Trời, không muốn ăn năn và tiếp nhận Đạo để được cứu rỗi.

Mục sư A.W.Tozer cho rằng: “Đức tin trước tiên đến với tai người nghe chớ không phải cái đầu hay cân nhắc”. Đức tin không phải là vấn đề về chỉ số thông minh hay trình độ học vấn, đó là vấn đề về sự dọn lòng khiêm nhường để tiếp nhận lẽ thật từ Đức Chúa Trời (Gia 1:19-21). Người hiểu biết hay kẻ khôn ngoan đều mù loà trước những lẽ thật mà những con trẻ có thể hiểu cách dễ dàng (Mat 11:20-26)!

Nghe và bày tỏ Đạo (Lu 8:16-18): Môn đồ bối rối vì Chúa dùng những ví dụ này để dạy họ, nên đã yêu cầu Ngài giải thích (Lu 8:9-10 Mat 13:10-17). Lời đáp của Chúa

đường như muốn nói rằng Ngài dùng những ví dụ này để giấu đám đông về lẽ thật, nhưng ngược lại, điều Ngài giảng dạy qua các ví dụ ấy cũng là lẽ thật và Lu 8:5-8 làm rõ điều này. Lời dạy dỗ của Ngài là ánh sáng cần phải được thắp lên và soi ra hầu tội nhân có thể được cứu.

Từ thí dụ có nghĩa là “đặt bên cạnh”. Thí dụ là một câu chuyện nhằm dạy một điều mới bằng cách đặt chân lý bên cạnh một điều quen thuộc. Mọi người đều biết hạt giống và đất, nên “Bài giảng về người gieo giống” khiến họ quan tâm. Những ai bàng quan hoặc kiêu ngạo sẽ nhún vai cho rằng không quan trọng. Những ví dụ của Chúa đã thu hút sự chú ý của những kẻ thờ ơ, bàng quan và thức tỉnh những người quan tâm.

Một thí dụ bắt đầu như một hình ảnh quen thuộc đối với người nghe. Nhưng khi bạn xem kỹ hình ảnh ấy, nó sẽ trở nên “một chiếc gương” để bạn nhìn thấy chính mình trong đó, cũng có nhiều kẻ không thích nhìn thấy bản thân mình. Điều đó giải thích lý do có một số người nghe Lời Chúa rất tức giận vì những ví dụ này, thậm chí tìm cách giết Ngài. Nếu chúng ta nhìn nhận mình là tội nhân khổ não muốn được cứu giúp, khi ấy “chiếc gương” trở nên “cửa sổ” để ta thấy Đức Chúa Trời và ân điển Ngài. Để hiểu và áp dụng ví dụ cách có ích đòi hỏi ta phải có sự thành tâm và lòng khiêm nhường, nhưng nhiều người nghe Lời Chúa không có 2 phẩm chất này.

Nghe và hiểu Lời Chúa là điều rất cần thiết, vì chúng ta có nhiệm vụ phải chia sẻ Lời Ngài cho kẻ khác. Những ai tiếp nhận hạt giống của Lời Chúa đều sẽ trở nên người gieo giống, người đem ánh sáng, người rao truyền Lẽ thật của Đức Chúa Trời (ITe 1:5-8). Nếu giữ điều ấy cho riêng mình, chúng ta sẽ mất hết, nhưng nếu chia sẻ ra, chúng ta sẽ nhận lãnh nhiều hơn nữa.

Nghe và làm theo Đạo (Lu 8:19-21): Ma-ri mẹ Chúa Giê-xu cùng các anh em Ngài lo lắng về Ngài và rất muốn gặp Ngài (Mat 13:55-56 Cong 1:14). Bạn hữu Ngài đều cho rằng Ngài đã “mất trí khôn” (Mac 3:21), có lẽ gia đình Ngài cũng đồng tình với họ. Nhân cơ hội này Chúa giảng một bài học thuộc linh khác: Là thành viên trong “gia đình thuộc linh” của Ngài còn quan trọng hơn bất cứ mối liên hệ con người nào, vì nó dựa trên sự vâng theo lời Đức Chúa Trời. “Nghe” Lời Chúa chưa đủ, ta còn phải “gìn giữ” Lời Ngài (Lu 8:15).

Trong một loạt bài giảng luận ở đài phát thanh, tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm theo Lời Chúa và áp dụng vào đời sống (Gia 1:22-25). Tôi nhắc nhở các thánh giả rằng chúng ta rất dễ tự hào mình là người “thuộc linh”, vì chúng ta từng nghe hết Mục sư này đến Mục sư khác, ghi chép cẩn thận, nhưng chẳng bao giờ thực sự áp dụng điều đã học. Chúng ta đang tự lừa dối mình!

Có một thánh giả nói rằng lời giảng của tôi khiến bà tức giận, nhưng sau đó bà đối diện với sự thật và thấy rằng: bà chỉ là “người nghe” chứ không phải “người làm theo” Lời Chúa. Bà bắt đầu nghe bài giảng qua đài phát thanh ít hơn, nhưng nghe chú tâm hơn và áp dụng điều đã nghe. Bà viết: “Phương pháp học Kinh Thánh mới này đã thay đổi tôi. Kinh Thánh trở nên một cuốn sách mới mẻ đối với tôi và đời sống tôi đã đổi mới!”

Là môn đệ Chúa, chúng ta phải lưu tâm đến điều mình nghe (Mac 4:24) và cách chúng ta nghe (Lu 8:18) vì chúng ta phải chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời về điều này. Lắng nghe những điều chân thật với thái độ thiếu nghiêm túc hoặc những điều giả dối cũng sẽ cướp đi lẽ thật và phước hạnh của chúng ta. Nếu ta trung tín nghe

và chia sẻ Lời Chúa, Ngài sẽ ban thêm cho chúng ta. Nhưng nếu không soi ra sự sáng, chúng ta sẽ mất những gì mình đang có. Nghe Lời Đức Chúa Trời thật sự là một vấn đề nghiêm túc!

2. Trắc nghiệm về sự ghi nhớ Lời Chúa (Lu 8:22-56)

Sau khi Chúa đã phán những “ví dụ về Nước Đức Chúa Trời” (Mat 13:1-52) các môn đệ có lẽ cảm thấy mình như những nghiên cứu sinh trong “Trường Đức tin”! Giờ đây, họ hiểu ra những lẽ màu nhiệm đã ẩn giấu đối với các thầy thông giáo và cả những tiên tri thời Cựu Ước. Điều họ đã không nhận ra (và chúng ta cũng vậy) đó là đức tin phải được trắc nghiệm trước khi có thể được nhìn nhận. Đây là bài học về lẽ thật thuộc linh, nhưng áp dụng lẽ thật vào từng trải của cuộc sống lại là một vấn đề hoàn toàn khác biệt.

Sa-tan chẳng hề quan tâm đến mức độ học Kinh Thánh của chúng ta khi chúng ta không sống theo lẽ thật đã học. Nếu lẽ thật chỉ nằm trong trí tuệ, lẽ thật đó mới chỉ là lý thuyết và không bao giờ ghi vào lòng người ngoại trừ nó được áp dụng bằng ý chí. “Lấy lòng tốt lành làm theo ý muốn Đức Chúa Trời” (Eph 6:6) là điều Đức Chúa Trời mong mỏi ở con cái Ngài. Sa-tan biết rằng lẽ thật có tính chất “lý thuyết” chẳng có gì nguy hiểm, chỉ có lẽ thật được “thực hành” mới đáng sợ!

Bạn hãy nhìn xem Chúa Giê-xu khi Ngài đối diện 4 thách thức đức tin và đắc thắng ra sao. Hôm nay, những người tin theo Ngài cũng đối diện với những thách thức đó và có thể đắc thắng bởi đức tin.

Nghịch cảnh (Lu 8:22-25): Chúa Giê-xu đã mỗi một sau một ngày dài giảng đạo, Ngài đi ngủ khi thuyền rời Ca-bê-na-um sang bờ bên kia. Trước khi ngủ, Ngài dặn môn đệ và đó cũng là lời báo trước: “Hãy qua bên kia hồ”. Lẽ ra, lời này đã khích lệ và giục lòng mạnh mẽ đối với môn đệ Ngài suốt thời gian bão nổi lên, nhưng đức tin họ thật kém cỏi (Mat 8:26).

Khi đoàn du lịch chúng tôi nhổ neo đi từ Ti-bê-ri-át đến Ca-bê-na-um, tôi hỏi người hướng dẫn rằng có bao giờ anh gặp cơn bão giữa biển Ga-li-lê chưa. Anh trợn mắt đáp: “Ồ, tôi mong chuyện đó chẳng bao giờ xảy đến với mình!” Đó là tình trạng những cơn gió mạnh đột ngột thổi xoáy vào biển hồ ở độ sâu 600 feet dưới mực nước biển! Khi luồng khí lạnh và nóng gặp nhau tại lòng chảo thiên nhiên này cơn bão chắc chắn sẽ nổi lên.

Các môn đệ sợ hãi, nhưng Chúa Giê-xu thì không! Ngài vẫn ngủ trong niềm tin rằng Cha trên trời đang nắm trọn quyền kiểm soát (Thi 89:8,9). Quá kinh hãi các môn đệ đánh thức Ngài, xin Ngài cứu họ. Danh hiệu “thầy” được dùng ở đây cũng giống như danh hiệu Phi-e-rơ đã dùng trong Lu 5:5. Dĩ nhiên vấn đề của họ không phải là bão tố bên ngoài mà là sự vô tín trong họ. Thật ra sự vô tín của họ nguy hiểm bội phần hơn cơn bão!

Từ “quở (trách)” thường được Chúa Giê-xu dùng khi đối phó với ma quỷ (Lu 4:35,41 9:42). Có thể Sa-tan đã núp sau cơn bão dữ dội này với cố gắng huỷ diệt Chúa Giê-xu hay ít ra cũng cản bước Ngài đến với những người bị quỷ ám tại Ga-đa-ra. Nhưng chỉ bởi lời phán Chúa đã khiến gió và biển yên lặng. Thường thì sau khi gió lặng biển vẫn còn động trong nhiều giờ. Nhưng trong trường hợp này mọi sự đều yên lặng tức khắc và cứ giữ nguyên như vậy (Thi 148:8).

Các môn đệ đã thất bại qua cuộc trắc nghiệm đức tin này vì họ không ghi nhớ Lời Chúa rằng Ngài sẽ qua bờ bên kia. Chúng ta có thể nói rằng đức tin không phải là sự tin tưởng bất chấp mọi hoàn cảnh. Nó chính là sự vâng lời bất chấp mọi cảm xúc và hậu quả. Các môn đệ nhìn quanh chỉ thấy mối nguy hiểm và chăm vào sự sợ hãi mà không hướng niềm tin để nhìn thấy Đức Chúa Trời. Đức tin và sự sợ hãi không thể tồn tại trong một tấm lòng.

Một phụ nữ đã nói với D.L.Moody rằng: “Tôi đã tìm thấy một lời hứa kỳ diệu!” rồi bà trích dẫn Thi 56:3: “Trong ngày sợ hãi, tôi sẽ để lòng nhờ cậy nơi Chúa”. Moody đáp: “Tôi xin nhắc bà một lời hứa khác” và ông trích dẫn Es 12:2 “Đức Chúa Trời là sự cứu rỗi tôi tôi sẽ tin cậy và không sợ hãi”.

Sa-tan (Lu 8:26-39): Có 2 người bị quỷ ám đến gặp Chúa Giê-xu khi Ngài đến Ga-đa-ra (Mat 8:28), nhưng có một người vừa thấy Ngài đã la inh ỏi. Cả 2 đều ở trong tình trạng đáng thương: loã lồ, sống nơi mồ mả, dữ tợn, nguy hiểm, là mối đe dọa cho mọi người trong vùng và bị một “quân đoàn quỷ” khống chế. (Quân đoàn La Mã có khoảng 6.000 người!) Sa-tan là kẻ trộm chỉ đến để huỷ diệt và cướp đi những gì tốt lành của người thuộc về nó (Gi 10:10). Không có quyền lực nào của con người hay sự ràng buộc có thể điều khiển hoặc thay đổi những kẻ nô lệ cho ma quỷ. Họ chưa có hy vọng nơi Đấng Christ.

Ma quỷ cũng có niềm tin (Gia 2:19) nhưng không phải là đức tin cứu được người khác. Chúng tin rằng Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời có quyền trên chúng. Chúng tin vào sự đoán phạt trong tương lai (Mat 8:29) và nơi đau đớn đời đời mà chúng sẽ bị Chúa giam (Lu 8:31). Ma quỷ cũng tin nơi sự cầu nguyện và chúng xin Chúa đừng khiến chúng xuống vực sâu. Chúng xin được nhập vào bầy heo và được Chúa chấp nhận.

Lẽ nào Chúa Giê-xu lại có quyền để cho quân đoàn quỷ tiêu diệt bầy heo 2000 con, điều có thể khiến các chủ heo phá sản? Đức Chúa Trời là chủ của muôn vật (Thi 50:10-11) nên Ngài có thể quyết định điều gì theo ý Ngài. Hơn nữa, hai con người này còn đáng giá hơn bầy heo kia (Mat 12:12). Lẽ ra những người ở đây phải cảm ơn Chúa vì Ngài đã trừ khỏi làng họ 2 hiểm hoạ này, nhưng ngược lại, họ xin Ngài lìa khỏi xứ họ! Thật là một sự thay đổi hoàn toàn ở 2 con người này. Có lẽ bạn nghĩ những người chứng kiến phép lạ này sẽ mời Chúa ở lại để chữa lành cho những kẻ khác. Nhưng rõ ràng đồng tiền đối với họ còn quan trọng hơn sự thương xót nên họ đã xin Ngài lìa khỏi đó.

Người được Chúa chữa khỏi quỷ ám xin được ở với Ngài và hầu việc Ngài. Con người vừa mới được đổi mới ấy có một khao khát thật đáng quý biết bao! Anh ta có suy nghĩ thuộc linh sâu sắc hơn mọi người khác. Dù chưa có sự chuẩn bị làm môn đệ Chúa, nhưng anh ta có thể hầu việc Ngài với tư cách là một chứng nhân cho Ngài, khởi đầu từ gia đình cho đến bà con và bằng hữu người ngoại. Chúa Giê-xu không muốn những người Do Thái được chữa lành rao ra công việc Ngài, nhưng lại bảo người ngoại thuật cho kẻ khác điều Ngài làm cho họ và đó là ý muốn Ngài.

Bệnh tật (Lu 8:40-48): Khi Chúa trở lại Ca-bê-na-um, dân chúng đều mong đợi Ngài, đặc biệt có một người đàn ông và một đàn bà gặp chuyện đau buồn đến xin Ngài cứu giúp. Sự khác biệt giữa 2 người này thật đáng chú ý, vì nó cho thấy những người đến nhờ cậy Chúa ở những tầng lớp xã hội khác nhau. Người đàn ông tên Giai-ru, nhưng người đàn bà lại vô danh. Giai-ru là người thuộc giai cấp thượng lưu giàu có,

còn người đàn bà thuộc giai cấp thấp hèn và đã tốn hết tiền của để chạy chữa căn bệnh của bà. Người đàn ông cầu xin Chúa chữa cho con gái mình, người đàn bà hy vọng bản thân mình được chữa lành, cả 2 đều sắp mình nơi chân Chúa. Giai-ru hưởng 12 năm sống hạnh phúc với đứa con gái nhỏ của mình, nhưng giờ đây ông sắp phải mất nó. Người đàn bà trải qua 12 năm khổ sở vì bệnh tật, giờ đây chỉ mong sao được khoẻ mạnh. Bà có một nhu cầu giấu kín, một gánh nặng đeo đuổi bà suốt 12 năm. Gánh nặng ấy ảnh hưởng đến sức khoẻ khiến bà sống vất vả, nó cũng tác động đến tinh thần bà vì bệnh mất huyết khiến bà bị ô uế về mặt hình thức nên không thể dự phần trong sinh hoạt tôn giáo (Le 15:19-22). Bà ở trong tình trạng ô uế, cơ cực, chán nản, tuyệt vọng. Nhưng bà đã đến với Chúa Giê-xu và nhu cầu bà được đáp ứng. Đức tin bà dường như có vẻ “mê tín” nhưng Chúa tôn trọng về đức tin đó. Bà biết Chúa từng chữa lành cho kẻ khác nên cũng muốn Ngài chữa cho mình. Bà có thể viện nhiều lý do - đám đông chen lấn quanh Chúa chữa trị 12 năm rồi chẳng khá gì, bà không phải là người quan trọng Chúa đang trên đường đến chữa cho con gái Giai-ru. Nhưng bà quyết không để bất cứ điều gì ngăn cản con đường bà đến với Chúa.

Áo choàng của người đàn ông Do Thái thường có 4 tua màu xanh ở các ché áo, hình thức này nhắc nhở họ phải vâng theo mệnh lệnh Đức Chúa Trời (Dan 15:37-40 Phu 22:12). Người Pha-ri-si làm theo luật này quá mức, muốn cho người khác thấy “sự thánh thiện” của họ (Mat 23:5). Chúng ta không biết vì sao người đàn bà quyết định rời trốn áo Chúa Giê-xu, nhưng Ngài biết có ai đó đã dùng niềm tin rời áo Ngài và được lành bởi quyền phép Ngài. Sự lành bệnh xảy ra tức thì và thật hoàn hảo!

Vì sao Chúa muốn người đàn bà làm chứng giữa công chúng? Điều này không khiến bà bẽ bàng sao? Hoàn toàn không phải thế. Việc bắt đầu với sự xưng nhận công khai là vì lợi ích cho bà. Đây là dịp tiện để bà xưng nhận Đấng Christ và tôn vinh Đức Chúa Trời. Nếu bà lẩn khuất giữa đám đông, chắc đã không thể gặp Chúa cách riêng tư hoặc nghe những lời đảm bảo và yên ủi của Ngài (Lu 8:18) Lời xưng nhận của bà cũng là sự khích lệ đối với Giai-ru, người sắp biết tin về cái chết của con gái mình. (Có lẽ ông trách cứ người đàn bà này vì đã trì hoãn thời gian) 12 năm đau khổ của bà đã chấm dứt. Chúa Giê-xu chữa lành bà, Ngài cũng sẽ giúp Giai-ru. Bà là chứng cứ về quyền năng của đức tin. Thật vậy, bà không bày tỏ một “đức tin vĩ đại” nhưng Chúa vẫn đẹp lòng và chữa lành bệnh tật bà.

Tóm lại, chứng cứ của người đàn bà này như một sự quở trách đối với đám đông. Bạn có thể là thành phần thuộc đám đông ấy, và chẳng bao giờ hưởng phước hạnh của sự gần Chúa Giê-xu! “Lấn ép” Ngài là một việc còn “rờ đến Ngài” bằng đức tin là một việc khác. Đức tin ta có thể chưa mạnh mẽ, nhưng ta có một Đấng Christ quyền năng, Ngài sẽ đáp ứng nhu cầu chúng ta dù chỉ bởi “một cái rờ” tại trốn áo Ngài!

Ông James Simpson - nhà phát minh chất cloroform, lúc hấp hối được một người bạn yên ủi: “Chẳng bao lâu anh sẽ được yên nghỉ nơi lòng Chúa”. Simpson khiêm tốn đáp: “Chẳng biết tôi có thể hay không, nhưng tôi nghĩ, tôi đã nắm được trốn áo Ngài”.

Sự chết (Lu 8:49-56): Người cai nhà hội là người có tuổi đời thâm niên chịu trách nhiệm trong những lễ thờ phượng và lo về các tiện nghi trong nhà hội. Ông lo về việc sắp xếp người cầu nguyện, đọc Kinh Thánh và giảng luận. Ông là người đứng đầu các trưởng lão nhà hội và là người tiếng tăm, giàu có. Để xin Chúa giúp đỡ, ông đã phải hết sức khiêm nhường hạ mình và dạn dĩ đến với Ngài. Bởi lúc bấy giờ các chức sắc tôn giáo muốn lập mưu giết Ngài.

Khi Giai-ru ra khỏi nhà, đưa con gái bệnh quá nặng, ở tình trạng hấp hối. Khi Chúa rời đám đông đi cùng với Giai-ru, đưa con gái đã chết. Người nhà Giai-ru nghĩ rằng Chúa chỉ có thể chữa người còn sống, nên họ khuyên Giai-ru từ bỏ ý định xin cứu giúp và về nhà. Nhưng Chúa đã yên ủi người cha quẫn trí này bằng một lời đầy hy vọng.

Cảnh tượng tại nhà Giai-ru có thể làm nản lòng bất cứ ai! Những kẻ khóc mướn có mặt sẵn tại đó, họ khóc lóc, kể lể đủ điều. Bà con và người lân cận xúm quanh. Người Do Thái thời bấy giờ sẵn sàng đóng góp thời gian, công sức để phô bày hoặc chia sẻ đau khổ của họ. Xác chết sẽ được chôn nội trong một ngày, ngay sau khi được tắm rửa và xức dầu.

Chúa chủ động trong hoàn cảnh này và bảo đám đông thôi than khóc vì đưa con gái chỉ ngủ chớ không chết. Dĩ nhiên, đưa con gái này thật đã chết, vì linh hồn đã lìa khỏi xác (Lu 8:55 Gi 2:26). Tuy nhiên đối với Chúa, “chết” chỉ là “ngủ”. Hình ảnh này thường được dùng trong Tân Ước để mô tả sự chết của những người tin Chúa (Gi 11:11-14 Cong 7:59-60 ICo 15:51 ITe 4:13-18). “Ngủ” là kinh nghiệm bình thường không làm chúng ta sợ, nhưng chúng ta cũng không nên sợ sự chết. Đó là lúc thân xác ngủ chớ không phải linh hồn, vì linh hồn của người tin Chúa sẽ ở cùng Đấng Christ (Phi 1:20-24 IICo 5:6-8). Khi sống lại, thân thể sẽ thức dậy và được vinh hiển, con cái Đức Chúa Trời sẽ mang hình ảnh giống Đấng Christ (IGi 3:1-2).

Những kẻ than khóc cười nhạo Chúa Giê-xu vì họ biết đưa con gái đã chết, và chết là chấm dứt tất cả. Nhưng họ không nhận biết Chúa là “sự sống lại và sự sống” (Gi 11:25-26). Ngài chẳng từng khiến con trai bà goá sống lại đó sao? Ngài chẳng kể cho Giăng Báp-tít về người chết được sống lại sao? (Lu 7:22). Rõ ràng những kẻ than khóc không tin các chứng cứ đó và họ cho rằng Chúa Giê-xu chẳng biết gì!

Chúa bảo tất cả ra ngoài! Đối với Ngài, hoàn cảnh này thật tế nhị và có ý nghĩa nên Ngài không thể để cho những kẻ vô tín chứng kiến. Ngài chỉ cho Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng và cha mẹ đưa con gái cùng Ngài vào phòng nơi đưa con gái nằm. Ngài cầm tay đưa con gái và phán bằng tiếng Aram: “Ta-bi-tha-cu-mi!” con ơi, hãy chỗi dậy! Đây không phải là câu thần chú, nhưng là mệnh lệnh từ Chúa của sự sống và sự chết (Kh 1:17,18). Linh hồn đã hoàn lại nơi thể xác đưa con gái, nó ngồi dậy và bắt đầu đi lại trong phòng. Chúa bảo cha mẹ cho đưa con gái ăn, vì có lẽ suốt thời gian bệnh đưa con gái chẳng ăn được gì. Chúa cũng dặn họ đừng loan tin này ra, nhưng tin đã đồn ra khắp cả xứ! (Mat 9:26).

Sự sống lại là bức tranh về phương cách Chúa Giê-xu cứu những tội nhân hư mất và khiến họ sống lại từ sự chết thuộc linh (Gi 5:24 Eph 2:1-10). Các sách Phúc Âm ghi được 3 sự sống lại, dù Chúa đã khiến nhiều người khác sống lại. Ở mỗi trường hợp, người được khiến sống lại đều có bằng chứng của sự sống: Đưa con trai của bà goá bắt đầu nói (Lu 7:15) con gái Giai-ru đi lại và ăn uống, La-xa-rơ được giải thoát khỏi mớ vải liệm (Gi 11:44). Khi một tội nhân hư mất được sống lại từ kẻ chết, bạn có thể thấy điều đó qua hành động người ấy nói, đi đứng, ăn uống, trang phục (Co 3:1) Bạn không thể che giấu được sự sống!

Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng cùng đi với Chúa Giê-xu và chứng kiến 3 trường hợp đặc biệt, và đây là trường hợp thứ nhất. Trường hợp thứ hai xảy ra ở núi Hoá hình (Lu 9:28). Trường hợp thứ ba xảy ra tại vườn Ghết-sê-ma-nê (Mac 14:33). Campbell

Morgan cho rằng mỗi sự kiện đều có liên quan đến sự chết và qua những từng trải đó ba môn đệ đã nhận được những bài học quý báu về Chúa Giê-xu và sự chết.

Tại nhà Giai-ru, họ biết rằng Chúa Giê-xu là Đấng đắc thắng sự chết. Trên núi Hoá hình, họ khám phá rằng Ngài sẽ được vinh hiển qua sự chết. Và tại vườn Ghết-sê-ma-nê họ hiểu rằng Ngài bị nộp cho sự chết! Gia-cơ là người đầu tiên trong số 12 môn đệ chịu chết (Cong 12:1-2), Giăng chết sau cùng và sự chết của Phi-e-rơ cũng được Chúa Giê-xu bảo trước (Gi 21:18-19 IPhi 1:13-21). Ba người ấy cần phải học những bài học này, và chúng ta ngày hôm nay cũng vậy.

8. CHỨC VỤ ĐA PHƯƠNG (Lu 9:1-62)

Đó là một buổi tối đáng bực mình! Trong khi tôi đang nghiên cứu và viết sách, cứ 30 phút điện thoại lại reng liên tục. Lẽ ra tôi phải vui mừng nghỉ tay và tán gẫu với bạn bè qua điện thoại, nhưng những người gọi điện thoại chỉ toàn kể lể với tôi đủ điều, từ chiếc vé khiêu vũ cho đến những cuộc đầu tư... Lúc lên giường ngủ, tôi nghĩ đến việc phải cắt điện thoại và bắt đầu bảo vệ cuộc sống riêng tư của mình.

Lúc 11 giờ, có một người gọi điện cho tôi với ý định tự tử. Nhờ ơn Chúa, tôi đã có thể khuyên can anh ta tự chủ lấy mình. Lúc gác máy tôi cảm tạ Chúa vì tôi chưa cắt điện thoại. Khi trở lại giường ngủ tôi nghĩ đến Chúa Giê-xu và thời gian Ngài sử dụng. Lúc nào cũng có nhiều người đến với Ngài và Ngài đã không từ chối họ. Có lẽ Ngài không hề “cắt đường dây liên lạc” với họ.

Trong đoạn này, Bác sĩ Lu-ca mô tả một đời sống bận rộn của Con Người có lòng thương xót khi Ngài thi hành 4 nhiệm vụ:

1. Sai phái các sứ đồ (Lu 9:1-11)

Nhiệm vụ rao giảng (Lu 9:1-6): Trước đó vài tháng, mười hai môn đệ đã được Chúa chọn ra và đồng hành với Ngài như những người hầu việc. Giờ đây, Chúa sắp sai họ ra đi từng đôi một (Mac 6:7) với nhiệm vụ riêng và thực hành điều họ đã học. Đây là “sự ra đi đơn độc” của họ.

Tuy nhiên, trước khi phái họ đi, Chúa đã trang bị cho họ mọi điều cần thiết để thực hiện nhiệm vụ cũng như dặn dò họ kỹ càng. Đoạn Kinh Thánh tương tự ở Mat 10:1-42 cho thấy 12 sứ đồ chỉ được sai đến với dân Y-sơ-ra-ên (Lu 9:5-6). Lu-ca không để ý đến chi tiết này vì ông viết sách Phúc Âm chủ yếu cho người ngoại và muốn nhấn mạnh rằng Phúc Âm đã loan rộng khắp thế giới.

Quyền năng là khả năng hoàn thành nhiệm vụ, “thẩm quyền” là quyền để thực hiện nhiệm vụ đó. Chúa Giê-xu ban cho các sứ đồ cả quyền năng và thẩm quyền ấy. Họ có thể đuổi quỷ và chữa bệnh nhưng nhiệm vụ quan trọng nhất Chúa giao họ chính là việc rao giảng Phúc Âm. Từ “rao giảng” ở Lu 9:6 gợi lên hình ảnh một sứ giả loan báo thông điệp của Vua, có nghĩa là: rao giảng Phúc Âm. Họ chính là những sứ giả đem Phúc Âm đến!

Khả năng chữa bệnh của các sứ đồ là sự ban cho đặc biệt chứng thực chức vụ họ (Ro 15:18-19 IICo 12:12 He 2:1-4). Các phép lạ là chứng cứ Chúa sai họ đi và hành động qua họ (Mac 16:20). Hôm nay chúng ta có thể kiểm nghiệm chức vụ của một người qua lẽ thật của lời Chúa (IGi 2:18-29 4:1-6). Chỉ có phép lạ thôi sẽ không đủ chứng minh một người nào đó có thực sự được Chúa sai đi hay không, vì Sa-tan có thể khiến các “sứ đồ giả” làm những dấu kỳ phép lạ (Mat 24:24 IICo 11:13-15 ITe 2:9-10).

Chúa dạy các sứ đồ phải mang những gì trên đường đi, đặc biệt Ngài nhấn mạnh về tính khẩn trương và phong cách bình dị họ phải có. Họ không được mang theo bao đựng thực phẩm nhưng phải tin rằng Đức Chúa Trời sẽ mở cửa những gia đình tử tế. Mat 10:11-15 cho biết họ phải chọn những gia đình ra sao nếu người ta không tiếp, các sứ đồ phải phủ bụi nơi chân họ. Những người Do Thái chính thống cũng làm hành động đó mỗi khi họ rời khỏi địa phận người ngoại (Cong 13:51 Lu 10:10-11).

Sự lo sợ (Lu 9:7-9): Khi các môn đệ đã ra đi, Chúa Giê-xu cũng thi hành chức vụ tại Ga-li-lê trong một thời gian (Mat 11:1). Công việc của các sứ đồ gây sự chú ý lớn. Thật vậy, những việc họ làm thậm chí đã được bàn luận giữa các nhà cầm quyền cao cấp nhất! Hê-rốt An-ti-ba (Lu 3:1) là con vua Hê-rốt Đại đế, người sai giết Giảng Báp-tít (3:19-20 Mat 14:1-12).

Ai đã làm việc lạ lùng dường ấy? Giảng chưa làm một phép lạ nào (Gi 10:41), nhưng mọi sự có thể thay đổi nếu Giảng sống lại! Người Do Thái mong mỗi tiên tri Ê-li xuất hiện, vì vậy có lẽ lời tiên tri ấy đã được ứng nghiệm (Ma 4:5 Lu 1:17 Mat 11:10-14 17:11-13). Dĩ nhiên lương tâm Hê-rốt đang bị dằn vặt, ông tự hỏi không biết có phải Đức Chúa Trời đã sai Giảng trở lại đoán phạt ông hay không.

Hê-rốt tìm cách gặp Chúa Giê-xu, nhưng Chúa không giống như “những kẻ nổi danh” thức thời trong tôn giáo, Ngài không cho đó là cơ hội để từ bỏ chức vụ và hoà nhập với tầng lớp quyền cao chức trọng. Ngài gọi vua là “con chồn cáo” và không dễ bị những lời doạ dẫm của vua làm cho khiếp sợ (Lu 13:31-32). Khi Hê-rốt gặp Chúa Giê-xu lần sau cùng, ông ta hy vọng Chúa sẽ làm phép lạ, nhưng Con Đức Chúa Trời không nói gì và không làm gì. Tên bạo Chúa Hê-rốt đã khiến lời từ Đức Chúa Trời câm nín trước hăn! (Lu 23:6-12)

Kết luận (Lu 9:10-11): Các sứ đồ trở về tường thuật sôi nổi nhiệm vụ họ cho Chúa nghe. Ngài khuyên họ tẻ ra để nghỉ ngơi (Mac 6:30-32). Diễn giả nổi tiếng Vance Harner có lần đã nói: “Nếu không tẻ ra và nghỉ ngơi, chúng ta sẽ tách rời nhau”. Nhiệm vụ rao giảng và chữa bệnh của các sứ đồ đòi hỏi nhiều nỗ lực, vì vậy họ cần có thời gian tịnh dưỡng về thể chất và tinh thần. Những tín hữu hầu việc Chúa bận rộn hoặc quá sức nên xem đây là gương điển hình để noi theo.

Bị thu hút bởi những phép lạ Chúa làm, đoàn dân không rời Chúa nhưng cứ đi theo Ngài qua các thành. Khi Chúa cùng 12 sứ đồ cập thuyền vào bờ, đoàn dân đã có mặt tại đó để gặp Ngài. Chúa động lòng thương xót họ và cứu giúp họ (Mat 14:13-14). Con Người không có một ngày nghỉ ngơi!

2. Nuôi đoàn dân đông (Lu 9:12-17)

Chúa chúng ta không thuộc loại người chỉ biết giảng đạo và nói với kẻ đói khát rằng hãy đi cho bình an. Hãy sưởi cho ấm và ăn cho no!” (Gi 2:16). Các môn đệ quá sốt ruột nên chỉ nhìn thấy đoàn dân đông (Lu 18:15 Mat 15:23), họ chưa hiểu được sự thương xót của Chúa Giê-xu và trách nhiệm Ngài đối với đoàn dân. Nhưng sẽ có một ngày họ thấu hiểu tường tận về Ngài.

Nếu bạn xem phép lạ này ở các sách Phúc Âm, bạn sẽ thấy Chúa hỏi Phi-líp trước trên về nơi mua thức ăn cho đoàn dân đông (Gi 6:5) Ngài chỉ muốn thử đức tin Phi-líp, “Ngài đã biết điều Ngài sẽ làm rồi” (Gi 6:6). Những lúc gặp khủng hoảng trong cuộc sống, khi nguồn “dự trữ” của bạn cạn kiệt nhưng trách nhiệm lại quá lớn, đó là lúc bạn nên biết rằng Đức Chúa Trời sẽ sẵn sàng giải quyết nan đề của bạn.

Chúa bắt đầu hành động từ những gì các môn đệ có, Anh-rê phát hiện ra 5 cái bánh và 2 con cá do một cậu bé quyên góp rộng rãi. Anh-rê có biết cậu bé này không? Có phải cậu bé đã tự nguyện dâng hết phần ăn trưa nhỏ bé của cậu? Trước khi chúng ta cầu xin Đức Chúa Trời thực hiện những việc ngoài khả năng mình, hãy bắt đầu từ những việc ta có thể làm được và dâng cho Ngài những gì ta có. Khi đó, hãy cảm tạ Ngài vì có những người mẹ cho con mình những thứ để dâng Chúa.

Chúa ngược mặt lên trời, nguồn cung cấp thực phẩm hằng ngày cho chúng ta (Mat 6:11), cảm tạ, chúc phước trên thức ăn và khiến 5 cái bánh với 2 con cá trở nên đầy đủ. Chúa Giê-xu là “nhà sản xuất”, còn các môn đệ như những “nhà phân phối”. Điều kỳ lạ đã xảy ra, mọi người đều được phục vụ và thoả lòng, lại có dư ra 12 giỏ bánh thừa, mỗi giỏ dành cho từng môn đệ. Chúa Giê-xu chăm lo cho tôi tớ Ngài thật chu đáo!

Phép lạ này thật ý nghĩa nhưng nó không chỉ bày tỏ sự thương xót đối với những kẻ đói khát mà còn là dấu hiệu về Đấng Cứu Thế - Chúa chúng ta, bày tỏ sự ban phát nhân từ của Đức Chúa Trời để cứu con người. Ngày hôm sau, Chúa giảng về “bánh của sự sống” và kêu gọi mọi người tin nhận Ngài như họ đã nhận bánh (Gi 6:22-59). Họ quan tâm đến bọn trẻ hơn linh hồn và hoàn toàn không hiểu ý nghĩa thuộc linh của phép lạ này. Họ muốn tôn Ngài làm vua để Ngài ban bánh nuôi họ đến cuối đời (Gi 6:14-15).

Sau khi Chúa Giê-xu thăng thiên, có lẽ các môn đệ thường được yên ủi khi nhớ đến phép lạ ấy. Phép lạ Chúa làm dạy họ phải có lòng thương xót, nhìn nan đề như cơ hội để Đức Chúa Trời hành động, dâng cho Ngài những gì họ có và tin rằng Ngài sẽ đáp ứng nhu cầu. Nếu chúng ta làm những việc trong khả năng mình, Chúa sẽ hành động và thực hiện phần còn lại. Corrie Ten Boom nói rằng: “Hãy để những lời hứa của Đức Chúa Trời soi sáng trên những nan đề của bạn”. Đó là lời khuyên hữu ích cho chúng ta.

3. Dạy dỗ (Lu 9:18-36)

Ở Phúc Âm Lu-ca, sự kiện Chúa nuôi đoàn dân đông chấm dứt công việc gọi là “chức vụ của Người Ga-li-lê vĩ đại” (Lu 4:14-9:17). Giờ đây, Chúa Giê-xu bắt đầu cuộc hành trình đến Giê-ru-sa-lem (Lu 9:51 13:22 17:11 18:31 19:11,28). Đây có lẽ là thời gian Ngài và các môn đệ nghỉ ngơi vì Ngài muốn chuẩn bị cho họ công việc sắp tới. Ở sách công vụ cũng có một đoạn tương đương nói về hành trình sau cùng của Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem. Trong cả 2 sách, chúng ta có “câu chuyện hai thành phố”. Trong Lu-ca từ Na-xa-rét đến Giê-ru-sa-lem và ở Công vụ là từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma.

Trong phân đoạn này, Chúa dạy các môn đệ 3 bài học cơ bản về Thân vị sự hi sinh và Vương quốc của Ngài.

Thân vị Chúa Giê-xu (Lu 9:18-21): Nếu bất cứ ai trong chúng ta hỏi bạn hữu về những gì người khác nói về mình, đó chính là biểu hiện của sự kiêu ngạo, nhưng đối với Chúa Giê-xu thật không phải thế. Mọi người nên biết rõ Chúa Giê-xu là ai, vì những gì chúng ta nghĩ về Chúa sẽ quyết định số phận đời đời của mình (Gi 8:24 IGI 4:1-5). Không thể nhầm lẫn về Chúa Giê-xu mà vẫn đúng với Đức Chúa Trời được.

Chúa Giê-xu cầu nguyện cả đêm trước khi chọn 12 sứ đồ (Lu 6:12-13) và bây giờ Ngài cũng cầu nguyện trước khi các môn đệ xưng nhận đức tin họ. Đã có những dư luận khác nhau về Chúa (Lu 9:7-8) nhưng các môn đệ Chúa phải có những sự xác tín.

Phi-e-rơ là người đại diện các môn đệ đưa ra chứng cứ xác thực về thần tính của Chúa Giê-xu Christ. Đây là lần thứ 2 Phi-e-rơ công khai xưng nhận Đấng Christ (Gi 6:68-69). Ngoại trừ Giu-đa (Gi 6:70-71), tất cả các môn đệ đều có đức tin nơi Chúa Giê-xu.

Chúa nghiêm cấm họ không được đồn đãi ra lẽ thật này. Trước hết thông điệp về Đấng Christ không thể bị tách rời khỏi sự chết và sự phục sinh của Ngài. Ngài sắp cho họ biết thông điệp này. Họ phải mất nhiều thời gian để hiểu rõ bài học mới mẻ này và sau khi Chúa Phục sinh họ mới thật sự hiểu hết ý nghĩa bài học (Lu 24:44-48). Người Do Thái bấy giờ chỉ xem Chúa Giê-xu như người chữa bệnh và dạy dỗ đầy ơn. Nếu các sứ đồ bắt đầu rao giảng rằng Chúa thật sự là Đấng Christ, có lẽ trong dân chúng sẽ nổi lên cuộc dấy loạn chống lại Rô-ma.

Sự hi sinh (Lu 9:22-26): Trước đây Chúa từng nói trước về sự chết hi sinh của Ngài một cách gián tiếp, nhưng giờ đây Ngài dạy môn đệ lẽ thật này cách rõ ràng. Giảng giới thiệu Chúa là “Chiên Con của Đức Chúa Trời” (Gi 2:19). Chúa so sánh chính Ngài với con rắn trong đồng vắng (Gi 3:14) và với tiên tri Giô-na (Mat 12:36-40) để báo trước về sự thương khó và sự chết của Ngài.

Trong Lu-ca, có 3 lần Chúa báo trước về sự thương khó của Ngài ở thành Giê-ru-sa-lem và đây là lời tuyên bố đầu tiên của Ngài (Lu 9:43-45 18:31-34). Các môn đệ thật sự không hiểu Chúa muốn nói gì, một phần do họ thiếu đức tin và chưa trưởng thành, phần khác do Đức Chúa Trời đã giấu khỏi họ để không hiểu lẽ thật này. Ngài chỉ dạy họ khi nào họ đã đủ sức nhận lấy lẽ thật (Gi 16:12). Có lẽ đây là một cú sốc khi các môn đệ biết rằng các chức sắc tôn giáo của họ sẽ giết chính Chúa mình.

Chúa không dừng lại ở lời báo trước về sự chết của Ngài, Ngài cũng tuyên bố công khai về “thập tự giá” dành cho mỗi môn đệ. Phúc Âm Ma-thi-ơ cho ta biết đây là điều rất cần thiết vì Phi-e-rơ có ý muốn ngăn cản Chúa chịu thương khó (Mat 16:22). Hãy nhớ rằng Chúa đang nói về địa vị “môn đệ” chứ không phải địa vị làm “con”. Chúng ta được cứu rỗi không phải vì đã vác thập tự và theo Chúa Giê-xu, nhưng vì chúng ta tin Đấng Christ đã gánh thay tội lỗi ta trên thập tự. Sau khi trở nên con cái Đức Chúa Trời, chúng ta mới có thể trở thành môn đệ Chúa.

Hiện nay, từ tương đương với “môn đệ” có lẽ là “người học việc”. Môn đồ không phải chỉ là người học qua những bài giảng và sách vở, nhưng người ấy phải học bằng cách sống và cộng sự với thầy mình qua kinh nghiệm hằng ngày. Rất nhiều tín hữu chỉ muốn nghe giảng đạo để có thêm hiểu biết chứ không bao giờ thực hành những điều đã nghe.

Đến với dân La Mã, thập tự giá là biểu tượng của sự sỉ nhục, tội lỗi, đau đớn và bị ruồng bỏ. Không có cái chết nào nhục nhã hơn thế. Hình phạt đóng đinh chẳng còn được nói đến trong giới học thức và người ta cũng không còn nghĩ đến việc phải áp dụng hình phạt này cho dân họ cũng như chúng ta ngày nay không nghĩ đến việc ngồi vào những chiếc “ghế điện” bằng vàng hoặc bằng bạc! Chúa đặt ra những yêu cầu nghiêm túc đối với môn đệ Ngài. Chúng ta trước hết phải biết nói “không” với chính mình, không chỉ đối với những thú vui hoặc của cải vật chất, nhưng còn đối với “cái tôi” của mình - sau đó hãy vác thập tự mình và theo Chúa mỗi ngày. Làm như vậy có nghĩa là chúng ta sẽ đồng công với Ngài qua sự dâng mình, chịu khổ và hy sinh. Bạn không thể “đóng đinh” chính mình, bạn chỉ có thể “dâng thân thể mình” (Ro 12:1-2) và để Đức Chúa Trời thực hiện phần còn lại.

Dĩ nhiên, đối với thế gian, cách sống này dường như đại dột. Nhưng đối với Cơ Đốc nhân, đó là sự khôn ngoan. Cứu sự sống mình, bạn sẽ mất nó, vậy làm sao có thể tìm lại được sự sống? Nhưng nếu bạn dâng đời sống mình cho Đấng Christ, bạn sẽ giữ được sự sống ấy và có thể sống với đầy đủ ý nghĩa của nó. Nếu một người có cả thế gian, anh ta vẫn còn rất nghèo và không thể mua lại sự sống đã mất.

Địa vị môn đệ Chúa là kết quả của sự rèn luyện hằng ngày: theo Chúa từng bước, từng ngày. Có một phụ nữ sau khi quét dọn mệt nhọc, đã nói với bạn mình rằng: “Rắc rối của cuộc sống chính ở chỗ nó cứ lặp lại mỗi ngày”. Người phụ nữ này đã suy nghĩ sai lệch. Một trong những điều tốt nhất cho cuộc sống, đó là chúng ta có thể giữ nó từng ngày từng giờ (Phu 33:25). Động cơ của chúng ta phải hướng về sự tôn vinh Đấng Christ. Nếu ai hổ thẹn về Ngài, sẽ chẳng bao giờ vác nổi thập tự giá và theo Ngài. Nếu chối từ Ngài, chúng ta sẽ bị chối từ trong ngày Chúa trở lại (Mac 8:38 IITi 2:11-13) và bị hổ thẹn trước mặt Ngài (IGi 2:28).

Vương quốc của Chúa (Lu 9:27-36): Theo sự ghi chép của Phúc Âm Lu-ca sự hoá hình là sự kiện duy nhất xảy ra trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất, Chúa bày tỏ sự vinh hiển qua Thân vị Ngài. Tuy không sử dụng từ “hoá hình”, nhưng Lu-ca đã tường thuật lại một diễn biến tương tự (Mat 17:12 Mac 9:2). “Hoá hình” có nghĩa như thay đổi hình dáng, phát sinh từ bên trong.

Đằng sau sự kiện này, có nguyên nhân nào không? Trước hết, đây là dấu hiệu Đức Chúa Trời hài lòng khi Phi-e-rơ xưng nhận Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời (Gi 1:14). Đó cũng là cách Cha trên trời yên ủi Con Ngài khi Chúa Giê-xu bắt đầu đến Giê-ru-sa-lem. Đức Chúa Trời đã phán xuống khi Chúa Giê-xu chịu phép báp-tem (Lu 3:22) và Ngài đã phán lần nữa trong tuần lễ cuối cùng Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất (Gi 12:23-28). Kết quả của thập tự giá khổ nạn là mảo triều thiên vinh hiển, đó là bài học mà Phi-e-rơ đã nhấn mạnh trong thư tín đầu tiên của ông (IPhi 4:12-5:4).

Lời Chúa Giê-xu phán trong Lu 9:27 cho thấy sự kiện này đã minh chứng cho sự thực hữu của Vương quốc Đức Chúa Trời. Điều này dường như rất có lý, vì các môn đệ cứ ngỡ vực về Vương quốc Đức Chúa Trời do đã nghe Chúa Giê-xu phán về thập tự giá (Chúng ta không nên quá khe khắt với họ, vì các tiên tri cũng từng hoang mang bối rối như vậy – IPhi 1:10-12). Chúa khiến họ vững tin rằng mọi hứa ngôn trong Cựu Ước sẽ ứng nghiệm, nhưng trước hết Chúa phải chịu đau đớn trước khi Ngài có thể bước vào sự vinh hiển (IIPhi 1:12-21).

Ở đây cũng có một bài học thực tiễn khác, chúng ta có thể từng trải sự “biến hoá” thuộc linh mỗi ngày khi bước đi theo Chúa. Ro 12:1-2 và IICo 3:18 cho ta biết phải làm gì để kinh nghiệm “sự biến hoá” ấy. Khi chúng ta dâng thân thể, tâm trí và ý chí mình cho Chúa, Ngài sẽ biến đổi chúng ta hầu cho chúng ta không bị lệ thuộc vào thế gian nữa. Khi ngắm xem Chúa qua Lời Ngài (“gương”), chúng ta sẽ được Đức Thánh Linh biến hoá “từ vinh hiển” qua vinh hiển. Theo nghĩa thần học, từng trải này được gọi là “sự thánh hoá”. Chúng ta sẽ trở nên giống Đức Chúa Giê-xu Christ hơn qua từng trải đó. Sự thánh hoá chính là mục đích Đức Chúa Trời muốn dành cho mỗi con cái Ngài (Ro 8:19 IGI 3:2). Nên nhớ rằng Chúa chúng ta luôn thường xuyên cầu nguyện, đó là một trong những bí quyết để có một đời sống được đổi mới.

Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng đã cùng đi với Chúa Giê-xu khi Ngài khiến con gái Giai-ru sống lại (Lu 8:51) và họ cũng theo Ngài khi Ngài cầu nguyện trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Mat 26:36-46). Ba sự kiện này nhắc tôi nhớ lại câu Kinh Thánh ở Phi 3:10 “...

cho đến nỗi tôi được biết Ngài (sự hoá hình), và quyền phép sự sống lại của Ngài (khiến con gái Giai-ru sống lại), và sự thông công thương khó của Ngài (trong vườn Ghết-sê-ma-nê)...”

Có thể đây là “cuộc hội đồng Kinh Thánh” lớn nhất trên đất từ trước đến nay! Thậm chí dù không kể đến sự vinh hiển rực rỡ ấy. Bạn cũng có những “diễn giả” tuyệt vời nhất, đó là: Môi-se đại diện cho luật pháp, Ê-li đại diện cho các tiên tri. Và Chúa Giê-xu Đấng đến thế gian để làm trọn luật pháp và lời tiên tri. Bạn còn có một chủ đề quan trọng nhất: sự chết của Chúa Giê-xu, Ngài sẽ chịu thương khó tại Giê-ru-sa-lem. Môi-se đã từng giải thoát dân sự khỏi ách nô lệ của Ai Cập, tiên tri Ê-li đã giải phóng họ khỏi xiềng xích trói buộc của tà thần, nhưng chính Chúa Giê-xu sẽ chịu chết để giải thoát một thế giới hư mất khỏi ách tội lỗi và sự chết (Ga 1:4 Co 1:13 He 2:14-15). Khi mọi điều đang diễn tiến thì ba vị môn đệ có đặc ân kia lại đang say ngủ! (Họ đã lặp lại sự thất bại này trong vườn Ghết-sê-ma-nê). Lời đề nghị của Phi-e-rơ nhắc ta nhớ đến “lễ Lều Tạm” của người Do Thái được chép trong Thánh Kinh Cựu Ước nói về Vương Quốc Đức Chúa Trời trong tương lai (Le 23:33-44 Xa 14:16-21). Phi-e-rơ chỉ muốn Chúa Giê-xu nhận lấy sự vinh hiển mà không trải qua sự thương khó, nhưng đó không phải là chương trình của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời ngắt lời Phi-e-rơ bằng cách khiến một đám mây vinh hiển bao phủ (Xu 13:21-22 40:35,38) và phán ra từ đám mây (Phi-e-rơ cũng bị ngăn trở bởi Chúa Giê-xu (Mat 17:24-27) và Đức Thánh Linh (Cong 10:44) . Lời phán kỳ diệu từ trời nhắc ta những câu Kinh Thánh ở Phu 18:15 Thi 2:7 Es 42:1. Khi đám mây tan đi, Ê-li và Môi-se cũng lìa khỏi đó.

Những sự kiện này thật kỳ diệu, nhưng đó không phải là nền tảng cho một đời sống Cơ Đốc nhân nhất quán. Đời sống ấy chỉ có thể đến từ Lời Đức Chúa Trời. Kinh nghiệm sẽ đến rồi đi, nhưng Lời Chúa còn tồn tại mãi mãi. Ký ức của chúng ta về những từng trải sẽ phai nhạt nhưng Lời Đức Chúa Trời chẳng bao giờ thay đổi. Chúng ta càng nắm giữ nhiều sự kiện, nó càng khiến đời sống chúng ta ít có ảnh hưởng hơn. Đó là lý do Đức Chúa Trời phán “Hãy nghe Người” và cũng là nguyên nhân Phi-e-rơ lặp lại lời này trong thư tín của ông (IIPhi 1:12-21) “sự hoá hình” của bản thân chúng ta do sự đổi mới từ bên trong (Ro 12:1-2) và sự đổi mới ấy do Lời Đức Chúa Trời (II Co 3:18).

4. Chịu đựng (Lu 9:37-62)

“Ta ở với các ngươi và nhìn các ngươi cho đến chừng nào?” (Lu 9:41). Có thể bạn tưởng đây là lời trách cứ của một ông thầy dạy học quá sức hoặc của một tướng chỉ huy thiếu kiên nhẫn. Đây là lời trách của Con Đức Chúa Trời thánh khiết! Chúng ta dễ quên Chúa đã phải chịu thương khó ra sao khi thi hành chức vụ trên đất, đặc biệt Ngài phải chịu đựng các môn đệ mình.

Khi phân tích phân đoạn này, bạn có thể hiểu lý do Chúa phán những lời như vậy: Ngài buồn bực bởi những yếu đuối thất bại của các môn đệ. Ngài ban cho họ quyền phép trừ quỷ” (Lu 9:37-45), vậy mà đức tin họ quá yếu đuối đến nỗi chẳng trừ được một quỷ nào. Khi nuôi 5.000 người, Ngài bày tỏ cho họ thấy sự thương xót, nhưng họ lại có thái độ ích kỷ và không có tình yêu thương (Lu 9:46-56). Ngài dạy họ về ý nghĩa của việc theo Ngài, nhưng những kẻ tình nguyện ấy lại trở thành những môn đệ chỉ nghĩ đến bản thân trước tiên (Lu 9:57-62). Lẽ dĩ nhiên Chúa đã phải chịu khổ vì thái độ của họ!

Thiếu quyền năng (Lu 9:37-45): Chúng ta thật chẳng dám ở trên đỉnh núi vinh quang khi ở dưới thung lũng có chiến trận đang xảy ra! Có một “con một” cần được Chúa cứu giúp và còn nhiều con trẻ khác nữa, nhưng các môn đệ chẳng làm được gì. Họ đã được ban cho quyền phép (Lu 9:1), nhưng không đắc thắng. Vì sao như vậy? Nếu bạn xem sự kiện này ở ba sách Phúc Âm (Mat 17:1-23 Mac 9:1-32), bạn sẽ khám phá những điều họ thiếu sót trong cuộc sống. Trước hết, họ thiếu đức tin (Mat 17:19-20). Họ vốn sinh ra từ dòng dõi vô tín và đã thiếu niềm tin khi sử dụng quyền năng Chúa ban. Hơn nữa, họ cũng thiếu sự cầu nguyện và kiêng ăn (Mac 9:29). Điều này chứng tỏ chín môn đệ còn lại đã để mặc cho những thành quả rèn luyện bấy lâu của họ bị sa sút dần trong thời gian vắng Chúa. Cho dù chúng ta có thể nhận bất cứ sự ban cho thuộc linh nào đi nữa, những sự ban cho đó tự nó chẳng bao giờ hành động tự động cả.

Ma quỷ cố vật ngã người bệnh lần cuối nhưng Chúa Giê-xu quở nặng nó và đuổi nó ra. Chúa dịu dàng trao đứa con trai lại cho cha nó và đem 12 môn đệ đi với Ngài để dạy họ bài học khác về Thập tự giá. Chính tại thập tự giá, Chúa đã khiến Sa-tan ném mùi thất bại thảm hại (Gi 19:31-32 Co 2:15).

Thiếu tình yêu (Lu 9:46-56): Các môn đệ chẳng có sự yêu thương lẫn nhau, lẽ ra không nên tranh cãi vấn đề ai là người cao trọng nhất (Lu 9:46-48). Có lẽ sở dĩ có cuộc tranh luận này là do họ có lòng đố kỵ (khi ba môn đệ được ở cùng Chúa trên núi), hoặc do họ kiêu ngạo (vì chín môn đệ còn lại đã thất bại trong việc đuổi quỷ). Trước đó, Chúa cũng đòi đóng thuế cho Phi-e-rơ (Mat 17:24-27), điều này có thể khơi lên sự ghen tị nào đó. Trong Nước Thiên đàng, mẫu mực của sự cao trọng chính là con trẻ - yếu đuối, cần được giúp đỡ, cô thế, sống bởi đức tin mà thôi. Con trẻ mà cố gắng hành động như người lớn, đó là điều không hay. Nhưng “người lớn” lại hành động như trẻ con, thì càng tồi tệ hơn (ICo 13:4-5 14:20) Hành động như con nít và tính hồn nhiên như con trẻ là hai tính cách khác nhau hoàn toàn.

Các môn đệ bày tỏ sự thiếu yêu thương đối với những người tin Chúa không cùng nhóm họ (Lu 9:49-50). Sự yêu thương là điều cần có nơi những “con trai của sấm sét” (Mac 3:17)! Có lẽ Giăng cố “chiếm cảm tình” Chúa khi hăng hái bảo vệ danh Chúa, nhưng Chúa không hề cảm động về điều đó. Những tín hữu nào cho rằng nhóm của họ là nhóm duy nhất được Chúa thừa nhận và ban phước sẽ thấy thất vọng khi vào thiên đàng.

Các môn đệ cũng không yêu thương kẻ thù (Lu 9:51-56). Gia-cơ và Giăng đã thấy tiên tri Ê-li trên núi, nên họ cho rằng có thể “bắt chước” Ê-li khiến lửa từ trời giáng xuống (IIVua 1:1-18)! Dân Sa-ma-ri và dân Do Thái đã thù nhau hằng bao thế kỷ trước (IIVua 17:24-41), nên có thể hiểu rằng làng của người Sa-ma-ri này không tiếp Chúa Giê-xu khi Ngài trên đường đến Giê-ru-sa-lem (Gi 4:9,20). Chúa trách mắng lòng thù hận của họ, đoạn Ngài đến một làng khác (Mat 5:37-38). Sau này Phúc Âm đã đến với xứ Sa-ma-ri (Cong 8:11-40).

Vô kỷ luật (Lu 9:57-62): Lẽ ra đã có ba người trở thành môn đệ Chúa, nhưng họ chẳng đáp ứng được những điều kiện Chúa đưa ra. Người đầu tiên là một thầy thông giáo (Mat 8:19), ông tình nguyện theo Chúa nhưng đã thối lui khi biết cái giá phải trả là sự dẫn thân. Hiển nhiên, ông không thể theo Chúa được vì đã quen với những tiện nghi vật chất. Người thứ hai được Chúa Giê-xu gọi (thật hân hạnh thay!) nhưng đã bị loại bỏ vì không bằng lòng vác thập tự giá và chết với bản ngã. Anh ta lo lắng cho tang

lễ kẻ khác trong khi phải quyết định cho chính bản thân mình! Chúa không có ý nói rằng chúng ta không kính cha mẹ, Ngài chỉ muốn nhấn mạnh rằng chúng ta đừng để cho tình yêu gia đình lấn át tình yêu dành cho Chúa. Chúng ta phải yêu mến Chúa nhiều đến mức độ nếu đem so sánh với tình yêu dành cho gia đình, dường như chúng ta không tôn trọng người trong gia đình hơn (Lu 14:26)! Người thứ ba cũng tình nguyện theo Chúa nhưng không được, vì anh ta “ngó lại đằng sau” thay vì phải nhìn về phía trước. Lời giảng biệt thân thương với người nhà không có gì sai trái (IVua 19:19-21) nhưng nếu nó làm “cản trở” sự vâng phục, đó sẽ là tội. Chúa biết rằng tấm lòng người này không dành trọn cho Ngài nhưng còn nhìn lại mọi sự ở phía sau (Sa 19:17,26 Phi 3:13-14). Đó là lý do chẳng có gì ngạc nhiên khi “người làm công” quá ít! (Lu 10:2).

Có lẽ điều Chúa dạy môn đệ và đoàn dân đã ít nhiều gây dựng được họ. Họ thiếu năng lực, thiếu tình yêu, kỷ luật và làm buồn lòng Chúa. Nếu chúng ta hôm nay cũng thiếu những yêu cầu thuộc linh này, chúng ta sẽ chẳng bao giờ trở thành môn đệ thật sự của Chúa Giê-xu cả. Tuy vậy, khi đến với Chúa, chúng ta sẽ có mọi sự đó, “Vì Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần nhút nhát, bèn là tâm thần mạnh mẽ, có tình thương yêu gìn giữ” (IITi 1:7). Chúng ta đang làm Chúa vui lòng hay buồn bực?

9. CƠ ĐỐC NHÂN LÀM GÌ GIỮA THẾ GIAN (Lu 10:1-42)

Ba sự kiện ở đoạn 10 cho ta thấy có ba nhiệm vụ mà mỗi Cơ Đốc nhân phải thực hiện, đó cũng là giải đáp cho câu hỏi “Cơ Đốc nhân làm gì giữa thế gian?”

Trước hết, chúng ta là đại sứ của Chúa được Ngài sai đi giữa thế gian để đại diện cho Ngài (Lu 10:1-24). Chúng ta cũng là người lân cận tìm cơ hội bày tỏ sự thương xót trong danh Đấng Christ (10:25-37). Tuy vậy, trọng tâm của nhiệm vụ chúng ta là phải sống cho Đấng Christ, nên chúng ta phải là những người thờ phượng Chúa, dành thời gian lắng nghe lời Ngài và giao thông với Ngài (10:38-42).

Dù đang ở nơi cánh đồng mùa gặt, ngoài đường phố hay tại nhà riêng, đặc quyền lớn lao nhất và niềm vui tuyệt vời nhất của chúng ta là thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời.

1. Đại sứ: đại diện Chúa (Lu 10:1-24)

Đừng nhầm lẫn sự kiện này với sự kiện 12 sứ đồ được Chúa sai đi (Lu 9:1-11 Mat 10:1-42). Có những điểm giống nhau trong nhiệm vụ được giao và đây là điều bình thường vì cả hai nhóm đều được một Chủ sai đi để thi hành cùng một công tác. Mười hai sứ đồ thi hành chức vụ ở Ga-li-lê, nhưng 70 môn đệ này được sai đến xứ Giu-đê. Trong đoạn này, họ không được gọi là “sứ đồ”, họ là những “môn đệ vô danh”.

Vì sao Lu-ca là người duy nhất chép lại sự kiện này? Vì sao Chúa Giê-xu chọn 70 người chứ không phải một con số khác? (Có một số bản văn dịch là 72 người). Mười hai sứ đồ được chọn lựa ứng với số 12 con trai Gia-cốp và 12 chi phái trong Y-sơ-ra-ên. Do đó, có thể 70 môn đệ được chọn ra ứng với 70 dân tộc được kể tên trong Sa 10:1-32 Lu-ca nhấn mạnh về tính phổ biến của Phúc Âm, vì vậy thật hữu lý khi Đức Thánh Linh dẫn dắt ông trong việc ghi lại sự kiện này. Điều này có ý nghĩa như “Chúa Giê-xu muốn Phúc Âm được rao ra cho mọi dân tộc”.

Sự giải thích (Lu 10:1-12): Những môn đệ này tuy không được gọi là “các sứ đồ” nhưng họ vẫn được sai đi với nhiệm vụ đại diện Chúa. Họ thật sự là những đại sứ của

Vua Thiên đàng. Ngài không những sai họ đi mà còn giao họ nhiệm vụ “dọn đường” cho Ngài. Thật hân hạnh khi họ được Chúa kêu gọi!

Việc kêu gọi của họ cũng thật khó khăn (Lu 10:2). “Gặt” là công việc nặng nhọc, dù có nhiều người giúp bạn hướng chỉ những người này được sai vào một đồng lúa menh mông nhưng quá ít con gặt giúp họ thu hoạch vụ mùa lớn. Thay vì cầu xin một công việc dễ hơn, họ phải xin có nhiều người hơn nữa để cùng cộng tác với họ. Hôm nay, chúng ta cũng cần cầu nguyện như vậy. (Hãy nhớ rằng chính người làm công chớ không phải những người đứng “nhìn” và cầu xin có thêm nhiều người làm công nữa! Rất nhiều tín hữu cũng đang cầu xin có thêm người làm công việc mà bản thân họ không muốn làm).

Sự kêu gọi của họ rất nguy hiểm. Khi “lấn chiếm” lãnh thổ kẻ thù (10:17), họ sẽ như những “chiên con giữa bầy muông sói” (10:3). Nhưng bao lâu họ còn tin cậy nơi Chúa, họ sẽ đắc thắng luôn. Vance Havner thường chia sẻ rằng: “Bất cứ ai sống cho Chúa Giê-xu cách nghiêm túc đều trở thành mục tiêu tấn công của ma quỷ. Đa số các tín hữu trong Hội Thánh chưa gây rắc rối cho Sa-tan đủ để khơi dậy sự chống trả của nó!”

Các môn đệ cần có kỷ luật bản thân và đức tin để thi hành nhiệm vụ (10:4-8). Họ phải làm việc khẩn trương. Chúa không muốn họ bị vướng bận với những vấn đề hoặc trở ngại trên đường đi bởi những lời chào hỏi quá trau chuốt kiểu Đông phương. Họ phải tin rằng Đức Chúa Trời sẽ chu cấp mọi sự cho họ. Họ cũng không nên e ngại khi nhận sự giúp đỡ của kẻ khác. Trái lại, họ đang hầu việc Chúa và đem ơn phước đến từng gia đình, cho nên “người làm công đáng được tiền lương mình” (10:7 ICo 9:14 ITi 5:18).

Họ là những đại sứ hoà bình, đem sự chữa lành đến cho kẻ bệnh hoạn, sự giải thoát cho kẻ bị trói buộc khỏi ma quỷ và Phúc Âm cứu rỗi cho tội nhân hư mất. Giống như đoàn quân của Giô-suê khi xưa, họ là những người tiên phong loan báo sự hoà bình cho các thành phố. Nếu thành phố nào khước từ hoà bình, tức là chọn cho mình sự đoán phạt (Phu 20:10-18). Thật nguy hiểm thay khi khước từ các sứ giả của Đức Chúa Trời!

Chúng ta cần biết rằng quyền năng đặc biệt Chúa Giê-xu ban cho mười sứ đồ (Lu 9:1) và 70 môn đệ không phải là những gì chúng ta tuyên bố hôm nay. Nhiệm vụ rao giảng của họ rất đặc biệt, và Chúa cũng không hứa ban cho họ sự sống lâu. Nhiệm vụ Chúa giao mỗi chúng ta chính là rao truyền Phúc Âm chớ không phải làm phép lạ (Mat 28:19-20 Lu 24:46-49).

Lời buộc tội (10:13-16): Dường như đây là ngôn ngữ sắc bén từ môi miệng Con Đức Chúa Trời, chúng ta chẳng dám bỏ qua cũng không thể giải thích khác đi. Ngài kể tên ba thành phố cổ đã bị Đức Chúa Trời đoán phạt, đó là thành Sô-đôm (Sa 19:1-38) Ty-rơ và Si-đôn (Exe 26-28 Es 23:1-18). Ngài dùng ba thành phố đó để cảnh cáo ba thành phố đương thời: Cô-ra-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-um. Ba thành phố này đã hưởng nhiều đặc ân hơn ba thành phố xưa nên phải chịu trách nhiệm nhiều hơn. nếu Sô-đôm, Ty-rơ và Si-đôn từng bị phá huỷ, lẽ nào Cô-ra-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-um có thể thoát được?

Nghe lời sứ giả của Đấng Christ nghĩa là nghe Lời Ngài, khước từ những người Ngài sai đi cũng đồng nghĩa với việc khước từ Ngài. “Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các người thế ấy” (Gi 20:21 IICo 5:18-21). Một quốc gia đối xử với một vị đại sứ như

thế nào sẽ nói lên cách quốc gia đó đối xử ra sao với chính quyền được vị đại sứ đại diện. Để có thêm một ví dụ minh họa đầy thú vị cho lẽ thật này, mời bạn đọc sách IISa 10:1-19.

Sự vui mừng (Lu 10:17-24): Ở đây có cả ba niềm vui, niềm vui trong sự hầu việc (10:17-19), niềm vui trong sự cứu rỗi (10:20) và niềm vui trong đặc ân (10:21-24) Chúa ban.

Chúng ta có thể hiểu các môn đệ vui mừng biết bao khi trở về thuật lại những thành quả của họ cho Chúa nghe. Ngài đã ban cho họ quyền phép để chữa bệnh, đuổi quỷ và rao giảng lời Chúa. Họ đã thành công! Nhưng trong sự vui mừng, họ không quên tôn vinh danh Đức Chúa Trời (“vì danh Chúa” (10:17)). Các môn đệ thành công trong chức vụ họ từ thành này đến thành khác. Đối với Chúa, những thành quả này là một phần của cuộc chiến đánh bại Sa-tan (Es 14:4-23 Gi 12:31-32 Kh 12:8,9). Là những người tin Chúa, dù bản thân chúng ta yếu đuối, nhưng chúng ta có thể mạnh mẽ nhờ sức toàn năng của Ngài” (Eph 6:10). Mỗi thành quả đạt được đều rất quan trọng đối với Chúa, dù dưới mắt chúng ta đôi khi nó chẳng có ý nghĩa gì. Vào ngày sau-rốt Sa-tan mới bị Chúa Giê-xu quăng vào hồ lửa đời đời (Kh 20:10), nhưng ngay hôm nay con cái Đức Chúa Trời bởi đức tin có thể tuyên bố sự đắc thắng của Đấng Christ tại Gô-gô-tha (Co 2:15).

Tuy vậy, kẻ thù sẽ không chịu đầu hàng! Sa-tan chắc chắn sẽ tấn công các tôi tớ Chúa và tìm dịp tiêu diệt họ. Đó là lý do Chúa thêm lời yên ủi trong Lu 10:19. Ngài bảo đảm với họ rằng quyền phép họ nhận được sẽ không bị mất đi hầu cho sau khi hoàn thành công tác rao giảng, họ có thể giày đạp “con rắn xua” mà chẳng hề sợ hãi (Kh 12:9 Sa 3:15).

Chúa dặn các môn đệ chớ vui mừng vì những thành tích đạt được, nhưng nên vui mừng vì tên họ đã được “ghi” trên thiên đàng. (Đây là một lời bảo đảm – Kh 20:12-15 Phi 4:3). Cùng kỳ diệu như các phép lạ môn đệ Chúa thực hiện, phép lạ “vĩ đại hơn hết chính là một linh hồn hư mất được cứu rỗi. Theo nghĩa tiếng Hy Lạp, từ “ghi” (biên) có nghĩa như “ghi vào biên bản hay trên một vật gì cách chính thức và long trọng”. Nó từng được dùng cho việc ký một chúc thư, hôn thú, hiệp ước hoà bình. Và cũng được dùng cho việc thu nhận một công dân!

Niềm vui mừng lớn lao nhất của chúng ta chẳng thể tìm thấy qua sự hầu việc ngay cả trong sự cứu rỗi chúng ta nhận được, nhưng niềm vui ấy chỉ có thể tìm thấy qua sự vâng theo ý muốn tốt lành của Cha trên trời, vì đó là nền tảng của sự hầu việc và sự cứu rỗi. Chúng ta thấy Chúa Giê-xu vui mừng bởi Đức Thánh Linh theo ý muốn của Đức Chúa Trời là Cha Ngài! “Hỡi Đức Chúa Trời tôi, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa” (Thi 40:8).

Chúa Giê-xu không vui mừng vì có các tội nhân không hiểu lẽ thật của Đức Chúa Trời vì Đức Chúa Trời “không muốn cho một người nào chết mất” (IPhi 3:9). Chúa nức lòng vì sự hiểu biết lẽ thật không do nơi năng lực hoặc sự học thức của con người. Nếu không, có lẽ hầu hết mọi người sẽ không vào được thiên đàng. Khi 12 sứ đồ và 70 môn đệ rao giảng Phúc Âm, họ không thấy “những kẻ khôn ngoan, người sáng dạ” hạ mình tiếp nhận lẽ thật và ân điển Đức Chúa Trời, chỉ thấy những người bình thường trong xã hội tin nhận đạo (Lu 7:29-30 ICo 26:29). Theo ý muốn tốt lành của Đức Chúa Trời, tội nhân phải hạ mình xuống trước khi họ được cất nhắc lên (IPhi 5:6 Gia 4:6).

Các sứ giả của Chúa Giê-xu là những người có phước. Họ có thể chứng kiến và nghe mọi điều mà các thánh cao trọng thời Cựu Ước hằng mong mỏi thấy và nghe, nhưng không được. Đấng Christ đã thi hành chức vụ Ngài và các môn đệ là một phần của công việc Ngài!

2. Người lân cận - sống theo Chúa (Lu 10:25-37)

Các thầy dạy luật thời bấy giờ thường tranh luận những vấn đề thần học giữa công chúng, và câu hỏi được thầy dạy luật này đưa ra cũng là câu hỏi được dân Do Thái quan tâm. Thầy dạy luật đặt ra một câu hỏi chính đáng nhưng với một chủ ý xấu xa mong đưa Chúa Giê-xu vào tình huống khó xử. Thế nhưng, chính Chúa đã đưa thầy dạy luật vào “thế đường cùng”!

Chúa hướng thầy dạy luật về luật pháp, chẳng phải vì luật pháp có thể cứu chúng ta (Ga 2:16,21 3:21), nhưng vì luật pháp cho chúng ta thấy mình cần được cứu rỗi. Không có một sự qui đạo thật nào lại thiếu sự chịu thuyết phục và Đức Chúa Trời đã dùng luật pháp để thuyết phục tội nhân (Ro 3:20).

Thầy dạy luật đã trả lời đúng nhưng không áp dụng câu trả lời cho chính bản thân mình và tự thừa nhận mình thiếu tình yêu đối với Đức Chúa Trời và người lân cận. Vì thế, thay vì hạ mình xuống nhờ sự thương xót của Đức Chúa Trời để được xưng công bình (Lu 18:9-14), ông ta cố bào chữa cho mình và lẩn tránh sự thật. Ông đưa ra “chiến thuật tranh cãi cũ rích”. Hãy định nghĩa từ vựng thầy dùng! Thầy có ý gì khi nói về “người lân cận? Ai là người lân cận tôi?”

Chúa không nói rằng câu chuyện Ngài kể là một ví dụ, vì vậy có thể đây là câu chuyện thật. Đối với Chúa Giê-xu, thật nguy hiểm và thất sách khi kể một câu chuyện khiến người Do Thái bị xem như kẻ xấu và người Sa-ma-ri như người tốt. Người Do Thái có thể nói rằng: “Thầy chỉ dựng lên câu chuyện ấy mà thôi. Chúng tôi đều biết rằng chuyện đó không thể xảy ra”. Mặt khác có thể những kẻ nghe Chúa kể cả thầy dạy luật này biết rằng câu chuyện ấy có thật. Dù suy diễn ở cách nào, câu chuyện này thật sự dựa trên hiện thực.

Điều tồi tệ nhất chúng ta có thể vấp phải khi sử dụng một ví dụ nào đó đặc biệt trong câu chuyện này, đó là biến câu chuyện ấy thành một ngụ ngôn và làm cho mỗi sự việc tượng trưng một điều gì đó. Nạn nhân trở thành tội nhân hư mất dờ sống dờ chết trên con đường sự sống (chỉ sống về thể xác nhưng chết về thuộc linh). Thầy tế lễ và người Lê-vi tiêu biểu cho luật pháp và của lễ, không ai hoặc điều gì có thể cứu tội nhân ấy. Người Sa-ma-ri là Chúa Giê-xu Christ đã cứu sống nạn nhân, lo tiền thuốc thang và hứa sẽ trở lại. Nhà quán tượng trưng cho Hội Thánh địa phương nơi những tín hữu được chăm sóc, và “2 đơ-ni-ê” là hai thánh lễ báp-tem và tiệc thánh. Nếu bạn tiếp cận Kinh Thánh theo cách này, bạn có thể làm cho Kinh Thánh diễn giải mọi điều “vừa ý” bạn và chắc chắn bạn sẽ không nhận được những thông điệp trong ý muốn Đức Chúa Trời.

Con đường từ Giê-ru-sa-lem xuống thành Giê-ri-cô thật nguy hiểm. Vì những người giúp việc trong đền thờ thường đi đường này nên bạn có thể nghĩ rằng người Do Thái hoặc Rô-ma lẽ ra nên có kế hoạch làm cho nó an toàn hơn. Duy trì một hệ thống tôn giáo thật dễ dàng hơn là phát triển vùng lân cận. Chúng ta có thể nghĩ ra những lý do biện hộ cho thầy tế lễ và người Lê-vi khi họ làm ngơ trước nạn nhân. Thầy tế lễ hầu việc Đức Chúa Trời trong đền thờ suốt tuần nên rất nôn nóng trở về

nhà. Có lẽ những tên cướp vẫn còn lẫn quất đầu đây và sử dụng nạn nhân này làm “mồi nhử”. Tại sao liều lĩnh như thế? Con đường này từng có người qua lại, nên chắc sẽ có ai đó đến đây giúp người bị nạn. Thầy tế lễ bỏ đi, người Lê-vi đến cũng hành động như thầy tế lễ, nghĩa là chẳng làm gì cho nạn nhân cả! Thật một người khoác áo tôn giáo lại làm gương xấu như thế!

Khi xem người Sa-ma-ri như kẻ hào hiệp Chúa Giê-xu đã giải nguôi lòng thù hận của người Do Thái, bởi dân Do Thái và dân Sa-ma-ri thù địch nhau (Gi 4:9 8:48). Không phải người Do Thái giúp đỡ người Sa-ma-ri, nhưng chính người Sa-ma-ri đã giúp người Do Thái là kẻ bị đồng hương bỏ rơi! Người Sa-ma-ri này đã yêu những kẻ ghét mình, liều thân giúp kẻ gặp nạn và dùng số tiền anh ta có (đó là tiền công của 2 ngày làm việc) để lo việc thuốc thang cho nạn nhân. Vậy mà anh ta chẳng hề được mọi người tán thưởng, kính trọng gì cả. Hành động của người Sa-ma-ri này thực sự giúp chúng ta hiểu nhiều hơn về ý nghĩa của “lòng thương xót” (Lu 10:37) và đó cũng là hình ảnh minh họa chức vụ của Chúa Giê-xu. Người Sa-ma-ri đã cảm nhận nhu cầu của người bị nạn nên lấy lòng thương xót anh ta, không có lý do nào giải thích được vì sao người Sa-ma-ri phải thay đổi kế hoạch mình và sử dụng tiền của chính mình chỉ để giúp một “kẻ thù” đang gặp nạn, nhưng lòng thương xót đâu cần có lý do! Là một “chuyên gia” về luật pháp, hẳn thầy thông giáo biết rằng Đức Chúa Trời đòi hỏi dân Ngài phải có lòng thương xót dù đối với khách lạ và kẻ thù (Le 19:33-34 Xu 23:4,5 Mi 6:8).

Bạn hãy xem, Chúa Giê-xu đã giành lại thế chủ động trước câu hỏi của thầy dạy luật một cách khôn ngoan làm sao! Cố trốn tránh trách nhiệm, thầy dạy luật đặt câu hỏi “ai là người lân cận tôi?” Nhưng Chúa lại hỏi rằng: “Trong ba người đó, người tương ai là lân cận với kẻ bị cướp?” Câu hỏi lớn được đặt ra ở đây: “Tôi có thể làm người lân cận đối với ai?” câu hỏi này chẳng liên quan gì đến phương diện địa lý, quyền công dân hay chủng tộc. Bất cứ nơi đâu có người cần đến chúng ta, ở đó chúng ta có thể là người lân cận của họ để bày tỏ lòng thương xót giống Chúa Giê-xu.

Thầy dạy luật muốn bàn luận từ “người lân cận” theo cách tổng quát, nhưng Chúa buộc ông ta phải xem xét một con người cụ thể đang gặp khó khăn. Chúng ta rất dễ bàn luận về những lý tưởng mơ hồ nhưng chẳng giải quyết được những nan đề chính. Ta có thể bàn những vấn đề như “sự nghèo khó” hay “cơ hội kiếm việc” nhưng chẳng bao giờ giúp một gia đình nghèo khó nào hoặc giúp ai kiếm việc làm.

Dĩ nhiên thầy dạy luật muốn đưa ra vấn đề có phần phức tạp và triết lý hơn, nhưng Chúa Giê-xu khiến vấn đề trở nên đơn giản và thực tế. Ngài chuyển vấn đề từ “bổn phận” sang lòng yêu thương, từ “thảo luận” sang thực hành. Ngài chỉ muốn dạy chúng ta đừng lấy những điều này làm cớ để không thực hành gì cả. Không phải những ai tham gia thảo luận đều có lòng tận tâm thực sự!

Một trong những câu chuyện tôi rất thích về ông D.L.Moody đã minh họa cho quan điểm nói trên. Nhân dịp tham dự một hội nghị ở Indianapolis, ông Moody hẹn gặp ca sĩ Ira Sankey lúc 6 giờ chiều tại một góc đường. Khi Sankey đến, ông Moody mời anh ta lên một bục gỗ và hát tại đó. Chẳng mấy chốc, đám đông đã vây quanh. Khi ấy nhà truyền giáo bắt đầu nói đôi lời và mời mọi người theo ông đến ngôi nhà hát gần đó. Chẳng bao lâu thánh đường đầy ắp người và nhà truyền đạo Tin lành cho những người khao khát thuộc linh. Khi các đại biểu hội nghị vừa đến nơi, Moody ngưng giảng và

nói, “Bây giờ chúng ta phải kết thúc ở đây vì các vị trong hội nghị muốn đến bàn luận vấn đề “Làm sao để tiếp cận quần chúng?” (Nghe hay đấy!)

Khi đọc đoạn Kinh Thánh này, có thể chúng ta chỉ nghĩ đến “giá đắt của sự quan tâm” nhưng cái giá sẽ còn đắt hơn nhiều nếu không quan tâm gì cả. Bởi sự thờ ơ, thầy tế lễ và người Lê-vi đánh mất nhiều điều hơn những gì người Sa-ma-ri làm vì sự quan tâm lo lắng của anh ta. Họ đánh mất cơ hội trở thành con người hữu ích hơn, những quản gia trung tín gìn giữ những gì Đức Chúa Trời ban cho. Lẽ ra họ có thể đem ảnh hưởng tốt vào một thế giới xấu, nhưng họ đã chọn làm gương xấu. Chính hành động thương xót của người Sa-ma-ri nhân lành đã thôi thúc mạnh mẽ những con người dẫn thân khắp thế giới. Bạn đừng bao giờ cho rằng làm một việc như thế là hoài công! Đối với Đức Chúa Trời, không có hành động phục vụ đầy lòng yêu thương nào trong danh Chúa Giê-xu lại bị lãng quên cả! Điều đó tùy vào quan điểm của bạn. Đối với kẻ cướp, người khách Giu-đa này là đối tượng để chúng vơ vét nên chúng tấn công anh ta. Đối với thầy tế lễ và người Lê-vi, anh ta là mối bận tâm cần phải tránh xa, nên họ bỏ mặc anh ở đó. Thế nhưng đối với người Sa-ma-ri nhân lành này, anh ta là người lân cận đáng được yêu thương và giúp đỡ nên đã chăm sóc anh ta. Lời Chúa phán với thầy dạy luật cũng là lời Ngài muốn dạy chúng ta hôm nay: “Hãy đi, làm theo như vậy”.

3. Người thờ phượng Chúa - lắng nghe lời Ngài (Lu 10:38-42)

Thực chất của sự thờ phượng, đó là tất cả những gì ta có thể làm cho Chúa trong đời sống Cơ Đốc nhân. Điều quan trọng, chúng ta phải là những sứ giả nhiệt tình đem thông điệp Phúc Âm đến cho những linh hồn hư mất, đặc biệt hãy như người Sa-ma-ri đầy lòng thương xót, tận tâm cứu giúp những kẻ bất hạnh cô thế đang cần sự thương xót của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trước khi có thể rao giảng về Đấng Christ hoặc thi hành công tác chăm sóc, chúng ta phải dành thời gian tương giao với Chúa và học Lời Ngài. Chúng ta hãy “dành thời gian để thánh hoá”.

Ma-ri ở làng Bê-tha-ni là người được nhắc đến 3 lần trong Phúc Âm Lu-ca. Trong mỗi sự kiện, bà đều ở một vị trí giống nhau: nơi chân Chúa Giê-xu. Bà ngồi dưới chân Chúa mà nghe lời Ngài (Lu 10:39), sắp mình xuống nơi Chúa bày tỏ nỗi đau khổ (Gi 11:32) và xức dầu nơi chân Chúa để thờ phượng Ngài (Gi 12:3). Đáng chú ý, ở mỗi trường hợp đều phảng phất một loại hương vị ở Lu 10:1-42, đó là hương vị thức ăn, ở Gi 11:39 có “mùi” của sự chết và Gi 12:1-11 có mùi dầu thơm.

Ma-ri và Ma-thê có sự khác biệt nhau, dường như mỗi người theo Chúa phải có một sự chọn lựa: hoặc là người hầu việc Chúa như Ma-thê, hoặc là người thờ phượng Chúa như Ma-ri. Dĩ nhiên cá tính và năng khiếu của chúng ta không giống nhau, nhưng không có nghĩa là đời sống Cơ Đốc nhân phải thuộc một trong hai trường hợp trên. Đây cũng là tư tưởng Charles Wesley bày tỏ qua một trong những thánh ca ông sáng tác:

“Nếu phải trung tín với lời Chúa dạy,
Tôi vẫn luôn chọn phần tốt hơn
Hãy hầu việc Ngài bằng đôi tay khéo léo của Ma-thê
Và bằng tấm lòng yêu Chúa của Ma-ri...”

Dường như Chúa muốn chúng ta noi gương Ma-ri trong sự thờ phượng và Ma-thê trong sự hầu việc. Phước thay cho những người sống quân bình!

Hãy xem trường hợp của Ma-thê. Bà tiếp Chúa vào nhà rồi bỏ mặc Ngài ở đó, vì phải chuẩn bị một bữa ăn “thịnh soạn” không cần thiết đối với Ngài! Chuẩn bị một bữa ăn là công việc không có gì sai trái, nhưng điều chúng ta làm có liên quan đến Chúa thật quan trọng hơn những gì ta làm cho Ngài. Đừng nghĩ bạn phải hành động theo một trong hai trường hợp này, bởi vì đây là vấn đề về sự quân bình. Ma-ri đã phụ với Ma-thê làm việc trong bếp và tranh thủ nghe lời Chúa dạy. Sau khi Ma-ri rời khỏi bếp, Ma-thê cảm thấy mình bị “bỏ rơi” nên bà bắt đầu trách móc với ý nghĩ cả Chúa Giê-xu và Ma-ri đã không quan tâm đến bà!

Thật tai hại đối với đời sống Cơ Đốc nhân khi chỉ cố sức làm việc Chúa nhưng không để thời gian tương giao với Ngài. “Ngoài ta, các người chẳng làm chi được” (Gi 15:5). Ma-ri đã chọn phần tốt hơn, là phần không ai có thể cất đi được, bà biết mình không thể sống “chỉ nhờ bánh mà thôi” (Mat 4:4). Những khi chúng ta trách cứ kẻ khác và tự thương hại mình vì đã đổ nhiều công sức vào việc gì, khi ấy ta hãy tự kiểm điểm lại đời sống mình. Có lẽ trong những bận rộn đó, ta đã thờ ơ với Chúa. Nan đề của Ma-thê không phải ở chỗ bà bận rộn với nhiều công việc, nhưng ở chỗ bà đã để công việc kéo mình đi quá xa và xao lãng với lời Chúa. Bà đã hầu việc hai chủ! Nếu vấn đề hầu việc Chúa khiến đời sống ta trở nên khó khăn, có lẽ đã có gì không ổn trong sự hầu việc ấy rồi!

Điều quan trọng, chúng ta phải đặt lên trên những ưu tiên chính đáng: Chúa Giê-xu phải là ưu tiên hàng đầu, sau đó là tha nhân rồi mới đến bản thân chúng ta. Dành thời giờ “sắp mình xuống chân Chúa” mỗi ngày là điều tối quan trọng chúng ta phải thực hiện. Hãy để Ngài nói với chúng ta qua lời Ngài. Phần quan trọng nhất trong đời sống Cơ Đốc nhân là phần chỉ có Chúa Giê-xu mới thấy được. Nếu không gặp Chúa riêng tư mỗi ngày, chẳng bao lâu chúng ta sẽ giống hệt Ma-thê: rất bận rộn nhưng không có phước!

Ở cương vị mục sư, tôi thường hỏi nhiều người về những vấn đề quan trọng như “bạn có thể cho tôi biết đời sống theo Chúa hiện nay của bạn không?” Thay cho câu trả lời thường là cái nhìn bối rối, đầu cúi xuống, hoặc lời thú nhận lí nhí: “Từ lâu tôi đã không đọc Kinh Thánh và cầu nguyện”. Chính họ cũng không biết vì sao bản thân lại rơi vào những nan đề như vậy!

Theo Gi 12:1-2, Ma-thê đã học được bài học cho bà, để sửa soạn bữa tiệc đãi Chúa Giê-xu, 12 môn đệ, anh và em bà – cả thảy 15 người – đã không có một lời phàn nàn nào được thốt lên! Sự bình an của Đức Chúa Trời ngự trong tâm hồn bà vì bà đã học ngồi bên chân Chúa Giê-xu.

Hôm nay chúng ta là những sứ giả, người lân cận và người thờ phượng Chúa. Trong ba vị trí kể trên, người thờ phượng Chúa là người có phước nhất.

Phước thay cho những người sống quân bình!

10. NHỮNG BÀI HỌC CHO ĐỜI SỐNG (Lu 11:1-54)

Lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu phát sinh từ một buổi cầu nguyện, một phép lạ và một lời mời dùng bữa. Chúa dùng những trường hợp này để dạy dỗ về bốn chủ đề thuộc

linh: sự cầu nguyện, Sa-tan, cơ hội thuộc linh và sự giả hình. Hôm nay chúng ta cần hiểu và áp dụng những lẽ thật ấy vào đời sống mình.

1. Sự cầu nguyện (Lu 11:1-13)

Vị trí ưu tiên của sự cầu nguyện (Lu 11:1): Chúng ta thường biết về Giăng Báp-tít như một tiên tri, một người tử đạo, nhưng môn đệ Chúa nhớ đến ông như một con người chuyên cầu nguyện. Giăng là “hài nhi kỳ diệu” được đầy dẫy Đức Thánh Linh từ khi còn trong bụng mẹ, nhưng ông vẫn luôn cầu nguyện. Ông được ban cho đặc ân rao truyền Đấng Cứu Thế cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng ông vẫn phải cầu nguyện. Chúa Giê-xu phán rằng Giăng là tiên tri lớn nhất (Lu 7:28), nhưng Giăng vẫn phải sống bằng sự cầu nguyện. Nếu sự cầu nguyện là vấn đề sống còn đối với một con người được ban cho nhiều đặc ân như thế, vậy chúng ta là những kẻ không có những lợi thế ấy, cần phải cầu nguyện nhiều hơn dường nào!

Môn đồ Giăng đã cầu nguyện, nên môn đệ Chúa Giê-xu cũng muốn học nhiều hơn về cách cầu nguyện. Họ không xin Thầy mình dạy cách giảng đạo hay làm những dấu lạ, họ chỉ xin Ngài dạy họ cách cầu nguyện. Hôm nay, đôi lúc chúng ta nghĩ rằng nếu chỉ sống với Chúa khi Ngài hiện diện trên đất, chúng ta ắt sẽ trở thành những Cơ Đốc nhân mạnh mẽ hơn, nhưng thật không phải thế! Các môn đệ đã ở cùng Chúa nhưng họ không có nhiều thời gian. Họ có thể thực hiện nhiều phép lạ, nhưng vẫn muốn học cách cầu nguyện.

Nhưng lý lẽ mạnh mẽ nhất cho sự ưu tiên trong cầu nguyện là sự kiện: Chúa Giê-xu của chúng ta là người cầu nguyện. Chúng ta thấy Ngài cầu nguyện khi chịu phép báp-tem (3:21), trước khi chọn 12 sứ đồ (6:12), khi đoàn dân đông kéo đến (5:16), trước khi Chúa yêu cầu 12 sứ đồ xưng nhận đức tin (9:18) và khi Ngài ở Núi Hoá hình (9:29). Các môn đệ đều biết Ngài thường cầu nguyện một mình (Mac 1:35) nên họ muốn học nơi Ngài bí quyết để có quyền năng và sự khôn ngoan thuộc linh. Nếu Chúa Giê-xu vẫn là Con toàn hảo của Đức Chúa Trời còn cần phải cầu nguyện khi “còn trong xác thịt” (He 5:7), vậy bạn và tôi cần cầu nguyện nhiều hơn biết bao! Lời cầu nguyện có hiệu quả là sự cung ứng cho mỗi nhu cầu và là giải pháp cho mỗi nan đề.

Bài cầu nguyện chung (Lu 11:2-4): Chúng ta gọi bài cầu nguyện này là “bài cầu nguyện của Chúa” không phải vì Ngài đã cầu nguyện như vậy (Ngài chưa bao giờ cầu xin sự tha tội) nhưng vì Ngài đã dạy các môn đệ cách cầu nguyện. Không có gì bất hợp lý nếu sử dụng bài cầu nguyện này cách cá nhân hoặc giữa nhiều người trong Hội Thánh bao lâu chúng ta cầu nguyện với một tấm lòng tin rằng đó là lời cầu nguyện chân thật và thuận phục. Thật dễ dàng đọc thuộc lòng những lời cầu nguyện ấy nhưng thật sự không hiểu ý nghĩa của bài cầu nguyện, thậm chí điều này cũng xảy ra khi chúng ta tôn vinh hoặc giảng đạo cho người khác! Sự sai trật hoàn toàn về phía chúng ta chớ không phải nơi bài cầu nguyện.

Đây là “bài cầu nguyện mẫu” dùng để hướng dẫn chúng ta cách cầu nguyện riêng (tương tự với Mat 6:9-15). Qua đó, chúng ta biết rằng lời cầu nguyện thật xuất phát từ mối liên hệ thuộc linh với Đức Chúa Trời hầu cho chúng ta có thể gọi Ngài là “Cha” bằng đức tin nơi Chúa Giê-xu (Ro 8:14-17 Ga 4:1-7).

Bill Moyers thư ký báo chí của tổng thống Lyndon Johnson đang cầu nguyện tạ ơn Chúa trong một bữa ăn của nhân viên, bất ngờ Tổng thống Johnson quát: “Tôi không nghe được gì cả!” Moyers nhẹ nhàng đáp: “Thưa Tổng thống, tôi đâu có nói với ông”.

Đó cũng là điều nhắc nhở chúng ta rằng: cầu nguyện là lúc ta thưa chuyện với Đức Chúa Trời.

Lời cầu nguyện đích thực cũng bày tỏ hai trách nhiệm: ca ngợi Nước Đức Chúa Trời và làm theo ý muốn Ngài (Lu 11:2). Mục đích của sự cầu nguyện không phải để ý riêng của con người được thực hiện trên trời, nhưng để ý muốn Đức Chúa Trời được thực thi trên đất. Cầu nguyện không phải là kể lể với Đức Chúa Trời những điều chúng ta muốn và hưởng thụ những điều ấy một cách ích kỷ. Cầu nguyện là cầu xin Đức Chúa Trời sử dụng chúng ta để hoàn thành điều Ngài muốn để danh Ngài được vinh hiển, vương quốc Ngài được mở mang và củng cố, ý muốn Ngài được thành tựu. Những khi tôi mong Đức Chúa Trời lắng nghe và nhận lời cầu nguyện của mình, tôi phải kiểm lại những lời cầu xin của riêng mình dựa trên những mối quan tâm này.

Cơ Đốc nhân cần phải biết Lời Đức Chúa Trời vì qua đó chúng ta khám phá được ý muốn Ngài. Đừng bao giờ tách rời sự cầu nguyện với Lời Đức Chúa Trời (Gi 15:7). Khi thi hành chức vụ, tôi từng chứng kiến những người tự xưng là Cơ Đốc nhân nhưng không vâng lời Chúa, họ tự biện hộ rằng: “Tôi đã cầu nguyện về vấn đề đó và được Chúa đồng ý!” Điều này cũng bao gồm cả việc một cô gái lập gia đình với một thanh niên ngoại đạo (IICo 6:14-18), một thanh niên sống với một cô gái không phải là vợ mình (ITe 4:1-8) và một Mục sư lập ra nhà thờ riêng, vì cho rằng mọi Hội Thánh khác đều đi sai đường, chỉ mình anh ta mới có “sự khôn ngoan thuộc linh” (Phi 2:1-16).

Khi đã có được sự đảm bảo trong mỗi thông công với Đức Chúa Trời và ý chỉ của Ngài, chúng ta có thể trình bày những lời cầu xin cho Ngài. Chúng ta có thể xin Ngài cung ứng nhu cầu mỗi ngày, tha thứ những gì chúng ta đã làm trong ngày qua và dẫn dắt chúng ta trong tương lai. Mọi nhu cầu của chúng ta có thể bao gồm trong ba lãnh vực cầu xin sau đây: Vật chất và sự cung ứng thuộc thể, đạo đức và sự toàn vẹn thuộc linh, sự bảo vệ và hướng dẫn thiên thượng. Nếu cầu nguyện theo cách này, chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta đang cầu nguyện theo ý Đức Chúa Trời.

Kiên trì cầu nguyện (Lu 11:5-8): Qua thí dụ này, Chúa Giê-xu không nói rằng Đức Chúa Trời giống như người láng giềng cau có. Thực sự, Chúa chỉ muốn nói điều ngược lại. Nếu một kẻ láng giềng mệt mỏi, ích kỷ kia cuối cùng đã đáp ứng mọi nhu cầu của người bạn gây phiền phức cho anh ta, vậy Cha yêu thương trên trời sẽ đáp ứng nhu cầu của con cái yêu dấu Ngài nhiều hơn dường nào! Chúa muốn diễn giải từ những sự việc nhỏ đến sự việc lớn hơn.

Chúng ta đều biết lời cầu nguyện dựa trên cơ sở của địa vị làm con (“Lạy Cha...”) chớ không phải tình bạn, nhưng Chúa Giê-xu lại dùng tình bạn để minh họa sự kiên trì trong cầu nguyện. Đức Chúa Cha không giống như người láng giềng này, vì Ngài chẳng bao giờ “ngủ” cũng không bao giờ thiếu kiên nhẫn hay cáu gắt. Ngài luôn rộng rãi và vui mừng khi chu cấp cho con cái mình. Người bạn đứng chờ nơi cửa cứ tiếp tục gõ cửa cốt để đạt được điều anh muốn, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng nhanh chóng đáp ứng mọi lời kêu xin của con cái Ngài (Lu 18:1-8).

Một lý lẽ đơn giản, nếu sự kiên trì cuối cùng cũng đem lại kết quả cho người gõ cửa nhà người bạn thiếu thiện chí thì sự kiên trì sẽ đem lại phước hạnh cho những ai cầu xin Cha yêu thương trên trời bội phần hơn dường nào. Nói cho cùng, chúng ta là con trong nhà với Ngài.

Từ “làm rộn” (11:8) còn có nghĩa là “không biết xấu hổ”, có lẽ muốn nói đến người đứng ngoài cửa đã không ngại đánh thức bạn mình, cũng có thể từ này muốn ám chỉ người trong nhà. Tiếp đãi khách phương xa đã trở thành luật lệ cơ bản ở Đông phương (Sa 18:1-2). Nếu người nào chối từ tiếp khách lạ, nghĩa là đã bôi nhọ danh dự cả làng và người ấy sẽ bị mọi kẻ lân cận xa lánh. Người bạn trong nhà biết luật lệ này nên không muốn gây bất lợi cho bản thân và gia đình, vì vậy anh ta phải trở dậy để chu cấp cho bạn mình.

Vì sao Cha trên trời nhậm lời cầu nguyện của chúng ta? Ngài nhậm lời cầu nguyện chẳng phải chỉ để đáp ứng nhu cầu của con cái Ngài, nhưng còn để danh Ngài được vinh hiển”. Danh Ngài được tôn thánh”. Khi con cái Đức Chúa Trời cầu nguyện, danh Đức Chúa Trời phải được đặt ở hàng đầu. Cách Đức Chúa Trời chăm sóc con cái Ngài là một chứng cứ cho thế giới biết rằng Ngài là Đấng đáng tin cậy. Philip Brooks nói rằng: cầu nguyện không phải là hành động “khắc phục” sự miễn cưỡng của Đức Chúa Trời, nhưng là cách làm Đức Chúa Trời vui lòng ở mức độ cao nhất. Kiên trì cầu nguyện không phải là “nỗ lực làm Đức Chúa Trời đổi ý” (“ý Cha được nên”) nhưng để đưa chúng ta đến chỗ xứng đáng để Đức Chúa Trời đáp lời.

Những lời hứa dành cho người cầu nguyện (Lu 11:9-13): Điều quan trọng ở đây chính là: “Hãy xin... hãy tin... hãy gõ cửa...” Xin bạn đừng đến với Chúa chỉ trong những lúc khẩn cấp “giữa đêm khuya”, nhưng hãy giữ mối giao thông “vĩnh cửu” (Gi 15:1), còn Phao-lô kêu gọi: “Hãy cầu nguyện không thôi” (ITe 5:17). Khi chúng ta cầu nguyện, Đức Chúa Trời hoặc sẽ nhậm lời, hoặc sẽ cho chúng ta biết vì sao Ngài không thể nhậm lời. Như vậy, tuy chúng ta có thể làm bất cứ điều gì cần thiết trong cuộc sống để Đức Chúa Trời tin cậy và trả lời cầu nguyện cho chúng ta.

Bạn hãy chú ý rằng bài học này kết thúc với sự xác quyết Đức Chúa Trời là Cha (Lu 11:11-13). Vì Ngài biết chúng ta và yêu thương chúng ta, bạn không cần phải lo lắng về cách Ngài nhậm lời cầu nguyện của bạn. Một lần nữa, Chúa Giê-xu lại dẫn chúng ta từ việc nhỏ đến việc lớn hơn: Nếu một người cha trên đất biết cho con mình những gì tốt nhất, chắc chắn Cha trên trời sẽ còn làm nhiều điều hơn thế, thậm chí Ngài còn ban “Đức Thánh Linh” cho người xin Ngài (11:13 Mat 7:11), đó là những ơn phước chỉ một số ít người đặc biệt trong thời Cựu Ước mới xứng đáng được nhận lãnh.

2. Sa-tan (Lu 11:14-28)

Lời vu cáo (Lu 11:14-16): Đây là phép lạ đuổi quỷ lần thứ ba Chúa thực hiện để rồi bị kẻ thù vu cáo Ngài nhờ chúa quỷ để đuổi quỷ! (Mat 9:32-34 12:22-37). Thay vì vui mừng bởi Đức Chúa Trời đã ban một Đấng Christ, các chức sắc tôn giáo lại chống đối lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời và tìm phương làm cho người ta không tin nơi công việc của Chúa Giê-xu cũng như phẩm cách Ngài. Bạn hình dung xem, những kẻ này “mù loà” đến nỗi không phân biệt được công việc của Đức Chúa Trời và công việc của Sa-tan!

Bê-ên-xê-bun là tên của một trong những thần Ba-anh của người Phi-li-tin (IIVua 1:1-3) nó có nghĩa là “Thần ruồi”. Một nghĩa khác, Bê-ên-xê-bun là “chúa cư trú”, có liên quan đến lời giải thích của Chúa Giê-xu ở câu 18-26. Người Do Thái thường dùng tên này khi nhắc đến Sa-tan.

Lời yêu cầu trong c.16 cũng là phần của lời vu cáo. Họ muốn nói rằng: “Nếu Thầy đang hầu việc Đức Chúa Trời, hãy chứng minh bằng cách cho chúng tôi một dấu lạ từ

trời, chớ không chỉ là một phép lạ trên đất”. Họ đang thử Đức Chúa Trời, thật là một điều nguy hiểm!

Lời phân bác (Lu 11:17-22): Đáp lại lời vu cáo của họ, Chúa Giê-xu đưa ra ba lý lẽ. Trước tiên, lời vu cáo của họ vô căn cứ. Vì sao Sa-tan lại có thể chống lại chính nó và phân rẽ nước nó? (Hãy nhớ rằng Chúa Giê-xu tin ma quỷ cũng có vương quốc hùng mạnh của nó) (Eph 2:1-3 6:10). Lý lẽ thứ hai, đó là lời vu cáo của họ tự lên án họ: Vậy người Do Thái đui nhờ quyền phép nào? Công việc họ làm khác với công việc của Chúa Giê-xu như thế nào? Ngược lại, những phép lạ của Chúa Giê-xu chứng minh rằng Vương quốc Đức Chúa Trời đang hiện diện tại đây, chớ không phải vương quốc Sa-tan! Cuối cùng, lời buộc tội của họ thực sự đã thừa nhận sự thực hữu của quyền phép Chúa, vì Ngài không thể đánh bại Sa-tan nếu Ngài không mạnh hơn nó. Chúa minh họa về Sa-tan như một kẻ cầm khí giới giữ cửa nhà và cửa cải nó. Nhưng Ngài đã tấn công lãnh địa nó, huỷ diệt khí giới nó và thu chiến lợi phẩm của nó (Co 2:15 Gi 12:31-33 IGi 3:8). Chúa chúng ta đã dẫn dắt những kẻ phu tù (Eph 4:8) và giải thoát những kẻ bị giam cầm (Lu 4:18). Dẫu quyền phép Ngài chỉ ở một giới hạn cho phép nào đó, Sa-tan vẫn là một kẻ thù bị đánh bại hoàn toàn.

Ứng dụng (Lu 11:23-28): Trong cuộc chiến thuộc linh không thể có thái độ trung lập (11:13 9:50), vì thái độ đó cũng đồng nghĩa với sự chống đối Chúa. Có hai thế lực thuộc linh ở thế gian, và ta phải chọn một trong hai. Sa-tan là đũa luôn phân rẽ và huỷ diệt, nhưng Chúa Giê-xu là Đấng xây dựng và củng cố. Ta phải có một quyết định, nếu không chọn lựa gì cả nghĩa là chúng ta đã chọn con đường nghịch cùng Chúa. Ngài cho ta thấy hiểm họa của thái độ trung lập khi kể câu chuyện về một người và tà ma. Thân thể con người là “nhà của ma quỷ (11:14,17,21). Có lẽ vì lý do nào đó, con quỷ này quyết định bỏ “nhà” đi nơi khác. Tình trạng của người này lập tức trở nên khá hơn, nhưng anh ta không mời Chúa ngự vào đời sống mình. Hay nói cách khác, anh ta vẫn giữ thái độ trung lập. Điều gì xảy ra sau đó? Con quỷ kia bèn trở về dẫn theo bảy quỷ khác mạnh hơn nó và khiến tình trạng người này tồi tệ hơn trước. Oswald Chambers nói rằng: “Thái độ trung lập trong niềm tin tôn giáo luôn là tính hèn nhất. Chúa sẽ biến thái độ hèn nhất ấy ra nổi kinh hoàng? Người theo Chúa Giê-xu không phải là người chỉ nói những lời hợp lý giống như người đàn bà đã cất tiếng rằng: “Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú” (11:27). Bà ta rất thành thực, nhưng như thế chưa đủ. Theo Chúa Giê-xu là khi chúng ta lắng nghe lời Ngài và vâng theo ý muốn Ngài (6:46-49 8:19-21).

3. Cơ hội thuộc linh (Lu 11:29-36)

Các môn đệ xúc động vì đám đông theo Chúa, nhưng Ngài biết rõ lòng người nên chẳng tỏ ra xúc động gì cả. Để giữ cho các sứ đồ không bị chao đảo trước “thành quả” của họ, Chúa dùng những câu chuyện Kinh Thánh để dạy dỗ họ. Ngài dùng ba ví dụ minh họa để cho thấy tính nghiêm túc của những cơ hội thuộc linh.

Giô-na (Lu 11:29-30,32): Các chức sắc tôn giáo luôn yêu cầu Chúa Giê-xu làm dấu lạ để chứng tỏ Ngài là Đấng Mê-si-a. Dấu lạ duy nhất Ngài hứa bày tỏ là “dấu lạ của Giô-na”: sự chết, chôn và phục sinh. Sự phục sinh của Chúa chứng tỏ Ngài là Đấng Christ - Con Đức Chúa Trời (Ro 1:4), đây cũng là điều Phi-e-rơ rao giảng cho dân Y-sơ-ra-ên vào Ngày lễ Ngũ tuần (Cong 2:22). Lời chứng của Hội Thánh đầu tiên là bằng cứ về sự phục sinh của Đấng Christ (Cong 1:28 3:15 5:30-32 13:32-33), Giô-na là một phép lạ sống động. Chúa Giê-xu của chúng ta cũng vậy.

Sa-lô-môn (Lu 11:31): Ở đây Chúa nhấn mạnh về sự khôn ngoan của một vị vua, không phải là “tác phẩm” của một tiên tri. Nữ hoàng của Vương quốc Sê-ba từ nơi xa xôi đã đến chỉ để nghe sự khôn ngoan của vua Sa-lô-môn (IVua 10:1-29). Nhưng giờ đây Chúa Giê-xu - Con Đức Chúa Trời đang ở giữa đám đông, vậy mà dân Do Thái không tin Lời Ngài. Cho dù, Chúa làm dấu lạ, cũng không thể thay đổi lòng họ. Họ muốn thấy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, nhưng lại hài lòng với nếp sống tôn giáo cũ rích của mình.

Điều quan trọng của những ví dụ minh họa này là chúng có liên quan đến dân ngoại. Khi tiên tri Giô-na rao giảng cho dân ngoại thành Ni-ni-ve, họ ăn năn và được tha thứ. Khi nữ hoàng ngoại bang nghe nói về sự khôn ngoan của vua Sa-lô-môn, bà sùng sốt và tin ngay. Nếu dân Do Thái được hưởng mọi đặc ân Đức Chúa Trời ban cho nhưng không ăn năn tội, vậy chính dân thành Ni-ni-ve và cả Nữ hoàng xứ Sê-ba sẽ làm chứng nghịch cùng họ trong ngày xét đoán của Đức Chúa Trời. Chúa đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên quá nhiều cơ hội thuộc linh, tiếc thay, họ vẫn không tin (Lu 13:34-35 Gi 12:35-41).

Minh họa thứ ba được rút ra từ nếp sống hằng ngày chớ không phải từ lịch sử đã qua, và đó cũng là điều Chúa từng dạy trước (Mat 6:22-23). Lời Chúa là ánh sáng soi giữa thế gian tối tăm (Thi 119:105 Ch 6:23). Ánh sáng soi “bên ngoài” vẫn chưa đủ, nó phải bước vào soi sáng đời sống chúng ta trước khi chúng ta có thể làm bất cứ điều ích lợi nào. “Sự bày giải lời Chúa soi sáng cho, ban sự thông hiểu cho người thật thà” (Thi 119:130). Ánh mặt trời rực rỡ nhất cũng không thể làm cho kẻ mù loà thấy được.

Khi tin nhận Chúa Giê-xu, mắt chúng ta được mở ra, ánh sáng thuộc linh soi rọi trong lòng và chúng ta trở nên con cái sáng láng (Gi 8:12 IICo 4:3-6 Eph 5:8-14). Điều quan trọng, chúng ta phải sử dụng ánh sáng ấy một cách đúng đắn để có một nhận thức riêng về đức tin. Nếu chúng ta để con mắt này hướng đến những điều thuộc về Đức Chúa Trời, còn mắt kia hướng về thế gian (IGi 2:16), thì sự sáng sẽ trở nên tối tăm! Đối với Cơ Đốc nhân, không có đời sống “tranh tối tranh sáng” như vậy, vì Đức Chúa Trời muốn chúng ta phải đầu phục và vâng lời Ngài (Lu 11:23).

Có ba nhân vật trong Kinh Thánh minh họa cho lẽ thật này. Họ đều bắt đầu bước đi trong ánh sáng và kết thúc cuộc đời trong sự tối tăm vì họ là những người “đi hai hàng”. Tên Sam-sôn có nghĩa như “ánh sáng mặt trời” thế nhưng ông ta lại kết thúc cuộc đời như một nô lệ mù loà trong ngục tối vì không vượt qua nổi “sự mê tham của xác thịt” (Cac 16:1-32). Lót bắt đầu cuộc sống như người hành hương cùng với ông chú Ap-ra-ham của mình. Ông kết thúc cuộc đời như một kẻ say sưa trong hang động và phạm tội loạn luân (Sa 19:30-38) vì đã không vượt qua “sự mê tham của mắt” (Sa 13:10-11). Ông muốn hầu việc hai chủ nên nhìn về hai hướng!

Vua Sau-lơ bắt đầu cai trị như một nhà lãnh đạo quốc gia khiêm nhường nhưng lòng kiêu ngạo đã đưa ông đến “động” của một bà bóng (ISa 28:1-25) và tự sát giữa sa trường (ISa 31:1-13). Tội của ông là “sự kiêu ngạo của đời”, nó khiến ông không thể đầu phục và vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời.

Mỗi chúng ta đều đang ở trong ánh sáng hoặc bóng tối. Thật đáng sợ khi có một số người cứng lòng chống nghịch cùng Đức Chúa Trời, đến nỗi họ không thể phân biệt đúng sai! Họ cho rằng mình đang sống trong sự sáng, nhưng thực ra đang đi trong sự tối tăm. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si tuyên bố họ đã “thấy sự sáng” khi học về luật pháp, nhưng ngược lại, họ đang sống trong sự tối tăm (Gi 12:35-50).

4. Sự giả hình (Lu 11:37-54)

Khi Chúa thi hành chức vụ ở giai đoạn này, các chức sắc tôn giáo tìm phương diệt Ngài. Vì sao một người Pha-ri-si mời Ngài về nhà dùng bữa? Nếu ông ta thực lòng tìm kiếm lẽ thật, ông phải nói với Chúa cách riêng tư. Dường như ông ta cố tìm một cơ hội kiện cáo Ngài và nghĩ rằng ông có thể thực hiện được ý đồ ấy khi Chúa không rửa tay trước bữa ăn (Mac 7:2-3). Biết rõ ý nghĩ của đám đông, Chúa dùng “sự phân tích thuộc linh” của người Pha-ri-si để trả lời họ.

Chúa phơi bày ý nghĩ ngu xuẩn của họ (Lu 11:37-41): Làm lẫn cơ bản của người Pha-ri-si là suy nghĩ cho rằng sự công bình chỉ như một vấn đề của những hành động bên ngoài và họ đánh giá thấp những thái độ bên trong. Họ cẩn thận giữ cho bên ngoài tinh sạch nhưng bỏ qua “sự dữ” bên trong. Dường như họ quên rằng chính Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người bề ngoài cũng tạo dựng con người bên trong “con người bên trong” cũng cần sự tinh sạch nữa (Thi 51:6,10).

Người Pha-ri-si khoe khoang về sự dâng hiến và công đức mình (Mat 6:1-4 Lu 18:11-12) nhưng không dâng lên Đức Chúa Trời những gì thuộc tấm lòng bên trong. Làm tinh sạch con người bên trong mới là cách làm sạch con người bên ngoài (11:41). Kenneth Wuest đã dẫn dịch câu này theo một cách khác: “Đúng hơn, mọi điều bên trong hãy dâng như của bố thí, và nhìn xem, mọi điều sẽ sạch cho người”. Cách làm sạch một những ngông ừ bản thủ không phải bởi đánh răng, nhưng do tẩy uế lòng bạn.

Chúa lên án tội lỗi họ (Lu 11:42-52): Sáu chữ “khốn thay” dùng ở đây cũng giống như những “khốn thay” trong Mat 23:1-39. Chúa bắt đầu lên án tội lỗi của người Pha-ri-si (Lu 11:42) và chuyển sang tội lỗi của các thầy dạy luật, vì chính sự “diễn giải” luật pháp của họ đã hình thành căn cơ cho cả hệ thống tôn giáo của người Pha-ri-si (11:45-52).

Ba “khốn thay” đầu tiên đã lên án chính những người Pha-ri-si vì họ đã không biết những ưu tiên nào đáng thực hiện trước. Quá chú trọng việc dâng phần mười thậm chí đến những chiếc lá nhỏ xíu hoặc hạt của các thảo dược, họ đã quên đi những điều quan trọng như sự công bình và sự nhơn từ (Mi 6:7-8). Họ chỉ là con trẻ thuộc linh! Chúa Giê-xu không nói họ phải ngưng việc dâng phần mười, nhưng Ngài muốn họ đặt ra hoạt động tôn giáo trong cái nhìn đúng đắn.

Họ cũng đặt danh vọng lên trên phẩm cách. Họ cho rằng nếu ngồi ở ngôi cao sang và được những kẻ danh giá chào hỏi, sẽ khiến họ có vẻ “thuộc linh”. Danh tiếng chỉ là những gì con người biết về chúng ta ở bề ngoài, nhưng phẩm cách là điều chỉ có Đức Chúa Trời mới biết.

Sự so sánh ở Lu 11:44 có lẽ đã gây bức tức dữ dội cho nhiều người cũng những người Pha-ri-si có mặt ở đó. Người Do Thái khi xưa rất thận trọng để tránh xa sự ô uế của xác chết (Dan 19:11-22), vì thế họ đánh dấu mồ mả cẩn thận. Nhưng người Pha-ri-si giống như mả không được đánh dấu (“mả loạn”) nên không giống mồ mả chút nào! Điều này có nghĩa như họ đã vô tình làm kẻ khác bị ô uế khi nghĩ rằng mình đang giúp kẻ khác “thánh khiết” hơn! Thay vì giúp kẻ khác, người Pha-ri-si đang làm hại họ.

Các thầy dạy luật cảm thấy “khó chịu” khi nghe lời Chúa và cố sức biện hộ cho bản thân. Đáp lại Chúa dùng ba minh họa sống động gánh nặng, mờ mả, và chìa khoá.

Các thầy dạy luật chỉ luôn chất thêm gánh nặng cho kẻ khác, nhưng không hề muốn giúp họ mang lấy những gánh nặng ấy. Bi thảm thay, những kẻ “rao giảng” lời Đức Chúa Trời lại tạo thêm nan đề cho kẻ khác, những kẻ vốn dĩ phải mang quá nhiều gánh nặng rồi! Một mục sư là bạn tôi, mỗi ngày ông cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa, xin giúp con hôm nay đừng chất thêm cho ai những gánh nặng” Chúa Giê-xu đã biết những “gánh nặng tôn giáo” này, nên Ngài đã ân cần mời gọi kẻ mệt mỏi đến với Ngài (Mat 11:28-30).

Các thầy dạy luật rất giỏi trong việc tô điểm quá khứ và ca ngợi các tiên tri là những người bị giết bởi tổ chức giáo hội của họ. Lịch sử Kinh Thánh và cả lịch sử Hội Thánh đã chứng minh rằng tội tởm của Đức Chúa Trời luôn bị chối từ bởi những con người cần nghe họ giảng nhất. Nhưng dòng dõi kẻ tự lại tôn trọng những người tử đạo này. Người Pha-ri-si giống như “mồ mả giấu kín, nhưng các thầy thông giáo lại xây lên những mồ mả công phu!

Sự tử đạo được chép đầu tiên trong Kinh Thánh Cựu Ước, đó là sự chết của A-bên, người sau cùng là Xa-cha-ri (Sa 4:1-15 IISu 24:20-27 và xin nhớ rằng IISu ký là sách sau cùng trong Kinh Thánh của người Hê-bơ-rơ) Chúa Giê-xu không nói rằng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các tiên tri thời Cựu Ước bị giết hại. Đúng hơn, Ngài nhấn mạnh rằng con người giống như các thầy thông giáo và người Pha-ri-si đã đối xử tệ hại với tội tởm của Đức Chúa Trời. Tội lỗi cuối cùng của họ là việc đóng đinh Con Đức Chúa Trời trên thập tự.

Tóm lại, các thầy dạy luật đã cướp khỏi kẻ khác sự hiểu biết về Lời Đức Chúa Trời. Thật tệ hại khi họ không những không thể vào được Nước Thiên đàng, mà còn ngăn trở kẻ khác bước vào Thiên đàng! Giảng dạy lời Đức Chúa Trời là điều rất quan trọng và không phải ai cũng có thể làm được (Gia 3:1). Tiếc thay, những kẻ xưng là người “hiểu biết Kinh Thánh” lại là những con người chẳng được trang bị gì cả nên họ không thể thay đổi sự ngu xuẩn của mình.

Tuy nhiên, cũng có một khía cạnh khác: các thầy dạy luật thuyết phục kẻ khác rằng không ai có thể hiểu rõ và giải thích được luật pháp ngoại trừ các giáo sư lỗi lạc đầy hiểu biết. Ngày hôm nay, đôi lúc chúng ta cũng bày tỏ thái độ kiêu căng như thế. Giáo sư nào diễn giải quá mức ngôn ngữ Kinh Thánh đều khiến người ta có cảm giác Đức Thánh Linh không thể dạy dỗ những người không biết ngôn ngữ Hy Lạp và Hê-bơ-rơ. Hiện nay, có nhiều loại Kinh Thánh nghiên cứu (một số rất có ích) khiến bạn không biết liệu người học có thể học và hiểu được điều gì từ một cuốn Kinh Thánh đơn giản hay không. Chúng ta đừng coi thường sự hiểu biết Cơ Đốc nhân chính và sâu rộng, nhưng cũng nên giữ mọi sự ở mức quân bình.

Đức Chúa Giê-xu là “chìa khoá” của Lời Đức Chúa Trời (Lu 24:44-48). Nếu cất đi chìa khoá này, bạn không thể hiểu những điều Đức Chúa Trời đã viết. Cũng bổ ích và cần thiết như việc học Thần đạo, việc học Kinh Thánh đòi hỏi một điều kiện cao nhất đó là một tấm lòng hạ mình và một ý chí vâng phục. Một số giáo viên Kinh Thánh giỏi nhất tôi từng biết trong cuộc đời hầu việc Chúa, họ là những người học lẽ thật từ Lời Đức Chúa Trời bằng “đầu gối” mình và giữa thử thách của cuộc sống. Họ được chính Đức Thánh Linh dạy dỗ chứ không do con người.

Chúa gây tức giận cho họ (Lu 11:53-54): Những kẻ giả hình không muốn tội lỗi mình bị phơi bày, vì sẽ làm tổn hại danh tiếng họ. Thay vì chống đối Đức Chúa Trời, lẽ ra những con người này phải hạ mình trước Chúa để tìm kiếm sự thương xót của

Ngài. Họ ngang nhiên tấn công Chúa bằng những “câu hỏi mẹo” hòng gài bẫy và vu cho Ngài theo phái dị giáo để bắt Ngài. Con Đức Chúa Trời lại bị đối xử một cách vô ơn như thế!

Ngày nay cũng có những quy lệ tôn giáo rất giống những quy lệ được các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bảo vệ. Những người lãnh đạo trong tôn giáo diễn giải và áp dụng Lời Kinh Thánh cho các tín hữu, bạn không được phép đặt những câu hỏi hóc búa hoặc đưa ra ý kiến phản bác. Những lãnh đạo này lợi dụng con người và hành động cho có lệ hoặc chẳng làm gì để làm nhẹ đi gánh nặng của kẻ khác.

Tệ hại hơn hết, họ đã dùng quy lệ tôn giáo để che đậy tội lỗi mình. Lẽ thật từ Đức Chúa Trời khiến chúng ta được tự do, nhưng những con người này chỉ dẫn người vào xiềng xích trói buộc càng thêm.

Đức Chúa Trời đã ban cho Hội Thánh Ngài những giáo sư (Eph 4:11), nên chúng ta phải lắng nghe họ. Tuy nhiên, ta cũng nên xem xét lại những gì mình nghe bằng cách đối chiếu với Kinh Thánh để biết chắc rằng các giáo sư ấy đang giảng dạy lẽ thật (ITe 5:19-21). Chúng ta không nên cho phép bất cứ ai đưa chúng ta vào vòng trói buộc và lợi dụng chúng ta (ICo 11:20).

Có ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời và đặc quyền được cầu nguyện là một ơn phước kỳ diệu Chúa dành cho chúng ta. Kẻ thù muốn cướp khỏi chúng ta những phước hạnh của sự tăng trưởng thuộc linh và sự tự do trong Chúa. Kế hoạch của ma quỷ là thay thế lẽ thật bằng sự giả hình để khiến chúng ta quan tâm con người bề ngoài hơn con người bề trong: chăm về danh lợi hơn phẩm cách.

Hiểm họa này nghiêm trọng đến nỗi Chúa Giê-xu phải nói thêm ở Lu 12:1-59. Vậy chúng ta hãy cẩn thận!

11. HỖI ANH EM, HÃY COI CHỪNG (Lu 12:1-59)

Các môn đệ Chúa có lẽ không nhận biết họ đang gặp nhiều nguy hiểm. Trước hết, hằng ngàn người vây quanh họ là những người chỉ muốn xem Chúa Giê-xu làm phép lạ hoặc đáp ứng nhu cầu riêng của họ, thật ra họ chẳng hề muốn nghe lẽ thật thuộc linh. Trong khi đó, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si lại lập mưu chống nghịch cùng Chúa. Cái bẫy của “sự ái mộ” và sự sợ hãi loài người đã đem thất bại không ít đến cho các tông đồ Chúa.

Trong Lu-ca ghi lại năm lời cảnh cáo của Chúa Giê-xu. Ngày nay dân Chúa phải lưu tâm đến bốn lời cảnh cáo nếu muốn trở thành môn đệ trung tín của Ngài, còn thế giới hư mất phải chú ý đến lời cảnh cáo thứ năm.

1. Hãy coi chừng sự giả hình (Lu 12:1-12)

Từ “kẻ giả hình” theo ngôn ngữ Hy Lạp nghĩa là “kẻ đóng kịch”. Trong mọi tầng lớp xã hội đều có những kẻ giả hình, những người cố làm cho kẻ khác khâm phục và kính trọng mình hầu giấu đi “cái tôi” thật bên trong. Kẻ giả hình trong đời sống Cơ Đốc là người cố tạo ra vẻ “thuộc linh quá mức” so với thực chất của họ. Họ biết rằng chính họ đang đóng kịch và mong không ai phát hiện ra thực trạng của họ. Đời sống theo Chúa của họ chỉ là một “chiếc mặt nạ” mà thôi.

Có thể hiểu vì sao Chúa Giê-xu đưa ra lời khuyên này trong giờ phút riêng tư với môn đệ. Có thể các môn đệ đã bị cám dỗ khi hài lòng với sự hâm mộ của đám đông, hoặc có thể họ muốn tránh những phiền phức khi đồng tình với các thầy thông giáo

và người Pha-ri-si. Chúng ta đều muốn kẻ khác thích mình và dường như “đóng kịch” là hành động dễ làm khiến nhiều người muốn nhìn thật dễ dàng để đóng vai trò mà những khác muốn xem. Vậy làm sao chúng ta có thể tránh được sự giả hình trong đời sống?

Trước tiên, chúng ta phải hiểu rõ sự giả hình là gì (Lu 12:1) Chúa so sánh sự giả hình với chất “men”, điều mà mọi người Do Thái đều cho rằng có liên hệ với đến điều xấu (Xu 12:15-20. Phao-lô cũng dùng “men” để nói về tội lỗi. Xem ICo 5:6-8 Ga 5:9). Giống như chất men, sự giả hình khởi đầu rất “ít” nhưng phát triển nhanh chóng và âm ỉ. Khi hình thành, sự giả hình tiếm nhiễm vào cả con người. Sự giả hình phục vụ cho cái tôi cũng như chất men giúp cho bột nhào bánh vậy: “men” ấy sẽ dậy lên! (ICo 4:6,18-19 5:2). Chẳng bao lâu, lòng kiêu ngạo sẽ thao túng và khiến nhân cách nhanh chóng bị hủy hoại!

Nếu muốn tránh sự giả hình trong đời sống, chúng ta phải tránh xa chất “men” đó, dù là “một chút”. Bước đầu, chúng ta chỉ “giả vờ” và sau đó, sự giả hình được tập tành nhanh chóng. Càng giữ lâu sự giả dối, tình trạng giả hình càng trở nên tệ hại hơn. Ông Walter Scott nói rằng: “Chỉ khởi đầu từ sự lừa dối, mà chúng ta đã dẹt thành một ‘mớ bòng bong’ rối tung!”

Chúa dạy lẽ thật thứ hai: *sự giả hình là điều ngu xuẩn và không đem ích lợi gì* (Lu 12:2-3) Vì sao? Vì không có điều gì giấu kín mãi. Chúa dạy điều này để môn đệ sẽ áp dụng vào những lãnh vực khác nhau của đời sống. Có lẽ 12 sứ đồ đã cố che đậy hoặc diễn giải lẽ thật sao cho đám đông các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không phản đối họ (Lu 8:16-18 11:33). Lẽ thật của Đức Chúa Trời là sự sáng, không phải là “men” vậy không nên giấu kín. Lời giả dối của kẻ giả hình sẽ có ngày bị lộ ra, vậy sao chúng ta cứ tiếp tục giả dối? Hãy để sự sáng trong bạn được soi ra!

Điều thứ ba, *chúng ta phải hiểu nguyên nhân của sự giả hình* (Lu 12:4-7). Chúa Giê-xu nhắc đến từ “sợ” năm lần trong phân đoạn này, Ngài muốn cho chúng ta biết nguyên nhân gây ra sự giả hình là do lòng sợ con người. Khi chúng ta sợ dư luận của kẻ khác nói về chúng ta hoặc cách họ đối xử với mình, chúng ta cũng có thể nói dối để được họ chấp nhận. Nếu cần, chúng ta cũng có thể nói dối để đạt mục đích của mình. Đây chính là sự giả hình. Tiếc thay, nhiều thầy dạy luật và người Pha-ri-si chỉ quan tâm về danh tiếng hơn phẩm cách, quan tâm những gì người ta nghĩ về mình hơn những gì Đức Chúa Trời biết về họ. Lòng sợ con người luôn tạo ra một cái bẫy (Ch 29:25) nên Chúa Giê-xu muốn các môn đệ Ngài phải tránh chạm bẫy đó.

Để khắc phục sự giả hình, chúng ta phải bỏ ngoài tai những điều con người có thể nói và hành động, nhưng chỉ sợ Đức Chúa Trời mà thôi. Sự kính sợ Đức Chúa Trời sẽ đặc thẳng mọi nỗi sợ hãi khác, vì kẻ thật sự kính sợ Đức Chúa Trời chẳng phải sợ điều gì. Con người chỉ có thể giết thân thể, nhưng Đức Chúa Trời có thể đoán phạt linh hồn! Ngài là Đấng đoán xét cuối cùng nên chúng ta phải để lòng kính sợ Ngài lên trên hết mọi sự. Đức Chúa Trời biết rõ và luôn chăm sóc chúng ta. Loài chim sẻ còn được Đức Chúa Trời quan tâm đến, huống chi chúng ta có giá trị hơn chúng nhiều. Vậy chúng ta còn sợ loài người điều gì nữa?

Mặt khác, điều chúng ta phải làm là công khai xưng nhận Đấng Christ (Lu 12:8-9). Nếu đã làm được như vậy, chúng ta sẽ thoải mái sống trong lẽ thật, và tránh được sự giả hình. Làm sao chúng ta có thể sợ loài người khi biết rằng Chúa Giê-xu sẽ xưng chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời ở thiên đàng? Điều quan trọng không phải tên

chúng ta được loài người đề cao trên đất, nhưng là Đức Chúa Trời biết chúng ta nơi thiên đàng (ITi 2:8-14)

Sau cùng, **chúng ta phải nhờ cậy Đức Thánh Linh** (Lu 12:10-12). Chúa Giê-xu có vẻ mâu thuẫn với chính Ngài. Trong Lu 12:8-9, Ngài bảo chúng ta phải xưng Ngài ra trước thiên hạ. Tuy vậy ở Lu 12:10, Ngài nói rằng, nếu nói nghịch với Ngài, chúng ta có thể được tha, nhưng nói nghịch với Đức Thánh Linh, sẽ chẳng được tha! Phải chăng điều đó có nghĩa: Đức Thánh Linh quan trọng hơn Con Đức Chúa Trời?

Hãy chú ý rằng câu nói này có liên quan đến công việc Đức Thánh Linh qua các sứ đồ (Lu 12:11-12). Dân tộc Do Thái từ chối Đức Chúa Cha khi họ không nghe lời Giảng Báp-tít để ăn năn tội, vì chính Đức Chúa Cha đã sai Giảng đến. Họ từ chối Con Đức Chúa Trời khi yêu cầu quan toà Phi-lát đóng đinh Ngài. Tuy nhiên, tội lỗi đó có thể được tha thứ bởi vì vẫn còn có công tác của Đức Thánh Linh. Đức Chúa Trời không đoán phạt dân tộc Do Thái ngay lúc đó. ngược lại, Chúa Giê-xu đã cầu nguyện cho họ khi Ngài bị treo trên thập tự (Lu 23:34 Cong 3:17). Sau đó, Đức Chúa Trời ban Thánh Linh hành động qua các sứ đồ và những tín hữu trong Hội Thánh. Đây là cơ hội cuối cùng dành cho dân tộc này, nhưng họ đã chối từ cơ hội Đức Chúa Trời ban khi bác bỏ lời chứng của Đức Thánh Linh (Cong 7:51). Lu 12:11-12 được ứng nghiệm qua suốt những đoạn đầu của sách Công vụ khi thông điệp này đến với dân Do Thái trước tiên (Ro 1:16 Cong 3:26 13:46). Tội lỗi thứ ba của dân Y-sơ-ra-ên là ném đá Ê-tiên (Cong 7:54-60). Sau đó thông điệp Đức Chúa Trời đến với dân Sa-ma-ri (Cong 8:1-40) và người ngoại (Cong 10:1-48). Bạn hãy để ý câu nói của Ê-tiên “Các ngươi cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài” (Cong 7:51).

Tôi không tin rằng ngày nay con người có thể phạm tội nghịch với Đức Thánh Linh như dân Y-sơ-ra-ên hàng thế kỷ trước. Tôi cho rằng tội lỗi không thể tha thứ ngày hôm nay chính là “chối bỏ Chúa Giê-xu” (Gi 3:36). Thánh Linh Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua Lời Ngài và tội nhân có thể không tin chứng cứ ấy và nghịch cùng Đức Thánh Linh. Nhưng Đức Thánh Linh đã làm chứng về Đấng Christ (Gi 16:7-15). Vì thế, thái độ con người đối với Đức Thánh Linh là thái độ họ đối cùng Con Đức Chúa Trời.

2. Hãy coi chừng tham lam (Lu 12:13-21)

Bấy giờ, một người trong đám đông lên tiếng xin Chúa giải quyết dùm vấn nạn gia đình anh. Người ta thường mong đợi các Ra-bi giúp giải quyết những vấn đề pháp lý, nhưng Chúa không can dự vào. Tại sao? Vì Ngài biết rằng sẽ không có giải đáp nào giải quyết được nan đề thật của họ, đó là sự tham lam trong lòng anh em họ. Bao lâu họ còn tham lam, sẽ không có sự giải quyết nào khiến họ thoả mãn. Tấm lòng họ cần được thay đổi, đó mới là nhu cầu lớn nhất. Ngày hôm nay, có biết bao con người chỉ muốn được Chúa giúp đỡ chứ không muốn được cứu rỗi.

Tham lam là sự khao khát muốn có thêm càng nhiều hơn những gì ta nghĩ rằng mình cần để thật được thoả mãn. Đó có thể là sự tham tiền hoặc những gì đồng tiền có thể mua được, thậm chí có thể là sự khao khát địa vị và quyền lực. Chúa Giê-xu nói rõ: Đời sống đích thực không dựa trên sự giàu có về của cải vật chất. Chúa cũng không phủ nhận về việc chúng ta có những nhu cầu cơ bản trong đời sống (Mat 6:32 ITi 6:17). Ngài chỉ nhấn mạnh rằng chúng ta không thể khiến đời sống mình phong phú hơn nếu chỉ đòi hỏi càng nhiều những điều kể trên.

Mark Twain có lần đã định nghĩa “nền văn minh là sự gia tăng vô giới hạn của những cần thiết không cần thiết”, và ông ta có lý. Thực tế, có nhiều tín hữu bị tiêm nhiễm tính tham lam mà không biết. Họ nghĩ rằng lời khuyên của Phao-lô ở Tim 6 chỉ áp dụng cho những người giàu có tiếng tăm!” Chúa Giê-xu dùng ví dụ về người giàu có này cho ta thấy những hiểm họa tiềm ẩn trong một tấm lòng hà tiện. Khi đọc ví dụ đó, bạn hãy kiểm lại những phản ứng của mình đối với hiện trạng của người giàu này. Bạn phản ứng ra sao đối với tình trạng khó xử của phú nông ấy? Ông ta có quá nhiều của cải. Nếu chúng ta nói “Tôi ước chi mình cũng có nan đề giống như vậy!”, lời nói ấy chẳng khác nào chúng ta đang để lộ sự tham lam trong lòng mình. Nếu đột nhiên bạn thừa hưởng một gia tài “kết sù”, liệu điều đó có gây khó xử cho bạn không? Liệu bạn có tôn vinh Đức Chúa Trời và cầu xin Ngài tỏ cho bạn biết những điều Ngài muốn bạn thực hiện?

Giàu có cũng đem đến những hiểm họa (Ch 30:7-9). Của cải làm cho Lời Đức Chúa Trời bị nghẹt ngòi (Mat 13:22), khiến người ta bị mắc bẫy và sa vào sự cám dỗ (ITi 6:6-10,17-19). Sự giàu sang khiến bạn có cảm giác an toàn giả tạo. Người đời có câu: Tiền bạc không thể làm con người thoả mãn trừ khi bạn muốn sống theo tiêu chuẩn của nó. Những ai chỉ hài lòng với những gì tiền bạc có thể mua được sẽ có nguy cơ đánh mất những điều không thể mua bằng tiền. Người phú nông này xem của cải như một cơ hội để thoả mãn chính mình. Ông chẳng nghĩ về Đức Chúa Trời hay điều nào khác hơn của cải.

Bạn phản ứng ra sao trước những quyết định của phú gia này? Có phải bạn sẽ nói: “Bây giờ đó là sự đầu tư khôn ngoan! Hãy đầu tư và chuẩn bị cho tương lai”. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu đã nhìn thấy sự ích kỷ trong mọi hành động của người giàu kia, Ngài phán rằng đó là kẻ dại. Triết lý sống của thế gian là “hãy quan tâm đến bản thân trước hết”, Chúa Giê-xu không tán đồng với triết lý đó.

Không có gì sai trái đối với việc áp dụng những nguyên tắc đầu tư có lợi, thậm chí dự phòng cho tương lai (ITi 5:8). Chúa Giê-xu không muốn con người lãng phí (Gi 6:12), nhưng Ngài cũng không muốn con người có lòng ích kỷ, bị thôi thúc bởi tính tham lam.

Bạn phản ứng ra sao trước những tham muốn của người giàu này? Có phải bạn sẽ nói: “Đây mới đúng là cuộc sống! Ông ta đã thành công được thoả mãn và an tâm. Vậy ông ta còn cần gì hơn?” Tuy nhiên Chúa nhìn thấy ông ta đang đối diện cái chết. Của cải vật chất không thể giữ mạng sống chúng ta khi giờ chết đến gần. Của cải cũng không thể mua lại những cơ hội chúng ta đã đánh mất khi chỉ nghĩ đến cái tôi và làm ngơ đối với Đức Chúa Trời hay những người khác.

Chúa Giê-xu chứng minh rằng đời sống đích thực không xuất phát từ của cải vật chất, và sự thành công đích thực hay sự an toàn cũng không đến từ của cải. Người giàu này có quan niệm sai lầm về sự sống và sự chết. Ông nghĩ rằng cuộc sống có được do “tích trữ” mọi vật chất, còn cái chết hãy còn quá lâu! Ngày 11.3.1856 ông Henry David Thoreau ghi trong nhật ký rằng: “Con người giàu có nhất hưởng những thú vui tầm thường nhất”. Ông cũng cho rằng một người giàu có phải tương xứng với những gì anh ta có thể mua được mà không quan tâm đến”.

Cuối cùng, bạn phản ứng ra sao trước sự chết của người giàu có kiêu ngạo này? Chúng ta thường nói: “Thật rủi quá! Ông ta chết ngay khi có được mọi sự thuộc về mình! Bi thảm thật, ông ta không thể hoàn thành những kế hoạch lớn lao đã dự tính!”

Nhưng bi kịch lớn nhất không phải là những gì người ấy bỏ lại đằng sau, đó là những gì phía trước ông ta: cõi vĩnh hằng không có Đức Chúa Trời! Người này đã sống không có Đức Chúa Trời, chết không có Đức Chúa Trời, và của cải ông ta có chỉ gây rắc rối cho đời sống ông. Đức Chúa Trời chẳng hề nhờ tới tiền bạc chúng ta có.

“Giàu có nơi Đức Chúa Trời” nghĩa là gì? Đó là sự thông biết về Đức Chúa Trời, hiểu rằng mọi sự chúng ta có bởi ơn Đức Chúa Trời và cố gắng sử dụng những gì Ngài ban cho để đem ích lợi đến cho người khác cũng như tôn vinh Đức Chúa Trời. Của cải có thể phục vụ con người và khiến con người vui mừng nếu mục đích của con người là để tôn vinh Đức Chúa Trời (ITi 6:10). “Giàu có nơi Đức Chúa Trời” là sự giàu có thuộc linh, không phải sự hưởng thụ của bản thân. Thật đáng thương cho những ai chỉ giàu có ở đời này nhưng nghèo nàn ở đời sau! (Mat 6:19-34).

3. Hãy coi chừng sự lo lắng (Lu 12:22-34)

Phú gia kia lo lắng vì có nhiều của cải, nhưng môn đệ Chúa có thể vương vào cạm bẫy của sự lo lắng vì họ sống thiếu thốn. Đã từ bỏ mọi sự theo Chúa Giê-xu Christ, họ chẳng nhận được một hứa hẹn bảo đảm nào. Họ đang sống bởi đức tin, và đức tin luôn phải chịu thử thách.

Sự lo lắng có tính chất tiêu cực. Ở Lu 12:22, từ “lo” có nghĩa như “không có hy vọng” và ở 12:29, “có lòng lo lắng” có nghĩa như “ở trong tình trạng chờ đợi hồi hộp”. Đây là hình ảnh một con thuyền chao đảo giữa sóng gió. Corrie Ten Boom nói rằng: “Lo lắng không làm cho sào muện của ngày mai rơi đi, nhưng khiến sức mạnh hôm nay bị cạn kiệt”.

Sự lo lắng cũng lừa dối con người. Nó khiến chúng ta quan niệm sai lệch về sự sống và về Đức Chúa Trời. Lo lắng khiến chúng ta tin rằng cuộc sống chỉ tồn tại do “ăn” và “mặc”. Quá lo lắng về những tiện nghi cuộc sống, chúng ta hầu như quên đi mục đích cuối cùng để tôn vinh Đức Chúa Trời (Mat 6:33). “Sống” và “tồn tại” là hai ý niệm khác nhau hoàn toàn!

Lo lắng làm chúng ta “mù loà” về thế giới chung quanh và về cách Đức Chúa Trời chăm sóc tạo vật của Ngài. Ngài khiến muôn hoa khoe sắc rực rỡ, nuôi sống loài quạ ô uế không có khả năng gieo gặt, chăm sóc cả những người được ban cho khả năng làm việc. Chúa Giê-xu không bảo chúng ta cứ ngồi đó chờ Đức Chúa Trời nuôi mình, vì cả loài chim cũng phải chăm chỉ lao động để tồn tại. Đúng hơn, Ngài khuyên chúng ta đặt lòng tin cậy nơi Ngài và đồng công với Ngài trong việc sử dụng những khả năng và cơ hội Ngài ban (II Te 3:6-15). Những sự lo lắng còn khiến chúng ta mù loà về chính nó. Chúng ta có thể đến một nơi mà mình thật sự nghĩ rằng lo lắng khiến đời sống ích lợi hơn. Ở Lu 12:25 Chúa cho biết lo lắng không thể khiến đời chúng ta dài một khắc nào (Thi 39:5). Nỗi lo lắng của người phú nông ấy thật sự chẳng khiến đời ông dài thêm! Thay vì sống lâu, sự lo lắng sẽ cướp đi cuộc sống chúng ta. Bởi lo lắng con người có thể tự đưa mình vào bệnh viện hay mồ mả.

Một lần nữa, Chúa dẫn chúng từ việc nhỏ đến việc lớn: Nếu Đức Chúa Trời có thể nuôi loài chim, Ngài chắc sẽ quan tâm con cái mình. Nếu muôn hoa xinh đẹp kia nay nở mai héo tàn còn được Ngài làm đẹp, vậy Ngài chắc sẽ “mặc” cho con cái mình những gì đẹp hơn thế. Vấn đề không phải Ngài thiếu quyền năng, vì Ngài là Đấng làm được mọi sự. Vấn đề chính ở chỗ: chúng ta thiếu đức tin.

Lo lắng khiến con người bị biến chất. Lo lắng khiến chúng ta không tăng trưởng thuộc linh và trở nên giống kẻ vô tín ở thế gian (Lu 12:30). Tóm lại lo lắng chính là sự vô tín, là tội lỗi. Làm sao chúng ta có thể làm chứng cho một thế giới hư mất, khuyên kẻ khác đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu trong khi bản thân ta nghi ngờ Đức Chúa Trời và lo lắng về đời này? Phải chăng không có gì mâu thuẫn giữa việc rao giảng với việc chưa thực hành những điều tra dạy kẻ khác? Ông Peter Marshall, cố Mục sư Tuyên úy của Thượng Viện Hoa-kỳ có lần đã cầu nguyện: “Nguyện những ung nhọt đó không trở thành biểu hiện của đức tin chúng con”.

Chúng ta phải làm sao để đắc thắng sự lo lắng? Trước tiên chúng ta phải hiểu rằng Đức Chúa Trời biết mọi nhu cầu chúng ta, nhờ đó chúng ta có thể tin chắc Ngài sẽ đáp ứng cho chúng ta mọi sự. Chúng ta là chiên trong ràn của Ngài, con cái trong gia đình Ngài và thần dân trong Vương quốc Ngài, nên Ngài biết nhu cầu của chúng ta đáng được đáp ứng trọn vẹn Ngài vui lòng ban Vương quốc Ngài cho chúng ta, lẽ nào Ngài không ban cho chúng ta mọi sự cần dùng? (Ro 8:32).

Tuy nhiên, sự vui mừng của Đức Chúa Trời và của báu chúng ta có phải đi đôi với nhau. Chúng ta phải nhìn thế gian từ góc độ thiên đàng và biết chắc mình đã đặt Nước Đức Chúa Trời lên trên mọi sự hay chưa. Câu hỏi trọng tâm dành cho chúng ta: “Lòng bạn ở đâu?”. Nếu lòng chúng ta hướng về những điều ở thế gian, chúng ta sẽ mắc vào sự lo lắng không dứt. Nếu lòng hướng về sự vĩnh cửu, sự bình an của Đức Chúa Trời sẽ giữ gìn lòng và ý tưởng chúng ta (Phi 4:6-9). Chúng ta phải “quên” bản thân mình hầu cho lòng không hướng về vật chất đời này, thậm chí bán hết những gì mình có để giúp kẻ khác (Cong 2:44-45 4:34-35). Không có gì sai phạm nếu giữ của cải, miễn sao những vật chất ấy không “làm chủ” chúng ta.

4. Hãy coi chừng sự lơ là (Lu 12:35-53)

Chúa Giê-xu chuyển đề tài từ sự lo lắng trong hiện tại đến việc tỉnh thức trong ngày sau rốt. Những chủ đề trong Lu 12:1-59 nối tiếp nhau, vì chờ đợi Chúa trở lại là một trong những phương cách tốt nhất để đắc thắng sự giả hình, tính tham lam, lòng lo lắng. Khi sống trong thời sau rốt, mọi sự thuộc về thế gian khó có thể gài bẫy chúng ta. Qua phân đoạn này, Chúa dạy chúng ta phải làm gì để sẵn sàng tiếp Chúa tái lâm.

Chờ đợi và tỉnh thức (Lu 12:35-40): Lễ cưới của người Do Thái được tổ chức về đêm. Tới tớ của chú rể phải chờ chủ mình trở về cùng với cô dâu. Chàng rể không muốn phải chờ lâu ngoài cửa cùng với cô dâu! Nhưng các tới tớ cần phải biết chắc rằng họ đã sẵn sàng làm việc để với thắt lưng gọn gàng để dễ dàng đi lại (IPhi 1:13).

Điều đáng chú ý trong câu chuyện này đó là chính người chủ hầu việc tới tớ mình! Trong lễ cưới của người Do Thái, cô dâu được đối đãi như một nữ hoàng và chú rể giống như vị vua, vì vậy bạn không nghĩ rằng “vua” ấy sẽ hầu việc tới tớ mình. Vua của chúng ta sẽ hầu việc những tới tớ trung tín của Ngài khi tiếp chúng ta trong ngày tái lâm đồng thời Ngài sẽ ban thưởng cho sự trung tín của chúng ta: “Tỉnh thức” nghĩa là “sẵn sàng”, “cảnh giác” không bị hụt hẫng vì ngạc nhiên. Đó là thái độ chúng ta cần có đối với sự tái lâm của Chúa Giê-xu. Sự tái lâm của Ngài sẽ giống như “kẻ trộm”: âm thầm và bất ngờ (ITe 5:2 Mat 24:43 Kh 16:15). Chúng ta phải sẵn sàng!

Mục sư tin kính thuộc Hội Trưởng lão Robert Murry Mc Cheyne đôi lúc hỏi nhiều người: “Bạn có tin rằng Chúa sẽ trở lại hôm nay không?” Nếu họ nói “không” ông sẽ tiếp: “Vậy bạn nên sẵn sàng vì Ngài sẽ đến vào giờ bạn không ngờ”.

Làm việc (Lu 12:41-48): Để chúng ta không nghĩ rằng Chúa chỉ yêu cầu chúng ta tỉnh thức và chờ đợi, Ngài thêm ví dụ này khuyên chúng ta phải làm việc chờ đợi Ngài đến. Các sứ đồ có nhiệm vụ nuôi dưỡng người thuộc về Đức Chúa Trời - đó là Hội Thánh. Nhưng mỗi chúng ta cũng phải làm nhiệm vụ Chúa giao cho cá nhân mình. Chúng ta có nhiệm vụ trung tín cho đến kỳ Chúa tái lâm. Có thể chúng ta không thành công dưới mắt mình hoặc đối với kẻ khác, điều đó không quan trọng. Điều Đức Chúa Trời đòi hỏi nơi chúng ta là sự trung tín (ICo 4:2).

Khi đầy tớ nghĩ rằng chủ mình sẽ không trở về, đời sống người ấy sẽ trở nên tệ hơn. mối liên hệ của chúng ta đối với người khác tùy thuộc vào mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời Vì vậy nếu không tìm kiếm Đức Chúa Trời chúng ta khó lòng yêu thương kẻ khác. Động cơ khiến Cơ Đốc nhân sống và phục vụ tha nhân phải xuất phát từ lòng khao khát làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và giữ lòng trung tín khi Chúa tái lâm.

Tôi không nghĩ rằng Lu 12:46 muốn nói: những tín đồ bất trung sẽ không được cứu, vì chúng ta hưởng thiên đàng là do đức tin nơi Chúa Giê-xu chứ không phải do việc làm (Eph 2:8-10 IITi 2:11-13). Chúa sẽ biệt riêng những Cơ Đốc nhân trung tín với Cơ Đốc nhân bất trung. Ngài sẽ thưởng cho người trung tín và cất đi phần thưởng khỏi kẻ bất trung (ICo 3:13-15). Sự xét đoán của Đức Chúa Trời rất công bình, dựa trên thái độ của Cơ Đốc nhân đối với ý muốn Ngài. Điều đó không có nghĩa nếu chúng ta càng hiểu biết về Chúa, chúng ta sẽ cảm thấy “dễ chịu” hơn trước ngai phán xét của Đấng Christ! Chúng ta phải hiểu biết ý muốn Đức Chúa Trời (Ro 12:2 Co 1:9) và tấn tới trong sự thông hiểu về Chúa Giê-xu (IIPhi 3:18). Chúa Giê-xu muốn đưa ra một nguyên tắc chung: chúng ta càng được Đức Chúa Trời ban cho nhiều, sẽ bị Ngài đòi lại nhiều.

Xung đột (Lu 12:49-53): Khi chờ đợi Chúa, chúng ta hãy tỉnh thức và làm việc. Sẽ có thời kỳ khốn khó, vì chúng ta như những “khách lạ” trong lãnh địa của kẻ thù. Hình ảnh Chúa dùng để nói đến sự xung đột như: lửa, phép báp-tem, sự phân rẽ. Đối với dân Do Thái, lửa là biểu hiện của sự xét đoán. Khi Chúa Giê-xu đến thế gian, Ngài đã đem đến sự xét đoán này (Gi 9:39-41).

Phép báp-tem Chúa Giê-xu chịu ở câu 50 nói về sự thương khó và sự chết của Ngài, khởi đầu bởi phép báp-tem của Ngài tại sông Giô-đanh (Thi 42:7 Gio 2:3 Lu 11:29-30). Các sứ đồ chắc đã nhận phép báp-tem của sự thương khó khi họ làm chứng về Đấng Christ sau lễ Ngũ tuần.

Lu-ca mở đầu sách bằng công bố “Bình an dưới đất” (2:14) nhưng giờ đây Chúa dường như mâu thuẫn với lời hứa này. Chúa thực sự đã ban bình an cho những ai tin nơi Ngài (Ro 5:1), tuy nhiên lời tuyên xưng đức tin của họ thường trở thành một lời “tuyên chiến” giữa vòng gia đình và bạn hữu của họ. Chúa Giê-xu chính là nguyên nhân của sự chia rẽ này (Gi 7:12,43 9:16 10:19). Dù không có “bình an dưới đất”, vẫn có “bình an trên trời” (Lu 19:38) vì Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác Ngài trên thập tự giá.

Sau khi dạy dỗ môn đệ, Chúa xoay qua đoàn dân đông với lời khuyên sau cùng.

5. Hãy coi chừng sự tối tăm thuộc linh (Lu 12:54-59)

Chúa dùng hai minh hoạ để đấm đông hiểu tầm quan trọng của sự sáng suốt và kiên nhẫn trong những vấn đề thuộc linh. Trước hết, Ngài nói về thời tiết và kể đến Ngài lấy ví dụ về sự kiên tụng.

Biết phân biệt (Lu 12:54-57): Nếu con người biết phân biệt những vấn đề thuộc linh như họ hiểu thời tiết, họ đúng là kẻ khôn ngoan hơn hết. Đám đông có thể biết trước một cơn giông, nhưng không thể thấy trước ngày xét đoán của Đức Chúa Trời. Họ biết nhiệt độ sẽ thay đổi nhưng không thể giải nghĩa được các dấu lạ qua các thời đại. Dân Do Thái biết những lời tiên tri từ Đức Chúa Trời qua các thế kỷ, vậy lẽ ra họ phải biết công việc Đức Chúa Trời đang làm, nhưng các chức sắc tôn giáo đã dẫn họ đi sai đường.

Thật bi thảm, khi con người hôm nay có thể đoán trước sự dịch chuyển của các thiên thể, phân tích các nguyên tử, thậm chí đưa con người lên mặt trăng, nhưng “mù loà” về những điều Đức Chúa Trời đang thực hiện giữa thế giới này. Họ biết cách đếm các vì sao, nhưng không biết làm sao để đến được thiên đàng! Thế giới văn minh của chúng ta có sự hiểu biết khoa học rộng lớn, nhưng thiếu sự khôn ngoan thuộc linh.

Kiên nhẫn (Lu 12:58-59): Ai cũng muốn làm bất cứ điều gì để thoát khỏi nhà tù, nhưng mấy ai kiên trì như thế để thoát khỏi địa ngục? Nếu các luật sư và quan toà nghiên cứu lời Đức Chúa Trời kiên nhẫn như họ xem sách luật, họ chắc sẽ đạt đến sự khôn ngoan không thể tìm thấy trong luật pháp. Dân Y-sơ-ra-ên đang tiến gần đến sự phán xét và Đấng xét đoán là Đức Chúa Trời toàn năng, nhưng họ không muốn tìm kiếm thời kỳ bình an (Lu 13:34-35). Chúa Giê-xu biết quân đội La Mã sẽ đến phá đổ đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem (19:41-44), tuy vậy Ngài vẫn không thể thuyết phục họ ăn năn tội: Tội lỗi họ ngày càng chông chất, họ chắc chắn sẽ bị “tính sổ” không thiếu một điều nhỏ nhất nào.

Chúng ta phải áp dụng những lẽ thật kể trên vào đời sống cá nhân hằng ngày. Nếu biết cơn bão sắp kéo đến, chúng ta có thể chuẩn bị mọi thứ để đương đầu với nó. Nếu biết người thi hành công vụ đến bắt chúng ta hầu toà chúng ta phải tìm một luật sư để cố gắng giải quyết vụ việc ở toà án. Cơn bão “thịnh nộ” của Đức Chúa Trời đang đến gần, và Đấng xét đoán đang đứng trước cửa! (Gia 5:9).

“Kìa, hiện nay là thì thuận tiện, kìa hiện nay là ngày cứu rỗi (II Co 6:2).”

12. HỎI VÀ ĐÁP (Lu 13:1-35)

Một môn đệ Do Thái hỏi thầy mình: “Thưa thầy, vì sao mỗi khi con hỏi thầy một câu hỏi, thầy luôn trả lời bằng cách hỏi lại con một câu khác?” Người thầy đáp: “Vậy tại sao ta không làm như vậy?”

Khi tiếp tục hành trình đến Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-xu đã đối diện với bốn hoàn cảnh liên quan đến việc giải đáp những câu hỏi của kẻ khác. Một châm ngôn của người Đức nói rằng: “Đặt câu hỏi với một người khôn ngoan là khởi đầu của sự khôn ngoan”. Không phải ai đặt câu hỏi với Chúa đều do động cơ tốt lành. Tuy nhiên, điều đó cũng không gây trở ngại cho Chúa Giê-xu khi Ngài dạy dỗ họ những điều cần thiết. Tìm hiểu những lời giải đáp của Chúa qua Lu 13:1-35, bạn có thể biết nhiều hơn về chính Ngài và chức vụ Ngài cũng như cách sống đạo đẹp lòng Ngài.

1. Câu hỏi chính trị về công lý (Lu 13:1-9)

Thống đốc La Mã Phi-lát không thuận với người Do Thái vì ông thiếu nhạy cảm với những niềm tin tôn giáo của họ chẳng hạn như ông đã đem cờ hiệu chính thức của La Mã vào thành Giê-ru-sa-lem gây phẫn nộ cho những người Do Thái vốn không muốn thấy hình ảnh Sê-sa trong Thành Thánh này. Phi-lát dọa sẽ giết những kẻ chống đối, nhưng dân Do Thái chấp nhận cái chết! Thấy họ quá cương quyết, Phi-lát bót gây khó khăn và đem các cờ hiệu đến Sê-sa-rê, đầu vạy sự thù địch vẫn không chấm dứt.

Hành động tàn bạo được nói đến ở Lu 13:1 có lẽ xảy ra khi Phi-lát “chiếm đoạt” tiền bạc trong ngân quỹ đền thờ để xây hệ thống dẫn nước. Rất nhiều người Do Thái biểu tình phản đối. Vì vậy Phi-lát sai quân lính cải trang thường dân trà trộn vào dân chúng. Với vũ khí bí mật, quân lính đã giết hại nhiều người dân Do Thái vô tội. Hành động đó càng chất thêm lòng căm thù của người Do Thái đối với Thống đốc Phi-lát.

Vì Chúa sắp lên thành Giê-ru-sa-lem, mọi điều Ngài nói về Phi-lát chắc chắn đã được đồn ra. Nếu Ngài làm ngơ trước vấn đề này, dân chúng sẽ tố cáo Ngài đứng về phe La Mã và phản bội dân tộc. Nếu bảo vệ, dân Do Thái và tố cáo Phi-lát, Ngài sẽ bị người La Mã gây rắc rối, đồng thời các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ có cơ bắt bớ Ngài. Chúa chuyển vấn đề này sang một mức độ cao hơn và hoàn toàn không quan tâm đến vấn đề chính trị. Thay vì bàn về tội lỗi Phi-lát, Ngài giải quyết tội lỗi của những người đang chất vấn Ngài. Ngài trả lời họ bằng cách hỏi họ một câu khác!

Trước tiên, Ngài chứng minh rằng những bất hạnh của con người không phải luôn luôn là kết quả của sự đoán phạt từ Đức Chúa Trời. Thật sai lầm khi chúng ta thay Đức Chúa Trời và công bố án phạt. Bạn hữu của Gióp cũng phạm sai lầm này khi cho rằng những đau khổ của Gióp là bằng cứ về tội lỗi ông. Nếu nhìn hoạn nạn theo suy nghĩ như vậy, hẳn chúng ta khó lòng giải thích những khổ nạn của các tiên tri và sứ đồ Chúa, ngay cả sự thương khó của Chúa Giê-xu.

Ngài muốn hỏi rằng: “Các người giải thích thế nào về những người bị tháp Si-lô-ê ngã xuống đè chết kia?” Đó không phải là lỗi của Phi-lát, vậy lỗi nơi Đức Chúa Trời chẳng? Chúng ta sẽ trách cứ Ngài? 18 người bị chết khi họ đang làm việc. Họ không hề chống đối hay làm loạn.

Thi sĩ khiếm thị người Anh tên John Milton khi về già không ai biết đến. Một hôm ông được vua Charles đệ nhị con trai của vị hoàng đế bị những người Thanh giáo chém đầu đến thăm. Vua Charles II nói rằng: “Ông bị mù là do Đức Chúa Trời đoán phạt vì đã chống lại cha tôi”. Milton đáp: “Nếu tôi mất đi ánh sáng là do Đức Chúa Trời, vậy ngài sẽ nói sao về việc cha ngài bị mất đầu?”

Chúa Giê-xu tiếp tục cho thấy kết luận hợp lý của lập luận của họ: Nếu Đức Chúa Trời đoán phạt tội nhân theo cách họ nghĩ, vậy chính họ phải ăn năn vì mọi người đều là tội nhân! Câu hỏi đưa ra không phải là “vì sao những người này chết?” nhưng là “chúng ta phải sống cách nào cho phải lẽ?” Không ai trong chúng ta vô tội, vì vậy tất cả phải dọn lòng mình.

Bàn về cái chết của kẻ khác thật dễ hơn phải đối diện với tội lỗi chính mình và cái chết có thể xảy ra. Ông trùm báo chí William Randolph Hearst không cho phép ai nói đến sự chết khi có mặt ông, thế nhưng ông cũng đã chết. Tôi hỏi một người bạn về tỉ lệ tử vong ở thành phố nơi anh sống, anh đáp: “mỗi người một lần” rồi nói thêm: “Những kẻ đang chết là người chưa từng chết trước đây!”

Theo Le 19:21-25, không được ăn quả của cây mới trồng ba năm, nhưng đến năm thứ tư, trái nó sẽ thuộc về Đức Chúa Trời. Người làm vườn không được sử dụng quả vả cho riêng mình đến năm thứ năm. Nhưng giờ đây anh ta đã chờ bảy năm rồi! Dĩ nhiên anh ta muốn đốn bỏ cây không sinh quả này!

Ví dụ trên có ý nghĩa thực tế đối với mỗi cá nhân và đối với dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời là Đấng nhân từ có lòng kiên nhẫn đối với con người (IIPhi 3:9), muốn chúng ta ăn năn để kết quả trong Ngài (Mat 3:7-10). Ngài có quyền “đốn bỏ” chúng ta, nhưng bởi lòng thương xót, Ngài tha thứ chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta đừng y lại sự nhân từ nhẫn nhục của Ngài, vì ngày xét đoán cuối cùng chắc chắn sẽ đến.

Cây vả này cũng nhắc chúng ta về sự nhân từ của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên (Es 5:1-7 Ro 9:15) cũng như lòng kiên nhẫn của Ngài đối với họ. Đức Chúa Trời chờ đợi ba năm trong thời gian Chúa Giê-xu thi hành chức vụ, nhưng dân tộc này không “kết quả”. Sau đó, Ngài chờ 40 năm kế tiếp trước khi cho phép quân đội La Mã dày xéo đền thờ và thành Giê-ru-sa-lem. Suốt những năm tháng đó, Hội Thánh Chúa đã cho cả dân tộc Y-sơ-ra-ên thấy chứng có mạnh mẽ về thông điệp Phúc Âm của Đức Chúa Trời. Cuối cùng, “cây vả này” đã bị đốn bỏ!

Ví dụ minh họa này kết thúc rõ ràng, đầy ý nghĩa hầu cho người nghe lời Ngài có thể áp dụng vào thực tế. Cây vả ấy có sinh trái không? Sự quan tâm đặc biệt ấy có đem lại kết quả gì không? Cây vả ấy được giữ lại hay bị đốn bỏ? Chúng ta không thể trả lời những câu hỏi trên, nhưng chúng ta có thể trả lời được qua chính đời sống mình! Một lần nữa, câu hỏi đặt ra không phải: “Điều gì đã xảy đến cho cây vả?” nhưng là: “Điều gì sẽ xảy đến cho tôi?”

Đức Chúa Trời đang tìm kiếm “quả”. Ngài không chấp nhận bất cứ sự thay thế nào, nên thời kỳ ăn năn là CHÍNH HÔM NAY. Trong những ngày sắp tới, nếu nghe về một bất hạnh nào trong cuộc sống của người khác, hãy tự hỏi chính mình “Có phải tôi đang choán chỗ vô ích, hay tôi đang kết quả cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời?”

2. Câu hỏi luật pháp về ngày Sa-bát (Lu 13:10-21)

Sự chữa bệnh (Lu 13:10-13): Nếu bị bại suốt 18 năm, tôi không biết mình sẽ trung tín thờ phượng Đức Chúa Trời hằng tuần nơi nhà tôi hay không? Có lẽ người đàn bà này cầu nguyện nhiều với Đức Chúa Trời nhưng chưa được chữa lành. Có vẻ như Đức Chúa Trời không quan tâm đến bà, nhưng điều này không làm cho bà trở nên cay đắng hay oán giận! Bà vẫn ở trong nhà hội.

Là người từng cảm thông với nhu cầu kẻ khác, Chúa Giê-xu nhìn thấy người đàn bà này và gọi bà đến gần. Có lẽ những người trong nhà hội dường như quá vô tâm khiến Chúa công khai cho họ thấy bệnh tật của người đàn bà này (Mat 12:13). Ngài biết điều Ngài đang làm. Một lý do khác, Sa-tan đã có mặt trong nhà hội nên Chúa muốn chỉ nó ra và đánh bại nó. Ngài cũng muốn người đàn bà giúp Ngài dạy những người trong nhà hội một bài học ý nghĩa về sự tự do.

Không chỉ Sa-tan khiến con người cúi đầu khuất phục nó nhưng tội lỗi (Thi 38:6), buồn rầu (Thi 42:5) và hoạn nạn (Thi 44:25) cũng chất thêm gánh nặng trên họ. Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có thể giải thoát những kẻ bị “giam cầm”. Ngài phán một lời, đặt tay trên người đàn bà khiến bà lành bệnh và ngợi khen Đức Chúa Trời! Đó là sự hầu việc trong nhà hội mà mọi người không bao giờ quên.

Sự phẫn nộ (Lu 13:14): Thay vì vui mừng và ca ngợi Đức Chúa Trời, người cai nhà hội (xem Lu 8:41) rất giận dữ. Ông không có can đảm bày tỏ sự giận dữ với Chúa Giê-xu, nên quát tháo những người trong nhà hội. Càng suy nghĩ về lời chỉ trích của ông ta, bạn sẽ càng cảm thấy nực cười. Giả sử người ta đem đến những người bệnh, ai sẽ chữa lành họ? Liệu ông ta có quyền năng để làm điều đó không? Nếu có thể làm được, tại sao ông ta không sử dụng nó để cứu kẻ khác trước? Thật là kẻ giả hình hèn nhát.

Xiềng xích trói buộc người cai nhà hội này còn tệ hại hơn tình trạng của người đàn bà. Sự trói buộc của bệnh hoạn chỉ ảnh hưởng đến thân thể người đàn bà nhưng sự trói buộc của người cai nhà hội này đã “xích” lòng và trí ông ta. Ông ta bị “trói buộc” và mù loà do truyền thống đến nỗi đã chống nghịch với Con Đức Chúa Trời! Elbert Hubbard đã gọi truyền thống là “chiếc đồng hồ cho ta biết thời gian” Người cai nhà hội không thể “phân biệt thời gian này” (12:56) nên đáng bị lên án.

Lời xác minh (Lu 13:15-17): Chúa Giê-xu có thể chữa lành người đàn bà này bất cứ ngày nào khác trong tuần. Nói cho cùng, bà đã đau khổ suốt 18 năm và nếu chịu thêm một ngày nữa thì cũng chẳng mấy khác biệt nhưng Ngài dứt khoát chọn ngày Sa-bát vì Ngài muốn dạy một bài học về sự tự do. Hãy để ý các từ “cứu”, “mở”, “mở trói” (Lu 13:12,15-16).

Trước tiên, Chúa bảo vệ cho người đàn bà và quở trách người cai nhà hội. Chúa nhắc ông ta rằng ông đã đối đãi với súc vật còn tử tế hơn đối với người đàn bà nghèo khổ này. Lời cáo trạng ấy cũng dành cho những người có mặt trong nhà hội. Chúa phân tích sự việc từ nhỏ đến lớn: Nếu Đức Chúa Trời cho phép con người chăm sóc gia súc trong ngày Sa-bát, lẽ nào Ngài không muốn chúng ta chăm sóc những con người khốn khổ được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời: Bất cứ hình thức nào cản trở chúng ta giúp đỡ kẻ khác, đều không đến từ Đức Chúa Trời. Thật ra, người ta dễ dàng dùng hình thức để viện cớ không quan tâm đến kẻ khác.

Chúa phán rằng người đàn bà này là “con gái của Áp-ra-ham” để chỉ về tình trạng thuộc linh của bà chứ không phải sự sinh ra của thể xác (Ga 3:7 Lu 19:9). Mọi phụ nữ Do Thái có mặt tại nhà hội đều là con cái Áp-ra-ham. Phải chăng điều này muốn nói rằng người đàn bà đã được đổi mới trước khi được Chúa chữa lành? Nếu vậy, bà là tín đồ duy nhất thời Tân Ước bị bại liệt vì bị ma quỷ hành hại (chúng ta không biết chắc “cái giằm xóc vào thịt” của Phao-lô là gì, hay nói chính xác hơn, chúng ta không biết Sa-tan sử dụng giằm xóc đó ra sao để tấn công Phao-lô ICo 12:1-21).

Có lẽ đây là vấn đề về ngữ nghĩa họ, nhưng tôi muốn nói đến công việc của ma quỷ trong đời sống các tín hữu giống như “sự tấn công của ma quỷ” chứ không phải “sự chiếm hữu” của nó. Thật ra, tiếng Hy Lạp của nhóm từ này có nghĩa là “bị quỷ ám”, vì vậy chúng ta không cần phải nghĩ đến từ “chiếm hữu” theo nghĩa thuộc về không gian. Sa-tan chắc chắn có thể tấn công vào thân thể và tâm trí con cái Đức Chúa Trời. Đôi khi sự tấn công đó có thể kéo dài nhiều năm cho đến khi công việc ma quỷ bị phát hiện ra. Không phải mọi bệnh tật đều do ma quỷ gây ra (Lu 6:17-19), nên chúng ta đừng “đổ” hết lỗi lầm cho Sa-tan.

Có một số người trong nhà hội muốn tố cáo Chúa Giê-xu vì Ngài vi phạm luật Sa-bát, nhưng Ngài khiến họ quá xấu hổ đến nỗi chẳng nói được gì. Bài học Ngài đưa ra thật rõ ràng: Sa-tan đưa con người vào xiềng xích trói buộc, nhưng con người sẽ được tự do thật sự nếu tin cậy nơi Đấng Christ. Ngày Sa-bát Đức Chúa Trời muốn ban cho

chúng ta là “sự yên nghỉ trong tâm hồn” bởi ân điển Đức Chúa Trời chứ không bởi làm theo những thủ tục của lễ nghi (Mat 11:28-30).

Ví dụ trong Lu 13:18-21 có lẽ được Chúa nói với những người trong nhà hội trước khi Chúa Giê-xu và 12 sứ đồ rời khỏi nhà hội. Trước đây, Ngài cũng từng dạy về những ví dụ này và các môn đệ đều hiểu (Mat 13:31-33,51). Qua những ví dụ ấy, có thể thấy hình ảnh bên ngoài về sự phát triển của Nước Đức Chúa Trời (hột cải) và ảnh hưởng bên trong của Nước Đức Chúa Trời (men). Khi dùng những ví dụ ấy, Chúa muốn nói: “Các ngươi là những chức sắc tôn giáo Do Thái có thể duy trì những nghi lễ vô nghĩa và chống đối lẽ thật, nhưng Vương quốc đời đời của Đức Chúa Trời vẫn đang phát triển. Sa-tan sẽ bị đánh bại!

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhớ hai vấn đề nữa. Thứ nhất, Chúa đã dùng ví dụ về men như hình ảnh của điều ác (Lu 12:1) và Ngài dường như không mâu thuẫn với chính mình. Thứ hai, ý nghĩa của Math 13 nói về sự chống nghịch và Nước Đức Chúa Trời dường như bị đánh bại chứ không chinh phục được thế gian. Vâng, đúng vậy, sẽ có đắc thắng cuối cùng, nhưng đồng thời nhiều hạt giống gieo ra sẽ không kết quả. Sa-tan sẽ gieo ra mọi điều giả dối, cả tốt và cả xấu sẽ đều ở trong một lưới. Qua lịch sử Hội Thánh và qua những báo cáo mới nhất, tôi không thấy có bằng chứng nào chứng tỏ Nước Đức Chúa Trời đã lan rộng khắp thế giới. Nhìn theo khía cạnh của sự gia tăng dân số, chúng ta đang bị mất đất!

Người Do Thái đều biết Kinh Thánh và hiểu những hình ảnh Chúa dùng. “Men” đại diện cho điều ác (Xu 12:14-20 và “cây” lớn mạnh tượng trưng cho vương quốc lớn mạnh ở thế gian (Da 4:20-22 Exe 17:22-24 31:3-9). Hạt cải sẽ sinh cây cải nhỏ chứ không phải cây lớn. Nước Đức Chúa Trời sẽ bị ảnh hưởng bởi những lời dạy giả dối (Ga 5:1-9) hạt giống nhỏ (“Bầy nhỏ” Lu 12:32) sẽ mọc lên trong tình trạng đó và là nơi trú ngụ của Sa-tan (Mat 18:19). Hội Thánh hôm nay có thể rơi vào hai tình trạng trên.

3. Câu hỏi thần học về sự cứu rỗi (Lu 13:22-30)

Những sự kiện được chép ở sách Giăng đoạn 9 và 10 khớp với Lu 13:22-23. Trong Gi 10:40-42, cho thấy Chúa Giê-xu rời khỏi Giu-đê và qua bên kia sông Giô-đanh. Các sự kiện trong Lu 13:22-17:10 xảy ra ở Perea khi Chúa Giê-xu đang trên đường đến thành Giê-ru-sa-lem.

Các thầy thông giáo thường bàn luận về vấn đề bao nhiêu người sẽ được cứu. Có người hỏi ý Chúa Giê-xu về vấn đề này. Giống như câu hỏi về Phi-lát, Chúa chuyển ngay đề tài này thành vấn đề dành cho cá nhân. “Câu hỏi không phải là có bao nhiêu người được cứu, nhưng đó là các ngươi có được cứu hay không?” Hãy giải quyết vấn đề ấy trước, sau đó chúng ta có thể bàn luận những gì mình có thể làm được để giúp kẻ khác nhận được sự cứu rỗi.

Đôi khi tôi cũng nhận được một số “lá thư mang tính thần học” từ các thánh giả radio, họ muốn bàn luận về thuyết tiền định, sự chọn lựa và những học thuyết phức tạp khác. Khi trả lời, tôi luôn hỏi họ về đời sống cầu nguyện của họ, sự làm chứng và công việc họ làm nơi Hội Thánh địa phương Câu hỏi ấy khiến cho quan hệ thư từ thường chấm dứt sau đó! Nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân, muốn bàn luận những học thuyết thâm sâu này nhưng lại không muốn áp dụng vào thực tiễn bằng cách đem người khác đến với chúa Giê-xu Christ! Ông D.L.Moody cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa, xin Ngài hãy cứu những kẻ được chọn và hãy chọn thêm nhiều người!”

“Nhiều người sẽ tìm cách vào mà không vào được” (Lu 13:24) Vì sao? Ví dụ này sẽ cho chúng ta biết tại sao và nó tập trung chủ yếu vào người Do Thái thời bấy giờ. Tuy nhiên đó cũng có một ứng dụng cá nhân cho mỗi chúng ta hôm nay.

Chúa Giê-xu phác họa hình ảnh Nước Đức Chúa Trời như một yến tiệc lớn, trong đó khách quý là các trưởng lão và tiên tri (Lu 13:28). nhiều người được mời nhưng họ do dự quá lâu, khi họ đến bữa tiệc thì đã quá trễ, cửa đã đóng (Lu 14:15-24 Mat 22:1-14).

Vì sao họ do dự quá lâu? Qua câu chuyện, ta thấy có nhiều lý do. Trước tiên, sự cứu rỗi không phải dễ dàng nhận được. Tội nhân phải bước vào “cửa hẹp” và bước đi trên “con đường hẹp” (Lu 13:24 9:23). Những kẻ sống theo thế gian đều đi trên con đường khoáng khoáng dẫn đến sự hư mất (Mat 7:13-14). Đối với họ, đi con đường rộng này thật dễ chịu.

Một lý do khác về sự trì hoãn của họ chính là “cảm giác an tâm” của họ Chúa Giê-xu ở giữa họ, thậm chí ăn chung với họ và đồng công với họ, thế nhưng họ chưa từng tin cậy Ngài. Đức Chúa Trời đã ban cho dân tộc này nhiều đặc ân và cơ hội, nhưng họ đã sống cách thờ ơ và lãng phí (Lu 10:13-16). Đức Chúa Trời là Đấng nhẫn nhục, nhưng khi “giờ đã điểm”, Ngài buộc phải “đóng cửa”.

Sự kiêu ngạo cũng chiếm một phần lớn trong sự trì hoãn của họ: họ không muốn hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời. Dưới mắt họ, họ là kẻ đứng đầu, nhưng đối với Đức Chúa Trời họ là kẻ sau rốt. Người ngoại sẽ đến thay chỗ họ (Mat 21:43). Bạn tưởng tượng xem, những con chó dân ngoại ô uế ngồi trong yến tiệc cùng Ap-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp trong khi những người Do Thái vô tín bị bỏ ra ngoài!

Những kẻ này bị hư mất vì tin rằng tôn giáo cũ rích kia có thể cứu rỗi họ nhưng Chúa Giê-xu xem họ như “kẻ làm dữ”, không phải “kẻ làm việc lành” (Es 64:4 Tit 1:16). Không phải bởi sự sùng bái những lễ nghi tôn giáo có thể giúp con người bước vào Nước Đức Chúa Trời!

Chúa Giê-xu đưa ra một lý do chính: ...“các ngươi chẳng muốn” (Lu 13:34). Tâm trí họ từng được Lời Chúa dạy dỗ (Lu 13:26) và tấm lòng họ từng bị khuấy động bởi những công việc quyền năng của Chúa, nhưng họ vẫn “cứng đầu” và không hạ mình trước Ngài. Đây là hậu quả bi thảm của sự trì hoãn. Tội nhân càng do dự lâu, tấm lòng họ càng trở nên cứng cõi”. Ngày nay, nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng” (He 4:7).

Nhạc sĩ người Tây Ban Nha Manuel de Falla có tiếng xấu là: chẳng hồi âm thư từ nhận được. Khi nghe tin một người bạn qua đời, anh ta nói: Thật tội nghiệp! Anh ta chết trước khi tôi hồi âm bức thư anh ta gửi tôi cách đây năm năm!”

Khi tội nhân khước từ lời mời của Đức Chúa Trời đến dự yến tiệc, họ là những kẻ hư mất. Họ phải bị gạt ra khỏi niềm vui. Thiên đàng và bị đoán phạt nơi có “khóc lóc và nghiến răng” (Lu 13:28). Đây là hình ảnh của những con người đắng cay hối tiếc vì nhận ra mình đại dột biết bao khi khước từ Đức Chúa Trời. Than ôi, đã quá trễ! Một trong những đau khổ cực độ nơi hoả ngục sẽ là nhớ lại về những cơ hội đã bị bỏ qua!

Vậy, đâu là giải pháp? “Hãy gắng sức vào cửa hẹp” (Lu 13:24), Từ “gắng sức” trong thể thao mô tả một vận động viên cố hết sức để thắng cuộc tranh tài. Nếu hôm nay con người cũng dồn mọi nỗ lực vào những công việc thuộc linh như trong thể thao, chắc chắn họ sẽ trở nên đổi mới nhiều hơn.

4. Câu hỏi riêng về sự nguy hiểm (Lu 13:31-35)

Chúa Giê-xu ở lại Perea nơi Hê-rốt An-ti-pa con trai vua Hê-rốt Đại để cai trị. Người Pha-ri-si muốn Chúa Giê-xu trở lại xứ Giu-đê nơi các chức sắc tôn giáo có thể dò xét Ngài và gài bẫy Ngài. Vì thế, họ cố hù dọa để đẩy Ngài đi.

Vua Hê-rốt bối rối khi nghe về những việc Chúa Giê-xu làm và lo sợ rằng: Giảng Báp-tít người bị ông giết hại có lẽ đã sống lại (Lu 9:7-9). Thật ra Hê-rốt một mặt cũng muốn gặp Chúa Giê-xu để xem Ngài làm phép lạ (23:8). Tuy nhiên, lòng Hê-rốt có lẽ đã trở nên cứng cõi vì giờ đây ông hăm dọa Chúa Giê-xu. Lời thông báo của người Pha-ri-si (13:31) chắc chắn là sự thật nếu không Chúa Giê-xu đã không trả lời họ như cách Ngài đã trả lời.

Chúa chúng ta không sợ nguy hiểm. Ngài sống theo giờ giấc của Đức Chúa Trời, nên không điều gì có thể làm tổn hại đến Ngài. Ngài đang thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời theo giờ giấc Cha trên trời đã định (Gi 2:4 7:30 8:20 13:1 17:1). Từ buổi sáng thế, Con Đức Chúa Trời đã được định trước phải chịu đóng đinh trong thành Giê-ru-sa-lem tại kỳ lễ Vượt Qua (IPhi 1:20 Kh 13:8) và cả vua Hê-rốt cũng không thể ngăn trở ý muốn Đức Chúa Trời. Trái lại, kẻ thù của Chúa đã khiến ý muốn Đức Chúa Trời được ứng nghiệm (Cong 2:23 3:13-18).

Chúa Giê-xu đáp lời bằng cách dùng “lời mỉa mai thánh”. Ngài so sánh Hê-rốt với con cáo, một con vật mà dân Do Thái rất thù ghét (Ne 4:3). Nổi tiếng về sự xảo quyệt, loài cáo là một minh họa thích đáng về vua Hê-rốt - một con người độc ác. Chúa Giê-xu mang một trọng trách và Ngài muốn hoàn thành nhiệm vụ. Tóm lại, Ngài đã bước đi trong sự sáng (Gi 11:9-10 9:4), và loài chồn cáo săn mồi trong bóng tối!

Chúa Giê-xu cũng nhắc nhở một lời với dân tộc Ngài: “Không có lẽ một đấng tiên tri phải chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem” (Lu 13:33). Lời này giống với lời Ngài phán cùng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si ở Lu 11:47-51. Dân này không chỉ khước từ lời mời yêu thương của Đức Chúa Trời tại yến tiệc của Ngài, nhưng còn giết hại những tôi tớ được sai đến với mình (Cong 13:27).

Lòng Chúa tan vỡ khi thấy sự vô tín và chống đối đầy dẫy quanh Ngài, và Ngài chột biểu lộ cảm xúc mạnh mẽ về tình cảnh bi đát của dân tộc Do Thái. Đây là tiếng kêu nức nở về nỗi thống khổ, không phải là lời phẫn nộ. Lòng Ngài đau đớn vì thương xót cho dân tộc này.

Con gà mái và đàn gà con gợi lên hình ảnh gia đình đối với nhà nông như dân Do Thái (Thi 91:4). Vài chỗ trong Kinh Thánh Cựu Ước nói về “cánh”, đó là cánh của các chê-ru-bin trong nơi chí thánh ở đền thờ (Xu 26:20 Ru 2:12 Thi 36:7-8 61:4). Gà mái túc đàn gà con khi nó thấy có nguy hiểm đang đến. Người Pha-ri-si báo cho Chúa rằng Ngài đang gặp nguy hiểm, nhưng thật sự họ mới là những kẻ đang ở trong sự nguy hiểm!

Trong nỗi thống khổ này, Chúa Giê-xu muốn nói với cả dân tộc Do Thái chớ không chỉ với những người Pha-ri-si muốn khiêu khích Ngài. Dân này đã được ban cho quá nhiều cơ hội để ăn năn tội nhằm hưởng sự cứu rỗi, nhưng họ đã khước từ lời kêu gọi của Ngài. “Nhà” ở đây chỉ về dòng họ của Gia-cốp (nhà Y-sơ-ra-ên) và đền thờ (nhà Đức Chúa Trời), cả hai sẽ bị “bỏ hoang”. Thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ đã bị phá đổ và dân tộc này bị tản lạc khắp nơi trên thế giới.

Sẽ có một ngày mai dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Thời giờ ấy sẽ đến khi Đấng Mê-si-a của họ trở lại và mọi người đều chứng kiến. Họ sẽ nói: “Phước cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến” (Lu 13:35) (Thi 118:26). Một số người đã cất lên lời ngợi khen này khi Chúa tiến vào Giê-ru-sa-lem (Lu 19:38). Tuy nhiên, lời ngợi khen này sẽ trọn vẹn khi Chúa trở lại trong sự vinh hiển (Mat 24:30-31 Xa 12:10 14:4).

Nhà Y-sơ-ra-ên đã bị hoang vu. Dân tộc họ không có vua cai trị hoặc thầy tế lễ, không đền thờ, không của lễ (Os 3:4-8). Tuy nhiên Đức Chúa Trời có lời hứa rằng Ngài sẽ không bỏ dân này (Ro 11:1). Không thể có sự bình an trên đất cho đến kỳ Vua Bình An ngự trên ngôi Đa-vít (Es 9:6 11:1).

“Hãy cầu hoà bình cho Giê-ru-sa-lem!” (Thi 122:6) Hãy gắng sức vào Cửa Hẹp!

13. CON NGƯỜI ĐẾN DÙNG BỮA (Lu 14:1-35)

Tiếp đãi khách trong ngày Sa-bát là một phần quan trọng trong đời sống người Do Thái, nên không có gì lạ khi Chúa Giê-xu được mời đến nhà dùng bữa sau buổi thờ phượng hàng tuần tại nhà hội. Đôi khi chủ nhà mời Ngài rất thực lòng vì muốn học thêm về lẽ thật của Đức Chúa Trời. Nhưng cũng có lúc Chúa được mời dùng bữa chỉ vì kẻ thù muốn luôn dò xét Ngài và tìm cơ để chỉ trích hoặc kết tội Ngài. Đây là trường hợp được mô tả trong đoạn 14 khi có một người kẻ cả dòng Pha-ri-si mời Chúa dùng bữa.

Chúa Giê-xu hiểu rõ mọi suy nghĩ trong lòng người ta (Gi 2:24-25) nên Ngài chẳng phó mình cho họ. Thay vì chủ nhà hoặc khách xét đoán Chúa, chính Ngài đã xét đoán họ lúc họ chẳng ngờ. Ở phương diện này Ngài là “người đáng sợ” đối với những ai dùng bữa với Ngài hoặc đồng hành với Ngài! Qua Lu 14:1-35, bạn sẽ thấy Chúa đối phó với 5 hạng người khác nhau và bày tỏ những điều giả dối trong tư tưởng và nếp sống của họ.

1. Người Pha-ri-si - lòng kính kiêu giả dối (Lu 14:1-6)

Lời lên án gay gắt của Chúa Giê-xu đối với người Pha-ri-si và các thầy thông giáo thay vì khiến họ ăn năn (Lu 11:39-52) lại làm khơi dậy lòng căm thù trong lòng họ, nên họ tìm phương nghịch Ngài. Người Pha-ri-si đã mời Chúa dùng bữa, cũng mời một người bị bệnh thủy thũng. Đây là một căn bệnh rất đau đớn, vì thận gan hoặc tim có vấn đề, các mô bị trữ nước. Người Pha-ri-si này thật nhẫn tâm khi dùng người bệnh này như một “công cụ” để thực hiện mục đích xấu xa của họ. Nếu không yêu Chúa, chúng ta sẽ khó lòng yêu thương người lân cận. Thái độ vô tâm trước con người của họ tệ hại hơn nhiều so với cách cư xử “phạm luật” của Chúa trong ngày Sa-bát.

Nếu người bệnh này không được sử dụng như một cái bẫy để bắt bẻ Chúa Giê-xu, hẳn người Pha-ri-si đã không mời anh ta dự một bữa ăn quan trọng như vậy. Họ biết rằng Chúa không thể nhìn thấy một con người đau khổ vì bệnh hoạn đã lâu mà không giúp gì cho người ấy. Nếu không quan tâm đến người bệnh, Ngài là người không có lòng thương xót. Nhưng nếu chữa bệnh cho anh ta, dĩ nhiên Ngài sẽ bị xem là người phạm luật Sa-bát và họ sẽ tố cáo Ngài. Họ đặt người bệnh ngồi ngay trước mặt Chúa cốt để Ngài có thể nhìn thấy anh ta, rồi chờ “cái bẫy” bị sập.

Hãy nhớ rằng Chúa Giê-xu đã “vi phạm” những truyền thống ngày Sa-bát ít nhất là 7 trường hợp khác nhau. Trong ngày Sa-bát, Ngài đã đuổi quỷ (4:31-37), chữa người đau rét (4:38-39), cho phép môn đệ bứt bông lúa (c.1-5), chữa lành người bại (Gi 5:1-

9), chữa lành người teo tay (Lu 6:6-10), chữa người đàn bà đau bại và mắc quỷ ám (13:10-17), chữa người mù từ lúc mới sanh (Gi 9:1-41). Chúng ta không hiểu vì sao kẻ thù của Chúa nghĩ rằng cần có thêm một chứng cứ nữa để buộc tội Ngài là điều cần thiết, nhưng chúng ta đều biết rằng mọi mưu kế của họ đã đem lại kết quả ngược với sự mong đợi.

Khi Chúa hỏi về niềm tin của họ về ngày Sa-bát, Ngài đã dùng chính vũ khí họ định dùng cho Ngài để tấn công họ. Trước tiên, họ không thể chữa lành cho ai vào bất cứ ngày nào, và mọi người biết như vậy. Hơn thế, nếu người Pha-ri-si cho rằng không được chữa bệnh cho ai trong ngày Sa-bát, vậy họ là những kẻ tàn nhẫn dưới mắt dân chúng. Nếu cho phép chữa bệnh, họ sẽ bị những người cùng hội xem là kẻ phạm luật pháp. Chính họ đang ở thế “tiến thoái lưỡng nan” chớ không phải Chúa Giê-xu. Họ cần một lối thoát. Họ từng làm vậy hơn một lần, nên né tránh vấn đề bằng cách nín lặng.

Chúa chữa lành người bệnh và cho anh ta đi, vì biết rằng nhà của người Pha-ri-si không phải là nơi an toàn nhất cho anh ta. Thay vì cung cấp chứng cứ nghịch lại Chúa Giê-xu, người được chữa lành đã trở thành bằng chứng chống lại người Pha-ri-si, vì anh ta là “sự phô bày tuyệt hảo” về quyền năng chữa bệnh của Chúa Giê-xu.

Chúa biết rất rõ những con người thuộc nhóm chủ lực này nên không để cho họ thoát. Ngài biết rằng trong ngày Sa-bát họ sẽ cứu súc vật khi chúng gặp nguy hiểm. Vậy tại sao Ngài lại không được phép cứu một con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Dường như họ cho rằng súc vật quan trọng hơn con người! (Tiếc thay, hôm nay cũng có một số người yêu súc vật nuôi trong nhà nhiều hơn cả người thân trong gia đình, người lân cận và một thế giới hư mất).

Chúa Giê-xu đã phơi bày lòng kính kiêu giả dối của người Pha-ri-si và các thầy thông giáo - Họ tuyên bố bảo vệ luật pháp Đức Chúa Trời, nhưng thực ra họ đang chối bỏ Đức Chúa Trời bằng thái độ ngược đãi con người và tố cáo Đấng Cứu Thế. Có một sự khác nhau rõ rệt giữa việc bảo vệ lẽ thật của Đức Chúa Trời và duy trì những thông lệ của con người.

2. Khách mời - tìm kiếm hư danh (Lu 14:7-11)

Những người có kinh nghiệm về giao tiếp cho biết đa số con người đều muốn tỏ ra mình là “người quan trọng”. Nếu chúng ta hành động theo ý họ, chúng ta sẽ đắc nhân tâm. Mặt khác, nếu ta nói hoặc làm điều gì cho thấy họ không là người quan trọng, chúng ta sẽ thất bại trong giao tiếp. Vì vậy con người sẽ trở nên giận dữ và thù hận, vì ai cũng muốn người khác chiếu cố và xem mình là kẻ quan trọng.

Thời của Chúa Giê-xu cũng như ngày nay, đã có những dấu hiệu về “địa vị” khiến con người luôn nâng cao và bảo vệ uy thế mình trong xã hội. Nếu chúng ta được mời đến một nơi sang trọng, được ngồi vào chỗ cao nhất, mọi người sẽ biết rằng chúng ta quan trọng biết bao. Điều được đề cập là danh tiếng chớ không phải là phẩm cách. Đối với con người, ngồi ở những nơi cao còn quan trọng hơn sống một đời sống ý nghĩa!

Trong thời Tân Ước, việc ngồi càng gần chủ tiệc càng chứng tỏ được địa vị cao trọng trong xã hội và càng được sự chú ý (và cả những lời mời) của những người khác. Đương nhiên, khi cửa mở ra, nhiều người đã lao đến bàn tiệc ở đầu vì muốn được làm nhân vật quan trọng.

Thái độ này cho thấy một quan niệm sai lầm về sự thành công. Albert Einstein nói rằng: “Bạn đừng cố gắng trở nên kẻ thành công nhưng hãy cố trở thành người có giá trị”. Ngoài một vài trường hợp đặc biệt, còn thì người có giá trị cuối cùng cũng được người khác biết đến và tôn trọng. Sự thành công do tính “tự tôn” chỉ có tính chất tạm thời, bạn có thể bị bẽ bàng khi người ta “hạ bạn xuống” (Ch 25:6,7).

Khi Chúa Giê-xu khuyên khách mời ngồi nơi thấp nhất, Ngài không muốn dạy họ một “mánh lới” để được người khác cất nhắc. Đức Chúa Trời không thích sự khiêm nhường giả dối qua hành động ngồi ở nơi thấp nhất cũng như sự kiêu ngạo khi ngồi ở nơi cao nhất. Dù dưới hình thức nào, Đức Chúa Trời không bao giờ bị ẩn tượng bởi địa vị xã hội hay giáo hội của chúng ta. Ngài cũng không bị tác động bởi những điều con người nói hoặc nghĩ về chúng ta, vì Ngài hiểu thấu mọi suy nghĩ và động cơ trong lòng người (ISa 16:7). Đức Chúa Trời sẽ hạ kẻ kiêu ngạo và cất nhắc người khiêm nhường (Gia 4:6).

Nhà văn người Anh Francis Bacon ví danh vọng như một dòng sông dễ dàng mang “những thứ nhẹ và xốp” nhưng nhận chìm “những thứ nặng nề và rắn chắc”. Thật thú vị khi xem qua những Tự điển bách khoa cũ và thấy rằng có nhiều “danh nhân” nay đã trở thành “những con người bị quên lãng”.

Sự khiêm nhường là ơn phước quan trọng trong đời sống Cơ Đốc nhân, nhưng đó cũng là điều khó nhận được. Nếu bạn biết mình có, bạn đã mất nó! Người ta cho rằng sự khiêm nhường không phải là xem nhẹ bản thân, nhưng chỉ đơn giản là không nghĩ gì về bản thân hết. Chúa Giê-xu là tấm gương tuyệt vời về sự khiêm nhường, vậy chúng ta hãy nài xin Đức Thánh Linh giúp chúng ta có thể bắt chước Đấng Christ (Phi 2:1-16).

3. Chủ nhà: Sự hiếu khách giả dối (Lu 14:12-14)

Chúa Giê-xu biết rằng người chủ nhà này mời khách với hai lý do: mời lại họ vì họ đã mời anh ta những bữa tiệc trước, hoặc mời họ trước để mong họ sẽ mời lại anh ta những kỳ lễ sau. Thái độ tiếp đãi đó không phải là một sự bày tỏ lòng yêu thương, nhân từ nhưng là biểu hiện của sự kiêu ngạo và ích kỷ. Anh ta muốn “mua” sự thừa nhận.

Chúa Giê-xu không cấm chúng ta tiếp đãi gia đình và bạn hữu, nhưng Ngài khuyên chúng ta không nên chỉ tiếp đãi gia đình cùng bạn hữu đặc biệt và thường xuyên. Tình cảm đó sẽ nhanh chóng bị xuống cấp trong sự tâng bốc lẫn nhau, mỗi người đều cố vượt hơn kẻ khác và không ai dám phá lệ. Thật buồn khi phải nói có nhiều người trong Hội Thánh sống theo cách này.

Động cơ tiếp đãi của chúng ta phải xuất phát từ tinh thần tôn vinh Đức Chúa Trời chứ không phải sự tán dương của con người. Đó là phần thưởng đời đời trên trời chứ không phải sự công nhận tạm thời của con người nơi thế gian. Một người bạn của tôi là mục sư, thường nhắc nhở tôi bằng câu nói thật hữu lý: “Anh không thể nhận phần thưởng hai lần!” (Mat 6:1-18). Vào kỳ phán xét cuối cùng, nhiều người được xem là “đầu” dưới mắt con người hôm nay sẽ trở nên “rốt” dưới mắt Đức Chúa Trời, và nhiều người là “dốt” dưới mắt con người sẽ trở nên “đầu” dưới mắt Chúa (Lu 13:30).

Trong thời đại của Chúa Giê-xu, việc mời người nghèo khổ và tàn tật dự tiệc bị coi như là điều không “hợp lẽ” (Phụ nữ cũng không được mời thời bấy giờ!). Nhưng Chúa Giê-xu khuyên chúng ta ghi những người nghèo khổ và tàn tật vào đầu danh sách

khách mời vì họ không có khả năng trả lại chúng ta. Nếu chúng ta làm việc ấy với tấm lòng nhân ái. Đức Chúa Trời sẽ “thưởng công” cho chúng ta dù phần thưởng ấy không phải là động cơ để bày tỏ sự rộng rãi. Khi tiếp đãi, phục vụ kẻ khác bằng tấm lòng quảng đại, chúng ta thật đã “chứa của cải ở trên trời” (Mat 6:20) và trở nên “giàu có nơi Đức Chúa Trời” (Lu 12:21).

Thế gian hôm nay đầy dẫy sự bon chen, khiến con cái Đức Chúa Trời dễ dàng có xu hướng quan tâm đến vấn đề “lời lỗ, được mất” hơn là nghĩ đến sự hy sinh và tinh thần phục vụ. “Tôi sẽ được chi? Có thể đã trở thành câu hỏi quan trọng nhất của đời người (Mat 19:27). Chúng ta hãy có thái độ quên mình như Chúa Giê-xu và chia sẻ điều mình có với kẻ khác.

4. Người Do Thái - Sự an toàn giả dối (Lu 14:15-24)

Khi Chúa Giê-xu nhắc đến “kẻ công bình sống lại”, một vị khách hăm hờ nói: “Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong Nước Đức Chúa Trời”. Dân Do Thái ví Nước Đức Chúa Trời trong tương lai như một yến tiệc lớn có sự tham dự của những vị khách danh dự như Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và những tiên tri (Lu 13:28 Es 25:6). Vị khách này tin rằng một ngày nào đó ông ta sẽ được dự yến tiệc ở Nước Trời cùng với các vị khách danh dự! Để đáp lời ông, Chúa Giê-xu kể một câu chuyện cho thấy hậu quả bi thảm do lòng tin giả dối ấy.

Vào thời của Chúa Giê-xu, khi bạn mời khách đến dùng bữa, bạn cho họ biết ngày mời nhưng thời gian dùng bữa không chính xác. Chủ nhà phải biết bao nhiêu khách sẽ đến để có thể làm thịt đủ số súc vật chuẩn bị cho bữa ăn được chu đáo. Ngay trước bữa ăn, chủ nhà sai đầy tớ đến từng khách mời để cho họ biết bữa ăn đã sẵn sàng và họ phải đến dự (Exo 5:8 6:14). Nói cách khác, trong câu chuyện của Chúa Giê-xu, mọi vị khách đều đồng ý sẽ đến dự tiệc. Chủ nhà chờ đợi họ đến. Nhưng thay vì hăm hờ đến dự tiệc, tất cả các khách mời đã làm mất mặt chủ nhà khi chối từ dự tiệc và viện những lý do chẳng chính đáng để bào chữa cho sự thay đổi của mình.

Người khách thứ nhất xin kiếu vì phải “đi coi” một đám ruộng đã mua. Ở phương Đông, việc mua bán bất động sản là tiến trình phức tạp và lâu dài, hẳn người này đã có nhiều cơ hội để xem đất anh ta muốn mua. Những ai mua đất mà chưa từng xem qua trước thật là điều lạ! Đa số các bữa tiệc đều tổ chức vào chiều tối, vậy mà người khác này cũng muốn sử dụng thời gian còn lại ít ỏi trong ngày để xem đất vội vàng như vậy!

Người khách thứ hai cũng bận việc mua bán, anh ta làm về vội vàng vì phải mua 10 con bò. Tương tự như vậy, có ai mua súc vật với số lượng nhiều như vậy mà không kiểm tra trước? Ngày hôm nay nếu mua một chiếc xe hơi, có ai không “lái thử” trước? Hơn nữa làm sao người này có thể kiểm tra số bò đó khi trời đã tối? Câu nói: “tôi phải đi xem thử” cho thấy anh ta đã đang trên đường đến nông trại khi đầy tớ của chủ tiệc đến mời lần cuối.

Người khách thứ ba thật sự chẳng có lý do nào để xin kiếu. Lễ cưới của người Do Thái đâu phải là điều bất ngờ vì người ta đã chuẩn bị rất chu đáo, vì vậy hẳn người này đã biết trước mình sẽ lấy vợ. Trong trường hợp này, lẽ ra anh ta không nên nhận lời mời dự tiệc nơi danh dự như vậy. Chỉ có người nam Do Thái mới được mời dự tiệc, nên chủ nhà không muốn người vợ của khách mời đi theo. Người mới lấy vợ không tham gia chiến trận (Phu 24:15) chớ đâu bị cấm dự tiệc!

Dĩ nhiên đó chỉ là những lời thoái thác mà thôi. Tôi nhớ Billy Sunday định nghĩa rằng: “Thoái thác như một lớp vỏ lý do bao bọc một sự dối trá”. Con người chỉ chuyên viện lý do thường là người chẳng làm điều gì tốt đẹp cả. Ba vị khách này thực sự mong sẽ được mời dự tiệc vào dịp khác trong tương lai, nhưng họ sẽ chẳng bao giờ được mời nữa.

Vì đã chuẩn bị một bữa ăn thịnh soạn cho nhiều khách mời, chủ nhà không muốn để thức ăn bị bỏ đi một cách lãng phí nên đã sai đầy tớ đi ra mời những người ngoài đường phố vào dự tiệc. Những người được mời ở các đường phố, chợ, dọc hàng rào là hạng người nào? Đó là những kẻ bơ vơ, không nhà, tha phương cầu thực, bị xã hội khinh ghét - những con người mà Chúa Giê-xu đã đến để cứu vớt họ (Lu 15:1-2 19:10). Thậm chí có cả những người ngoài trong số được mời dự tiệc!

Những con người này chỉ có một lý do để từ chối lời mời ân cần ấy: vì họ chưa chuẩn bị dự một bữa tiệc linh đình như vậy! Vì thế, đầy tớ phải nài ép họ (II Co 5:20). Họ không có cơ nào để chối từ. Kẻ nghèo khó không thể đủ tiền để mua bò, người mù loà không thể “đi coi” ruộng và người nghèo khó, kẻ què đui, thường không được hứa hôn. Họ là những con người đói khát, cô đơn, nay quá hạnh phúc đến nỗi không dám nhận lời dự một bữa tiệc miễn phí!

Chủ nhà không chỉ đem những người khác vào thế chỗ những vị khách được mời, mà còn đóng cửa lại để những kẻ viện cớ kia không thể đổi ý và đến dự tiệc được (Lu 13:22-30). Chủ nhà thực sự đã nổi giận. Chúng ta ít khi nghĩ đến thái độ giận dữ của Đức Chúa Trời đối với những ai từ chối lời mời ân cần của Ngài, nhưng những lời trong Es 55:6 và Ch 1:24-33 khuyên chúng ta không nên thờ ơ với sự kêu gọi của Ngài.

Câu chuyện này mang một thông điệp đặc biệt đến cho dân Do Thái kiêu ngạo, là những kẻ tin chắc sẽ được “ăn bánh trong Nước Đức Chúa Trời”. Chỉ trong vài năm ngắn ngủi, Phúc Âm của Đức Chúa Trời đã bị các chức sắc tôn giáo chối bỏ. Vì vậy Phúc Âm đã được rao ra cho dân Sa-ma-ri (Cong 8:1-40) và cho dân ngoại (Cong 10:1-48 13:1-52).

Thông điệp trong câu chuyện này cũng dành cho mọi tội nhân hư mất ngày hôm nay. Đức Chúa Trời vẫn đang phán: “Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi!” Bạn chẳng cần phải làm gì nữa để cứu linh hồn mình, vì Chúa Giê-xu đã hoàn tất công tác cứu chuộc khi chết thay bạn trên thập tự giá và sống lại từ cõi chết. Bữa tiệc đã được dọn sẵn, lời mời có tính vô điều kiện, bạn cũng được mời dự tiệc. Hôm nay, con người cũng mắc sai lầm như những người trong câu chuyện này: họ cũng trì hoãn, không đáp ứng ngay lời mời vì phải lo cho những việc không cần thiết. Dĩ nhiên, không có gì sai trái khi bạn có một mảnh vườn hay đi xem một món hàng đã mua, hoặc dành một buổi tối ở cạnh người mình yêu. Tuy nhiên, nếu những điều dường như tốt đẹp này ngăn cản bạn đến với những gì tốt nhất, vậy đó là những việc “không hợp lẽ”. Những kẻ hay viện cớ thực sự là những người thành công dưới mắt bạn hữu, nhưng chính là kẻ thất bại dưới mắt Đấng Christ. Đời sống Cơ Đốc nhân là một bữa tiệc, chớ không phải một đám tang và tất cả, chúng ta đều được mời đến dự. Là những người tin Chúa, mỗi chúng ta phải loan thông điệp này ra “Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi!”. Đức Chúa Trời muốn thấy nhà Ngài đầy người, vậy mà “hãy còn thừa chỗ”. Chúa muốn chúng ta trở về nhà (Mac 5:19), đi ra chợ và các đường phố (Lu 14:21), ra các đường lớn và dọc hàng rào (14:23) và đi khắp thế gian (Mac 16:15) giảng Phúc Âm của Chúa Giê-xu cho mọi người.

Câu chuyện này cũng là một phần trong bài giảng cuối cùng của ông D.L.Moody ngày 23/11/1899 tại Thính phòng Civic ở thành phố Kansas. Ông giảng đề tài “những thoái thác” khi đang bị bệnh. Ông nói với các sinh viên ở Chicago rằng: “Tôi phải dành được những linh hồn ở thành phố Kansas. Đây là lúc tôi muốn đưa nhiều người đến với Đấng Christ hơn bao giờ hết!

Tim của Moody đập mạnh, ông phải nghỉ ngơi, nhưng ông đã truyền giảng Phúc Âm một cách dạn dĩ. Khoảng 50 người đã tiếp nhận Chúa. Hôm sau, Moody trở về nhà và qua đời sau một tháng. Đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời, ông vẫn muốn nài ép người khác vào “dự tiệc” của Đức Chúa Trời.

5. Đoàn dân đông: mong đợi giả dối (Lu 14:25-35)

Khi Chúa rời khỏi nhà người Pha-ri-si đoàn dân rất đông đi theo Ngài, nhưng Chúa không hề cảm động về sự nhiệt tình của họ. Chúa biết rằng đa số họ không mấy may quan tâm đến những vấn đề thuộc linh. Một số người muốn xem phép lạ, số khác nghe kể về việc Chúa nuôi những người đói khổ, một số ít hy vọng Ngài sẽ lật đổ Rô-ma và lập vương quốc đã hứa ban cho Đa-vít. Họ đều trông đợi những điều không hợp lẽ.

Chúa xây lại đoàn dân và giảng một bài về sự dạy dỗ, cốt để giải tán bớt đám đông. Ngài phán rõ ràng khi đề cập đến việc theo Chúa của cá nhân, Ngài quan tâm đến “thực chất” hơn “số lượng”. Trong phương diện cứu rỗi linh hồn hư mất, Ngài muốn nhà Ngài có nhiều người (Lu 14:23), nhưng về phương diện làm môn đệ, Ngài chỉ muốn những ai sẵn sàng trả giá để theo Ngài.

“Môn đồ” là người theo học. Gắn bó với một vị thầy để học nghề hoặc một môn học nào đó. Ngày nay, người học việc cũng học bằng cách nhìn xem và làm theo. Từ “môn đệ” thường dùng cho những người theo Chúa Giê-xu và được nhắc đến 264 lần trong các sách Phúc Âm và sách Công vụ.

Chúa Giê-xu dường như muốn phân biệt rõ giữa sự cứu rỗi và địa vị môn đệ. Sự cứu rỗi dành cho những ai đến với Chúa bởi đức tin, còn địa vị môn đệ dành cho người tin theo và chấp nhận trả giá. Được cứu rỗi nghĩa là đến thập tự giá và tin nhận Chúa Giê-xu, còn làm môn đệ Chúa là mang lấy thập tự giá và theo Chúa Giê-xu, Chúa Giê-xu muốn có nhiều tội nhân được cứu (“cho được đầy nhà ta”), nhưng Ngài khuyên chúng ta không nên xem nhẹ phương diện làm môn đệ Ngài. Qua ba ví dụ Ngài đưa ra, Ngài bày tỏ rằng theo Ngài, phải trả một giá.

Trước tiên, *chúng ta phải yêu Chúa trên hết, hơn cả người thân của mình* (Lu 14:26-27). Từ “ghét” ở đây không có nghĩa là một sự đối kháng ra mặt, nhưng đó là “yêu ít hơn” (Sa 29:30-31 Ma 1:2-3 Mat 10:37). Tình yêu của chúng ta đối với Đấng Christ phải mạnh mẽ đến độ nếu đem so sánh với những điều khác dường như chúng ta đã “ghét” người thân vậy! Thật vậy, chúng ta phải tự bỏ mình đi, vác thập tự để theo Chúa.

“Vác thập tự giá” có nghĩa là gì? Đó là hành động giống Chúa mỗi ngày qua sự nhịn nhục, chịu khổ và đầu phục ý muốn Đức Chúa Trời. Đó là sự tình nguyện hầu việc Chúa theo sự hướng dẫn của Ngài (Gi 12:23-28). “Thập tự” là điều gì đó đến từ Đức Chúa Trời và chúng ta sẵn sàng chấp nhận nó như ý muốn Ngài dành cho đời sống chúng ta. Tín hữu nào gọi những người lân cận làm phiền mình là “thập tự” mà mình phải mang lấy, chắc chắn người ấy chẳng hiểu gì về ý nghĩa của sự ‘tự bỏ mình đi’.

Chúa đưa ra ba ví dụ để giải thích lý do Ngài có những đòi hỏi “đắt giá” đối với người theo Ngài: một người muốn xây tháp, vị vua đi đánh trận, và muối mất mặn. Theo sự giải nghĩa thông thường những người tin Chúa được tượng trưng bởi người xây tháp và vị vua đi đánh trận, chúng ta phải “tính phí tổn” trước khi khởi sự, kéo chỉ có bắt đầu mà không có kết thúc. Nhưng tôi lại đồng ý với cách giải nghĩa của Campbell Morgan cho rằng: người xây tháp và vị vua đi đánh trận không phải tượng trưng cho những người tin Chúa, nhưng tượng trưng cho Chúa Giê-xu. Ngài là Đấng phải “tính phí tổn” để biết chúng ta có phải là loại “nguyên vật liệu” Ngài có thể sử dụng để thành lập Hội Thánh và đánh bại kẻ thù hay không. Ngài không thể thực hiện công việc với những môn đệ thiếu can đảm không dám trả giá theo Ngài.

Khi viết đến đoạn này, tôi ngược lên và có thể thấy trên kệ sách của mình hàng trăm quyển tài liệu về tiểu sử và lời chứng của các Cơ Đốc nhân, những câu chuyện về người tin kính đã đóng góp nhiều trong sự gây dựng Hội Thánh và đương đầu với khó khăn. Họ sẵn sàng trả giá và được Chúa ban ơn, sử dụng. Họ là những con người có tính chất của “muối”.

Chúa Giê-xu cho môn đệ Ngài biết họ là “muối của đất” (Mat 5:13) khi các tội nhân tiếp nhận Chúa Giê-xu làm Đấng Cứu Thế, một phép lạ đã xảy ra và “bụi đất” trở nên “muối”. Thời bấy giờ, muối là mặt hàng rất quý, một phần tiền lương của quân nhân được trả bằng muối! (Từ “muối” và “tiền công” có liên quan đến câu nói: “Anh ta không đáng nhận muối”).

Muối là chất bảo quản, vì vậy con cái Đức Chúa Trời ở thế gian là những con người làm chậm sự phát triển của điều ác và sự xấu xa. Muối cũng là chất tẩy bẩn, khử trùng, làm cho mọi thứ sạch hơn. Muối có thể làm đau rát vết thương nhưng giúp vết thương khỏi bị nhiễm trùng. Muối thêm hương vị cho thức ăn và rất cần cho con người. Với hạnh kiểm và tư cách của mình, chúng ta phải khiến người khác cần Chúa Giê-xu và sự cứu rỗi mà chỉ có Ngài mới có thể ban cho.

Ngày nay, muối được tinh lọc và không bị mất vị mặn. Nhìn vào thời Chúa Giê-xu, muối chưa được tinh lọc và có thể bị mất vị mặn đặc biệt là nếu rơi xuống đất. Một khi vị mặn mất đi, không có cách nào làm cho mặn lại, muối ấy phải bị liệng ra đường và bị người ta chà đạp. Khi một môn đệ Chúa đánh mất phẩm chất của Cơ Đốc nhân người ấy sẽ trở nên “vô dụng”, sẽ bị người ta “chà đạp” và làm danh Chúa bị sỉ nhục.

Làm môn đệ Chúa là việc rất quan trọng. Nếu chúng ta không phải là những môn đệ thật, Chúa không thể xây lên “cái tháp” và “đánh trận” được. Oswald Chambers cho rằng: “Luôn luôn có chữ “nếu” trong mối liên hệ với địa vị làm môn đệ Chúa”. Nó cho thấy chúng ta không cần phải là những môn đệ trừ khi chúng ta muốn. Không có sự ép buộc bao giờ, Chúa Giê-xu không ép buộc chúng ta. Chỉ có một cách để làm môn đệ Chúa, đó là tự bỏ mình mà theo Ngài”.

Nếu chúng ta nói với Chúa rằng chúng ta muốn vác thập tự theo Ngài như các môn đệ khi xưa, hẳn Ngài cũng muốn chúng ta biết rõ chúng ta sẽ được gì. Chúa Giê-xu không muốn có tình trạng của mong đợi giả dối, ảo tưởng hoặc mặc cả. Ngài muốn dùng chúng ta như những viên đá để gây dựng Hội Thánh của Ngài, như những chiến sĩ để đánh bại kẻ thù Ngài và như muối để giữ cho thế giới tốt đẹp hơn, Ngài chỉ muốn tìm kiếm phẩm chất nơi chúng ta.

Tóm lại, Ngài đã phán những lời này trên đường đến Giê-ru-sa-lem. Chúa không bảo chúng ta làm gì cho Ngài mà Ngài lại chưa làm gì cho chúng ta. Chúa phán với

một số người: “Các người không thể làm môn đệ ta được”. Vì sao? Bởi họ không thể từ bỏ mọi điều vì Ngài, không thể chịu sỉ nhục, chỉ trích vì Ngài và không dành tình yêu cho Chúa để Ngài hướng dẫn. Họ không thể vượt qua được những trở ngại đó. Bạn sẽ làm môn đệ Ngài chứ?

14. NIỀM VUI TRONG SỰ CỨU RỖI (Lu 15:1-32)

Khi ông D.L.Moody hướng dẫn Trường Chúa nhật ở Chicago, có một cậu bé nhà ở xa đến dự. Có người hỏi cậu: “Sao cháu không đi Trường Chúa nhật nào gần nhà hơn?” Câu trả lời của cậu bé có lẽ cũng giống với cách trả lời của những người thu thuế và tội nhân trong thời Chúa Giê-xu: “Tại vì cháu mến người bạn ngồi đằng kia kia!”

Thật ý nghĩa khi Chúa Giê-xu thu hút sự chú ý của tội nhân trong khi người Pha-ri-si lại khước từ họ (còn Hội Thánh của chúng ta ngày nay thì sao?). Các tội nhân đến với Chúa không phải vì Ngài mua vui cho họ hay vì Ngài rao thông điệp của Ngài, nhưng chỉ vì Ngài đã chăm sóc, quan tâm đến họ. Ngài hiểu điều họ cần và giúp đỡ họ, trong khi người Pha-ri-si chỉ trích và xa lánh họ (Lu 18:9-14). Người Pha-ri-si hiểu biết về luật pháp Cựu Ước và muốn bản thân được thánh khiết, nhưng chẳng có sự yêu thương đối với những linh hồn hư mất.

Ba từ tóm tắt thông điệp của đoạn Kinh Thánh này là: “mất”, “tìm được” và “vui mừng”. Chúa dùng ba ví dụ này để đáp lại lời tố cáo, gièm pha của người Pha-ri-si và các thầy thông giáo đối với hành vi của Ngài. Đối với họ việc Chúa Giê-xu tiếp đón những kẻ bị ruồng bỏ đã là điều không hay rồi, nhưng thêm vào đó họ lại ăn chung với họ. Các chức sắc tôn giáo Do Thái chưa hiểu rằng Con Người đã đến để “tìm và cứu kẻ bị mất” (Lu 19:10). Hơn thế, họ vẫn mù loà và không biết mình cũng là tội nhân hư mất.

Đoạn này cho thấy chỉ có một thông điệp cứu rỗi: Đức Chúa trời tiếp đón và tha thứ tội nhân biết ăn năn. Các ví dụ này cũng bày tỏ rằng có hai phương diện về sự cứu rỗi. Về phần Đức Chúa Trời: Ngài tựa như người chăn chiên tìm kiếm chiên lạc mất, người đàn bà kiếm đồng bạc bị mất. Con người cũng dự phần trong sự cứu rỗi như đứa con hoang đàng quyết định ăn năn và trở về nhà Cha. Chỉ nhấn mạnh trên một phương diện là đã đưa ra một quan điểm sai về sự cứu chuộc, vì cả quyền tể trị của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người cần phải được đề cập đến (Gi 6:37 ITe 2:13,14).

Một trong những chủ đề của đoạn này là sự vui mừng, nên chúng ta hãy cùng suy ngẫm ba niềm vui khác nhau có liên quan trong sự cứu rỗi. C.S.Lewis nói rằng: “Sự vui mừng là việc rất quan trọng ở trên thiên đàng” và đó là sự vui mừng mà bạn và tôi có thể dự phần.

1. Niềm vui “tìm thấy” (Lu 15:1-10)

Câu chuyện về con chiên lạc mất cũng như đồng bạc bị mất hẳn đã làm xúc động mọi người. Chúa muốn tìm kiếm con người để đến với từng tấm lòng.

Con chiên lạc mất (Lu 15:3-7): Con chiên này bị lạc vì thiếu khôn ngoan. Chiên có xu hướng đi lạc, đó là lý do phải có người chăn (Es 53:6 IPhi 2:24). Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si dễ dàng có thể xem đoàn dân và tội nhân như những “con chiên lạc mất”, nhưng không hề nghĩ đó cũng là hình ảnh của chính mình! Tiên tri Ê-

sai nói rõ rằng chúng ta đều như chiên đi lạc và đã phạm tội, dĩ nhiên trong số đó có cả những người khoác áo tôn giáo này.

Người chăn có trách nhiệm đối với từng con chiên. Nếu một con bị lạc mất, người chăn phải đèn tiền trừ khi có thể chứng minh được con chiên đó bị thú dữ giết (Sa 31:38-39 Xu 22:10-13 Am 3:12). Điều này giải thích lý do người chăn phải để bầy chiên nơi đồng vắng mà đi tìm con chiên lạc mất và vui mừng khi tìm thấy nó. Không tìm được con chiên bị mất có nghĩa là phải “đốc” tiền túi ra để đèn mà còn xấu hổ vì mang tiếng là người chăn tắc trách.

Khi để 99 con chiên lại nơi đồng vắng, người chăn không có ý nghĩ cho rằng chúng không quan trọng đối với anh ta. Chúng được bình an trong khi con chiên lạc gặp nguy hiểm. Hành động tìm kiếm một con chiên chứng tỏ từng con rất quý giá đối với người chăn. Chúa Giê-xu không cho rằng các thầy thông giáo và người Pha-ri-si không cần sự cứu rỗi, vì họ thực sự cần được cứu. Chúng ta đừng làm cho các chi tiết của câu chuyện này mang ý nghĩa nào khác, nếu không nó sẽ bị biến thành một ngụ ngôn và thông điệp của Chúa bị bóp méo.

Có bốn niềm vui mừng được thể hiện khi một tội nhân đến với Đấng Christ. Mặc dù câu chuyện không nói gì về cảm xúc của con chiên nhưng chắc chắn người được cứu rất vui mừng. Niềm vui ấy được kiểm chứng qua Lời Kinh Thánh (Cong 3:8 8:39) và qua từng trải cá nhân của mỗi chúng ta.

Tuy nhiên, cũng có sự vui mừng từ phía người tìm kiếm. Mỗi khi chúng ta đưa một tội nhân đến tiếp nhận Chúa Giê-xu, chúng ta kinh nghiệm được một niềm vui kỳ diệu trong lòng. Người khác cũng chia sẻ niềm vui với chúng ta như một tin tốt lành về một “em bé” mới sinh ra trong gia đình Đức Chúa Trời, và cũng có sự vui mừng ở trên trời (Lu 15:7,10). Các thiên sứ biết rõ chúng ta được cứu ra sao và chung niềm vui với chúng ta.

Đồng bạc mất (Lu 15:8-10): Con chiên bị lạc vì nó vốn ngu dại, nhưng đồng bạc mất là do sự tắc trách của người khác. Đây là tư tưởng nghiêm túc cho thấy sự tắc trách của chúng ta có thể đưa đến hậu quả: một linh hồn bị hư mất.

Khi một thiếu nữ Do Thái lập gia đình, nàng bắt đầu quán quanh đầu một dải vải có gắn 10 đồng bạc nói lên ý nghĩa rằng giờ đây nàng đã có chồng. Đó là kiểu người Do Thái thể hiện giống như chúng ta đeo nhẫn cưới ngày nay vậy và thật là một tai họa nếu bà này đánh mất một trong số đó. Nhà của người Palestine rất tối tăm, nên người đàn bà phải thắp đèn tìm kiếm cho đến khi tìm thấy đồng bạc. Hẳn chúng ta có thể hình dung niềm vui “tìm thấy” của người đàn bà ấy.

Chúng ta đừng “đẩy” những hình ảnh trong câu chuyện đi quá xa, nhưng điều đáng chú ý là đồng bạc mang hình ảnh của người chủ nó trên đó (Lu 20:19-25). Tội nhân hư mất cũng mang hình ảnh của Đức Chúa Trời, mặc dù hình ảnh ấy đã bị tội lỗi làm biến dạng. Khi tội nhân được “tìm thấy”, Đức Chúa Trời bắt đầu sửa lại hình ảnh thiêng liêng qua quyền năng Đức Thánh Linh và trong tương lai người tin Chúa sẽ trở nên giống Chúa Giê-xu (Ro 8:29 ICo 3:18 Co 3:10 IGi 3:1,2).

“Tìm thấy” (được cứu) có nghĩa là bạn trở lại đúng chỗ của mình (phục hoà với Đức Chúa Trời) đúng công việc mình (sống có mục đích) và thoát khỏi mọi nguy hiểm. Chắc chắn người chăn chiên và người đàn bà đều vui mừng nên mời bạn hữu đến chung vui với mình!

Ngày nay chúng ta dễ dàng đọc hai mẩu chuyện này và xem đó như điều dĩ nhiên, nhưng sẽ gây sốc cho những ai nghe đầu tiên. Chúa Giê-xu muốn nói rằng Đức Chúa Trời thật đang tìm kiếm những tội nhân hư mất! Hẳn các thầy thông giáo và người Pha-ri-si cảm thấy khó chịu vì trong thuyết thần học nghiêm ngặt của họ, không có chỗ nào đề cập đến một Đức Chúa Trời như vậy! Họ quên rằng chính Đức Chúa Trời đã tìm kiếm A-đam và Ê-va khi họ phạm tội và tránh mặt Ngài (Sa 3:8-9). Các thầy thông giáo và người pha-ri-si dù tưởng mình hiểu biết Kinh Thánh, nhưng quên rằng Đức Chúa Trời như một người cha thương xót những đứa con hư hỏng (Thi 103:8-14).

Có những sự vui mừng giống như niềm vui tìm thấy những người hư mất và đem họ đến với Đấng Christ. John Wesley, người sáng lập Hội Giám Lý nói rằng: “Hội Thánh chỉ có một nhiệm vụ là cứu những linh hồn hư mất. Vì vậy, hãy sử dụng, sử dụng cho công tác này”

2. Niềm vui trở về (Lu 15:11-24)

Chúng ta gọi câu chuyện này là “Câu chuyện về người con trai hoang đàng” (“hoang đàng” có nghĩa như “tiêu xài phung phí”), cũng có thể gọi là “Câu chuyện về người cha nhân từ”, vì nó nhấn mạnh về lòng nhân từ của người cha hơn là tội lỗi của đứa con, không như người chần chừ và người đàn bà trong hai câu chuyện trước, người cha này không đi tìm con, nhưng câu chuyện nhắc nhở rằng chính sự nhân từ của người cha đã đưa đứa con đến chỗ ăn năn và được tha thứ (Ro 2:4). Hãy chú ý đến ba từng trải mà người con hoang đàng này kinh nghiệm qua:

Sự chống nghịch - đi phương xa (Lu 15:11-16): Theo luật Do Thái, con trưởng nam được nhận của cải gấp đôi phần của các con trai khác (Phu 21:17), người cha có thể chia tài sản trong lúc còn sống nếu ông muốn. Nếu người con thứ xin chia phần của cải và bán đi, điều đó hoàn toàn hợp lệ. Tuy nhiên, đó không phải là hành động hiếu thảo của anh ta, vì như thế anh ta dường như muốn nói với cha rằng: “Phải chi cha chết sớm!” Thomas Huxley nói: “Những nan đề tệ hại nhất của con người khởi đầu khi người ấy có thể đúng như điều mình thích”. Thật vậy!

Chúng ta luôn gây ra rắc rối khi đánh giá vật chất cao hơn con người, của cải hơn bốn phận, ảo ảnh hơn những phước hạnh đang hưởng trong gia đình. Chúa có lần đã phán dạy hai anh em tranh giành của cải rằng: “Hãy giữ cẩn thận chớ hà tiện chi hết” (Lu 12:15). Vì sao Ngài dạy như vậy? Bởi con người tham lam chẳng bao giờ thoả lòng, dù có đòi hỏi bao nhiêu. Sự không thoả lòng đó sẽ dẫn đến một đời sống tuyệt vọng. Đứa con hoang đàng này biết rõ rằng khó có thể “hưởng thụ vật chất mua được bằng tiền nếu không “phót lờ” với những điều không thể mua được bằng tiền bạc.

“Phương xa” không nhất thiết là một chốn xa xôi chúng ta phải đến, vì “phương xa” trước hết ở tại lòng ta. Đứa con thứ nuôi ước vọng “hưởng” tự do khi bỏ nhà ra đi, thoát khỏi sự ràng buộc của người cha và người anh. Nếu con chần chừ bị lạc do khờ dại và đồng bạc mất vì không được giữ gìn, thì đứa con trai này bị hư hỏng bởi tự ý. Nó muốn hành động theo ý riêng mình, nên đã nghịch cùng người cha và làm đau lòng cha.

Nhưng cuộc sống ở phương xa không như điều đứa con mong đợi. Tiền bạc cạn kiệt, bạn bè xa lánh nạn đói đe dọa, đứa con buộc phải phục dịch cho kẻ ngoại bang những việc nó chẳng từng làm cho cha mình - nó phải lao động! Hình ảnh này được Chúa dùng để cho thấy rõ những điều tội lỗi thực hiện qua đời sống của những ai

ngịch với ý muốn Cha trên trời. tội lỗi hứa hẹn tự do nhưng đem lại kiếp nô lệ (Gi 8:34), hứa hẹn thành công nhưng đem đến thất bại hứa hẹn sự sống nhưng “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Ro 6:23). Đứa con nghĩ rằng nó có thể “tìm thấy chính mình” nhưng chỉ “đánh mất chính mình” mà thôi! khi chúng ta để Đức Chúa Trời ra ngoài cuộc sống mình, niềm vui hạnh phúc sẽ biến thành tình trạng bị nô lệ.

Sự ăn năn - tình ngộ (Lu 15:17-19): “Ăn năn” có nghĩa như “đổi ý” và đó chính là điều chàng trai này nghĩ đến khi đang chăn heo. “Tình ngộ” là điều cho thấy đến giờ phút này đứa con trai mới thật sự nhận biết chính mình. Dường như trong tội lỗi có một sự loạn trí khiến cho hình ảnh Đức Chúa Trời bị tê liệt trong chúng ta và “con thú” được tự do hoành hành trong đó. Những người học về tác phẩm Shakespeare thích đối chiếu hai đoạn thơ trích dẫn mô tả mâu thuẫn trong bản chất con người:

“Con người là một tác phẩm! Mục đích cao quý thay!

Tài năng không sao dò được.

Tướng mạo, đáng đi đáng ngưỡng mộ làm sao!

Hành động như một thiên thần, tư tưởng như một vị thánh!” (Hamlet, II,ii)

“Khi anh ta tuyệt vời nhất, là lúc anh ta tệ hơn con người

Và khi anh ta tệ hại nhất, anh ta còn đỡ hơn một con thú”

(Người lái buôn thành Venice, I,ii) (Thi Merchant of Venice)

Chàng thanh niên tình ngộ và biết thực trạng của mình, thừa nhận mình là tội nhân. Cậu biết cha mình là người có lòng rộng rãi, biết rằng làm việc trong gia đình còn hạnh phúc hơn được “tự do” nơi phương xa. Chính bởi sự nhân từ của Đức Chúa Trời, không phải sự xấu xa của con người đã đem chúng ta đến sự ăn năn (Ro 2:4). Nếu người con chỉ nghĩ đến bản thân mình - tức là chỉ nghĩ đến sự đói khát, nhớ nhà, cô đơn có lẽ cậu đã nãn lòng. Nhưng trong hoàn cảnh khổ sở ấy đã giúp cậu hiểu về người cha dưới cái nhìn mới, điều này khiến cậu tràn trề hy vọng. Cha rất tử tế với tôi tớ trong nhà, lẽ nào không tha thứ con mình?

Nếu chỉ suy nghĩ đến đây, có lẽ cậu thanh niên này chỉ kinh nghiệm sự hối tiếc (ICo 7:10) nhưng sự ăn năn thật phải kết hợp ý chí, tư duy và cảm xúc - “ta sẽ đứng dậy trở về... ta sẽ nói”. Cách giải quyết vấn đề của chúng ta có thể đúng đắn, nhưng nếu không hành động, những dự tính kia sẽ chẳng đem lại điều gì tốt đẹp. Nếu sự ăn năn là công việc của Đức Chúa Trời (Cong 11:18), vậy tội nhân phải vâng lời Đức Chúa Trời và đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu (Cong 20:21).

Sự vui mừng - về với cha (Lu 15:20-24): Chúa Giê-xu dùng đoạn này để đáp lại sự tố cáo của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si (Lu 15:2), bởi người cha không chỉ chạy đến mừng con mình mà còn mừng ngày con trở về bằng cách dọn tiệc lớn và mời xóm giềng đến dự. Người cha chờ con mình ăn năn xưng tội xong, liền tha thứ cho con và ra lệnh đầy tớ chuẩn bị tiệc ăn mừng.

Dĩ nhiên, người cha trong câu chuyện đại diện cho thái độ của Cha trên trời đối với tội nhân nào ăn năn. Ngài giàu lòng thương xót, nhân từ và yêu thương họ (Eph 2:1-10). Ngài làm được mọi sự vì Con Ngài đã hy sinh trên thập tự giá. Mặc dù có một số người rao truyền (và tôn vinh về Chúa, Đức Chúa trời yêu cả thế gian vậy mà cả thế gian chưa được cứu. Chúng ta được cứu chính bởi ân điển Đức Chúa Trời, và ân điển là tình yêu đã được trả giá.

Ở Đông phương, người già chẳng bao giờ chạy cả, vậy mà người cha này “chạy ra” gặp con. Vì sao? Chắc hẳn đó là vì ông yêu con mình và khao khát bày tỏ tình yêu. Nhưng còn có một điều khác có liên quan. Người con hoang đàng đã làm xấu hổ cho gia đình và lảng giềng, theo luật chép trong Phu 21:18-21 nó phải bị ném đá chết. Nếu những người lân cận bắt đầu ném đá người con có lẽ phải ném trúng người cha vì người cha đang ôm chặt con mình. Đây thực sự là một bức tranh về những điều Chúa Giê-xu đã làm cho chúng ta trên thập tự giá!

Người con thứ khám phá tại nhà mình có mọi thứ nó hằng ao ước nơi phương xa: quần áo, vàng bạc, bạn hữu, tiệc vui, tình yêu và một tương lai đảm bảo. Điều gì đã thay đổi? Thay vì nói: “Thưa cha, hãy cho con...” đứa con muốn nói “Thưa cha, hãy định đoạt số phận con”. Đứa con muốn làm một đầy tớ! Dĩ nhiên, người cha không cần con phải trả nợ cho sự tha thứ của ông, bởi không có việc làm nào có thể cứu chúng ta khỏi tội lỗi (Eph 2:8-10 Tit 3:3-7). Nơi phương xa, người con hoang đàng đã học được ý nghĩa của sự khốn khổ, nhưng khi trở về, cậu khám phá ra ý nghĩa của sự thương xót. Chiếc nhẫn là dấu hiệu của địa vị làm con, và “áo tốt nhất” (dĩ nhiên là áo của cha) là chứng cứ người cha tiếp nhận con mình trở về gia đình (Sa 41:42 Es 61:10 IICo 5:21). Các đầy tớ không có nhẫn để đeo, không có giày để mang hoặc quần áo sang trọng để mặc. Người cha mở tiệc để bày tỏ niềm vui và chia sẻ với mọi người. Lẽ ra người con hoang đàng phải bị đối xử theo luật pháp đã định, lẽ ra đã có một đám tang chớ không phải tiệc mừng như thế. Thi 103:10-14 là một minh họa tuyệt vời!

Thật thú vị khi người cha mô tả tình trạng của đứa con: “đã chết mà lại sống, đã mất mà lại thấy được”. Đây cũng là từng trải thuộc linh của mọi tội nhân đến với Đức Chúa Trời là Cha qua đức tin nơi Chúa Giê-xu (Eph 2:1-10 Gi 5:24). Hãy xem sự so sánh giữa hành động người con hoang đàng trở về với cha và hành động chúng ta đến với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu (Gi 14:6).

- Đứa con hoang đàng

đã lạc mất (c.24)

thiếu hiểu biết (c.17)

đã chết (c.24)

- Chúa Giê-xu

“Ta là đường đi”

“Ta là lẽ thật”

“Ta là sự sống”

Chỉ có một con đường để đến với Đức Chúa Trời, đó là đức tin nơi Chúa Giê-xu. Bạn đã trở về “nhà” chưa?

3. Niềm vui của sự tha thứ (Lu 15:25-32)

Khi câu chuyện đến giai đoạn này, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si tin chắc mình đã thoát khỏi sự xét đoán của Chúa, vì Ngài tập trung vào tội nhân qua hình ảnh đứa con hoang đàng. Nhưng Chúa tiếp tục câu chuyện khi nói về người con cả, đại diện cho các thông thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Tội nhân phạm tội về mặt thuộc thể nhưng người Pha-ri-si và các thầy thông giáo là những kẻ phạm tội về mặt thuộc

linh (ICo 7:1). Hành động bề ngoài của họ có thể “trong sạch” nhưng thái độ bên trong của họ thật “tồi tệ” (Mat 23:25-28).

Chúng ta phải thừa nhận rằng nơi người con cả có những giá trị đạo đức đáng khen ngợi. Anh ta làm việc siêng năng và luôn vâng lời cha, chẳng bao giờ làm xấu hổ gia đình và láng giềng. Anh ta có nhiều bạn hữu đến nỗi có thể dự định mở tiệc vui (Lu 15:29). Đường như anh ta là mẫu công dân tốt và so với người em trai, anh ta gần giống một thánh nhân.

Tuy nhiên, dù sự vâng lời và nhiệt thành rất quan trọng, nhưng chúng không phải là những thử nghiệm duy nhất của bản tánh. Chúa dạy rằng có hai điều rất quan trọng nhất đó là phải yêu mến Đức Chúa Trời và yêu kẻ khác (Lu 10:25-28), nhưng người con cả đã phạm hai điều răn này. Anh ta không yêu Đức Chúa Trời (đại diện bởi người cha trong câu chuyện) và không yêu em mình, không tha thứ cho đứa em hoang đàng vì nó phung phí của cải gia đình và làm xấu hổ gia đình. Người con cả cũng không tha thứ cho cha mình vì ông đã rộng lượng tha thứ cho lỗi lầm của đứa con thứ.

Khi xem xét lỗi lầm của người con cả, bạn có thể hiểu vì sao người này là hình ảnh của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si. Trước hết, anh ta tự xem mình là “công bình”, công khai lên án tội lỗi đứa em mà không nhận biết tội lỗi của bản thân (18:9-14). Người Pha-ri-si định nghĩa về tội lỗi chủ yếu dựa vào những thuật ngữ nói về những hành động bên ngoài chứ không dựa vào thái độ bên trong. Họ hoàn toàn không hiểu gì về thông điệp của Bài Giảng Trên Núi cũng như ý nghĩa trọng tâm về thái độ bên trong và tấm lòng thánh khiết (Mat 5:1-7:29).

Kiêu ngạo cũng là một trong những nhược điểm của người con cả. Anh ta chỉ nghĩ đến những năm tháng phục vụ cha và chưa từng cãi lời cha! Đúng là lời biện hộ! Tuy nhiên, anh ta không hướng lòng vào công việc, chỉ luôn mơ tưởng một bữa tiệc thịnh soạn cùng bạn bè hưởng thụ. Anh ta chỉ là người lao dịch. Giống như tiên tri Giô-na, người con cả làm theo ý Đức Chúa Trời không hết lòng mà chỉ gắng gượng (Eph 6:6 Gion 4:1-11). Anh ta như người làm công chăm chỉ và trung thành - những phẩm chất đáng biểu dương - nhưng công việc của anh ta không phải là “công việc của tình yêu” nên không làm cha hài lòng.

Bạn có thể thấy người anh không hề quan tâm đến đứa em xa xứ. Bạn hình dung xem, người cha trông đợi con đã bao ngày mòn mỏi và cuối cùng đã thấy con mình từ xa, nhưng người anh cả đến tận khi được đầy tớ báo tin mới biết em mình đã về nhà. Dù biết cha rất vui mừng, anh ta cũng không muốn đứa em trở về nhà. Tại sao anh ta phải san xẻ của cải cho kẻ đã tiêu sạch của cải của riêng mình? Tại sao anh ta còn phải chia sẻ tình yêu của cha với kẻ đã làm xấu hổ gia đình và xóm giềng? Lối sống của người con hoang đàng càng khiến cho người anh cả được xem là người tốt lành, dĩ nhiên điều này có thể khiến cha yêu đứa con vâng lời hơn. Chắc chắn đối với người con cả sự trở về của người con thứ là một mối đe dọa đối với anh ta.

Có lẽ điều đáng ngại nhất là cơn giận dữ gay gắt của người con cả. Anh ta giận cha và em trai nên không muốn vào nhà dự tiệc. “Giận” là cảm xúc bình thường của con người, không nhất thiết đó là tội. “Đương cơn giận, thì chớ phạm tội” (Eph 21:26 Thi 4:4). Môi-se, Đa-vít, Các tiên tri và cả Chúa Giê-xu đã bày tỏ cơn giận thánh khiết đối với tội lỗi, chúng ta hôm nay cũng nên giận trong tinh thần như vậy. Thomas Fuller

người theo phái Thanh giáo nói rằng cơn giận là một trong những “nguồn sức mạnh của linh hồn”

Aristotle cũng đưa ra một lời khuyên hữu ích: “Ai cũng có thể nổi giận. Thật dễ dàng! Nhưng giận với đúng đối tượng đúng cường độ, đúng lúc và đúng mục đích trong trường hợp đúng đắn. Điều đó không nằm trong khả năng của mọi người và không dễ thực hiện”.

Người con cả giận cha vì cha đãi tiệc cho đứa con thứ, một bữa tiệc mà anh ta hằng mong có được. Anh ta nói với cha: “Cha chẳng hề cho tôi một con dê, nhưng vì nó làm thịt bò con mập!” Mơ ước của người con cả giờ đã tiêu tan khi cha tha thứ cho đứa hoang đàng!

Đương nhiên người anh giận đứa em vì nó được cha chiếu cố và ban cho những món quà đặc biệt. Theo suy nghĩ của người anh, đứa em này chẳng xứng đáng nhận được bất cứ điều gì. Nó đã trung thành ư? Không! Nó vâng lời cha ư? Cũng không! Vậy tại sao nó phải được đối xử tử tế và đầy yêu mến như vậy?

Tôn giáo của người Pha-ri-si là làm việc thiện. Qua việc kiêng ăn, học Kinh Thánh, cầu nguyện, bố thí họ hy vọng được Đức Chúa Trời ban phước cũng như hưởng được sự sống đời đời. Tuy nhiên họ đã không làm những gì đáng phải làm, khiến Đức Chúa Trời phải lìa xa họ (Mat 23:23-24) khi thấy Chúa Giê-xu tiếp nhận và tha thứ những kẻ không tôn giáo họ chống đối ra mặt. Hơn thế, họ không nhận biết chính mình cũng cần Đấng Christ.

Người cha đã chạy ra đón đứa con hoang đàng, giờ phải rời bữa tiệc để khuyên lơn đứa con cả. Cha trên trời nhân từ và khiêm nhường biết bao! Ngài nhẫn nhục với sự yếu đuối của chúng ta dường nào! Người cha muốn đãi tiệc cho con cả và bạn hữu nó nhưng đứa con cả chẳng bao giờ xin Cha. Hơn thế, từ khi có sự phân chia gia tài, người con cả đã làm chủ mọi thứ, anh ta có thể sử dụng của cải ấy theo ý mình.

Người con cả không muốn vào nhà, chỉ ở ngoài trề môi hờn dỗi. Anh ta đã đánh mất cơ hội dự phần trong niềm vui tha thứ cho đứa em và phục hồi lại thâm tình đã sút mẻ, niềm vui làm hài lòng cha và đoàn tụ gia đình. Thật kỳ lạ khi anh ta có thể nói với một tên đầy tớ cách nhẹ nhàng mà không thể nói nhẹ nhàng với cha và em trai!

Nếu bước ra khỏi mối liên hệ với Đức Chúa Trời, chúng ta không thể yêu mến anh chị em mình và ngược lại nếu chúng ta chỉ có thái độ cố chấp với kẻ khác, chúng ta không thể ở trong mối giao thông với Đức Chúa Trời được (IGi 4:18-21 Mat 5:21-26). Khi kẻ khác thật sự ăn năn, chúng ta phải tha thứ cho họ và tìm cách hoà thuận lại với họ trong sự nhân ái và khiêm nhường (Mat 18:15-35 Ga 6:15 Eph 4:32).

Người cha đã nói hết lời, chúng ta cũng không biết câu chuyện kết thúc ra sao (xem câu chuyện tương tự ở Gio 4:1-11). Nhưng chúng ta hẳn biết rằng chính các chức sắc tôn giáo của họ đã khiến Chúa Giê-xu bị bắt và chịu chết. Mặc cho Cha trên trời khuyên lơn, họ chẳng muốn vào nhà!

Trong những câu chuyện này, mọi người đều kinh nghiệm sự vui mừng ngoại trừ đứa con cả. Người chăn chiên, người đàn bà và bạn hữu của họ đều kinh nghiệm niềm vui của sự tìm thấy, Người con thứ kinh nghiệm niềm vui khi trở về nhà và được cha tiếp nhận với lòng yêu thương, nhân từ. Người cha kinh nghiệm niềm vui tiếp nhận đứa con hoang đàng trở về bình an lành mạnh. Nhưng người anh cả không tha thứ

cho em, nên không có niềm vui. Lẽ ra anh ta phải nghĩ lại và dự tiệc, nhưng anh ta đã từ chối nên ở bên ngoài và đau khổ?

Trong những năm thi hành chức vụ, tôi đã chứng kiến những đàn anh đàn chị thích nuôi sự hờn giận hơn niềm vui thông công với Đức Chúa Trời và con cái Ngài. Bởi họ không muốn tha thứ ai, nên đã xa lánh Hội Thánh và thậm chí bỏ gia đình. Họ “tin chắc” không ai tốt lành ngoài họ cả. Họ có thể lên án tội lỗi kẻ khác nhưng mù loà về những tội lỗi của mình.

“Tôi chẳng bao giờ tha thứ!” Đó là lời mà tướng Ogletherpe nói với John Wesley, và John đáp rằng “Thưa ông, thế thì tôi hy vọng ông không bao giờ phạm tội”

Đừng đứng ở ngoài! Hãy bước vào và vui dự tiệc!

15. SỬ DỤNG CỦA CÁI: ĐÚNG VÀ SAI (LU 16:1-31)

Tạp chí Wall Street đã trích dẫn lời của một người vô danh có đầu óc dí dỏm khi định nghĩa về tiền như sau: “Tiền là vật được dùng như một hộ chiếu cho tất cả mọi người để đến bất cứ nơi đâu trừ thiên đàng, là phương tiện cung cấp mọi thứ trừ hạnh phúc”. Người viết có thể cũng nói thêm rằng tiền bạc cũng là nguyên nhân khơi dậy sự tham lam và tranh cạnh, nó là một đầy tớ “tuyệt vời” nhưng lại là một ông chủ “tác tệ”. Sự tham tiền vẫn luôn là “cội rễ của mọi điều ác” (ITi 6:10), nó khiến thế giới chúng ta đầy dẫy sự sa đoạ và tham lam (IPhi 1:4).

Khi đọc những bài giảng và những câu chuyện của Chúa Giê-xu, chúng ta cảm thấy Ngài đề cập nhiều về vấn đề của cái vật chất. Ngài giảng dạy cho đa số người nghèo là những người cho rằng càng có nhiều tiền, sẽ có thể giải quyết mọi nan đề. Chúa không phải không hiểu những nhu cầu của họ khi kể những câu chuyện này, Ngài muốn khích lệ những người theo Ngài phải chia sẻ những điều mình có cho kẻ khác. Hội Thánh đầu tiên là nhóm người đã tình nguyện chia sẻ của cải họ có cho những người thiếu thốn (Cong 2:44-47 4:33-37).

Khi phác hoạ hình ảnh người con hoang đàng và người con cả, Chúa Giê-xu muốn nói đến hai triết lý sống độc lập. Trước khi ăn năn hối lỗi, đứa con hoang đàng đã phung phí cuộc đời mình, nhưng người con cả chỉ sống như một kẻ lao dịch trung thành. Cả hai thái độ này đều sai lầm, bởi lối sống Cơ Đốc là chúng ta phải đầu tư cuộc sống cho lợi ích của kẻ khác và vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đoạn này tập trung vào một lẽ thật: đời sống là một trách nhiệm quản gia, và chúng ta phải sử dụng những cơ hội Đức Chúa Trời ban cách trung tín. Sẽ có một ngày ta phải khai trình mọi việc đã được Chúa giao cho. Vì vậy, chúng ta nên lưu ý đến những điều Chúa phán trong đoạn này về cách sử dụng của cải đúng và sai.

1. Cách sử dụng của cải đúng đắn (Lu 16:1-13)

Người quản gia đại dột (Lu 16:1-2): Quản gia là người giữ của cải cho người khác. Người đó không phải là chủ của cải, nhưng có đặc quyền hưởng và sử dụng nó để làm lợi cho chủ. Quan trọng nhất là người đó phải hầu việc chủ cách trung thành (ICo 4:2). Khi quản gia nhìn của cải quanh mình, phải nhớ rằng của cải ấy thuộc về chủ, chớ không phải của chính mình, biết rằng chúng phải được sử dụng sao cho chủ hài lòng và có lợi cho chủ.

Quản gia này quên rằng mình là một quản gia, nên bắt đầu hành động như một “người chủ”. Người ấy đã trở nên một “quản gia hoang đàng”, đã phung phí của cải

của chủ. Chủ biết điều đó nên lập tức bảo người quản gia khai trình mọi của cải và sổ sách. Chủ đồng thời cũng sa thải quản gia ấy.

Trước khi xét đoán người quản gia này cách gay gắt, chúng ta hãy kiểm điểm lại đời sống mình xem chúng ta trung tín với những điều Đức Chúa Trời giao cho ở mức độ nào. Trước tiên, chúng ta là những quản gia về của cải mình có, dù nhiều hay ít, chúng ta sẽ phải trả lời trước về cách sử dụng nó.

Chức quản gia của Cơ Đốc nhân không chỉ ở phạm vi dâng Chúa 1/10 lợi tức rồi tùy ý sử dụng phần còn lại của mình. Làm quản gia thật có nghĩa là chúng ta phải cảm tạ Chúa về mọi điều mình có (Phu 8:11-18) và sử dụng theo sự hướng dẫn của Ngài. Dâng Chúa 1/10 lợi tức cũng là một cách tốt để khởi đầu bốn phận quản gia trung tín của chúng ta. Tuy nhiên, phải luôn nhớ rằng Đức Chúa Trời phải kiểm soát những gì chúng ta làm với 9 phần còn lại.

Chúng ta đều là những quản gia về thì giờ (Eph 5:15-17). Câu nói “Hãy lợi dụng thì giờ” được dùng trong giới thương mại có nghĩa như “mua lấy cơ hội”. Thời giờ là cõi đời đời, được đặt vào những giây phút quý giá và được giao cho chúng ta để sử dụng cách khôn ngoan hay dại dột. Bài học chính của câu chuyện này đó là người quản gia bất trung đã “khôn khéo” lợi dụng cơ hội để mưu cầu tương lai. Cuộc sống chấm dứt sự hưởng thụ và trở nên “sự đầu tư”.

Cơ Đốc nhân là những quản gia về ơn phước và khả năng. Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta (IPhi 4:10) nên chúng ta phải sử dụng ơn và năng lực mình có để phục vụ kẻ khác. Kẻ trộm nói: “Cái gì của người là của ta. Ta sẽ lấy nó!” Kẻ ích kỷ nói: “Cái gì của ta là của ta. Ta sẽ giữ nó!”. Nhưng Cơ Đốc nhân phải nói “Cái gì của tôi là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Tôi phải chia sẻ nó!” Là quản gia, chúng ta phải sử dụng khả năng mình có để giành lấy những tội nhân hư mất, khích lệ kẻ khác và đáp ứng nhu cầu của người khốn khổ?

Điều cuối cùng, con cái Đức Chúa Trời cũng là những quản gia của Phúc Âm (ITe 2:4). Đức Chúa Trời đã giao chúng ta của cải “lẽ thật” (ICo 4:7) chúng ta phải bảo vệ của cải ấy (ITi 6:20) và đầu tư nó trong đời sống của kẻ khác (IITi 2:2). Kẻ thù muốn cướp khỏi Hội Thánh của quý báu này (Giu 1:3,4) nên chúng ta phải tỉnh thức và mạnh mẽ.

Cũng như người quản gia trong câu chuyện, ngày kia chúng ta (cũng) sẽ khai trình việc mình trước mặt Đức Chúa Trời (Ro 14:10-12 ICo 5:10). Nếu chúng ta trung tín, Chúa sẽ khen thưởng chúng ta (Mat 25:21 ICo 4:5), nhưng nếu bất trung, chúng ta sẽ mất phần thưởng dù được cứu và hưởng thiên đàng (ICo 3:13-15).

Vana Harner nói: “Đức Chúa Trời kêu chúng ta tham gia trận đấu chớ không phải giữ tỉ số”. Nếu chúng ta là quản gia trung tín, Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng rồi rộng, phần thưởng đó sẽ làm vinh hiển danh Ngài.

Người quản gia khôn ngoan (Lu 16:3-8): Quản gia này biết mình sẽ mất việc. Anh ta không thể thay đổi quá khứ nhưng có thể chuẩn bị cho tương lai sắp đến. Bằng cách nào? Bằng cách kết bạn với các con nợ của chủ để sau này họ sẽ tiếp đón anh ta khi anh ta bị chủ sa thải. Anh ta hào phóng giảm nợ cho từng người miễn sao họ sẽ trả nợ ngay. Các con nợ quá đổi vui mừng trong “sự hợp tác” này. Thậm chí chủ của quản gia cũng khen về kế hoạch khôn ngoan ấy (Lu 16:8).

Chúa Giê-xu không khen quản gia này vì anh ta đã lấy của chủ hay vì xúi giục kẻ khác gian dối. Chúa muốn nói tốt cho người này về cách sử dụng cơ hội khôn khéo của anh ta. “Con đời này” là những kẻ chuyên nắm bắt những cơ hội kiếm tiền, kết bạn và tiến thân. Con cái Đức Chúa Trời cũng nên lưu tâm và có sự khôn ngoan khi quản lý những công việc thuộc linh trong đời sống. “Con đời này” chỉ khôn ngoan trong “thế hệ” của họ, chỉ thấy những sự việc thuộc về thời gian nhưng không thấy được những điều thuộc về sự vĩnh cửu. Vì con cái Đức Chúa Trời sống bằng “những giá trị của sự vĩnh cửu” nên phải biết sử dụng những cơ hội mình có càng hơn thế nữa.

Ứng dụng (Lu 16:9-13): Chúa Giê-xu đưa ra ba lời khuyên dựa trên từng trái của người quản gia. Trước tiên, Ngài khuyên chúng ta sử dụng cơ hội mình có một cách khôn ngoan (16:9). Một ngày nào đó cuộc đời sẽ chấm dứt, chúng ta không thể kiếm tiền hoặc tiêu tiền được. Vì vậy, khi đang còn cơ hội, chúng ta phải đầu tư tiền bạc vào việc “tìm thân hữu” cho Chúa, nghĩa là đem người đến với Đấng Christ. Đấng sẽ tiếp đón chúng ta nơi thiên đàng. Cuộc đời và năng lực chúng ta ngày kia sẽ chấm dứt, nên chúng ta cần phải biết sử dụng chúng cách khôn ngoan.

Thật đáng buồn khi nhìn thấy của cải Đức Chúa Trời bị phung phí bởi những tín hữu có thái độ sống như thể Chúa Giê-xu chưa từng chịu chết và sự xét đoán sẽ chẳng xảy ra, Hai câu thơ sau đây của người xưa thật hữu lý.

“Sự khác nhau duy nhất giữa đàn ông và cậu bé con

Chính ở chỗ: đàn ông mua những món đồ chơi đắt tiền hơn”.

Di sản của quá khứ phải được sử dụng cách khôn ngoan trong hiện tại để bảo đảm ích lợi về mặt thuộc linh trong tương lai. Chúng ta đều muốn gặp lại mọi người trên thiên đàng, là những người đặt niềm tin nơi Đấng Christ, vì chúng ta đã dâng hiến cho việc truyền giảng Phúc Âm khắp thế giới, bắt đầu từ gia đình. Thoreau cho rằng một người giàu có tương xứng với những gì anh ta có thể trả tiền mua mà không sử dụng đến, như vậy mới đúng là “giàu”. Có lần, tôi đã nghe ông Jacob Stam cầu nguyện: “Lạy Chúa, điều duy nhất chúng con biết về “sự dâng hiến” là đánh vắn từ ấy như thế nào.” Tôi tự hỏi hiện nay có thể có một ít người ngay cả đánh vắn từ ấy cũng không được.

Lời dạy thứ hai của Chúa là hãy trung tín trong cách bạn sử dụng của cải vật chất bạn có (Lu 16:10-12). Ngài cho thấy chúng ta không thể tách rời vấn đề “thuộc linh” khỏi “vật chất”. Hãy xem sự so sánh sau:

- Vật chất

Thần tài

Điều nhỏ nhất

Của cải giả tạo / phù du

Thuộc về kẻ khác

- Thuộc linh

Đức Chúa Trời thật

Điều lớn lao

Của cải thật

Thuộc về chính bạn

Vì sao Đức Chúa Trời lại quan tâm đến cách chúng ta sử dụng tiền bạc? Bởi vì tiền bạc vốn không có tính chất “trung lập”, nó vốn là cội rễ điều ác (thần tài bất nghĩa), chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể thánh hoá nó và sử dụng nó để đem lại ích lợi. Thật ý nghĩa khi Phao-lô và Phi-e-rơ gọi tiền bạc là “mối lợi đáng鄙” (ITi 3:3,8 Tit 1:7,11 IPhi 5:2). Rõ ràng tiền bạc vốn có bản chất như vậy, nó khiến kẻ yêu tiền bị ô uế và mất phẩm cách, đời sống họ làm nô lệ cho đồng tiền. Richard Foster viết: “Mãi đến khi chúng tôi thực sự biết rằng mình đang có quan hệ không chỉ với tiền bạc mà là tiền bất nghĩa, chúng tôi không thể dùng nó cách an tâm”.

Những ai không trung tín trong cách sử dụng tiền, sẽ không thể trung tín trong cách sử dụng “của báu thật” ở Nước Trời. Chúng ta không thể vừa sống theo đức tin vừa sống theo “tà đạo” trong cách sử dụng tiền bạc. Đức Chúa Trời sẽ không thể giao của cải thật cho những ai tiêu phí tiền, Ngài không ban điều lành cho kẻ sống vì tiền. Khi nói đến tiền bạc, Phao-lô rất thận trọng về việc tìm kiếm điều lành “chẳng những ở trước mặt Chúa, mà cũng ở trước mặt người ta nữa” (ICo 8:21).

Cuối cùng Chúa khuyên chúng ta sống cho Đức Chúa Trời và chuyên tâm để đẹp lòng Ngài (Lu 16:13, Mat 6:19-24). Chúng ta không thể yêu và hầu việc hai chủ, cũng không thể cùng một lúc đi hai hướng được. Nếu chọn con đường phục vụ tiền bạc, chúng ta không thể hầu việc Đức Chúa Trời. Nếu quyết định hầu việc Chúa, chúng ta sẽ không hầu việc tiền bạc. Chúa Giê-xu cần nơi chúng ta một tinh thần chân thật, dâng mình cho Đức Chúa Trời và đặt Ngài trên hết mọi sự (Mat 6:33).

Nếu Đức Chúa Trời là chủ chúng ta, vậy tiền bạc sẽ là tôi tớ chúng ta. Chúng ta sẽ sử dụng những gì mình có theo ý muốn Đức Chúa Trời. Nhưng nếu Đức Chúa Trời không phải là chủ chúng ta tiền bạc sẽ cai trị chúng ta và nó sẽ trở nên một “ông chủ đáng sợ”! Chúng ta sẽ hoang phí cuộc sống mình thay vì đầu tư nó. Và như vậy, sẽ có một ngày chúng ta nhận ra mình là kẻ “cô độc” khi đi qua những cánh cổng vinh hiển.

Hery Fielding nói rằng: “Nếu tôn sùng tiền bạc, nó sẽ như quỷ Sa-tan gây tai hoạ cho bạn”. Chúa Giê-xu phán: “Hãy cai quản tiền bạc và sử dụng những cơ hội hôm nay như một sự đầu tư cho ích lợi trong tương lai”. Bạn hãy là một quản gia khôn ngoan! Còn bao linh hồn cần đến với Đấng Christ, chúng ta có thể sử dụng tài chính mình có để thực hiện công tác truyền giảng ấy.

2. Sử dụng tiền bạc không hợp lý (Lu 16:14-31)

Chúa Giê-xu dạy dỗ môn đệ về vấn đề này, những người Pha-ri-si ở đó lắng nghe và “chê cười” Ngài! Dù họ đã thực hiện luật lệ tôn giáo khe khắt, nhưng họ là kẻ yêu tiền bạc và ủng hộ những giá trị vô bổ. Họ xưng mình là người yêu kính Đức Chúa Trời nhưng lại đo giá trị cuộc sống bằng của cải vật chất, giống như nhiều kẻ vô thần ở đời này. Ngày nay cũng có biết bao tín hữu xưng mình là người tin Chúa nhưng cũng vướng sai lầm ấy. Họ thờ phượng Chúa bằng môi miệng nhưng sống bằng giá trị của cải vật chất như thế gian.

Người Pha-ri-si cần phải chấm dứt thái độ “xu hướng” theo thế gian và bắt đầu “chen chân” vào thiên đàng như nhiều người. Người Pha-ri-si khước từ thông điệp của Giảng Báp-tít và cho phép người ta giết ông dù biết ông là tiên tri của Đức Chúa Trời. Họ cũng chối từ Chúa Giê-xu và cuối cùng cho phép Phi-lát đóng đinh Ngài. Khi

đời sống bạn bị lòng tham tiền tế trị, cửa lòng bạn sẽ bỏ ngỏ cho mọi thứ tội lỗi bước vào!

Luật pháp và lời tiên tri kéo dài đến đời Giăng, vì Giăng đã giới thiệu về Đấng Christ cho dân tộc và rao về Nước Trời. Điều đó không có nghĩa là luật pháp bị phá vỡ và không đáng tin, vì trong Chúa Giê-xu, luật pháp đã được làm trọn (Mat 5:17-20). Người Pha-ri-si tự hào là kẻ vâng phục trung tín luật pháp Môi-se, nhưng họ đã không tiếp nhận Đấng Christ - là Đấng mà Môi-se đã viết về Ngài.

Vì sao Chúa Giê-xu lại đề cập vấn đề hôn nhân và ly hôn khi Ngài đang luận về sự tham lam? Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bị chi phối về vấn đề này, có lẽ họ muốn tranh luận với Chúa, nhưng Ngài đã phá vỡ ý định họ. (Hầu hết trong những cuộc hôn nhân và ly hôn, tiền bạc cũng là một nguyên nhân, vì vậy vấn đề này không nằm ngoài điều Chúa muốn nói). Một số người Do Thái rất lơ đãng trong quan niệm về hôn nhân và ly hôn, trong khi một số khác rất khe khắt về vấn đề này. Chúa Giê-xu đã từng nói về chủ đề này trước đó, nên đây không phải là lời dạy mới (Mat 5:31-32).

Yên lặng trước cử chỉ nhạo báng của người Pha-ri-si, sau đó Chúa đã mô tả cho họ thấy một cách sống động về những điều sẽ xảy đến cho họ nếu họ cứ tiếp tục tham lam và vô tín. Câu chuyện Chúa kể nói về một người giàu và một người ăn mày tên La-xa-rơ (nghĩa là “Đức Chúa Trời là sự cứu giúp của tôi”) nhằm khuyên chúng ta tránh sự tham lam qua những khác biệt được trình bày sau:

Khác biệt trong cuộc sống (Lu 16:19-21): Người này thực sự giàu có vì hàng ngày ông có thể “xúng xính” trong những bộ áo quần sang trọng và chiêu đãi những bữa tiệc thịnh soạn. Chắc hẳn ông thuộc hạng “giàu có và nổi tiếng”, được mọi người ngưỡng mộ và ghen tị. Lối sống của ông phải được gọi là một lối sống “phô trương”!

Vì sao một người lại giàu có, còn một người lại nghèo nàn thế kia? Dân Do Thái nếu vâng theo điều răn của Đức Chúa Trời về Năm Sa-bát và Năm Hân hỉ, có lẽ sẽ không có tình trạng nghèo nàn xảy ra trên đất, vì của cải không thể rơi vào tay một số kẻ giàu có được (Le 25:1-55 Xu 23:11 Phu 14:28-29). Những tiên tri Cựu Ước cũng từng lên án những kẻ giàu có vì thâu tóm nhiều đất đai, bóc lột, ức hiếp những người goá bụa và người nghèo khó (Es 3:15 10:2 Am 2:6 4:1 5:11-12 8:4-6 Ha 2:9-13). Vào thời Chúa Giê-xu người Palestine bị La Mã cai trị, cuộc sống của người dân trở nên khốn khó.

La-xa-rơ bị bệnh và có lẽ bị tàn tật, vì ông “nằm” ngoài cửa nhà người giàu (Cong 3:1-2). Chỉ có những con chó để ý đến ông. Đương nhiên người giàu có thể dễ dàng giúp đỡ cho La-xa-rơ, nhưng ông ta phớt lờ và cứ tiếp tục vui hưởng của cải mình có. Cuộc sống thật sung túc khiến ông cảm thấy vô cùng yên tâm!

Người giàu này rõ ràng không có ý niệm về nhiệm vụ của người quản gia, hoặc ông có thể sử dụng một chút của cải để giúp La-xa-rơ. Thật kỳ lạ khi ông ta cho phép người ăn mày này trú trước hiên nhà mình. Có lẽ ông nghĩ rằng cho người ăn mày một chỗ trú như vậy là đã làm trọn nhiệm vụ. Có lẽ vài người khách giàu có đã bố thí cho La-xa-rơ. Đã có ai trong số họ nhớ lại những điều Kinh Thánh Cựu Ước nói về sự quan tâm đối với kẻ nghèo khó như ở sách Ch 14:21 19:17 21:13 28:27?

Khác biệt trong sự chết (Lu 16:22): “Kẻ giàu và người nghèo đều gặp nhau, Đức Giê-hô-va dựng nên cả hai” (Ch 22:2). Theo cách nói của John Donne, “chết là tay san

bằng vĩ đại”. Người giàu dù có của cải dư dật cũng chết (Thi 49:6-9) và chắc được an táng một cách “long trọng”. Nhưng khi La-xa-rơ chết, ông ta được đặt vào lòng Áp-ra-ham. Thật là một sự khác biệt rõ rệt! Có lẽ dù người Do Thái có xót thương ông ta thế nào, ông ta vẫn không được an táng theo đúng nghi thức dân Do Thái. Ông không được an táng đàng hoàng, không có những kẻ khóc mướn, không hương liệu ướp xác, không mồ mã đàng hoàng. Sau khi thân xác La-xa-rơ được đem đi có lẽ những kẻ lân cận nói rằng: “Ồ, chúng tôi rất mừng vì ông ta không còn lảng vảng ở đây nữa”!

Sự chết xảy ra khi hồn lìa khỏi xác (Gia 2:26). Nhưng đó chưa phải là sự chết cuối cùng, vì nó chỉ mới là sự khởi đầu một sự sống mới ở thế giới khác. Đối với những người tin Chúa chết có nghĩa là được ở với Chúa (II Co 5:1-8 Phi 1:21). Đối với kẻ vô tín, chết nghĩa là bị phân cách khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong khốn khổ.

Khác biệt trong sự vĩnh cửu (Lu 16:23-31): Từ “Âm phủ” ở 16:23 được người Gờ-réc gọi là “nơi người chết ở”. Đó là nơi người chết ở tạm khi chờ sự xét đoán. Nơi đoán phạt đời đời dành cho kẻ hư mất được gọi là “địa ngục” nơi có hồ lửa. Ngày kia, kẻ chết sẽ sống lại và âm phủ cũng trả lại những linh hồn (Kh 20:13), những tội nhân hư mất sẽ bị xét đoán trước mặt Đấng Christ (Kh 20:10-15).

Qua sự mô tả của Chúa Giê-xu, chúng ta biết rằng nơi người chết ở có 2 “khu vực” riêng: một nơi Pa-ra-đi gọi là “lòng Áp-ra-ham” và một nơi đoán phạt. Nhiều nhà thần học tin rằng sau khi Chúa sống lại và về trời thì nơi Pa-ra-đi không còn tồn tại nữa (Gi 20:17 Eph 4:8-10). Chúng ta biết “Thiên đàng” hôm nay ở trên trời, là nơi Chúa Giê-xu cai trị trong sự vinh hiển (Lu 23:43 II Co 12:1-4). Kinh Thánh không nói rằng những linh hồn ở thiên đàng hay nơi âm phủ có thể liên lạc với nhau hay có thể liên lạc với người sống trên đất.

Câu chuyện này bác lại điều gọi là “linh hồn ngủ”, vì cả người giàu và La-xa-rơ đều có sự nhận biết, một người được yên ủi và một người chịu khốn khổ. Đây là vấn đề nghiêm túc khi suy nghĩ về số phận đời đời của mỗi người cũng như nhận biết tính thực hữu về sự đoán phạt.

C.S.Lewis nghe nói có một bia mộ ghi rằng: “Đây là nơi yên nghỉ của kẻ vô thần đã ăn mặc bánh bao nhưng không biết đi đâu”. Lewis nhẹ nhàng đáp: “Tôi tin chắc người đó cũng muốn như vậy!” Có một điều thú vị là người giàu ở âm phủ bắt đầu cầu nguyện! Trước tiên ông ta cầu nguyện cho bản thân, xin Áp-ra-ham thương xót và khiến La-xa-rơ yên ủi mình (Lu 16:23-26). Thậm chí một giọt nước mát cũng rất quý báu đối với ông ta. Mọi sự đã thay đổi, khác hẳn với những yến tiệc xa hoa khi biết bao đầy tớ lảng vảng làm theo mệnh lệnh của ông!

Từ “đau đớn”, “bị khổ” được sử dụng trong đoạn này nói về một sự đau đớn thật, giống với từ được sử dụng khi người bị tà linh ám (Mac 5:7) và sử dụng cho sự đoán phạt mà Chúa sẽ giáng trên một thế giới không ăn năn (Kh 9:5 11:10 20:10). Nếu hoả ngục là nhà tù đời đời dành cho những kẻ bị đoán phạt, thì nơi của người chết ở là trại giam tạm thời, và sự khốn khổ trong hai trường hợp này là điều rất thực, chớ không phải tưởng tượng!

Có những người hỏi: “Sao một Đức Chúa Trời yêu thương lại có thể cho phép một nơi như địa ngục thế kia được tồn tại và đưa con người vào đó?” Khi hỏi câu này, chính họ tự bày tỏ mình không hiểu gì về tình yêu của Đức Chúa Trời hoặc sự độc ác của tội lỗi. Tình yêu Đức Chúa Trời một tình yêu thánh khiết (“Đức Chúa Trời là sự sáng” – I Gi 1:5), chớ không phải là một tình cảm hời hợt, nông cạn. Tội lỗi là sự chống

ngịch lại một Đức Chúa Trời yêu thương và thánh khiết. Ngài không đưa con người vào địa ngục, nhưng chính con người đã tự đẩy mình vào đó khi khước từ sự kêu gọi của Đức Chúa Trời và không tin Con Ngài. Những “kẻ chẳng tin” bị định vào danh sách những người hư mất nơi hoả ngục, thậm chí trước những kẻ giết người là kẻ nói dối (Kh 21:8 Gi 3:18-21,36).

Áp-ra-ham có hai lý do cho biết La-xa-rơ không thể an ủi kẻ giàu này: vì tính cách của người giàu và hiện trạng về sự sống đời đời khác nhau. Người giàu đã hưởng sự sung túc trên đất và những vui sướng trần tục. Ông đã được nhận phần thưởng ở thế gian (Mat 6:2,5,12). Ông tự quyết định số phận mình khi đặt Đức Chúa Trời ra ngoài đời sống và giờ đây bản chất cũng như số phận ông chẳng thể thay đổi được. La-xa-rơ cũng không thể rời bỏ vị trí được yên ủi của mình để đến nơi đau khổ dù chỉ trong giây lát!

Người giàu cũng cầu nguyện cho anh em mình (Lu 16:27-31). Ông không nói: “Tôi rất vui nếu các anh em tôi cùng đến đây. Chúng tôi sẽ có những giây phút tuyệt vời bên nhau!”. Đôi lúc, có lẽ bạn đã nghe một kẻ vô tín nói rằng: “Tôi không lo nếu phải vào địa ngục. Tôi sẽ có bè bạn rất nhiều”. Nhưng làm gì có “tình bạn” nào ở địa ngục! Địa ngục chỉ là nơi đau khổ và cô độc. Nơi ấy không phải là một bữa tiệc tất niên đời đời mà tội nhân có thể hưởng như ở trên đất.

Câu 28 cho thấy La-xa-rơ có lẽ đã làm chứng cho người giàu và anh em của ông, nhưng không ai tin. Giờ đây, lời chứng của La-xa-rơ quan trọng biết bao! Anh em của người giàu biết La-xa-rơ đã chết, vì vậy nếu kẻ ăn mày xuất hiện trước mặt họ, hẳn họ sẽ khiếp vía và nghe lời chứng của ông ta. Những kẻ ở âm phủ đã quan tâm đến những con người hư mất, nhưng không thể làm được gì cho kẻ khác.

Áp-ra-ham giải thích rằng chỉ có một điều duy nhất có thể giữ năm anh em khỏi chung số phận với anh họ, đó là họ phải nghe Lời Đức Chúa Trời và hưởng ứng bằng đức tin, Môi-se và các tiên tri cho tội nhân biết cách để ăn năn và được cứu. Người Do Thái đã từng nghe đọc về những điều này mỗi kỳ lễ Sa-bát trong nhà hội.

Dù phép lạ có thể chứng thực quyền năng của người rao giảng, cũng không thể khiến lòng của kẻ hư mất ăn năn hoặc thay đổi. Niềm tin chỉ dựa trên những phép lạ không phải là niềm tin cứu được kẻ khác (Gi 2:23-25). Có một người tên La-xa-rơ thật đã sống lại từ cõi chết, nhưng một số người vẫn muốn giết ông! (Gi 11:43-57 12:10). Những ai cho rằng công tác truyền giảng sẽ không có hiệu quả nếu không có những “dấu kỳ phép lạ”, những người ấy cần suy ngẫm lại đoạn Kinh Thánh này và cũng xem Gi 10:41-42.

Trong suốt cuộc đời của người giàu, Đức Chúa Trời đã nói với ông qua nhiều cách. Ngài đã cho ông có nhiều của cải, vậy mà ông vẫn không ăn năn (Ro 2:4-5). La-xa-rơ đã làm chứng trước người giàu, và Lời Thánh Kinh Cựu Ước cũng cho ông biết những gì quen thuộc với người Do Thái, nhưng ông vẫn cứ vô tín. Sự kiện La-xa-rơ chết trước - là một chứng cứ mạnh mẽ nhắc ông rằng sẽ có ngày ông cũng chết. Nhưng thậm chí một cái chết xảy ra trước ngạch cửa nhà ông vẫn không khiến ông động lòng.

Mặc dù bị khốn khổ nơi âm phủ, người giàu vẫn không ăn năn ông chỉ nghĩ đến cái tôi của mình. Ông cầu nguyện nhưng chỉ cầu cho sự yên ủi của bản thân và sự an toàn của gia đình, chớ không quan tâm về những tội nhân hư mất khác. Ông chỉ biết nghĩ đến năm anh em của mình. Ông biện luận với Đức Chúa Trời chớ không phục tùng ý muốn Ngài. Điều này cho thấy sự đoán phạt dành cho tội nhân hư mất cũng

không phải là biện pháp có thể thay đổi họ, hoặc làm họ tốt hơn. Âm phủ và nơi ở của người chết không phải là những bệnh viện dành cho người bệnh, mà là những nhà tù dành cho những kẻ bị đoán phạt.

Bác sĩ Lu-ca không cho chúng ta biết phản ứng của những người Pha-ri-si ích kỷ kia trước câu chuyện này. Họ đều biết rõ Môi-se và những tiên tri, điều này có ý nghĩa là họ phải chịu trách nhiệm lớn lao hơn và sự đoán phạt càng gay gắt hơn (Gi 12:35-41).

Chúng ta phải biết rằng không phải người giàu bị lên án vì có nhiều của cải, hay La-xa-rô được cứu vì nghèo. Áp-ra-ham cũng là người giàu có, nhưng ông đâu chịu khổ nơi âm phủ! Người giàu này chỉ cậy nơi của cải mình và không tin cậy Chúa.

C.S.Lewis nói rằng: “Con đường chắc chắn dẫn đến âm phủ là con đường thoai thoải, dốc nhẹ, êm chân, không chỗ rẽ bất ngờ, không cột mốc, cũng không có biển chỉ đường!”

“Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì?” (Mac 8:36)

Chúa Giê-xu đã trả lời cho câu hỏi trên.

Còn bạn giải đáp ra sao?

16. NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG (Lu 17:1-37)

Trên đường đến Giê-ru-sa-lem, Chúa tiếp tục dạy dỗ môn đệ và chuẩn bị tinh thần cho họ về sự thương khó của Ngài. Tuy nhiên Ngài cũng chuẩn bị cho họ có thời gian để khi Ngài không ở gần họ, họ vẫn có thể thay Ngài giảng dạy cho kẻ khác. Đó là giai đoạn quan trọng trong đời họ. Qua đoạn này, Lu-ca ghi lại những bài học Chúa dạy môn đệ về những điều cần có trong cuộc đời theo Chúa: sự tha thứ (Lu 17:1-6) trung tín (17:7-10) tạ ơn (17:11-19) và tỉnh thức (17:20-37).

1. Sự tha thứ (Lu 17:1-6)

Sau khi khuyến cáo người Pha-ri-si về tội tham tiền (Lu 16:14-31) Chúa Giê-xu bắt đầu khuyên môn đệ tránh những tội có thể phạm phải trong đời sống, vì những lần vi phạm là một phần bất hạnh của cuộc đời. Nói cho cùng, chúng ta là những tội nhân sống trong một thế giới đầy dẫy tội lỗi. Nhưng chúng ta phải lưu ý, đừng gây có vấp phạm cho người người khác, vì đó là một hình thức tội chống lại anh em cùng đức tin và cũng là có gây cho họ phạm tội (Ro 14:13 ICo 10:22 IGi 2:10).

Khi dùng từ “kẻ nhỏ”, Chúa không chỉ nói về trẻ con nhưng Ngài cũng đề cập đến những người có đức tin non yếu đang học biết để theo Chúa (10:21 Mat 18:1-6). Vì Lu 17:1-10 là một phần của chủ đề bắt đầu từ 15:1, nên “những kẻ nhỏ” cũng bao gồm những người thâu thuế và tội nhân đã đến tin nhận Chúa Giê-xu. Người Pha-ri-si chỉ trích Chúa, thái độ này có thể khiến những người mới tin vấp phạm. Đây là tội lỗi nghiêm trọng mà kẻ phạm tội đó lẽ ra đáng bị quăng xuống biển để không ai nhìn thấy hơn là khiến những người khác bị vấp phạm.

Giả sử bạn không phải là người gây có vấp phạm, nhưng có một tín hữu khác khiến bạn vấp phạm. Chúa đề cập đến điều này ở Lu 17:3,4 và dạy chúng ta những gì phải làm. Trước tiên, chúng ta nên quan tâm lẫn nhau và thực hiện lời dạy “các ngươi hãy

giữ lấy mình”. Điều này có nghĩa là chúng ta phải chăm sóc nhau bằng sự yêu thương và làm mọi điều có thể hầu ngăn kẻ khác phạm tội.

Nếu có một anh em gây có vấp phạm cho chúng ta, khi ấy ta nên dùng sự yêu thương để quở trách họ cách riêng tư. Chúng ta thường có xu hướng kiềm chế bực bội trong lòng, nuôi sự oán giận, rồi kể lể với người khác điều đã xảy đến cho mình, thật không phải là một hành động đúng (Mat 18:15-20). “Lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15) là bước đầu tiên giải toả những bất đồng cá nhân.

Mục đích chúng ta không phải là làm cho kẻ vi phạm bị xấu hổ hay đau lòng, nhưng để khích lệ họ ăn năn (Ga 6:1). Nếu người vi phạm ăn năn, ta nên tha thứ (Eph 4:32 Mat 5:43-48). Thật ra, chúng ta phải có thói quen tha thứ cho dù kẻ khác có thể gây vấp phạm cho chúng ta bảy lần trong ngày, thậm chí 70 lần 7! (Mat 18:21). Không ai có khả năng phạm tội như vậy chỉ trong một ngày, nhưng lối phóng đại này nhằm nhấn mạnh ý Chúa muốn dạy dỗ chúng ta: Đừng nhớ đến lỗi lầm của người khác, vì tình yêu thương không hề giữ lại ký ức về những vi phạm (ICo 13:4-6). Chúng ta phải luôn sẵn sàng tha thứ kẻ khác, vì sẽ có ngày nào đó cũng cần được họ tha thứ.

Có thể chúng ta nghĩ rằng các môn đệ sẽ đáp ứng lời Chúa dạy bằng cách cầu xin “Xin cho chúng tôi thêm tình yêu!” Dĩ nhiên tình yêu là yếu tố quan trọng trong sự tha thứ, nhưng yếu tố về đức tin còn quan trọng hơn. Để có thể vâng theo lời Chúa dạy và tha thứ kẻ khác, cần phải có đức tin thật. Hành động tha thứ kẻ khác chứng tỏ chúng ta đang tin cậy nơi Đức Chúa Trời về những gì Ngài sẽ hành động, tin rằng Ngài sẽ giải toả mọi hiểu lầm, khiến mọi sự trở nên ích lợi cho chúng ta và làm vinh hiển danh Ngài.

Những Cơ Đốc nhân trưởng thành hiểu rằng sự tha thứ không phải là những lời nói dễ dàng, giống như lũ trẻ con cãi vả nhau âm ỉ rồi thường nói với nhau một cách vô thức: “Xin lỗi nha!”

Sự tha thứ thật luôn gắn với một nỗi đau một ai đó đã bị đau lòng và có một giá phải trả để chữa lành vết thương lòng ấy. Tình yêu thương là động cơ để ta tha thứ nhưng đức tin là “chất xúc tác” khiến ta có thể tha thứ nhanh chóng hơn hầu cho Đức Chúa Trời có thể sử dụng đức tin ấy để bày tỏ ân phước Ngài trong đời sống của con cái Ngài.

Chúa đưa ra hình ảnh “hột cải” để nói về ý nghĩa của sự sống và tăng trưởng. Hột cải thật bé, nhưng tiềm ẩn một sự sống bên trong, nên có thể lớn lên và sinh quả (Mac 4:30-32). Đức tin của chúng ta là đức tin “sống” (Gia 2:14-26), sẽ tăng trưởng và giúp chúng ta vâng phục mệnh lệnh Đức Chúa Trời. “Hãy phò thác đường lối mình cho Đức Giê-hô-va, và nhờ cậy nơi Ngài, thì Ngài sẽ làm thành việc ấy” (Thi 37:5). Sự tha thứ là một kiểm nghiệm về tình yêu thương và đức tin của chúng ta.

Bản chất con người không thay đổi, luôn có những vấp phạm dễ dàng trở thành những dịp phạm tội. Con cái Chúa phải tập đối diện với những lỗi lầm ấy một cách trung thực, đầy dẫy lòng yêu thương và tha thứ khi kẻ khác ăn năn, Mục sư kiêm thi sĩ George Herbert đã viết: “Ai không thể tha thứ, người ấy sẽ làm gãy chiếc cầu mà mình phải đi qua”.

2. Sự trung tín (Lu 17:7-10)

Lời mở đầu ở Lu 17:7 cho thấy Chúa muốn quân bình giữa bài học này với bài học khác. Thật nguy hiểm nếu 12 sứ đồ có thể bị lôi cuốn vào những công việc phụ, khiến

họ bỏ qua những nhiệm vụ hằng ngày trong đời sống! Nếu đức tin không đem lại sự trung tín, sẽ không thể hoàn thành công việc của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta có đức tin làm những việc khó (c.1-6) là điều tốt, nhưng điều quan trọng là đức tin ấy có thể giúp chúng ta thực hiện nhiệm vụ hằng ngày Chúa đã giao phó. Những đặc ân phải luôn cân bằng với trách nhiệm!

Người đầy tớ trong câu chuyện là người làm đủ mọi việc. Anh ta có nhiệm vụ làm đồng, chăn chiên, nấu ăn. Vì ít tiền nên chỉ thuê một đầy tớ là chuyện bình thường. Nhưng Chúa mô tả một trường hợp mà thời đó người ta không thể tưởng tượng được: chủ chăm sóc đầy tớ! Thật vậy, Ngài mở đầu câu chuyện với câu hỏi: “Ai trong các người...?” Hẳn các môn đệ đã đáp: “Chẳng ai trong chúng tôi tưởng tượng nổi”.

Chúa Giê-xu đã từng nói về mối liên hệ giữa Ngài với các môn đệ và hứa sẽ “hầu việc” họ nếu họ trung tín (Lu 12:35-38). Ngài ở giữa họ như một đầy tớ (22:27) dù Ngài là Đấng chủ tể muôn loài. Câu chuyện này nhấn mạnh về sự trung tín đối với nhiệm vụ được giao. Nếu một tôi tớ bình thường còn biết vâng phục mệnh lệnh của người chủ không hề thưởng công cho mình, vậy môn đệ Chúa càng phải vâng phục Đấng yêu thương nhiều hơn thế, vì Ngài là Đấng hứa thưởng cho họ cách rộng rãi!

Một đầy tớ trung tín không nên mong đợi một phần thưởng nào vì chỉ làm những việc được giao. Đầy tớ này thật sự có ích cho chủ: anh ta coi sóc việc đồng áng, chăn bầy chiên và chuẩn bị thức ăn cho chủ. Cậu nói “là đầy tớ vô ích” nghĩa là: “Chủ tôi không nợ tôi điều gì”. Việc Chúa Giê-xu sẽ thưởng cho tôi tớ Ngài là một vấn đề ân huệ của Đức Chúa Trời. Chúng ta không xứng đáng nhận được điều gì khi cho rằng đã vâng lời và hầu việc Ngài.

Là tôi tớ Chúa, chúng ta phải giữ mình kẻo có thái độ không đúng đắn đối với trách nhiệm được giao. Có hai thái cực cần tránh hoặc chỉ làm nhiệm vụ như một tôi tớ miễn cưỡng, hoặc làm việc để mong nhận được phần thưởng. Nhà công nghệ R.G.Le Tourneau từng nói: “...Nếu bạn ban cho vì được đền đáp, nó chẳng đền đáp gì cả”. Nguyên tắc này cũng áp dụng cho sự hầu việc, cả hai thái độ này đều thấy trong thái độ của người con cả (15:25-32), là người vâng phục cha một cách khổ sở, luôn mong cha sẽ cho mình một bữa tiệc đãi bạn hữu. Vậy Cơ Đốc nhân cần phải có thái độ ra sao? “Lấy lòng tốt làm theo ý muốn Đức Chúa Trời” (Eph 6:6). “Nếu các người yêu mến ta thì giữ gìn các điều răn ta” (Gi 14:15). Đối với người được tái sinh: “Điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề” (IGi 5:3). Hầu việc Chúa là một sự vui mừng chứ không chỉ là nhiệm vụ, chúng ta vâng phục Ngài vì yêu mến Ngài. “Hỡi Đức Chúa Trời, tôi lấy làm vui mừng làm theo ý muốn Chúa Luật pháp Chúa ở trong lòng tôi” (Thi 40:8).

3. Tinh thần tạ ơn (Lu 17:11-19)

Giữa Lu 17:10 và 17:11, những sự kiện ở sách Giăng 11 đã xảy ra khi Chúa trên đường đến Giê-ru-sa-lem. Tại ranh giới cận Sa-ma-ri và xứ Giu-đê, Ngài chữa lành 10 người phung cùng một lúc. Trong số những kẻ được lành có một người Sa-ma-ri, khiến cho sự kiện này càng thêm ý nghĩa (Lu 10:30-37). Qua sự kiện này, Chúa Giê-xu muốn dạy dỗ chúng ta bài học về lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời.

Câu chuyện bắt đầu từ 10 người phung (Lu 17:11-13) (5:12-15). Người Do Thái và người Sa-ma-ri vốn không sống hoà thuận nhau, nhưng những kẻ khốn khổ thích kết bạn với nhau. Đây là 10 kẻ bị xã hội ruồng bỏ. Bạn nghĩ xem, sống mà như đang chết,

vậy sự tồn tại của họ trên đời có gì khác nhau? Tuy vậy 10 người phung đều có hy vọng vì Chúa Giê-xu đang ở đó, nên họ đã lớn tiếng cầu xin Ngài thương xót. Từ họ dùng “lạy Thầy” cũng giống như Phi-e-rơ đã dùng (5:5), có nghĩa như Ngài là Đấng có quyền ra lệnh trên mọi sự. Họ biết Ngài có thể ra lệnh cho bệnh tật và sự chết, nên tin rằng Ngài có thể giúp mình.

Câu chuyện tiếp tục đề cập đến 9 kẻ vô ơn (Lu 17:17). Chúa Giê-xu ra lệnh cho những người phung đến tỏ mình cùng các thầy tế lễ. Đây là một hành động của đức tin, vì lúc đó họ vẫn chưa được chữa lành. Khi họ vâng lời, họ được lành bệnh hoàn toàn vì sự vâng lời là bằng chứng của đức tin (IIVua 5:1-14).

Có lẽ bạn tưởng rằng 10 người sẽ chạy đến cảm tạ Chúa vì họ có một đời sống mới, nhưng chỉ có một người biết ơn Ngài, thậm chí anh ta cũng không phải là người Do Thái. Lẽ ra, họ phải có lòng biết ơn vì Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Giê-xu đến đây và tình yêu đã khiến Ngài chú ý đến nhu cầu của họ. Chính vì ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời đã khiến họ được lành. Lẽ ra họ phải cùng thành lập một ban hát đột xuất và tôn vinh Chúa bằng Thi 103:1-22!

Tuy nhiên, trước khi xét đoán họ gay gắt, chúng ta hãy nhìn lại xem “mức độ biết ơn” của chúng ta ra sao. Có bao lần chúng ta nhận những ơn phước nhưng không cảm tạ Chúa? “Nguyện người ta ngợi khen Đức Giê-hô-va vì sự nhơn từ Ngài, và vì các công việc lạ lùng Ngài làm cho con loài người!” (Thi 107:8,15,21,31). Chúng ta luôn hài lòng với những sự ban cho và quên Đấng ban phát. Chúng ta nhanh nhẹn trong sự cầu xin nhưng chậm chạp trong sự tạ ơn.

Martin Rinkhart đã viết bài ca mang tựa đề “Nào, chúng ta hãy cảm tạ Chúa” (Now Thank we all our God) suốt chiến tranh 30 năm khi chức vụ mục sư của ông gặp nhiều khó khăn. Mỗi ngày ông phải làm lễ tang cho khoảng 40 đám tang trong đó có tang lễ của vợ ông. Vậy mà ông vẫn viết được những lời ca vui mừng, xem như đó là một ơn phước Chúa dành cho gia đình mình. Bất chấp chiến tranh, bệnh tật, đau buồn diễn ra quanh ông, ông vẫn có thể dâng lời cảm tạ Chúa với lòng biết ơn.

Lu-ca kết thúc câu chuyện khi đề cập đến một con người đặc biệt (Lu 17:15-19). Người Sa-ma-ri này đã lớn tiếng ngợi khen Đức Chúa Trời, quỳ nơi chân Chúa Giê-xu để tạ ơn Ngài. Theo lệ thường, có lẽ anh ta đã theo 9 người kia đến đền thờ, nhưng trước tiên anh ta đã đến với Chúa Giê-xu bằng của lễ “ngợi khen” (He 13:15 Thi 107:22). Điều này làm Chúa đẹp lòng hơn mọi của lễ của những kẻ khác dâng lên, cho dù họ đã vâng theo luật pháp (Thi 51:15-17). Thay vì đến thầy tế lễ, người Sa-ma-ri đã trở nên một thầy tế lễ và anh ta đã lập một bàn thờ ngay chân Chúa Giê-xu (đọc Thi 116:12-19).

Đến với Chúa Giê-xu, người Sa-ma-ri này đã nhận được một điều kỳ diệu hơn sự chữa bệnh thể xác: anh ta cũng được cứu khỏi tội lỗi. Chúa phán: “đức tin ngươi đã cứu ngươi”, đó cũng là lời Ngài đã phán với người đàn bà xúc dầu nơi chân Ngài (Lu 7:50). Chín người kia được thầy tế lễ xưng là tinh sạch, nhưng người Sa-ma-ri này được Con Đức Chúa Trời xưng là kẻ được cứu! Kinh nghiệm được phép lạ chữa bệnh là điều kỳ diệu, nhưng kinh nghiệm phép lạ của sự cứu rỗi đời đời còn kỳ diệu hơn nhiều.

Mỗi con cái Đức Chúa Trời phải luôn sống trong tinh thần tạ ơn. Điều đó không chỉ khiến đời sống chúng ta phước hạnh mà còn làm vinh hiển danh Chúa. Lòng vô ơn chính là “vùng đất” màu mỡ cho mọi điều ác (Ro 1:21).

4. Sự tỉnh thức (Lu 17:20-37)

Người dân Do Thái sống trong tinh thần chờ đợi nôn nóng, đặc biệt vào kỳ lễ Vượt Qua (kỷ niệm dân Do Thái được giải thoát khỏi Ai Cập). Họ mong một Môi-se nào đó có thể giải cứu họ khỏi ách nô lệ. Một số người hy vọng Giăng Báp-tít sẽ là người giải phóng họ, và giờ đây họ lại chú ý đến Chúa Giê-xu (Gi 6:15). Sự kiện Chúa đến Giê-ru-sa-lem càng khiến họ nôn nóng hơn (Lu 19:11). Họ nghĩ rằng Ngài sẽ lập ra vương quốc như đã được báo trước!

Người Pha-ri-si là những người rất chăm về luật pháp (Mat 23:2-3) nên họ có quyền hỏi Chúa Giê-xu rằng khi nào Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra. Các thầy luật Do Thái thường bàn luận những vấn đề này giữa công chúng, và Chúa đã trả lời cho họ cách thoả đáng. Tuy nhiên, Ngài dùng những bài học này cốt để dạy các môn đệ.

Ở Lu 17:20, từ “rõ ràng” được sử dụng ở đây đối chiếu với từ Hy Lạp cổ nghĩa là “có thể quan sát qua những dấu hiệu”. Từ này bao hàm ý theo dõi, rình rập hoặc sự điều tra cách khoa học. Vấn đề Chúa đưa ra đó là Nước trời sẽ không đến rõ ràng để người ta có thể biết trước khi nào nó xuất hiện hay theo dõi được diễn tiến của nó.

Câu hỏi của người Pha-ri-si đưa ra hoàn toàn chính đáng, nhưng cũng thật đáng buồn, vì Chúa đã giảng dạy giữa họ suốt 3 năm, mà họ vẫn còn ở trong sự tối tăm thuộc linh. Họ không hiểu Chúa là ai và Ngài đang tìm kiếm để hoàn thành điều gì. Quan điểm về Vương quốc mới của họ mang tính “chính trị” hơn thuộc linh, mang tính “Do Thái” hơn phổ quát. Chúa không phủ nhận rằng sẽ có một vương quốc trên đất trong tương lai, nhưng Ngài muốn nói đến tầm quan trọng của vương quốc thuộc linh mà người ta chỉ có thể vào được qua sự tái sinh (Gi 3:1-8).

Câu nói “Nước Đức Chúa Trời ở trong các ngươi” đã làm cho các dịch giả Kinh Thánh và những nhà giải nghĩa phải suy nghĩ bao thế kỷ qua. Họ đưa ra nhiều giải thích. Có một điều chúng ta biết chắc, đó là Chúa không muốn nói với những người Pha-ri-si vô tín rằng họ có Nước Đức Chúa Trời trong lòng! Chúa muốn nói: “Đừng tìm kiếm Nước Trời ở bên ngoài nếu trước tiên ngay trong lòng các ngươi chưa có Nước Đức Chúa Trời” (Ro 14:17). Đồng thời Chúa muốn nói: “Ta ở giữa các ngươi là điều có ý nghĩa, vì ta là Vua. Làm sao các ngươi có thể vào Nước Trời nếu các ngươi chối bỏ Vua?” (Lu 19:38-40). Người Pha-ri-si rất quan tâm đến những biến cố tương lai nhưng lại không để ý đến những cơ hội trong hiện tại (12:54-57).

Sau khi trả lời những người Pha-ri-si, Chúa cho môn đệ biết về sự đến của Nước Đức Chúa Trời. Ngài dặn họ đừng quá nghĩ đến sự tái lâm của Ngài để rồi không làm gì cả, nhưng phải noi dấu chân Ngài. Đây là lời khuyên bổ ích cho những ai chẳng làm gì mà chỉ nghiên cứu những lời tiên tri. Hẳn chúng ta ai cũng nôn nóng chờ đợi ngày Chúa tái lâm, nhưng đồng thời chúng ta phải lo làm việc Chúa giao để gặp Ngài (Cong 1:6-11).

Trước hết, sự đến của Chúa sẽ tác động đến cả thế giới, nên thật đại dột cho những ai tin theo các tiên tri giả, cho rằng “Ngài ở đây” hoặc “Ngài ở đó!” Hơn nữa, sự đến của Chúa tựa như chớp nhoáng (Mat 24:27,30). Dù những lời tiên tri trong Kinh Thánh giúp chúng ta hiểu đặc điểm chung của thời kỳ Chúa tái lâm, nhưng không thể biết rõ ngày và giờ (Lu 12:40,46 Mat 25:13). Xem những dấu lạ rồi cố tính toán ngày giờ Chúa trở lại, thật là điều vô nghĩa!

Chúa dùng 2 biến cố thời Cựu Ước để bày tỏ sự chắc chắn và bất ngờ trong ngày Chúa trở lại: đó là biến cố trận nước lụt (Sa 6:1-8:22) và sự huỷ diệt thành Sô-đôm (Sa 19:1-38). Trong 2 biến cố ấy, người thế gian chỉ mãi mê ăn uống, cưới gả, mua bán mà chẳng hề tỉnh thức. Trong những năm trước khi nước lụt xảy ra, Nô-ê đã làm chứng cho những người lân cận nhưng lòng họ vẫn không thay đổi (IIPhi 2:5). Nô-ê cùng vợ, 3 con trai và các dâu của ông, tất cả chỉ có 8 người được cứu sống vì họ đã bước vào tàu. Phi-e-rơ xem đây như một minh hoạ về sự cứu rỗi mà Cơ Đốc nhân nhận được bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu (IPhi 3:18-22).

Nô-ê và Lót sống trong thời kỳ niềm tin con người chao đảo, đạo đức bị biến chất, chẳng khác gì với thời đại chúng ta. Trong đời Nô-ê, dân số phát triển đáng kể (Sa 6:1), sự gian ác của con người gia tăng (Sa 6:5) và bạo lực đầy dẫy trên đất (Sa 6:11,13). Trong đời Lót, sự tham lam tội cùng của dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ khiến Đức Chúa Trời vô cùng gớm ghiếc, đến nỗi Ngài quyết định tiêu diệt 2 thành ấy. Chỉ có Lót, 2 con gái và vợ ông (là người sau đó cũng bị hành phạt) được cứu khỏi sự đoán phạt kinh khiếp này.

Lu 17:30-36 mô tả điều sẽ xảy đến khi Chúa Giê-xu trở lại xét đoán thế gian, đánh bại kẻ thù Ngài và lập Vương quốc Ngài trên đất (Kh 19:11-20:6). Các tín hữu của mọi thời đại có thể lưu ý những câu này như chính sự cảnh tỉnh dành cho mình nhưng chúng được áp dụng cách đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên vào cuối thời đại (Mat 24:29-44). Khi Chúa đến rước Hội Thánh Ngài lên trời, điều này sẽ xảy ra “trong giây phút, trong nháy mắt” (ICo 15:52). Không ai có phần trong sự được cất lên với Chúa lại phải lo mình đang ở trên mái nhà hoặc nơi đồng ruộng hoặc muốn đem cái gì đó ra khỏi nhà! Khi Chúa trở lại, sự hiện đến của Ngài sẽ được báo trước bởi một dấu lạ từ trời (Mat 24:30-31), có lẽ một số người cố chạy về nhà để giữ cho mình cái gì. Hãy nhớ đến vợ của Lót!

Động từ “đem đi” ở Lu 17:34-36 không có nghĩa là “được đem lên trời” nhưng “bị đem đi để chịu sự phán xét” (Mat 24:36-41). Người ở lại chính là người tin Chúa sẽ được hưởng Nước Thiên đàng. Nô-ê và gia đình ông được “để lại” để hưởng một cuộc sống mới, trong khi mọi dân trên đất bị nước cuốn đi. Lót và các con được để lại trong khi dân Sô-đôm và Gô-mô-rơ bị đem đi khi lửa và diêm sanh huỷ diệt 2 thành phố này.

Hình ảnh đêm và ngày ở Lu 17:34-36 cho thấy cả thế gian sẽ chứng kiến sự tái lâm của Chúa trong vinh hiển “Kìa Ngài đến giữa những đám mây, mọi mắt sẽ trông thấy...” (Kh 1:7).

Các môn đệ được nghe Chúa nói về người bị đem đi và để lại 3 lần, nên họ hỏi Ngài “ở tại đâu?”, Câu trả lời của Chúa tương tự một châm ngôn: “Như chim ó tụ tập quanh xác chết, thì những kẻ hư mất sẽ bị biệt riêng ra để chịu sự đoán phạt” (xem Mat 24:28). Cuộc chiến cuối cùng được mô tả trong Kh 19:17-21 thật giống với hình ảnh những con chim ăn thịt người chết được ăn uống no nê trên những xác chết.

Mặt khác, khi Chúa trở lại đoán phạt kẻ ác, sẽ có sự phân cách giữa người được cứu và kẻ hư mất. Dù ngày hay đêm, dù mọi người đang làm việc hay đang ngủ, sự phân cách và xét đoán này sẽ xảy ra. Những ai được cứu sẽ được ở lại để hưởng Nước thiên đàng vinh hiển, còn những kẻ hư mất sẽ bị đem đi để chịu đoán phạt.

Mặc dù lời giải thích ở những câu này trước tiên dành cho người Y-rơ-sa-ên trong thời kỳ sau rốt, nhưng cũng cho Hội Thánh Chúa thấy tầm quan trọng của tinh thần

sẵn sàng khi Chúa đến. Chúng ta không nên giống vợ Lót là người quá “vương vấn” thành Sô-đôm nên đã quay lại nhìn dù đã được thiên sứ dặn trước (Sa 19:17,26). Ngày nay có nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân, nhưng sự giả dối của họ sẽ bị vạch trần khi Chúa trở lại (ITe 5:1-11)! Lời Chúa dạy ở Lu 17:33 tương tự với Mat 10:39 Lu 9:24 và Gi 12:25. Đó là nguyên tắc cơ bản trong đời sống Cơ Đốc nhân. Cách duy nhất để cứu sự sống bạn, đó là chịu mất nó vì Đấng Christ và vì Phúc Âm.

Chúa Giê-xu phác họa nền văn minh như một “xác chết thối rữa” và sẽ có một ngày phải chịu sự đoán phạt. Người tin Chúa có óc sáng suốt sẽ hiểu những biến cố xảy đến với chúng ta. Chúa vì Hội Thánh, có thể trở lại bất cứ lúc nào. Vì vậy, chúng ta không cần tìm kiếm những dấu hiệu nhưng điều chúng ta có thể biết là những biến cố sắp đến sẽ cho thấy bóng của chúng. Khi những điều ấy bắt đầu xảy ra, chúng ta biết rằng ngày Chúa tái lâm đã gần kề (Lu 21:28).

Chúng ta có mong Chúa trở lại không? Chúng ta có thật sự muốn gặp Ngài không?

17. NHỮNG CON NGƯỜI ĐỂ HỌC VÀ NHỮNG BÀI HỌC ĐỂ HỌC (Lu 18:1-43)

Chesterfield, một chính khách người Anh đã viết: “kiến thức... có thể có được là do đọc con người và nghiên cứu những mẫu người khác nhau”.

Ông ta muốn đề cập đến “tri thức của thế gian”, nhưng điều ông ta nói cũng áp dụng cho sự hiểu biết về thuộc linh. Con người có thể học biết nhiều điều qua “sách của nhân loại” trong đời sống thường nhật, trong lịch sử, tiểu sử con người hoặc ngay cả trong tiểu thuyết.

Có nhiều “mẫu” người được nói đến trong đoạn Kinh Thánh này và mỗi mẫu người cho chúng ta một bài học. Là một thầy thuốc có lòng thương xót, Lu-ca đã viết về những goá phụ, chính khách, người Pha-ri-si, người thu thuế, trẻ con, người già, người giàu có và kẻ hành khất. Qua sắc thái phong phú của tính cách con người, tôi xin chọn ra 4 mẫu người để chúng ta cùng tìm hiểu. Qua họ, chúng ta sẽ nhận được những bài học ý nghĩa.

1. Một bà goá kiên nhẫn nại xin (Lu 18:1-8)

Lu-ca chú ý đến các bà goá nhiều hơn các sách Phúc Âm khác (Lu 2:37-38 4:25-26 7:11-17 18:1-8 20:45-47 21:1-4). Vào thời ấy, các goá phụ gặp khó khăn trong việc kiếm sống dù Đức Chúa Trời đã phán dạy dân sự phải chăm sóc họ (Xu 22:22-24 Phu 14:28-29 16:9-15 Thi 146:9 Es 1:17,23 Gie 7:6). Hội Thánh ban đầu cũng rất quan tâm đến các tín hữu goá bụa (Cong 6:1 ITi 5:3-10 Gia 1:27), đó là một gương tốt cho chúng ta hôm nay noi theo.

Khi suy ngẫm câu chuyện này, bạn hãy xem bối cảnh của nó. Phòng xử án không phải là một toà nhà đẹp, nhưng chỉ là một lều trại có thể di chuyển từ nơi này sang nơi khác khi quan toà xử án lưu động trong khu vực của ông. Quan toà lập chương trình và ngồi xử án giữa trại, chung quanh là các trợ lý. Ai cũng có thể theo dõi diễn tiến xử án từ ở bên ngoài, nhưng chỉ có những ai được chấp thuận mới được xét án. Điều này có nghĩa là phải đứng chờ cho các trợ lý mới mong được quan toà xét đơn kiện.

Bà goá này có 3 trở ngại khó vượt qua. Thứ nhất, vì là phụ nữ, bà bị cô thế trước pháp luật. Trong xã hội Palestine thời Chúa Giê-xu, phụ nữ không đi đến toà án. Vì là goá phụ, bà không có chồng cùng đi đến toà. Thứ ba, bà quá nghèo nên không thể

“đút lót” dù muốn đi nữa. Chúng ta không lấy làm lạ khi các bà goá nghèo không luôn luôn nhận được sự bảo vệ của luật pháp như đáng phải có.

Qua bối cảnh câu chuyện, chúng ta có thể hiểu nhiều hơn về điều Chúa muốn dạy dỗ. Ngài muốn khích lệ môn đệ phải cầu nguyện nhiều khi bày tỏ 3 sự tương phản:

Cầu nguyện khác với mỗi mệ (Lu 18:1): Nếu không cầu nguyện chúng ta sẽ mỗi mệ, đó là điều đơn giản! Từ “mỗi mệ” mô tả một người tin Chúa bị ngã lòng và hèn nhát, muốn trốn chạy. Tôi nhớ có 2 lần tôi bị mỗi mệ về thể chất và đó thật là một cảm giác tồi tệ nhất mà tôi từng trải qua. Tôi cảm thấy mình sắp “ra đi” mà chẳng làm được gì.

Có một sự liên hệ giữa Lời Chúa phán ở Lu 18:1 và ở 17:37. Nếu xã hội tựa như một “xác chết” thối rữa, vậy “không khí” chúng ta đang hít thở dần dần bị ô nhiễm và chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của chúng ta. Khi cầu nguyện, chúng ta đã sử dụng “không khí tinh khiết” từ thiên đàng, giữ cho chúng ta không bị mỗi mệ.

“Cầu nguyện luôn” hoặc “cầu nguyện không thôi” nghĩa là gì? (ITe 5:17) chắc chắn đó không có nghĩa là chúng ta phải liên tục lặp lại các bài cầu nguyện, vì Chúa Giê-xu cũng đã cảnh cáo chống lại loại cầu nguyện này (Mat 6:5-15). Đúng hơn, nó có nghĩa là làm cho sự cầu nguyện trở nên tự nhiên như hơi thở vậy. Nếu không có những lúc bệnh hoạn hoặc bị ngạt thở, chúng ta hiếm khi nghĩ đến hơi thở mình. Sự cầu nguyện cũng phải trở nên một thói quen bình thường trong đời sống chúng ta, là “không khí” chúng ta cần có luôn luôn để sống.

Cầu nguyện còn vượt trên những lời của môi miệng, nó là những ước muốn của lòng chúng ta và bởi đó là những khao khát từ đáy lòng. Tấm lòng chúng ta lúc nào cũng có sự khao khát trước mặt Chúa, dù chúng ta chưa hề mở lời. Vì vậy “cầu nguyện không thôi” nghĩa là có những ước muốn thánh khiết trong ý Chúa, hầu chúng ta luôn ở trong mối liên hệ mật thiết với Cha trên trời và cầu xin những ơn phước từ Ngài.

Bạn hãy chọn lựa: bạn muốn cầu nguyện hay muốn bị mỗi mệ?

Bà goá khác với những người được Đức Chúa Trời chọn: Chúa Giê-xu không nói rằng con cái Đức Chúa Trời giống bà goá này, nhưng Ngài phán điều ngược lại. Vì không như bà goá, chúng ta phải dạn dĩ trong sự cầu nguyện. Chúa lập luận từ điều nhỏ đến điều lớn hơn: “Nếu bà goá nghèo kia còn được một quan án ích kỷ chiếu cố đến, lẽ nào con cái Đức Chúa Trời lại chẳng nhận được nhiều phước hạnh từ nơi Cha trên trời là Đấng đầy lòng yêu thương?” Hãy suy ngẫm những tương phản này. Trước hết, người đàn bà goá này chỉ là một người lạ, nhưng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời được Ngài chăm sóc (Lu 11:13). Người đàn bà goá không có cơ hội nào đến gần quan toà, nhưng con cái Chúa có cơ hội dễ dàng để đến với Ngài bất cứ lúc nào khi cần được cứu giúp (Eph 2:18 3:12 He 4:14-16 10:19-22). Người đàn bà không bè bạn nơi toà án, không ai giúp bà ghi vụ kiện vào sổ án. Bà chỉ có thể đi tới lui bên ngoài trại xử, than thở và kêu cầu lớn tiếng với quan toà. Khi người tin Chúa cầu nguyện, ngay trên thiên đàng họ có Đấng Christ là Đấng cầu thay (IGi 2:1) và là Thầy tế lễ thượng phẩm (He 2:17-18) lúc nào cũng cầu thay họ trước ngai Đức Chúa Trời. Khi cầu nguyện, chúng ta có thể mở lời bằng cách kể ra những lời hứa của Đức Chúa Trời, nhưng bà goá lại không có lời hứa nào khi cố gắng thuyết phục quan toà nghe lời kiện của mình. Chúng ta không chỉ có những lời hứa thành tín của Đức Chúa Trời mà còn được Đức Thánh Linh giúp đỡ trong sự cầu xin của mình (Ro 8:26-27). Có lẽ sự tương phản lớn nhất, đó là bà goá đã đến toà án của luật pháp, còn con cái Đức Chúa Trời

đến trước “ngôi ơn phước” của Ngài (He 4:14-16). Bà goá cầu xin vì sự nghèo khổ, còn chúng ta được Đức Chúa Trời dành sẵn mọi của báu đáp ứng nhu cầu chúng ta (Phi 4:19). Điểm được nêu lên thật rõ ràng nếu không cầu nguyện, tình trạng thuộc linh của chúng ta chẳng khác chi một bà goá nghèo khổ. Điều này nhắc nhở chúng ta phải cầu nguyện luôn!

Quan án khác với Cha trên trời: Nếu bạn không hiểu rằng Chúa muốn đưa ra những tương phản này, bạn chắc sẽ cho rằng phải “lý luận” hay “đút lót” điều gì đó cho Đức Chúa Trời mới mong được nhậm lời cầu xin! Đức Chúa Trời không giống vị quan án, vì Ngài là một người Cha đầy lòng yêu thương luôn chú ý đến lời kêu xin của chúng ta, ban cho ròi rộng, đáp ứng mỗi nhu cầu và sẵn sàng nhậm lời khi chúng ta kêu cầu Ngài. Lý do duy nhất khiến quan án giúp bà goá, đó là vì bà có thể sẽ “làm nhức đầu” ông sẽ làm mất uy danh của ông. Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện của chúng ta vì vinh hiển Ngài và vì lợi ích của chúng ta, Ngài không hề bực bội khi chúng ta đến với Ngài.

Vậy chúng ta giải thích thế nào về “sự trì hoãn” trong những sự nhậm lời, đặc biệt khi Chúa Giê-xu phán rằng Đức Chúa Trời sẽ “vội vàng xét lẽ công bình” (Lu 18:8). Hãy nhớ rằng “sự trì hoãn” của Đức Chúa Trời không phải là sự thụ động nhưng là “sự trì hoãn có dự tính”. Ngài luôn đáp lời cầu xin, bằng không thì Ro 8:28 chắc không thể có trong Kinh Thánh! Đức Chúa Trời hành động qua mọi việc trong mọi lúc, hiệp mọi sự lại để hoàn thành mục đích Ngài, khi chúng ta cầu xin theo ý Chúa (IGi 5:14-18) là lúc Ngài bắt đầu hành động. Có thể bây giờ chúng ta không hiểu được, nhưng rồi có một ngày chúng ta sẽ nhận được sự nhậm lời.

Câu hỏi ở c.8 có liên hệ với điều Chúa Giê-xu dạy ở Lu 17:22-37. “...Con người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chăng?” Thời kỳ sau rốt sẽ không phải là thời kỳ người ta có đức tin mạnh mẽ. Có 8 người được cứu trong đời Nô-ê và chỉ 4 người thoát khỏi Sô-đôm (trong đó một người bị hư mất trên đường đi). Đoạn này giống với ý tưởng ở ITi 4:1-5 và IITi 3:1-9, vẽ lên một bức tranh u tối của thời kỳ sau rốt!

2. Người Pha-ri-si tự lừa dối mình (Lu 18:9-14)

Trong thời gian thi hành chức vụ, Chúa Giê-xu từng vạch trần sự giả hình và vô tín của người Pha-ri-si (Lu 11:39-54). Ngài mô tả họ như những con nợ của Đức Chúa Trời không có khả năng trả nợ (7:40-50), như những khách mời cố dành cho được chỗ ngồi cao nhất (14:7-14) và như những đứa con tự hào mình vâng lời cha nhưng không hề quan tâm đến nhu cầu của người khác (15:25-32). Đáng buồn thay khi người Pha-ri-si tự lừa dối mình và cho rằng Chúa Giê-xu đã nói sai về họ. Câu chuyện này minh họa cho bản chất họ.

Người Pha-ri-si tự dối trong sự cầu nguyện, vì ông ta cầu nguyện với chính mình và nói với Đức Chúa Trời (và bất cứ ai khác đang nghe) rằng ông là người tốt như thế nào. Người Pha-ri-si dùng sự cầu nguyện như một phương diện để có được sự tôn trọng của quần chúng, chứ không phải như một sự thờ phượng thuộc linh nhằm làm vinh hiển Đức Chúa Trời (Mat 6:5 23:14).

Người Pha-ri-si dối chính bản thân, vì cho rằng Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận ông vì những việc ông làm cùng những điều ông đã giữ. Người Do Thái phải kiêng ăn một lần trong năm vào ngày lễ chuộc tội (Le 16:29) nhưng ông đã kiêng ăn 2 lần trong một

tuần. Ông dâng 1/10 mọi của cải, dù là những cây được thảo nhỏ bé trong vườn nhà (Mat 23:23)!

Người Pha-ri-si cũng ngộ nhận về người thu thuế cùng đứng cầu nguyện trong đền thờ. Người Pha-ri-si nghĩ rằng người thu thuế là một đại tội nhân, nhưng khi trở về nhà, người thu thuế được Đức Chúa Trời xưng công bình, còn người Pha-ri-si chỉ thoả mãn ý riêng mình. “Được xưng công bình” nghĩa là được Đức Chúa Trời xem là người công bình qua sự chết của Chúa Giê-xu trên thập tự (Ro 3:19-4:25)

Người thu thuế cứ đấm ngực vì biết rõ nan đề lớn nhất của mình. Ông cầu xin sự thương xót của Đức Chúa Trời vì biết những trọng tội ông đã gây ra, nhưng người Pha-ri-si do thiếu hiểu biết nên cảm thấy sung sướng trong lòng. Sự kiêu ngạo, kết án người Pha-ri-si, nhưng đức tin đơn sơ của người thu thuế đã cứu ông (Lu 14:11 Es 57:15). Đây là sự lặp lại hình ảnh đứa con hoang đàng và người con cả (Lu 15:11).

3. Chúa Giê Xu với con trẻ (Lu 18:15-17)

Tương phản với hình ảnh người Pha-ri-si kiêu ngạo là những con trẻ được đem đến gần Chúa Giê-xu (Lu 18:15-17). Người Do Thái có lệ hay đem các trẻ nhỏ đến các thầy dạy luật để được chúc phước đặc biệt. Thật kỳ lạ khi các môn đệ Chúa ngăn cản điều này. Có lẽ họ nghĩ rằng Chúa đã mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi, hoặc có thể họ cho rằng Ngài không để ý đến trẻ con. Suy nghĩ của họ sai lầm biết bao! Đây không phải là lần đầu tiên các môn đệ muốn đuổi dân chúng đi. Họ muốn để đám đông bị đói khát, nhưng Chúa đã cho đoàn dân ăn (Mat 14:15). Các môn đệ cố ngăn cản người đàn bà Ca-na-an cầu xin Chúa chữa lành bệnh con gái bà (Mat 15:24), nhưng Chúa đã nhậm lời bà. Vào thời điểm ấy, 12 sứ đồ vẫn chưa có lòng thương xót như Thầy họ.

Chúa muốn chúng ta trở nên giống như con trẻ (chớ không phải có tính trẻ con, thiếu hiểu biết): một con trẻ hư hỏng mình họa cho sự hạ mình, đức tin và sự tin cậy ý thức luôn ngạc nhiên trước sự vật làm cho cuộc sống sinh động. Cách duy nhất để bước vào Nước thiên đàng là phải trở nên như một con trẻ và phải được tái sinh (Gi 3:1-16). Nếu người Pha-ri-si kiêu ngạo kia giống 1 con trẻ, hẳn ông ta đã được xưng công bình khi ra khỏi đền thờ.

4. Người trai trẻ thiếu trung thực (Lu 18:18-34)

Có lẽ vị quan trẻ này là người duy nhất trong các sách Phúc Âm (Mat 19:20) đã đến với Chúa Giê-xu và ra đi trong tình trạng tệ hại hơn lúc anh ta đến. Tuy vậy, anh ta là người có nhiều điều tốt. Anh ta được biết đến như một người đạo đức, tin kính, sốt sắng, thành tâm và có lẽ đủ tiêu chuẩn là một thành viên trong giáo hội. Tuy nhiên anh đã từ chối đi theo Chúa Giê-xu và ra đi với tâm trạng buồn rầu vô cùng.

Điều gì đã xảy đến với anh? Thật đơn giản: sự thiếu trung thực! Dù đã đến với đúng Người, đặt một câu hỏi chính đáng và được trả lời thoả đáng, nhưng anh đã quyết định sai lầm. Vì sao? Vì anh không trung thực với Đức Chúa Trời hoặc với chính mình. Vì vậy anh không thể làm điều Chúa bảo. Anh là chàng trai nông nổi, nói một đằng và làm một nẻo. Hãy suy ngẫm về những lãnh vực thiếu trung thực của anh ta.

Quan điểm về Đấng Christ (Lu 18:18-19): Những người dạy đạo được người ta gọi là Thầy, nhưng thật khác thường nếu một thầy được gọi là “nhơn lành”. Người Do Thái dành từ này cho Đức Chúa Trời (Thi 25:8 34:8 86:5 106:1). Điều này cho thấy lý do Chúa Giê-xu hỏi người trai trẻ về ý nghĩa anh muốn dùng khi nói đến từ đó, vì nếu

anh thực sự tin Chúa Giê-xu là Đấng “nhơn lành”, vậy anh phải xưng nhận Ngài là Đức Chúa Trời. Khi hỏi câu này, Chúa Giê-xu không muốn chối bỏ Thần tánh Ngài, ngược lại Ngài muốn xác nhận điều đó. Ngài muốn thử lòng người trai trẻ xem anh ta có thực sự hiểu điều mình vừa nói hay không.

Thái độ kế tiếp của người trai trẻ chứng tỏ anh ta không tin rằng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời. Nếu thực sự nghĩ rằng mình đang ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời toàn năng, vậy tại sao anh ta lại khôn khéo bàn luận về luật pháp, khoe khoang về phẩm hạnh mình và không muốn vâng theo lời Chúa chắc chắn anh biết rằng Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng và biết tất cả.

Quan điểm về tội lỗi (Lu 18:20-21): Anh ta cũng có suy nghĩ rất hời hợt về tội lỗi của chính mình. Dĩ nhiên người trai trẻ này thật lòng muốn giữ trọn luật pháp. Thực ra, đây là vấn đề khiến anh ta chạy đến với Chúa Giê-xu (Ga 3:24). Chúa không trích dẫn luật pháp trước mặt anh ta như một phương cách cứu rỗi, bởi vì sự vâng phục luật pháp không cứu được chúng ta. Ngài để luật pháp trước mặt anh ta như một chiếc gương bày tỏ tội lỗi của anh (Ro 3:19-20 Ga 2:21 3:21).

Tuy nhiên, người trai trẻ này nhìn vào chiếc gương luật pháp thấy mình chẳng có “tì vết” chi trong đời sống. Khi đưa ra điều răn kế tiếp, Chúa không trích dẫn điều răn cuối cùng “ngươi chớ tham...” (Xu 20:17). Chúa biết lòng anh ta cho nên thay vì dạy anh ta về sự tham lam, Ngài bảo anh làm một điều mà một người hà tiện chẳng làm được. Không ai được cứu bởi bố thí của cải cho kẻ nghèo, nhưng cũng không ai được cứu lại không ăn năn và từ bỏ tội lỗi mình. Người trai trẻ này bị sự tham tiền chi phối nên không thể đi theo Chúa.

Quan điểm về sự cứu rỗi (Lu 18:22-27): Người trai trẻ này cho rằng sự sống đời đời đến với những ai làm một điều gì đó (18:18) giống như kiểu phô trương của người Do Thái (18:9-12). Nhưng khi Chúa Giê-xu bảo anh ta làm một việc, anh không vâng phục! Anh ta muốn được cứu rỗi dựa trên những điều kiện của chính mình chớ không phải của Đức Chúa Trời. Vì vậy, anh ta ra đi trong sự buồn bực tột cùng.

Các môn đệ ngạc nhiên khi Chúa Giê-xu tuyên bố rằng người giàu có rất khó được cứu. Là người Do Thái, họ tin rằng sự giàu có là dấu hiệu ơn phước từ Đức Chúa Trời. Họ nêu lý do: “Nếu người giàu khó được cứu, vậy chúng tôi đây còn hy vọng gì chẳng?” John D. Rockefeller có lẽ cũng đồng tình với họ, vì ông cho rằng sự giàu có là “một sự ban cho từ trời”, có ý nghĩa như “Đây là con yêu dấu của ta, làm đẹp lòng ta”.

Không phải giàu có khiến con người không vào được thiên đàng, vì Áp-ra-ham, Đa-vít, Sa-lô-môn cũng là những người giàu có. Bị chi phối bởi của cải và nhờ cậy nơi nó, sẽ khiến người giàu khó được cứu. Của cải khiến con người có cảm giác giả tạo về sự thành công và an toàn. Khi con người thoả mãn với chính mình, sẽ không cần đến Đức Chúa Trời.

Lời nói của Phi-e-rơ trong Lu 18:28 cho thấy ông có cái nhìn đầy tính toán khi theo Chúa “Vậy thì chúng tôi sẽ được chi?” (Mat 19:27). Chúa hứa ban cho họ phước hạnh trong đời sống và phần thưởng ở đời sau. Đồng thời, Ngài cũng cho họ biết trước về sự thương khó và sự chết của Ngài sắp tới. Sao Phi-e-rơ lại có thể nghĩ đến vấn đề được mất của cá nhân khi Chúa mình sắp phải đến Giê-ru-sa-lem để chịu đóng đinh?

Câu chuyện về vị quan trẻ giàu có này là một lời khuyên cho những ai muốn theo Chúa nhưng không dám đánh đổi những giá trị khác hoặc không dám từ bỏ lối sống

riêng của mình. Chúa Giê-xu không bảo mỗi người phải bán mọi của cải để bố thí cho kẻ nghèo, nhưng Ngài thật sự không hài lòng với những điều chúng ta thiếu trung thực trong đời sống mình.

5. Người ăn mày có lòng tin mạnh mẽ (Lu 18:35-43)

Ma-thi-ơ cho chúng ta biết có 2 người mù gặp Chúa Giê-xu khi Ngài ra khỏi thành Giê-ri-cô (Mat 20:29-30), nhưng Lu-ca giới thiệu cho chúng ta một người ăn mày mù tên là Ba-ti-mê kêu cầu Chúa khi Ngài đến thăm Giê-ri-cô. Có 2 thành Giê-ri-cô, một thành phố đã bị đổ nát và một thành phố mới được xây dựng cho vua Hê-rốt đại đế. Hai thành cách nhau một dặm đường. Một trong 2 người mù đã la lớn khi họ ngồi tại cửa thành mới, vì vậy không có sự mâu thuẫn nào giữa các sách (Mac 10:46).

Thời ấy, mù loà thường là một sự tàn tật vô phương cứu chữa và người mù chỉ biết đi ăn mày. Hai người này không phải bị mù từ thuở lọt lòng mẹ, vì họ cầu xin “được sáng mắt lại” (Lu 18:41) (Mat 20:34). Họ lớn tiếng nài xin Chúa bất chấp những trở ngại họ đang gặp phải: không khả năng thấy Chúa, bị đám đông chống đối, không được Chúa đáp lời ngay. Họ không muốn để Chúa đi qua mà trước tiên không nghe họ nài xin sự thương xót nơi Ngài.

Sự kiện họ gọi Chúa là “con vua Đa-vít” một danh hiệu của Đấng Mê-si-a, cho thấy 2 người Do Thái này biết Chúa có thể khiến kẻ mù được sống (Es 35:5 Lu 4:18). Chúa đáp lại đức tin họ và chữa lành họ. Thật là một sự thay đổi kỳ diệu! Từ bóng tối, họ bước qua ánh sáng. Họ đã thay đổi từ kẻ ăn mày thành người đi theo Chúa, từ khóc than đến ca ngợi Chúa. Họ cùng gia nhập vào đám đông theo Chúa đến Giê-ru-sa-lem và cất cao giọng ngợi khen Ngài.

Thật là một khác biệt rõ rệt giữa người ăn mày và vị quan trẻ (Lu 18:18-27). Những người ăn mày rất nghèo nay trở nên giàu có, trong khi vị quan trẻ kia trở nên nghèo nàn mãi mãi. Những người ăn mày không có chi để khoe khoang nên họ công khai thừa nhận nhu cầu mình. Nhưng vị quan trẻ lừa dối chính mình và khoe khoang về đạo đức mình. Anh ta không tin Chúa nên ra đi cách buồn rầu, còn những người ăn mày tin nhận Chúa, đi theo Ngài và vui mừng dâng lời ca ngợi. “Ngài đã làm cho kẻ đói được đầy thức ngon, và đuổi kẻ giàu có về tay không” (Lu 1:53).

Những mẫu người chúng ta xem trong đoạn này khích lệ chúng ta đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu, cho dù kẻ khác nói gì hay làm gì. Người đàn bà goá không nản lòng bởi thái độ lạnh nhạt của quan án. Người thu thuế cũng không xấu hổ trước thái độ kiêu ngạo của người Pha-ri-si. Những cha mẹ đã đem con trẻ đến với Chúa Giê-xu bất chấp thái độ ích kỷ của các sứ đồ, và những người mù chạy đến với Chúa dù đám đông bảo họ câm nín. Chúa luôn đáp lại đức tin và ban thưởng cho những ai có lòng tin cậy Ngài.

Người trai trẻ giàu có là một gương cho những ai chỉ cậy nơi đạo đức riêng để được cứu. Qua anh ta, chúng ta thấy một con người có thể đến gần sự cứu rỗi nhưng cũng có thể bỏ đi vì vô tín. John Bunyan kết thúc cuốn sách của ông mang tựa đề “Thiên lộ lịch trình với lời khuyên: “Tôi thấy có một con đường dẫn đến địa ngục, dù từ cổng thiên đàng cũng như từ thành phố huỷ diệt”. Bạn hãy để tâm đến lời cảnh cáo ấy!

18. ĐẾN GIÊ-RU-SA-LEM (Lu 19:1-48)

Khi Christopher Columbus thực hiện chuyến du hành về hướng Tây năm 1492, ông giữ 2 cuốn sổ lộ trình, trong đó có một cuốn ghi sai chi tiết. Ông muốn các thuộc hạ tin rằng họ đang đến gần đất liền hơn. Rõ ràng, Columbus xem tinh thần của thủy thủ đoàn còn quan trọng hơn uy tín của người thuyền trưởng.

Khi Chúa Giê-xu đến Giê-ru-sa-lem, Ngài cho môn đệ biết những việc sẽ xảy đến nhưng họ không hiểu ý Ngài (Lu 18:31-34). Một số người nghĩ rằng Ngài đến Giê-ru-sa-lem để giải phóng dân Y-sơ-ra-ên khỏi ách thống trị của La Mã và dẫn họ vào Nước Trời. Số khác vẫn theo Chúa cốt chỉ muốn xem phép lạ Ngài sắp làm. Qua đoạn này, Lu-ca tập trung vào chính Chúa Giê-xu khi Ngài bày tỏ chính mình qua 3 công tác:

1. Đấng Christ tìm kiếm kẻ hư mất (Lu 19:1-10)

Tên Xa-chê nghĩa là “người công bình” nhưng vị quan thu thuế này không sống đúng với tên của mình. Cộng đồng tôn giáo Do Thái ở Giê-ru-sa-lem dĩ nhiên chẳng xem ông là người công bình, bởi ông không chỉ thu thuế người bản xứ mà còn làm việc cho kẻ ngoại bang ô uest! Những kẻ thu thuế vốn bị mang tiếng xấu vì đã thu tiền trộm hơn qui định. Càng thu được nhiều, họ càng hưởng lợi bấy nhiêu (Lu 3:12-13). Dù dưới mắt người Do Thái, Xa-chê là kẻ bội đạo, nhưng đối với Chúa Giê-xu ông là một tội nhân hư mất “quý báu”.

Thật thú vị khi xem những đổi thay của Xa-chê trong ngày hôm ấy. Tất cả là vì Chúa Giê-xu đã đến thành Giê-ri-cô.

Một người trở nên con trẻ: Ở phương Đông, hiếm có chuyện một người lớn chạy đặc biệt là một viên chức chính phủ giàu có. Vậy mà Xa-chê đã chạy ra đường như cậu bé con bám theo đoàn người, lại còn leo cả lên cây! Tò mò hẳn là tính của đa số trẻ con, ấy vậy mà trong ngày đó Xa-chê đã bị thôi thúc bởi sự tò mò.

John Calvin nói rằng: “Tính tò mò và giản dị là khởi điểm của niềm tin”. Câu nói ấy đúng với trường hợp của Xa-chê. Sao người ta tụ tập đông thế? Họ theo Chúa Giê-xu Na-xa-rét nào? Mình có cơ hội không?

Chúa Giê-xu phán: “Ai không nhận lãnh Nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì sẽ không được vào đó” (Lu 18:17). Có lẽ hơn bất cứ điều gì, chính lòng kiêu ngạo đã khiến những người “thành công” trong cuộc sống không muốn tin cậy Chúa Giê-xu.

Người tìm kiếm đã được tìm thấy: Xa-chê muốn tìm gặp Chúa (Lu 19:3), nhưng Chúa mới chính là Đấng tìm kiếm ông (19:10). Đúng ra không tội nhân nào tìm kiếm Chúa (Ro 3:11). Khi tổ phụ chúng ta phạm tội, họ trốn mặt khỏi Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã đến tìm họ (Sa 3:1-10). Khi Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất, Ngài tìm kiếm kẻ hư mất. Hôm nay, Đức Thánh Linh cũng tìm kiếm tội nhân qua Hội Thánh Ngài.

Chúng ta không biết Đức Chúa Trời đã hành động ra sao trong lòng Xa-chê để chuẩn bị cho ông gặp Chúa. Phải chăng Lê-vi trước đây cũng là người thu thuế, bạn của Xa-chê? (Lu 5:27-39). Lê-vi chắc đã kể cho Xa-chê nghe về Chúa Giê-xu? Lê-vi đã cầu nguyện cho Xa-chê? Hay Xa-chê đã chán nản với của cải và mong ước điều gì đó tốt đẹp hơn? Chúng ta không thể hiểu được, nhưng có thể vui mừng vì Đấng Christ là Đấng tìm kiếm luôn luôn tìm gặp tội nhân nào mong đợi một sự đổi mới.

Con người “bé nhỏ” trở nên “cao lớn”: Người thấp bé, không có khả năng chen vào đám đông, đó không là trở ngại đối với Xa-chê. Ông tìm mọi cách khắc phục khiếm khuyết của mình khi quên đi giá trị của mình và leo lên cây. Trong ý niệm thuộc linh, chúng ta đều “thấp bé” vì “mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (Ro 3:23) không ai đạt được tiêu chuẩn cao của Đức Chúa Trời. Chúng ta quá “thấp bé”, nên không thể vào được thiên đàng.

Thật buồn thay khi có nhiều tội nhân nghĩ rằng họ “cao lớn”. Họ “đo” bản thân bằng thước đo của “loài người”: tiền tài, địa vị, quyền thế, danh vọng. Đó là những điều “gớm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời” (Lu 16:15). Họ nghĩ mình có mọi thứ nhưng thực sự không có gì (Kh 3:17).

Xa-chê tin nhận Chúa Giê-xu và trở nên “con cháu thật của Ap-ra-ham” nghĩa là con của đức tin (Ro 4:12 Ga 3:7). Bạn cũng có thể đạt đến sự “cao lớn” như vậy!

Kẻ nghèo nàn trở nên giàu có: Người đời nghĩ rằng Xa-chê là kẻ giàu có, nhưng ông thực sự chỉ là một tội nhân “trắng tay” cần được Đức Chúa Trời ban cho sự sống đời đời, là sự ban cho “đắt giá” nhất trên đời. Đây là câu chuyện duy nhất trong 4 sách Phúc Âm nói về việc Chúa Giê-xu đích thân vào nhà người khác và minh họa cho lời ở Kh 3:20.

Xa-chê được cứu không phải vì đã hứa làm việc thiện, nhưng vì ông đã đáp lại sự nhơn từ của Chúa bằng đức tin. Tin nhận Chúa Giê-xu, ông bày tỏ đức tin mình khi hứa sẽ đền bồi cho những ai ông làm thiệt hại. Đức tin cứu được con người còn giá trị hơn những lời thiêng liêng và cảm xúc nhiệt thành. Đức tin tạo nên một mối liên hệ sống động với Đấng Christ và khiến đời sống được đổi mới (Gia 2:14-16).

Theo luật Môi-se, nếu kẻ trộm cắp nào tự nguyện thú tội, phải bồi hoàn lại vật ăn cắp và trả thêm 1/5 giá trị của vật ấy, sau đó đem của lễ chuộc sự mắc lỗi dâng cho Chúa (Le 6:1-7). Nếu ai ăn cắp vật gì mà không thường lại được, phải trả gấp 4 lần (Xu 22:1), nếu vật ăn cắp còn ở trong tay, phải bồi hoàn gấp 2 (Xu 22:4). Xa-chê không hề tranh luận về những điều khoản của luật pháp, ông muốn trả một giá cao nhất, vì tấm lòng ông thực sự đã được đổi mới.

Con cái Đức Chúa Trời vốn rất giàu có, vì Ngài là Đấng ban “mọi phước thiêng liêng” trong Chúa Giê-xu (Eph 1:3). Chúng ta đều giàu có về sự thương xót và ân điển Đức Chúa Trời (Eph 1:3 2:4) cũng như giàu có về sự khôn ngoan thông biết của Ngài (Phi 4:19 Ro 11:33). Đó là “sự giàu có không dò được”, không ai hiểu tường tận và sự giàu có ấy chẳng bao giờ cạn kiệt (Eph 3:8).

Chủ trở nên khách: Chúa Giê-xu tự mời Ngài vào nhà Xa-chê còn Xa-chê rất hoan hỉ đón tiếp Ngài. Vui mừng là một trong những đề tài chính trong Phúc Âm Lu-ca. Từ này xuất hiện hơn hai mươi lần với những dạng khác nhau. Kinh nghiệm về sự cứu chuộc chắc chắn phải sản sinh sự vui mừng trong lòng người tin.

Xa-chê đã trở thành vị khách trong ngôi nhà của mình, vì giờ đây Chúa Giê-xu là Chủ của ông. Ông sẵn sàng vâng theo mọi điều Chúa bảo để bày tỏ một chứng có thật trước mọi người. Hẳn Chúa Giê-xu bị chỉ trích vì đã viếng thăm nhà kẻ thu thuế (Lu 5:27-32), nhưng Ngài không chú ý đến lời nói của họ. Những kẻ chỉ trích cũng cần được cứu rỗi, nhưng họ không muốn tin nhận Chúa.

Khi một ngày mới bắt đầu, bạn chẳng bao giờ biết nó sẽ kết thúc ra sao. Đối với Xa-chê, ngày hôm ấy đã kết thúc trong mối liên hệ đầy vui mừng với Con Đức Chúa

Trời, vì ông đã là người được thay đổi với một đời sống mới. Chúa Giê-xu đang tìm kiếm những tội nhân hư mất và mong được cứu rỗi họ. Ngài đã tìm thấy bạn chưa?

2. Vị chủ thưởng công cho người trung tín (Lu 19:11-27)

Lễ Vượt Qua là thời gian gây xúc động cho dân Do Thái, nhắc họ nhớ lại sự giải cứu khỏi ách nô lệ ở Ai Cập - Lễ diễn ra hằng năm càng làm buồn lòng những kẻ khốn khổ sống dưới ách La Mã, khiến họ ao ước có một Đấng giải cứu. Dĩ nhiên, có những nhóm phá hoại như nhóm những kẻ cuồng tín, sử dụng sách lược du kích để chống lại Rô-ma. Những nhóm chính trị ủng hộ Hê-rốt đã thoả hiệp với Rô-ma, nhưng đa số dân Do Thái chống đối các đường lối đó. Họ muốn Đức Chúa Trời thực hiện những lời tiên tri trong Cựu Ước và ban cho họ một vua đã hứa.

Chúa Giê-xu biết có nhiều người mong thấy Ngài lập một vương quốc mới nên Ngài dùng câu chuyện này để giải thích mọi sự. Dĩ nhiên nhiều người khi nghe chuyện này đã liên tưởng đến biến cố trong lịch sử Do Thái xảy ra đã lâu. Khi vua Hê-rốt đại đế qua đời năm 4 TC, ông để lại xứ Giu-đê cho con trai là A-chê-lau, người phải đến Rô-ma để xin chuẩn nhận sự kế vị này. Vì không muốn A-chê-lau làm vua, dân Do Thái cử 50 người đến trình bày duyên cớ của họ trước Sê-sa Au-gút-tơ, người đã phê chuẩn sự kế vị này nhưng không ban cho A-chê-lau tước vị của “vua”.

Chúa Giê-xu giải thích rằng Nước Ngài sẽ không đến ngay lập tức, nhưng tôi tớ Chúa phải trung tín làm những việc được giao ngay bây giờ. Qua câu chuyện, bạn sẽ thấy có 3 thái độ hưởng ứng của đầy tớ đối với Chủ.

Trung tín vâng lời: Mỗi đầy tớ nhận được một khoản tiền tương đương với 3 tháng lương của người làm công, vì vậy hôm nay bạn có thể ước tính trị giá của nó. Các đầy tớ có thể dùng tiền để đầu tư kiếm lợi hoặc mua mặt hàng nào đó để bán lại có lời. Điều quan trọng là họ phải trình cho chủ nhiều hơn số tiền được giao. Làm gì với số tiền tùy thuộc vào mỗi người, miễn sao họ hành động chính đáng và đem lại ích lợi.

Chúng ta chỉ biết về 3 người trong số 10 đầy tớ. Người thứ nhất đã thành công, anh ta giao cho chủ thêm 10 nén bạc. Người thứ hai làm lợi ra 5 nén và cả 2 được Chủ thưởng công. Họ đều trung tín làm việc dù không được chủ hứa ban phần thưởng và không có gì đảm bảo rằng Chủ sẽ trở về, chưa kể đến việc Chủ có dành được vương quốc hay không!

Câu chuyện về các ta lạng (Mat 25:14-30) và câu chuyện về các nén bạc tương tự nhau, nhưng không nên lẫn lộn giữa các bài học này. Trong câu chuyện này, mỗi người trong số 10 đầy tớ nhận được một khoản tiền như nhau nhưng phần thưởng khác nhau, còn trong câu chuyện về các ta lạng, các đầy tớ nhận được các khoản tiền khác nhau nhưng cùng hưởng một phần thưởng, sự hài lòng và vui mừng của Chúa (Mat 25:21).

Câu chuyện về các ta lạng dạy ta phải trung tín với những sự ban cho khác nhau khi Đức Chúa Trời ban cho chúng ta cơ hội hầu việc Ngài. Một số người có nhiều tài năng, vì vậy Chúa ban cho họ nhiều cơ hội. Điều quan trọng không phải khả năng của bạn được bao nhiêu, nhưng chính là mức độ trung tín của bạn ra sao khi sử dụng những gì mình có trước mặt Chúa. Người dù có ít khả năng nhất nhưng nếu trung tín cũng sẽ nhận được cùng một phần thưởng như người lãnh đạo giáo hội có khả năng nhất.

Trong câu chuyện về các nén bạc, mỗi đầy tớ được giao một khoản tiền giống nhau, có lẽ tượng trưng cho sứ điệp Phúc Âm (ITe 2:4 ITi 1:11 6:20). Sự ban cho và khả năng của chúng ta khác nhau, nhưng công việc chúng ta làm giống nhau: rao truyền Lời Chúa khắp thế gian (ITe 1:8 ITe 3:1). Trong ngày lễ Ngũ tuần, chỉ có 120 tín hữu nhóm lại (Cong 1:15), nhưng cuối ngày có thêm 3.000 người (2:41). Và không lâu sau đó lại thêm 5000 người. Đó cũng là lúc các nhà cầm quyền Do Thái vu cáo các môn đệ về tội làm cho Giê-ru-sa-lem đầy dẫy đạo Đức Chúa Trời! (Cong 5:28).

Khi đề cập đến việc làm chúng, các tín hữu đều có khởi đầu giống nhau, vì vậy phần thưởng tùy thuộc vào sự trung tín và thành quả. Những đầy tớ trung tín được giao cai quản các thành khác nhau. Phần thưởng cho sự trung tín luôn là được giao thêm công việc! Đúng là sự khen thưởng có kèm theo sự giao phó trông coi nhiều thành! Hôm nay, cách chúng ta hầu việc Chúa sẽ giúp xác định phần thưởng và nhiệm vụ mình khi Chúa đến lập vương quốc Ngài trên đất. Ngay bây giờ, sự trung tín là bước chuẩn bị cho công tác hầu việc Chúa được đầy ƠN.

Sự bất trung: Có ít nhất 1 trong 10 đầy tớ không vâng lời chủ nên mất cả nén bạc đã có. Đây cũng là nguyên tắc cơ bản trong đời sống Cơ Đốc nhân: bỏ qua cơ hội mình có đồng nghĩa với sự mất phần thưởng và đặc quyền phục vụ Chúa. Nếu không chịu sử dụng sự ban cho của Chúa theo hướng dẫn của Ngài, vậy chúng ta còn cần chi đến sự ban cho ấy? Ai cũng có thể phát triển những khả năng mình có để tôn vinh Đức Chúa Trời (Mat 13:12 Lu 8:18).

Charles Haddon Spurgeon nói: “Thật vậy, người ngay lành và trung tín luôn được ban ƠN và có nhiều cơ hội phục vụ, còn kẻ bất trung càng ngày càng lún sâu trong sự tẻ nhạt”. Chúng ta nếu không rèn luyện bản thân tốt hơn, sẽ mất những gì mình đã đạt được, vì trong niềm tin không hề có sự thụ động như vậy”.

Người đầy tớ này bất trung vì anh ta có suy nghĩ không đúng về chủ mình. Anh xem chủ như người nghiêm khắc và bất công nên không yêu mến chủ. Anh chỉ sợ chủ và sợ bản thân không làm hài lòng chủ. Sợ bị mất nén bạc khiến chủ nổi giận, anh ta giữ nén bạc ấy để ít nhất cũng có một cái gì đó trình chủ nếu chủ trở về yêu cầu “tính sổ”. Thật đáng buồn nếu Cơ Đốc nhân bị chi phối bởi sự sợ hãi giống như tôi tớ hơn sự yêu mến tin cậy Chúa. Cơ Đốc nhân phải có sự “kính sợ Chúa” đúng nghĩa của nó, “kính sợ” là thái độ kính mến của một người con đối với cha chứ không phải sự sợ hãi của kẻ làm tôi tớ. Tấn sĩ A.W.Tozer nói: “Không điều gì huỷ hoại linh hồn hơn một quan niệm thiển cận về Đức Chúa Trời”. Hết lòng làm theo ý muốn Đức Chúa Trời mới thật là điều quan trọng! (Eph 6:6).

Sự nổi loạn: “Công dân” hay “kẻ thù” (Lu 19:14,27) được nhắc đến ở đầu và cuối câu chuyện là một phần quan trọng, vì đa số dân chúng trong đám đông ngày ấy đều thuộc 1 trong 2 trường hợp đó. Khi Chúa Giê-xu đến gần thành Giê-ru-sa-lem, chỉ sau vài ngày Ngài sẽ nghe đám đông la lớn rằng: “Chúng tôi không có vua khác chỉ Sê-sa mà thôi!” (Gi 19:15) nghĩa là “chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi!”

Đức Chúa Trời tỏ lòng nhân từ Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên khi ban cho họ gần 40 năm phước hạnh trước sự đoán phạt xảy đến (Lu 19:41-44). Đây cũng là lời cảnh cáo cho những ai chối từ Chúa, cả người Do Thái lẫn người ngoại, nên chúng ta phải cẩn thận! Bởi vì khi Chúa được cất lên trời, Ngài kêu gọi con người ở mọi nơi ăn năn tin nhận Ngài. Những đầy tớ trung tín vâng phục chủ vì họ tin cậy chủ và muốn làm đẹp lòng chủ. Đầy tớ bất trung không làm theo lời chủ vì chỉ sợ chủ (nhưng không có lòng

yêu mến). Những công dân chống nghịch vì họ ghét vua mình (Lu 19:14), Chúa Giê-xu trích dẫn Thi 69:4 và phán với môn đệ: “Họ ghét ta vô cớ” (Gi 15:25).

Hôm nay chúng ta đang sống trong thời kỳ của Lu 19:14-15 khi Chủ chúng ta đi vắng nhưng sẽ trở về như lời Ngài hứa. Chúng ta đều đã được giao làm một nhiệm vụ, phải trung tín cho đến khi Ngài trở lại. Vua sẽ phán gì với chúng ta khi Ngài trở lại? Đó là phần thưởng hay sự trừng phạt? “Vả lại, cái điều người ta trông mong nơi người quản trị là phải trung thành” (ICo 4:2).

3. Vị vua đem đến hoà bình (Lu 19:28-48)

Theo lịch truyền thống, những sự kiện trong tuần lễ thi hành chức vụ cuối cùng của Chúa Giê-xu xảy ra như sau:

Chúa nhật - Vào thành Giê-ru-sa-lem trong sự ngợi khen

Thứ hai – Dẹp sạch đền thờ

Thứ ba - Biện luận với các chức sắc Do Thái

Thứ tư - Nghỉ ngơi

Thứ năm - Chuẩn bị lễ Vượt Qua

Thứ sáu – Bị xử án và bị đóng đinh

Thứ bảy – Nằm trong mồ má

Chúa nhật- Chúa sống lại từ cõi chết

Xin bạn nhớ rằng một ngày của người Do Thái đi qua ở thời điểm mặt trời lặn, vậy chiều thứ năm của chúng ta sẽ là thứ sáu của họ - đó là ngày lễ Vượt Qua.

Chuẩn bị (Lu 19:28-36): Các chủ lừa và lừa con là những gì đã được chuẩn bị sẵn cho Chúa. Công việc được thực hiện cách âm thầm vì các chức sắc tuyên bố rằng nếu ai xưng nhận Chúa Giê-xu sẽ bị rút phép thông công (Gi 9:22). Việc các chức sắc tìm phương giết Chúa quan trọng hơn cả việc chủ lừa được bảo vệ (Gi 7:1,19,25 8:37 11:47-57).

Chúng ta nghĩ về con lừa như một con vật thấp hèn, nhưng đối với người Do Thái nó là con vật được vua sử dụng (IVua 1:33,44). Chúa Giê-xu cỡi trên con lừa (Lu 19:35) trong khi những người khác đi theo. Con lừa này chưa được ai cỡi lên trước đó, giờ đây được dành cho Chúa Giê-xu. Điều này cho thấy Ngài là Đấng có quyền trên tạo vật Ngài đã dựng nên. Người ta trải áo trên đường đi, dùng lá kè đón Ngài. Đó là một phần nghi thức tiếp đón hoàng gia theo truyền thống Do Thái.

Đón mừng (Lu 19:37-40): Đây là lần duy nhất Chúa Giê-xu công khai bày tỏ chính Ngài. Ngài làm vậy với ít nhất 2 lý do. Trước hết, Ngài muốn làm trọn lời tiên tri bày tỏ Ngài là vua Y-sơ-ra-ên (Xa 9:9). Chúng ta không biết có bao nhiêu người trong đám đông hiểu được điều này dù họ hưởng ứng bằng lời ca ngợi trích từ sách Thi Thiên nói về Đấng Mê-si-a (Thi 118:25-26). Chắc hẳn nhiều người đến dự lễ Vượt Qua nghĩ rằng Chúa Giê-xu sẽ đánh đuổi quân xâm lược La Mã và lập một vương quốc hùng mạnh. Lý do thứ 2 là Chúa muốn thúc đẩy các chức sắc Do Thái phải hành động. Họ mong bắt được Ngài sau lễ Vượt Qua (Mat 26:3-5), nhưng chính Đức Chúa Trời đã định trước rằng Con Ngài phải bị giết vào lễ Vượt Qua, bởi vì “Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi thế gian đi” (Gi 1:29 ICo 5:7). Mọi cố gắng để bắt Chúa

trước đó đều thất bại, vì “giờ Ngài chưa đến” (Gi 7:30 8:20 Gi 13:1 17:1). Khi thấy lễ mừng long trọng này, họ biết mình phải hành động, và với sự hợp tác đầy “thiện chí” của Giu-đa, nan đề của họ đã được giải quyết (Mat 26:14-16).

Ý nghĩa của lễ mừng này là “sự bình an”. Bác sĩ Lu-ca mở đầu sách Phúc Âm với lời loan báo của thiên sứ, “bình an dưới đất” (Lu 2:14), và đây là lễ mừng về sự “bình an trên trời”. Bởi Vua đã bị khước từ, nên không thể có bình an dưới đất, thay vào đó là sự xung đột gay gắt, dai dẳng giữa Nước Trời và vương quốc của ma quỷ (Lu 12:49-53). Sẽ không thể có bình an trên đất, nhưng nhờ công tác của Đấng Christ trên thập giá, đã có sự hoà thuận với Đức Chúa Trời ở trên trời (Ro 5:1 Co 1:20). Lời khuyên dành cho chúng ta hôm nay là “Hãy hoà thuận lại với Đức Chúa Trời” (II Co 5:17-21).

Lời than vãn (Lu 19:41-44): Trong khi dân chúng vui mừng, thì Chúa Giê-xu lại khóc! Đây là lần thứ hai Chúa khóc công khai trước nhiều người. Lần thứ nhất Ngài đã khóc trước phần mộ La-xa-rơ (Gi 11:35). Trước mộ La-xa-rơ, Ngài âm thầm khóc nhưng giờ đây Ngài cất tiếng than khóc như người khóc kẻ chết vậy. Ngài hành động giống như tiên tri Giê-rê-mi đã khóc cay đắng về sự huỷ phá thành Giê-ru-sa-lem (Gie 9:1 Ca thương). Giô-na nhìn thành Ni-ni-ve với hy vọng nó sẽ bị huỷ diệt (Gios 4:1-24 trong lúc Chúa Giê-xu nhìn Giê-ru-sa-lem và khóc vì nó đã tự huỷ diệt mình.

Dù nhìn ở bất cứ phương diện nào, Chúa cũng có nguyên nhân để khóc. Nếu nhìn ngược về quá khứ, Ngài thấy dân tộc này đã bỏ lỡ biết bao cơ hội họ có và không hề nhận thức về thời gian họ được thăm viếng. Nếu nhìn “bên trong”, Ngài thấy họ mù loà về thuộc linh. Họ cần phải biết Ngài là ai, vì Đức Chúa Trời đã ban cho họ Lời Ngài và sai những sứ giả Ngài đến để dọn đường.

Khi nhìn xung quanh, Chúa thấy hoạt động tôn giáo chẳng làm được điều gì ích lợi. Đền thờ đã trở thành “cái hang trộm cướp” và các chức sắc tôn giáo trở thành những kẻ muốn giết Ngài. Thành phố đầy đầy những kẻ mộ đạo đến dự lễ, nhưng trong lòng mang gánh nặng tội lỗi cùng những khổn khó trong đời sống.

Khi nhìn về tương lai, Chúa khóc vì Ngài thấy sự đoán phạt khủng khiếp sắp xảy đến cho dân tộc này, thành phố này và đền thờ này. Vào năm 70 SC, quân La Mã đã kéo đến vây thành và sau 143 ngày vây hãm đã giết 600.000 người Do Thái, bắt giữ hàng ngàn người, phá huỷ đền thờ và thành phố Giê-ru-sa-lem. Vì sao mọi điều này đã xảy đến? Vì dân tộc này đã không biết Đức Chúa Trời thăm viếng họ! “Ngài đến trong xứ mình, nhưng dân mình chẳng hề nhận lấy” (Gi 1:11) “Chúng tôi không muốn người này cai trị chúng tôi” (Lu 19:14)

Lời buộc tội (Lu 19:45-48): Chúa Giê-xu trọ trong thành Bê-tha-ni qua đêm (Mac 21:17) và Ngài đến thành Giê-ru-sa-lem vào sáng sớm hôm sau. Đó cũng là lúc Ngài quở trách cây vả (Mac 11:12-14) và sau đó Ngài dẹp sạch đền thờ (Gi 2:13-22). Sân của dân ngoại là nơi duy nhất trong đền thờ được dành riêng cho họ. Ở đó người Do Thái có thể giảng đạo cho những người lân cận vô thần và cho họ biết về một Đức Chúa Trời hiện hữu. Nhưng thay vì để dành riêng cho việc truyền giảng Lời Chúa, nơi đây đã được sử dụng như một “cái chợ tôn giáo” để những người Do Thái từ các nơi đến đổi bạc và mua bán các con sinh tế. Các thầy tế lễ cũng “dự phần” vào việc kinh doanh này và kiếm được một món lợi lớn.

Thay vì phải cầu nguyện cho dân sự, các thầy tế lễ đã “bóc lột” họ! Đền thờ đã không còn là “nhà cầu nguyện” (Es 56:7) mà trở thành “hang trộm cướp” (Gie 7:11). Campell Morgan nhắc ta nhớ rằng “hang trộm cướp” là nơi ẩn náu của kẻ cướp sau

khi đã phạm tội ác. Những chức sắc tôn giáo muốn dùng sự phục vụ trong đền thánh để che đậy tội lỗi mình (Es 1:1-20). Tuy nhiên, trước khi lên án họ gay gắt, chúng ta hãy nhìn lại xem đã có bao giờ chúng ta đi nhà thờ, tham dự sự thờ phượng chỉ cốt để cho người ta biết mình là người “tin kính”?

Chúa Giê-xu ở lại trong đền thờ và xem đền thờ là nơi nhóm lại của những con người cần được giúp đỡ. Ngài chữa lành nhiều người bệnh tật, dạy họ Lời Đức Chúa Trời. Các chức sắc tôn giáo giả hình tìm cách giết Ngài, nhưng giờ Ngài chưa đến nên họ không thể tra tay trên Ngài. Trong những ngày kế tiếp, họ biện luận với Ngài để bắt bẻ lời Ngài (Lu 20:1-47), nhưng họ đã thất bại. Khi giờ Ngài đến, Ngài sẽ chịu để họ bắt và đóng đinh.

Con Đức Chúa Trời dạn dĩ đã để mặt Ngài “cứng như đá” khi đến Giê-ru-sa-lem. Trong tuần lễ cuối cùng thi hành chức vụ trên đất, Ngài dạn dĩ đối mặt với kẻ thù và can đảm bước lên thập tự giá chịu chết cho tội lỗi của thế gian.

Ngài vẫn đang kêu gọi chúng ta: hãy có lòng dạn dĩ!

19. NHỮNG VẤN ĐỀ VÀ CÂU GIẢI ĐÁP (Lu 20:1-47)

Chúa Giê-xu đã cho các sứ đồ biết trước sự chống nghịch bắt bớ họ sẽ gặp khi đến Giê-ru-sa-lem. “Con người phải chịu nhiều điều khốn khổ, phải bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo bỏ ra, phải bị giết, ngày thứ ba phải sống lại” (Lu 9:22). Chúa biết rõ những điều sẽ xảy đến, Ngài không hề nao núng.

Qua đoạn này, bạn sẽ thấy 3 nhóm chức sắc tôn giáo (20:1) cùng chứng cớ họ nghịch Chúa. Họ thách thức Ngài vì Ngài đã dọn dẹp đền thờ và gọi họ là “trộm cướp”. Họ cố bắt bẻ lời Ngài để vu cáo và bắt Ngài như một tội phạm. Những câu hỏi họ đặt ra cho Chúa chỉ là “trò lừa đảo”. Từ “bỏ ra” trong 9:22 (tương tự 20:17) có nghĩa như “loại bỏ sau khi kiểm nghiệm”. Dân Do Thái kiểm nghiệm các chiên con dành cho lễ Vượt Qua rất cẩn thận (từ ngày mùng 10 đến ngày 14) để đảm bảo chúng không tì vết (Xu 12:1-6). Là Chiên Con của Đức Chúa Trời (Gi 1:29), Chúa Giê-xu cũng bị kẻ thù dò xét suốt tuần lễ cuối cùng. Dù đã thấy và nghe mọi điều, họ vẫn muốn “loại bỏ” Ngài. Tuy nhiên, Ngài cũng muốn dò xét họ! Khi chất vấn Ngài, họ bị Ngài đặt câu hỏi lại, và lời đáp của họ phơi bày tấm lòng tối tăm, đầy thù hận và vô tín. Những câu hỏi của Chúa nhằm vào 4 nhân vật:

1. Câu hỏi về Giảng Báp-tít (Lu 20:1-19)

Việc dọn dẹp đền thờ là sự kiện gây ấn tượng mạnh mẽ khiến dân chúng chú ý đến, cũng như khơi dậy lòng tức giận của giáo hội. Việc Chúa chọn đền thờ làm trung tâm dạy dỗ dân chúng cũng khiến một số viên chức của toà công luận phần nộ. Họ đặt câu hỏi “Bởi thẩm quyền nào mà thầy làm những điều này? Hay là ai đã ban cho thầy thẩm quyền ấy?”

Thẩm quyền có ý nghĩa quyết định sự thành công của một tổ chức xã hội, chính trị hay tôn giáo, không có thẩm quyền, bạn sẽ gặp trở ngại. Các thầy tế lễ cả khẳng định thẩm quyền của họ từ Môi-se, vì luật pháp chọn dòng Lê-vi hầu việc trong đền thánh. Các thầy thông giáo khẳng định thẩm quyền của họ từ các giáo sư họ học. Các trưởng lão của Y-sơ-ra-ên là người đứng đầu các thị tộc, được chọn lựa do có kinh nghiệm và khôn ngoan. Những nhóm người này đều biết chắc thẩm quyền mình nên họ không ngại đối đầu với Chúa. Họ muốn đẩy Chúa vào thế khó xử để dù Ngài trả lời

thế nào đi nữa Ngài vẫn bị mắc bẫy. Nếu Chúa nói Ngài không có thẩm quyền nào, Ngài sẽ bị dân Do Thái phản đối vì đã xâm phạm đền thờ và hành động như một tiên tri. Nếu nói thẩm quyền đến từ Trời, Ngài sẽ gặp rắc rối với người La Mã, những kẻ luôn cảnh giác với những người tự xưng là Đấng Mê-si-a đặc biệt trong kỳ lễ Vượt Qua (xem Cong 5:34-39 21:37-39).

Bạn hãy chú ý đến phản ứng đầy khôn ngoan của Chúa khi Ngài xoay chuyển mọi vấn đề và dồn những kẻ chất vấn Ngài vào thế “phòng thủ”. Trước hết, Ngài đặt một câu hỏi (Lu 20:3-8) kể đến cho một ví dụ (20:9-16) và sau cùng Ngài trích dẫn lời tiên tri (20:17,18). Trong mọi phản ứng, Ngài vạch trần tội lỗi của dân Y-sơ-ra-ên.

Tội khước từ trong quá khứ (Lu 20:3-8) Chúa nhắc về Giăng Báp-tít với 2 lý do: lý do thứ nhất, Giăng đã làm chứng về Chúa Giê-xu cho dân sự tộc (Gi 1:15-34). Vì vậy việc họ chối bỏ Giăng cũng đồng nghĩa với sự chối bỏ Chúa. Thứ hai, theo nguyên tắc thuộc linh, nếu chúng ta không vâng theo lẽ thật đã biết, thì Đức Chúa Trời không thể bày tỏ cho chúng ta lẽ thật nào khác (Gi 7:14-17). Tại sao Chúa phải trả lời câu hỏi của họ khi họ không tin lời Giăng?

Giờ đây chính các chức sắc tôn giáo mới thật là những kẻ ở thế “tiến thoái lưỡng nan”. Dù trả lời ra sao, họ vẫn gặp “rắc rối” nên họ quyết định “giả câm” và chẳng nói gì. Họ gian dối khi đặt câu hỏi với Chúa và thiếu thành thật khi trả lời Ngài. Dù Chúa đã trả lời họ, vẫn không khiến lòng họ thay đổi. Nếu đã không tin thông điệp Đức Chúa Trời qua Giăng Báp-tít (đc Lu 7:24-30), họ cũng sẽ không tin lời của Con Đức Chúa Trời. Đó là ý chính của ví dụ Chúa nêu ra.

Tội chống nghịch trong hiện tại (Lu 20:9-16) Những người này biết Kinh Thánh và hiểu rằng Chúa nói về “vườn nho” của Y-sơ-ra-ên (Es 5:1-7 Thi 80:8). Đức Chúa Trời đã ban phước dư dật cho dân tộc này, Ngài cho họ một miền đất phì nhiêu và hấp dẫn. Ngài chỉ muốn họ vâng theo mệnh lệnh Ngài và dâng cho Ngài “hoa lợi thuộc linh” xứng đáng.

Thay vì có lòng biết ơn và vui mừng dâng lên Chúa những gì thuộc về Ngài, dân này đã phản nghịch Chúa và giết các đấng tiên tri của Ngài (Ne 9:26 Gie 7:25-26 25:4). Đức Chúa Trời đầy lòng nhậm nhục đã sai từng tội tớ đến với họ nhưng họ không tin theo (Mat 23:29-39). Sau cùng, Ngài sai chính Con yêu dấu của Ngài (Lu 3:22) nhưng cũng bị họ giết đi. Qua câu chuyện này, Chúa cũng báo trước về sự chết của Ngài.

Theo luật Do Thái, ai cũng có thể giữ tài sản vô chủ. Những kẻ thuê đất nghĩ rằng chủ đã chết nếu không thì ông hẳn đã đích thân đến. Nếu giết con trai của chủ, họ có thể giành lấy vườn nho cho mình. Đây chính là cách suy nghĩ của các chức sắc tôn giáo khi họ đối diện với Chúa Giê-xu (Gi 11:47-54).

Sự tàn rụi trong tương lai (Lu 20:17-18) Chúa nhìn chăm vào họ và trích dẫn Thi 118:22. Các nhà lãnh đạo biết rằng đây là Thi thiên nói về Đấng Mê-si-a và họ đã từng nghe dân chúng la lớn những lời ấy khi Chúa cỡi lừa tiến vào thành Giê-ru-sa-lem (Lu 19:38 Thi 118:22). Khi áp dụng lời Kinh Thánh cho chính mình, Chúa tuyên bố công khai Ngài là Đấng Mê-si-a. Dĩ nhiên, những “thợ xây nhà” là các chức sắc Do Thái này (Cong 4:11).

Trong Cựu Ước, “đá” là biểu tượng chỉ về Đức Chúa Trời và về Đấng Mê-si-a (Sa 49:24 Xu 17:6 33:22 Phu 32:4,15,30-31 Es 8:14 28:16 ICo 10:4). Bởi vô tín, dân Do

Thái đã “ngã nhằm” Ngài và bị đoán phạt. Những ai tin nơi Chúa Giê-xu đều nhận biết Ngài là “nền” và “đá góc nhà” của Hội Thánh (ICo 3:11 Eph 2:20).

Chúa Giê-xu cũng nhắc đến Da 2:34-35,44-45 Đấng Mê-si-a được hình dung như “hòn đá đập vỡ” nghiền nát tất cả mọi thứ trên đường đi. Ngài cảnh cáo những nhân viên toà công luận rằng họ chỉ tự huỷ diệt mình nếu lên án Ngài. Nguyên tắc này vẫn áp dụng cho hôm nay và những ai vô tín nên cẩn thận chú ý đến lời khuyên cáo này.

Khi giết Giăng Báp-tít các nhà lãnh đạo đã phạm tội nghịch với Đức Chúa Trời là Đấng đã sai ông đến, khi đóng đinh Chúa Giê-xu, họ phạm tội nghịch với Con Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu cho họ biết rằng họ vẫn được tha thứ nếu chỉ phạm tội nghịch Ngài, nhưng sẽ không có sự tha thứ nếu phạm tội nghịch cùng Đức Thánh Linh (Mat 12:24-37). Vì sao? Bởi đó là chứng cứ cuối cùng Đức Chúa Trời bày tỏ cho dân này. Các nhà lãnh đạo Do Thái đã phạm tội gọi là “tội không thể tha thứ” khi họ chối bỏ chứng cứ về Thánh Linh của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua các sứ đồ. Việc ném đá Ê-tiên là bằng chứng về sự chống nghịch của họ (Cong 7:51-60). Sau đó, Phúc Âm của Đức Chúa Trời từ dân Do Thái đã đến với dân Sa-ma-ri (Cong 8:1-40) và dân ngoại (Cong 10:1-48).

Qua câu chuyện, Chúa Giê-xu bày tỏ bản chất ngấm ngầm của tội lỗi: chúng ta càng phạm tội, bản chất tội lỗi càng trở nên tệ hại hơn. Những kẻ thuê đất trong câu chuyện chỉ bắt đầu bằng hành động làm bị thương các đầy tớ nhưng sau cùng chúng đã trở thành những kẻ sát nhân! Các quan trưởng Do Thái ra lệnh giết Giăng Báp-tít, muốn Chúa Giê-xu phải bị đóng đinh và sau đó chính họ đã ném đá Ê-tiên. Họ phạm tội nghịch với Đức Chúa Trời, Con Ngài và Đức Thánh Linh - chứng cứ cuối cùng Đức Chúa Trời tỏ cùng họ.

Thật sai lầm biết bao nếu chối bỏ lời Đức Chúa Trời và không tin các tội tớ Ngài (He 2:1-4 Gi 12:35-43)!

2. Câu hỏi về Sê-sa (Lu 20:20-26)

Chúa Giê-xu biết rằng những kẻ hỏi Ngài là do thám của người Pha-ri-si và đảng Hê-rốt (Mac 12:13), nhưng Ngài vẫn kiên nhẫn nghe và đáp lời họ. Hai nhóm người này luôn công kích nhau nhưng nay do họ có chung một “kẻ thù” nên họ phải hợp tác nhau. Họ muốn bàn luận về vấn đề thuế và quyền hạn của La Mã, mang kích động Chúa nghịch với người Do Thái (“Hãy đóng thuế”) hoặc người La Mã (“đừng đóng thuế”). Nhưng Chúa đã đưa vấn đề này lên một mức suy nghĩ thâm thúy và buộc những kẻ do thám này phải suy nghĩ về mối liên hệ giữa Nước Trời và nước của loài người.

Nhà cầm quyền được Đức Chúa Trời lập ra nên chúng ta phải tôn trọng (Ch 8:15 Da 2:21,37-38 Ro 13:1-14 IPhi 2:11,17). Chúng ta là công dân Nước Trời (Phi 3:20) và là khách lữ hành trên đất. Tuy nhiên, điều ấy không có nghĩa là chúng ta có thể làm ngơ đối với bốn phận trên đất của mình. Chính quyền của con người rất cần thiết cho một xã hội an ninh trật tự, vì con người vốn là tội nhân cần phải được kiểm soát.

Chúa không muốn nói rằng chúng ta “phân tán” sự trung thành của mình giữa Đức Chúa Trời và chính quyền. Vì “các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định” (Ro 13:1) nên chúng ta phải sống như những công dân mẫu mực khi vâng phục những bậc cầm quyền theo ý Chúa. Nếu sự vâng phục Đức Chúa Trời mâu thuẫn với loài người, vậy chúng ta phải đặt Đức Chúa Trời lên trên mọi sự (Cong 4:19-20 5:29), nhưng hãy

hành động với thái độ khiêm nhường và yêu thương. Dù không thể tôn trọng những người trong cơ quan, chúng ta phải tôn trọng cơ quan đó. Lời của Giê-rê-mi khuyên dân Do Thái bị lưu đày ở Ba-by-lôn cũng là một lời khuyên hữu ích đối với những “khách lữ hành” của Đức Chúa Trời hôm nay (Gie 29:4-7): “Hãy tìm sự bình an cho thành!”

Hình và hiệu của Sê-sa ở trên đồng tiền, nên nó đúng là tiền của Sê-sa. “Đóng thuế” đơn giản có nghĩa là trả cho Sê-sa những gì thuộc về ông ta. Hình ảnh Đức Chúa Trời được ấn chứng trên chúng ta nên Ngài có quyền điều khiển đời sống chúng ta, như những công dân của riêng Ngài. Chúng ta phải cố gắng trở nên những công dân gương mẫu hầu làm sáng danh Đức Chúa Trời và khiến những người chưa tin biết đến Phúc Âm của Đức Chúa Trời và muốn trở thành Cơ Đốc nhân (IPhi 2:9-12 3:8-17).

Thật bất hạnh cho những tín hữu có suy nghĩ sai lầm rằng càng trở thành những công dân bị chê bai, họ càng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và là chứng nhân cho Đấng Christ! Đừng làm trái với lương tâm, nhưng hãy là những người đem đến sự hoà bình chớ đừng là kẻ gây rối. Đa-ni-ên là một gương cho chúng ta noi theo (Da 1:1-21).

3. Câu hỏi về Môi-se (Lu 20:27-40)

Người Sa-đu-sê xen vào với một câu hỏi có tính giả thuyết dựa trên luật Do Thái liên quan đến lãnh vực hôn nhân (Sa 38:1-30 Phu 25:5-10). Người Sa-đu-sê chỉ chấp nhận 5 sách của Môi-se chớ không tin có thiên sứ, các thần hay sự sống lại từ cõi chết (Cong 23:8). Họ tuyên bố rằng Môi-se không hề viết gì về những giáo lý này. Những người Sa-đu-sê thường giữ vào chức tế lễ ở Y-sơ-ra-ên, nên đó là lý do các thầy tế lễ nghịch lại lời giảng về sự sống lại của các sứ đồ (Cong 4:1,2) cũng như vì sao họ muốn giết La-xa-rơ khi ông sống lại từ cõi chết (Gi 12:10-11).

Chúa bày tỏ sự sai lầm của những kẻ nghịch Ngài và cho thấy câu hỏi của họ đã giới hạn quyền năng Đức Chúa Trời và chối bỏ Lời Ngài. Sự sống lại không phải là một sự tái thiết, nhưng là sự ban cho kỳ diệu của Đức Chúa Trời khi thân thể chúng ta được đổi mới, không giống với bản chất của thân thể cũ. Phao-lô so sánh thân thể hiện tại của chúng ta với hạt giống được gieo ra, và thân thể khi sống lại với hoa và quả vinh hiển (ICo 15:35-50). Khi Chúa Giê-xu sống lại, Ngài vẫn có hình thể như trước khi Ngài chịu chết nhưng lại khác biệt! Các môn đệ có thể nhận ra Ngài, ngay cả rờ Ngài Ngài có thể ăn nhưng cũng có thể đi xuyên qua cửa, thay đổi hình dạng và biến mất bất ngờ.

Cuộc sống đời sau với Chúa không chỉ là sự tiếp nối đời này ở “mức cao hơn”. Chúng ta sẽ vẫn là chính mình, có thể nhận biết nhau, nhưng sẽ không có sự chết nữa. Vì vậy sẽ không cần có sự cưới gả hay sinh con. Cơ Đốc nhân không trở thành các thiên sứ. Ở thiên đàng, chúng ta sẽ mang hình ảnh của Chúa Giê-xu và địa vị chúng ta còn cao hơn các thiên sứ nữa! (IGi 3:2). Trong Kinh Thánh các thiên sứ xuất hiện như con người, nhưng họ ở thể thần linh và không có bản năng giới tính. Về mặt này, chúng ta sẽ giống họ, không cưới gả và sinh sản trên thiên đàng.

Đức Chúa Trời há không đủ quyền năng khiến kẻ chết sống lại và ban cho họ thân thể mới phù hợp với môi trường mới sao? Nếu hôm nay Ngài có thể ban cho mọi tạo vật Ngài hình dạng khác nhau, vậy sao Ngài lại không thể ban cho con người thân thể

mới khi họ sống lại” (ICo 15:35-44). Khi làm ra vẻ “sáng suốt”, người Sa-đu-sê đã chối bỏ chính quyền năng của Đức Chúa Trời!

Chúa Giê-xu đã vượt quá lý lẽ con người khi nhắc họ nhớ lại lời Đức Chúa Trời đặc biệt là sự kiện xảy đến với Môi-se được chép ở sách Xu 3:1-22. Đức Chúa Trời xưng Ngài là Đức Chúa Trời của Ap-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Ngài chứng thực 3 vị thánh tổ này đang sống. Nếu họ sống, vậy họ hẳn đã không ở trong thể xác cũ vì họ đã chết trước đó (Gia 2:26). Phải có một thể giới thần linh thực hữu, nếu không Môi-se đã chẳng viết những lời này (Môi-se cũng xác nhận sự thực hữu của các thiên sứ: Sa 19:1,15 28:12 32:1).

Chúa Giê-xu phán rằng Xu 3:6,15,16 không chỉ dạy lẽ thật về sự sống sau khi chết mà còn về sự sống lại, không bằng lời trực tiếp như mang ý nghĩa sâu xa của những điều ấy. Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của con người toàn vẹn - tâm thần, linh hồn và thân thể (ITe 5:23). Vì Ngài đã dựng nên toàn vẹn con người, Ngài không chỉ cứu linh hồn chúng ta rồi bỏ mặc phần còn lại thuộc con người chúng ta. Bản chất vốn có trong sự sáng tạo của Ngài là quan tâm đến mọi mặt của con người. Vì vậy, Ngài không để chúng ta phải “hồn lìa khỏi xác” mãi mãi, nhưng ban cho chúng ta thân thể vinh hiển thích hợp với sự hoàn mỹ ở thiên đàng.

Một vấn đề khác, đó là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời với 3 vị thánh tổ này. Ngài hứa ban cho họ và con cháu họ những phước hạnh trên đất, nhưng Ngài không thể làm trọn lời hứa nếu dân sự Ngài chỉ muốn sống đời đời như những linh hồn không có xác. Có thể nào tồn tại một trời mới và đất mới vinh hiển mà không có sự vinh hiển về thể xác dành cho con cái Đức Chúa Trời?

Chúa Giê-xu xác nhận những điều người Sa-đu-sê chối bỏ: sự tồn tại của thiên sứ, sự thực hữu của đời sống sau khi chết, sự sống lại ở đời sau. Ngài xác nhận điều này dựa trên sách của Môi-se. Dĩ nhiên Ngài có thể dẫn chứng những đoạn Kinh Thánh khác nói về sự sống lại ở đời sau, nhưng Ngài đã giải đáp cho những kẻ chống nghịch Ngài dựa trên chính lý lẽ họ đưa ra. (Giop 14:14 19:25-27 Thi 16:9-10 17:15 Es 26:19 Exe 37:1-28 Da 12:2).

4. Câu hỏi về Đa-vít (Lu 20:41-47)

Khi người Pha-ri-si nhóm nhau lại, Chúa Giê-xu hỏi họ câu cuối cùng: “Về Đấng Christ, các ngươi nghĩ thế nào? Ngài là con ai?” (Mat 21:41-42). Đây là câu hỏi quan trọng dành cho mọi thời đại và mỗi cá nhân, vì sự cứu rỗi và số phận đời đời của chúng ta tùy thuộc vào suy nghĩ của chúng ta về Đấng Christ (IGi 2:21-25 4:1-6 5:1).

Dĩ nhiên, họ đều biết câu trả lời sẽ là “Con vua Đa-vít” dựa trên các câu Kinh Thánh ở IISa 7:13-14 Es 11:1 Giê 23:5. Đức Chúa Trời đã định trước rằng Đấng Mê-si-a phải thuộc dòng Đa-vít, sanh trong thành Đa-vít tức Bết-lê-hem (Mi 5:2). Sự kiện dân Do Thái gắn liền Chúa Giê-xu với Na-xa-rét chớ không phải Bết-lê-hem, chứng tỏ họ không thực sự tìm kiếm những sự kiện có liên quan đến sự giáng sinh của Ngài (Gi 7:40-53).

Sau đó Chúa đề cập đến Thi 110:1-6, một Thi thiên được trích dẫn trong Tân Ước nhiều hơn của Thi thiên khác. Thời bấy giờ, các nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái xem Thi 110 là đoạn Kinh Thánh Đa-vít nói tiên tri về Đấng Mê-si-a. Nếu Đấng Mê-si-a là Chúa của Đa-vít, sao Ngài có thể là Con vua Đa-vít được? Đây thật là điều khó lý giải đối với họ!

Lời giải thích duy nhất đó là: Đấng Mê-si-a là Đức Chúa Trời cũng là Con người. Vì là Đức Chúa Trời hằng hữu, Ngài được gọi là Chúa của Đa-vít, nhưng trong thân vị con người, Ngài là Con vua Đa-vít (Ro 1:3 9:4-5 Cong 2:32-36 13:22-23).

Vào tuần lễ cuối cùng, đoàn dân đông đã gọi Chúa là Con vua Đa-vít nhưng Ngài không quở trách họ (Mat 21:9 Mac 11:10). Khi áp dụng Thi 110:1 cho chính mình, Chúa tuyên bố chính Ngài là Đấng Mê-si-a của giao ước, là Con Đức Chúa Trời. Vậy tại sao người Pha-ri-si không tin Ngài? Bởi lòng họ cứng cõi và mắt họ mù loà (Gi 12:37-50). Họ không đủ con đảm thừa nhận lẽ thật, nên đã bắt bớ những ai đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu. Câu hỏi Chúa đặt ra khiến họ nín lặng (Mat 22:46) và chấm dứt những cuộc chất vấn công khai ấy. Dầu vậy, họ cũng chẳng chịu thua. Vì giả hình và thiếu thành thật, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si là những kẻ nguy hiểm để gần họ, vì vậy Chúa khuyên môn đệ dân chúng cảnh giác đối với hạng người này (Lu 20:45-47 Mat 23:1-39). “Loài người xem bề ngoài, nhưng Đức Giê-hô-va nhìn thấy trong lòng” (ISa 16:7 He 4:12). Các chức sắc tôn giáo chẳng hề khao khát sự thánh khiết của bản thân, chỉ muốn được nổi danh trong thiên hạ. Vì vậy, họ xúng xính trong lễ phục sang trọng, mong người ta chào hỏi và tôn trọng mình cũng như muốn ngồi chỗ “đặc biệt” trong nhà hội.

Có 2 bi kịch đáng nói ở đây. Trước hết, sự giả hình có chủ tâm của các thầy thông giáo chỉ là cái vỏ bên ngoài để họ lừa dối và lợi dụng dân chúng. Trong những thủ đoạn kiếm tiền, thủ đoạn mang hình thức tôn giáo là điều tội tệ nhất. Các chức sắc này đã biến đền thờ Đức Chúa Trời thành “hang trộm cướp” và biến sự quyên góp của tín đồ thành một vở kịch. Dân chúng cho rằng các chức sắc của họ là những con người yêu mến Đức Chúa Trời, thực ra hai chức sắc đó chỉ là những kẻ làm ô uế và huỷ hoại linh hồn người ta (Mat 23:13-36).

Bi kịch thứ hai, đó là họ chối bỏ Đấng Mê-si-a và cố vũ việc đóng đinh Ngài. Họ dẫn dắt dân tộc đi đến chỗ hư mất, vì không muốn thừa nhận tội lỗi mình cũng như không muốn hiểu Chúa Giê-xu là Đấng Christ. Bạn hãy nhớ rằng những con người này là các “học giả” Kinh Thánh, vậy mà họ lại không áp dụng những lẽ thật của Kinh Thánh vào đời sống mình. Niềm tin tôn giáo của họ chẳng qua chỉ là sự tuân thủ lễ nghi bên ngoài, chớ không phải sự biến đổi ở bên trong.

Về phương diện này, theo Mat 23:33-39, một lần nữa Chúa Giê-xu đã than khóc cho những kẻ vô tín mù loà của dân tộc và khóc cho lòng cứng cõi không tin Chúa của họ. Ngài cho họ quá nhiều cơ hội nhưng họ đều bỏ qua. Giờ thì đã quá muộn!

Hôm nay bi kịch này lại tái diễn. Đó là lý do Đức Thánh Linh phán: “Ngày nay nếu các ngươi nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng...” (He 3:7-8).

“...bao nhiêu lần ta muốn... mà các ngươi chẳng khứng!” (Mat 23:37)

20. CÂU HỎI VỀ TƯƠNG LAI (Lu 21:1-38)

1. Câu hỏi của các môn đệ (Lu 21:1-7)

Giờ lại đến lượt các môn đệ Chúa đặt câu hỏi!

Vấn đề bắt đầu lúc có một bà goá vào đền thờ dâng hiến cho Đức Chúa Trời (Lu 21:1-4). So với của cải người giàu, 2 đồng tiền của bà goá chẳng ý nghĩa gì! Nhưng Chúa Giê-xu phán rằng bà goá đã dâng nhiều hơn của cải của mọi người cộng lại. Phần dâng hiến khiêm nhường của bà goá không phải có ý nghĩa rằng chúng ta có thể

dâng phần nhỏ nhất, nhưng là phần tốt nhất trong những gì chúng ta có. Khi tôn vinh “hiến cả thầy cho Ngài”, chúng ta bày tỏ rằng mọi thứ mình có thuộc về Ngài.

Khi chúng ta dâng hiến, Đức Chúa Trời nhìn thấy “sự tương xứng” hơn là “của dâng”. Con người chỉ nhìn thấy “của dâng”, nhưng Đức Chúa Trời nhìn thấy những gì con người còn “giữ lại”, bởi đó Ngài đánh giá được của lễ và tấm lòng chúng ta. Winston Churchill nói rằng: “Chúng ta kiếm sống bằng những gì mình kiếm được, nhưng sống bằng những gì mình dâng hiến”. Có lẽ ông đã học được điều này từ Chúa Giê-xu (Lu 6:38) hoặc từ Phao-lô (ICo 8:1-15).

Đền thờ được xây cất công phu và tô điểm bằng những vật trang trí đắt giá mà một bà goá nghèo không bao giờ có thể dâng được, nên các môn đệ nhắc Chúa về điều này. Tuy nhiên, Chúa không để tâm đến vấn đề đó. Ngài cho họ biết sẽ có một ngày đền thờ tráng lệ của dân Do Thái sẽ bị phá huỷ (Lu 21:5-6). Ngài cũng báo trước về sự huỷ diệt thành Giê-ru-sa-lem (Lu 19:41-44), nhưng giờ đây Ngài đặc biệt chú ý đến việc đền thờ bị phá huỷ.

Chúa Giê-xu rời khỏi đền thờ và đi đến núi Ô-li-ve. Tại đó, Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng hỏi Ngài 3 câu: khi nào đền thờ sẽ bị phá huỷ? Có điềm gì chỉ về sự Chúa đến? Có điềm chi cho biết các sự đó sẽ hoàn thành? (Mac 13:3,4 Mat 24:3). Các môn đệ nghĩ rằng 3 sự kiện đó sẽ xảy ra cùng một lúc, nhưng Chúa Giê-xu giải thích các sự việc này khác nhau. Theo thực tế, đền thờ sẽ bị phá huỷ trước tiên và sau một thời gian dài Chúa sẽ trở lại để lập vương quốc Ngài trên đất (Lu 19:11-27).

Lời đáp của Chúa bao gồm những điều mà chúng ta gọi là “bài giảng trên núi Ô-li-ve”, một bài giảng về lời tiên tri kỳ diệu nhất của Ngài. Bài giảng được chép chi tiết ở sách Mat 24:1-25:46 và Mac 13:1-37. Vì Lu-ca viết cho dân ngoại nên ông đã bỏ đi một số chi tiết nói về dân Do Thái, nhưng ông vẫn giữ lại những lẽ thật quan trọng mà chúng ta cần xem xét và ứng dụng.

Hãy nhớ rằng đây là thông điệp dành cho dân Do Thái được loan ra từ môi miệng của một người Do Thái, nói tiên tri về tương lai của dân Do Thái. Mặc dù hôm nay có vài điều ứng nghiệm đối với con cái Đức Chúa Trời, nhưng lời tiên tri này nhằm vào Giê-ru-sa-lem, dân Do Thái và đền thờ. Chúa Giê-xu không bàn về sự trở lại của Ngài dành cho Hội Thánh, vì sự kiện này có thể xảy đến bất cứ lúc nào và không cần có điềm báo trước (ITe 4:13-18 ICo 15:51-58). “Người Giu-đa đòi một dấu hiệu” (ICo 1:22) nhưng Hội Thánh trông đợi Cứu Chúa mình (Phi 3:20-21).

Bài giảng tập trung vào một thời kỳ hoạn nạn khi Đức Chúa Trời trút cơn thịnh nộ trên các nước ở thế gian. Nhiều học giả Kinh Thánh cho rằng thời kỳ hoạn nạn ấy sẽ bắt đầu xảy ra khi Chúa ngự đến trên không trung để cất Hội Thánh Ngài lên thiên đàng (ITe 4:13-5:11). Nó sẽ đạt đến điểm đỉnh khi Chúa trở lại trên đất, vào lúc ấy Ngài đánh bại kẻ thù và lập vương quốc Ngài (Kh 19:1-20:6).

Sau đây là những ý chính trong tiến trình của bài giảng hầu giúp ích cho bạn hiểu rõ hơn:

- . *Nửa đầu cơn đại nạn* (Mat 24:4-14 Mac 13:5-13 Lu 21:8-19)
- . *Giữa cơn đại nạn* (Mat 24:15-28 Mac 13:14-18 Da 9:24-27).
- . *Nửa cuối cơn đại nạn* (Mat 24:29-31 Mac 13:19-27 Lu 21:25-27).
- . *Lời cảnh cáo sau cùng* (Mat 24:32-51 Mac 13:28-37 Lu 21:28-36)

Để trả lời câu hỏi của các môn đệ, Chúa phán về 4 vấn đề có liên quan đến tương lai của dân Y-sơ-ra-ên.

2. Mô tả thời đại (Lu 21:8-19)

Những sự kiện Chúa phán có thể xảy đến ở bất cứ thời đại nào của Hội Thánh, vì ngay từ đầu đã có những Đấng Christ giả, những biến động trên thế giới và tình trạng bất bớ Hội Thánh. Tuy vậy, những sự việc này sẽ gia tăng và khốc liệt hơn khi sự tái lâm của Chúa đến gần. Thomas Campbell, nhà thơ người Anh và là nhà giáo dục, thật có lý khi nói rằng: “Những biến cố sắp xảy đến ngả bóng của chúng ở phía trước”.

Sẽ có tình trạng “hoang tưởng” về đạo (Lu 21:8) và thậm chí con cái Đức Chúa Trời cũng rơi vào sự đổ dành ấy. Trái bao thế kỷ, Sa-tan là đũa cám dỗ con người đi sai đường khi nó lừa dối và khiến lòng con người trở nên tăm tối (II Co 11:1-4, 13-15 4:1-6). Dân Y-sơ-ra-ên đã bị các tiên tri giả đổ dành và sa vào tội lỗi Hội Thánh cũng bị các giáo sư giả truyền đạo dối làm hại họ (II Phi 2:1-22).

Con người vốn luôn quan tâm đến tương lai, đặc biệt khi có những sự kiện thế giới đáng lo ngại xảy ra. Vì vậy, những kẻ trục lợi trong lớp vỏ “tôn giáo” có thể bóc lột và lợi dụng họ. Mỗi thời đại đều có những kẻ mạo danh Đấng Christ hoặc tuyên bố thời điểm Chúa tái lâm. Những tiên tri giả này thường “trích dẫn” Kinh Thánh để chứng minh sự chính xác trong lời tiên đoán của họ, bất kể việc Chúa Giê-xu từng phán rõ ràng rằng không ai có thể biết thời điểm tái lâm của Ngài (Mat 24:36-44).

“Các ngươi hãy giữ, kẻo bị cám dỗ!” Đó là lời Chúa khuyên dạy và chúng ta phải ghi vào lòng. Chỉ có một cách duy nhất giữ cho chúng ta sống quân bình, đó là phải hiểu biết Kinh Thánh và vâng theo lời Đức Chúa Trời dạy dỗ (II Phi 3:17-18). Thật đại dột và tai hại nếu chúng ta quá chú tâm đến lời tiên tri, đến nỗi lơ là đối với những vấn đề thực tiễn của đời sống Cơ Đốc nhân. Phước cho những ai sống quân bình!

Tai họa cũng sẽ xảy ra ở mọi nơi trên thế giới (Lu 21:9-11). Một người bạn của tôi còn giữ lại những tư liệu về các trận động đất xảy ra những năm gần đây. Một sinh viên nghiên cứu tiên tri đã liệt kê tất cả các cuộc chiến và những cuộc xâm lấn. Cả hai đều bỏ sót một chi tiết: Chúa phán rằng chiến tranh, động đất, bệnh dịch, và nạn đói không phải là những dấu hiệu Chúa tái lâm ngay. Đó chỉ là những diễn tiến của lịch sử thế giới.

Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu của sự hoạn nạn, những biến cố này sẽ gia tăng và xảy đến ở nhiều nơi. Mat 24:1-14 liệt kê chi tiết các biến cố sẽ xảy ra. Nếu so sánh với Kh 6:1-17, bạn sẽ thấy có điểm tương đồng.

Các biến cố: Christ giả: Mat 24:4-5 Kh 6:1-2 Chiến tranh: Mat 24:6 Kh 6:3-4 Đói kém: Mat 24:7 Kh 6:5-6 Sự chết: Mat 24:8 Kh 6:7-8 Tử đạo: Mat 24:9 Kh 6:9-11 Tội ác: Mat 24:10-13 Kh 6:12-17

Thực ra, sách Khải huyền từ đoạn 6 đến đoạn 19 mô tả chi tiết thời hoạn nạn theo như tiến trình của Mat 24:1-51

- (1). Khởi đầu cơn đại nạn, đoạn 6-9
- (2). Giữa cơn đại nạn, đoạn 10-14,
- (3). Nửa cuối cơn đại nạn, đoạn 15-19.

Chúa phán với con cái Ngài rằng “đừng kinh khiếp!” . Những biến cố này ắt phải xảy đến, không ai có thể ngăn trở được. Điều này không có nghĩa là con cái Chúa sẽ phó mặc cho số phận mình không biết trước, nhưng thay vào đó, họ muốn đầu phục chương trình của một người Cha yêu thương, Đấng hiệp mọi sự lại theo “ý quyết đoán” của Ngài (Eph 1:11).

Sau cùng, sẽ có sự bắt bớ đạo mang tính tập thể (Lu 21:12-15) hoặc cá nhân (21:16-19). Dĩ nhiên, đã có tình trạng bắt bớ kể từ khi Ca-in giết A-bên (Mat 23:34-36 Cong 4:1 5:17 6:9 8:1). Chúa nói trước rằng những ai theo Ngài sẽ chịu khổ (Gi 15:18-16:4,32-33) và hôm nay lời phán ấy đã xảy ra (IITi 3:12). Nhưng sự bắt bớ trong thời kỳ sau rốt sẽ gay gắt hơn và nhiều người sẽ bỏ mình vì Chúa.

Bạn hãy để ý những lời khích lệ của Chúa Giê-xu đối với những người chịu sự bắt bớ. Trước hết, chúng ta hãy nhớ rằng khi bị bắt bớ, chúng ta đã chịu khổ vì danh Chúa (Lu 21:12) và đây là một vinh dự lớn lao của chúng ta (Cong 5:41). Điều quan trọng không ở chỗ người khác nói gì về chúng ta, nhưng quan trọng là danh Đấng Christ phải được vinh hiển.

Điều thứ hai, thời gian chịu sự bắt bớ cho chúng ta cơ hội làm chứng về Chúa (Lu 21:13-15). Các sứ đồ của Chúa đã làm chứng tốt khi họ bị bắt và bị giải đến toà công luận (Cong 4:1-5:42). Những người tử đạo và tội tớ Chúa trải qua các thế kỷ đã noi theo gương của các sứ đồ khi liều mình vì Chúa.

Do bị công khai bắt bớ, chứng nhân của Đức Chúa Trời sẽ đứng trước những bậc quyền thế, và khi việc ấy xảy đến, họ không nên sợ hãi, vì Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ những lời cần nói. Lời hứa này không phải là cơ để các Mục sư, Truyền đạo biếng nhác hoặc các giáo viên trường Chúa nhận không muốn nghiên cứu lời Chúa! Đây là lời yên ủi khích lệ những nhân chứng trung tín của Đức Chúa Trời, biết rằng Ngài sẽ giúp họ khôn ngoan trong lời đối đáp khi cần.

Các thánh đồ không những sẽ bị sự bắt bớ từ phía nhà cầm quyền mà còn gặp phải sự chống đối của gia đình và bạn hữu. Người thân của họ sẽ theo dấu Giu-đa khi xưa, phản bội người thân yêu nào tin nơi Chúa Giê-xu. Sự ghen ghét, bắt bớ, chết chóc sẽ xảy đến với nhiều con cái Chúa suốt thời kỳ hoạn nạn. Tuy nhiên, các con cái Chúa không nên nản lòng vì Đức Chúa Trời là Đấng tể trị mọi sự, không bởi ý Ngài, không sợi tóc nào trên đầu chúng ta bị rơi rớt (Mat 10:28-31). Khi hiểu được điều này, chúng ta có thể chịu đựng sự bắt bớ và đối đầu với sự thử thách bằng đức tin và sự dạn dĩ.

Trong lúc, có nhiều Cơ Đốc nhân không bị sự bắt bớ của nhà cầm quyền và sự chống đối của gia đình, thì có những người khác đã chịu nhiều khổ khổ vì đức tin mình. Điều Chúa phán ở đây là sự khích lệ đối với họ. Một người bạn của tôi hầu việc Chúa ở Đông Âu, và một tín hữu ở Poland nói với ông: “Chúng tôi đang cầu nguyện cho các bạn là những tín hữu ở phương Tây, vì các bạn sống trong điều kiện vô cùng dễ dàng. Xin Chúa giúp các bạn không rơi vào tình trạng thoả hiệp”.

Hãy nhớ rằng những sự kiện Chúa mô tả không phải là dấu hiệu cuối cùng của sự tái lâm, vì đó chỉ là những sự kiện tiếp nối dòng lịch sử của các thời đại. Tuy nhiên, khi thời kỳ Chúa đến gần, những sự việc này sẽ gia tăng cả về số lượng và cường độ của nó. Cho dù chúng ta nhìn nhận ra sao về sự tái lâm của Chúa, chúng ta hãy chú ý lời khuyên của Ngài: “Hãy giữ mình! Đừng sợ! Đừng lo lắng!”

3. Sự phá hủy đền thờ (Lu 21:20-24)

Đoạn này có vẻ đặc biệt trong cách viết của Lu-ca, không giống với Ma-thi-ơ và Mác, mặc dù trong 2 sách ấy cũng có trình bày chi tiết tương tự (Mat 24:16-21 Mac 13:14-17). Tuy nhiên, rõ ràng là Ma-thi-ơ và Mác đề cập đến những biến cố xảy ra trong thời kỳ trọng điểm của sự hoạn nạn, khi “sự tàn nát góm ghiếc” lập ra trong đền thờ Do Thái và An-ti Christ (kẻ cai trị thế giới) sẽ khởi sự bắt bớ Y-sơ-ra-ên (Da 9:24-27 Kh 13:1-18). Chúa Giê-xu khuyên dân sự phải trốn đi, vì sự hoạn nạn lớn sẽ ập đến.

Phúc Âm Lu-ca không đề cập đến biến cố nào xa xôi xảy ra trong thời kỳ đại nạn, nhưng đề cập đến sự kiện La Mã tàn phá thành Giê-ru-sa-lem năm 70 (tức là sau 40 năm) (Lu 19:41-44). Trong nhiều phương diện, biến cố khủng khiếp này giống như “cuộc thử trình diễn trang phục” của điều sẽ xảy đến vào nửa cuối thời kỳ đại nạn (Kh 12:7-17), khi Sa-tan trút cơn giận trên Y-sơ-ra-ên và người ngoại tin Chúa. Sử học gia Do Thái Josephus cho biết có hơn một triệu người bị quân La Mã giết hại, và trên 100.000 người bị bắt làm nô lệ khi Titus chiếm lấy thành.

Đây không phải là lần đầu Giê-ru-sa-lem “bị dân ngoại giày đạp” (Lu 21:24) vì dân Ba-by-lôn đã từng phá huỷ thành năm 586 TC, khi “các kỳ dân ngoại” bắt đầu. Giai đoạn mang đầy ý nghĩa trong chương trình của Đức Chúa Trời sẽ kết thúc khi Chúa Giê-xu tái lâm trên đất, huỷ diệt mọi quyền lực dân ngoại và lập Vương quốc công bình của Ngài (Da 2:34-36,44-45 Kh 19:11).

Các tín hữu hôm nay trông mong Chúa trở lại đều không nên áp dụng các câu 20-24 cho hoàn cảnh của chính mình. Chúa Giê-xu muốn nói về thành Giê-ru-sa-lem năm 70 SC. Mat 24:15-28 và Mac 13:14-23, Ngài phán về tình trạng Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ giữa cơn đại nạn. Vì sự tái lâm của Chúa đối với Hội Thánh Ngài sẽ xảy ra trong chớp mắt (ICo 15:52), nên không ai có thời gian về nhà hoặc lo về ngày nghỉ, hay bận nuôi con cái. Cho đến phần này của sứ điệp, Chúa Giê-xu đã nói cho các môn đệ biết thời gian đền thờ sẽ bị phá huỷ và dấu hiệu của thời kỳ cuối cùng. Giờ đây, Ngài cho họ biết về sự tái lâm của Ngài vào cuối thời kỳ đại nạn.

4. Sự tái lâm của Chúa (Lu 21:25-28)

Kh 15:1-19:21 mô tả những dấu hiệu đoán phạt khủng khiếp do Đức Chúa Trời giáng trên đất vào nửa cuối của “kỳ tai hại của Gia-cốp” (Gie 30:7). Khi những sự việc này xảy ra, tức là ngày Chúa trở lại rất gần. Các nước bị “rúng động” như những cơn sóng lớn mô tả sự xuất hiện và sự sụp đổ của các dân tộc như các lượn sóng giữa cơn bão tố (Thi 46:1-6 Kh 17:15). Đó sẽ là thời kỳ khủng khiếp, dân trên đất sẽ run rẩy khiếp sợ nhưng vẫn không ăn năn tội để tin nhận Chúa (Kh 9:20-21 16:9-11).

Mat 24:29 cho biết mặt trời và mặt trăng tăm tối, các ngôi sao trên trời sa xuống (Es 13:10 34:4 Gio 2:10,31 3:15). Mat 24:30 cho biết “điềm của Con Người sẽ hiện ra trên trời. Chúng ta không biết điềm này là gì, nhưng nó sẽ làm cho các dân tộc trên đất sợ hãi. Chúa Giê-xu sẽ xuất hiện, thì mọi mắt sẽ trông thấy” Ngài (Kh 1:7). Cuối cùng, dân Y-sơ-ra-ên sẽ nhận biết Đấng Mê-si-a, ăn năn tin nhận Ngài và được cứu (Xa 12:10-14 Mac 14:61-62).

Đối với tội nhân, những điềm này gây nỗi sợ hãi khủng khiếp nhưng đối với những ai tin cậy Chúa thì đó là hy vọng trong thời kỳ đại nạn (Kh 7:1-17) vì biết rằng Chúa mình sắp tái lâm. Hôm nay, Cơ Đốc nhân trông đợi Đấng Christ chớ không phải những điềm lạ. Tuy nhiên, khi thấy bóng của những biến cố sắp xảy ra, chúng ta tin rằng sự tái lâm của Chúa đã đến gần.

Đấng Christ sẽ xuất hiện cách bất ngờ trong sự vinh hiển và đại quyền của Ngài (Lu 21:27), như hình ảnh mô tả trong Da 7:13-14, hẳn rất quen thuộc với các môn đệ. Các thiên sứ cũng báo trước rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại như cách Ngài lên trời (Cong 1:9-11) và quả thật như vậy! (Kh 1:7).

Có nhiều người không quan tâm, thậm chí nhạo báng giáo lý tái lâm của Chúa. Họ cho rằng Hội Thánh đã chờ đợi 2.000 năm qua, nhưng Chúa sao vẫn chưa tái lâm? Phi-e-rơ đáp lại sự chế giễu này qua sách IPhi 3:1-18. Ông chứng minh rằng Đức Chúa Trời vẫn giữ lời hứa Ngài dù niềm tin chúng ta ra sao, vì Ngài tính toán thời gian không theo suy nghĩ của con người. Hơn thế, Ngài nhịn nhục hầu cho tội nhân có cơ hội ăn năn tin nhận và sẵn sàng khi Chúa đến. Đối với Hội Thánh sự trì hoãn của Chúa là một thử thách, nhưng đối với tội nhân đây là một cơ hội.

Sau khi trả lời các câu hỏi của môn đệ, Chúa muốn họ ghi nhớ lời dạy Ngài nên Ngài khuyên họ những lời sau cùng: “Hãy tự giữ lấy mình!”, “Hãy tỉnh thức luôn!”

5. Trách nhiệm của người tin Chúa (Lu 21:29-38)

Trong Kinh Thánh, “cây vả” thường là hình ảnh nói về dân Do Thái (Lu 13:6-10 Os 9:10). Một số người nghiên cứu Kinh Thánh giải thích rằng sự kiện Do Thái lập quốc vào ngày 15/5/1948 là “điềm” Chúa sắp tái lâm. Hẳn đây là sự kiện có ý nghĩa khi dân Do Thái giờ đây là một quốc gia độc lập sau hàng bao thế kỷ sống trong ách nô lệ. Nhưng nhóm từ “các cây khác” (Lu 21:29), được luôn thêm vào cho thấy có nhiều quốc gia có liên quan. Có lẽ Chúa Giê-xu muốn nói rằng sự nổi dậy của phong trào dân tộc chủ nghĩa trên thế giới là sự kiện đáng quan tâm. Trong những năm gần đây, hẳn chúng ta đã chứng kiến sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc và sự xuất hiện của một số quốc gia mới. Đây có thể là “điềm” cho biết sự tái lâm của Chúa đã đến gần.

Tuy nhiên, quan điểm chính ở đây là phải biết điều gì đang diễn tiến. Cây nứt lộc chỉ về mùa hạ sắp đến, vậy những điềm này xảy ra cho biết sự tái lâm của Chúa đã đến gần (Lu 12:54-57). Điều quan trọng, người tin Chúa phải biết rằng Đức Chúa Trời luôn thành tín với lời hứa của Ngài, và lời Ngài sẽ không sai trật (Gio 23:14).

Lu 21:32 nói về “thế hệ” nào? Một số người nghi ngờ về việc Chúa sẽ trở lại theo đúng nguyên văn Kinh Thánh nên nghĩ rằng cây này áp dụng cho thế hệ của các sứ đồ. Vì vậy sự tái lâm của Chúa có thể là sự giáng lâm của Đức Thánh Linh vào lễ Ngũ tuần (Cong 2:1-47) hoặc

Vào thời điểm Giê-ru-sa-lem bị tàn phá năm 70 SC! Nhưng không có điềm nào Chúa Giê-xu nói đến đã xảy ra trước hoặc trong diễn tiến của những biến cố lịch sử ấy. Cũng không điềm nào xảy ra khi Y-đơ-ra-ên được giải phóng và lập quốc.

Có lẽ Chúa muốn nói về thế hệ đang sống trên đất vào thời điểm những điềm này xảy ra. Ngài không nói rằng phải mất thời gian của một thế hệ mới hoàn tất những sự kiện này vì khi đã bắt đầu rồi thì nó xảy ra rất nhanh chóng. Từ Hy Lạp được dịch là “thế hệ” cũng có thể có nghĩa “chủng tộc” và có thể nói về dân tộc Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu đã sử dụng ý này trong Mac 8:12,38 và 9:19. Chúa Giê-xu xác nhận với các môn đệ: dù dân Y-sơ-ra-ên chịu nhiều hoạn nạn nhưng dân này sẽ được Đức Chúa Trời gìn giữ nên không bị tuyệt diệt. Sa-tan muốn dân Y-sơ-ra-ên nhưng nó sẽ thất bại.

Lời khuyên thứ nhất của Chúa là “hãy tự giữ lấy mình” và lời khuyên thứ hai “hãy tỉnh thức luôn!” (Lu 21:34-36). Dù mang ý nghĩa đặc biệt đối với dân Do Thái trong kỳ hoạn nạn, nhưng 2 lời khuyên cũng dành cho con cái Đức Chúa Trời ở mỗi thời đại.

“Hãy tỉnh thức luôn” không có nghĩa là chúng ta cứ tìm kiếm những điềm lạ, nhưng có nghĩa như “Hãy cẩn thận! Đừng lơ là!”. Hôm nay lời khuyên ấy cũng là lời cảnh tỉnh chúng ta, bởi chúng ta dễ bị “mỏi mệt” bởi những lo toan của đời này cùng những cám dỗ vật chất và thể xác (12:35-48).

Trong kỳ khó khăn, con người dễ “đầu hàng” hoàn cảnh và bắt đầu sống như người thế gian. Vì vậy, Cơ Đốc nhân sẽ đối diện với sự cám dỗ trong kỳ hoạn nạn. Chúng ta phải “tỉnh thức và cầu nguyện” hầu có thể chống lại sự cám dỗ quanh mình, vì chúng ta thấy điều muốn trong thế sẵn sàng khi Chúa trở lại. Lu 21:36 nói về việc các Cơ Đốc nhân sẽ đứng trước mặt Chúa để chịu phán xét khi Ngài trở lại và lập vương quốc Ngài (Mat 25:31-46). “Chiên” sẽ vào thiên đàng, còn “đê” sẽ bị đuổi ra ngoài. Một số con cái Chúa bị giết và chịu sự bắt bớ trong kỳ hoạn nạn, nhưng có một số được bình yên để gặp Chúa khi Ngài tái lâm trong vinh hiển.

Nếu trong kỳ khó khăn tín hữu bị cám dỗ chiều theo thế gian và xác thịt, vậy trong kỳ thuận lợi và sung túc sẽ “phải đương đầu với nhiều hiểm họa hơn. Hôm nay chúng ta không biết khi nào Chúa mình trở lại, nên phải luôn trung tín và sẵn sàng.

Mục sư Hội trưởng lão ở Tô-cách-lan là Robert Murray Mc Cheyne đôi khi hỏi nhiều người rằng. “Bạn có tin Chúa Giê-xu sẽ tái lâm hôm nay không?” Họ đều đáp “không”. Đoạn Mc Cheyne nói tiếp: “Vậy bạn nên chuẩn bị thì hơn, vì Ngài sẽ đến vào giờ bạn không ngờ”.

Vance Havner nói: “Tôi không chờ đợi những dấu lạ, tôi sẽ lắng nghe một âm thanh”. Đó là tiếng kèn, tiếng của Thiên sứ trưởng!”

“Lạy Đức Chúa Giê-xu, xin hãy đến!” (Kh 22:20).

21. TRONG PHÒNG CAO (Lu 22:1-71)

Chúa Giê-xu “quyết định đi thành Giê-ru-sa-lem” (Lu 9:51), biết rõ những điều sẽ xảy đến cho Ngài ở đó, và giờ đây những biến cố ấy sẽ đến. Đó không phải là những tai họa, nhưng là những việc phải được thực hiện bởi đã do Cha trên trời định trước và được Kinh Thánh Cựu Ước chép ra từ bao thế kỷ trước (24:26-27). Chúng ta chỉ có thể hạ mình trước Đấng Christ và kính yêu Ngài nhiều hơn khi biết Ngài đã dạn dĩ bước vào giai đoạn thương khó và chịu chết. Hãy nhớ rằng Ngài làm điều đó vì chúng ta!

Bữa ăn tối trong kỳ lễ Vượt Qua tại phòng cao là trọng tâm bài học của chúng ta.

1. Trước bữa ăn tối: sự chuẩn bị (Lu 22:1-13)

Theo lịch Do Thái, có 3 kỳ lễ quan trọng nhất là: Lễ Vượt Qua, Lễ Ngũ tuần và lễ Lều Tạm (Le 23:1-44). Vì vậy, hằng năm mọi người dân Do Thái đều đến Giê-ru-sa-lem dự lễ (Phu 16:16). Lễ Vượt Qua kỷ niệm dân Y-sơ-ra-ên được giải thoát khỏi Ai Cập, là thời kỳ đáng ghi nhớ và vui mừng (Xu 11:1-12:51). Hằng ngàn người từ khắp nơi nô nức đổ về Giê-ru-sa-lem suốt kỳ lễ, điều này khiến các nhà cầm quyền La Mã lo ngại về những cuộc nổi loạn có thể xảy ra. Lễ Vượt Qua mang những hàm ý mạnh mẽ có tính chính trị, nên đây là thời điểm lý tưởng cho kẻ nào tự xưng là “đấng mê-si-a” tìm cách lật đổ Rô-ma. Đó cũng là lý do vua Hê-rốt và quan tổng đốc Phi-lát đại diện chính quyền Rô-ma có mặt tại Giê-ru-sa-lem, thay vì ở Tiberius và Caesarea. Họ muốn góp phần giữ an ninh ở đây!

Các lãnh đạo trong đền thờ chuẩn bị thực hiện một tội ác (Lu 22:1-6). Thật không thể ngờ rằng những con người này lại phạm vào một tội lỗi nghiêm trọng nhất trong lịch sử suốt kỳ lễ thiêng liêng nhất của dân Do Thái. Vào lễ Vượt Qua, dân Do Thái phải dẹp mọi thứ men ra khỏi nhà mình (Xu 12:15) để nhớ rằng tổ phụ họ đã thoát khỏi Ai Cập nhanh chóng và phải ăn bánh không men. Chúa Giê-xu cảnh cáo môn đệ về men của người Pha-ri-si, là sự giả hình” (Lu 12:1 Mat 6:1 ICo 5:1-8), và giờ đây chúng ta thấy sự giả hình này đang hành động.

Các chức sắc đền thờ chỉ dọn dẹp nhà cửa mình sạch sẽ, nhưng tấm lòng họ đầy sự ô uế (Mat 23:25-28). Từ lâu, họ muốn bắt và giết Chúa nhưng không có cách nào để chữa mình trước dân chúng. Giu-đa đã giải quyết nan đề thay họ. Hắn hứa sẽ giao nộp Chúa cho họ cách bí mật để tránh sự phản kháng của dân chúng. Điều cuối cùng mà toà công luận mong đợi là một cuộc nổi dậy Mê-si-a ở kỳ lễ Vượt Qua (Lu 19:11).

Sa-tan đã cám dỗ Giu-đa (Gi 13:2,27) vì anh ta chưa bao giờ thật sự tin nơi Chúa Giê-xu. Tội lỗi anh ta chưa được Chúa tẩy sạch (Gi 13:10-11) và anh ta chưa bao giờ tin nhận sự sống đời đời (Gi 6:64-71). Thế nhưng không ai trong số các sứ đồ nghi ngờ gì về sự phản bội của Giu-đa. Chúng ta đều có cơ tin rằng Giu-đa cũng được ban cho quyền phép như các sứ đồ khác, anh ta đã rao truyền cùng một sứ điệp và làm những phép lạ giống nhau. Điều này cho thấy một người có thể đến gần Vương quốc Đức Chúa Trời nhưng rồi vẫn có thể bị hư mất (Mat 7:21-29).

Vì sao Giu-đa phản Chúa? Chúng ta hẳn biết anh ta là một “tay trộm cắp” (Gi 12:4-6) và tiền bạc đóng vai trò quan trọng trong hành động tội ác gớm ghiếc của anh ta. Đối với tội lỗi như thế, 30 nén bạc chẳng phải là món tiền công hậu hĩnh, mà nó còn có nguyên nhân khác. Có thể qua Chúa Giê-xu, Giu-đa biết về sự cứu dành cho dân Do Thái nên đã theo Ngài và mong giữ một địa vị trong Vương quốc Ngài. Hãy nhớ rằng các sứ đồ thường bàn luận về việc ai sẽ là kẻ lớn nhất ở Nước Trời, và dĩ nhiên một kẻ tính toán như Giu-đa cũng tham gia những cuộc bàn luận quan trọng ấy.

Khi nhận ra rằng Chúa Giê-xu sẽ không lập Vương quốc Ngài nhưng phải chịu bắt bớ dưới tay các bậc cầm quyền, Giu-đa quay lưng lại với Chúa trong sự trả đũa cay đắng. Chất “men” trong đời sống Giu-đa cứ âm ỉ dậy lên cho đến khi sản sinh ra sự “gian ác độc dữ” (ICo 5:6-8). Nếu thoả hiệp với Sa-tan, bạn sẽ phải trả một giá đắt. Vì vậy Giu-đa đã đi đến chỗ tự huỷ diệt mình (Mat 27:3-5). Sa-tan vốn là kẻ nói dối và kẻ giết người, nên nó đã tái hiện bản chất nó trong con người Giu-đa (Gi 8:44).

Chúa Giê-xu chuẩn bị cho lễ Vượt Qua (Lu 22:7-13) Cách Chúa Giê-xu chuẩn bị cho lễ Vượt Qua chứng tỏ Ngài đã biết có những âm mưu đang được bày ra. Ngoài Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ và Giăng ra, các môn đệ không biết bữa tiệc sẽ được tổ chức ở đâu. Mãi đến khi vào Phòng cao, họ mới biết. Nếu Giu-đa biết trước, hẳn sẽ thông báo cho các bậc cầm quyền.

Phi-e-rơ và Giăng không gặp khó khăn gì khi xác định người đàn ông nào mang vò nước, vì đàn ông hiếm khi mang vò nước, đó là nhiệm vụ của phụ nữ. Cũng giống như người chủ lừa (Lu 19:28-34) người đàn ông vô danh này là một môn đệ của Chúa Giê-xu, đã chuẩn bị dọn dẹp nhà mình cho Chúa dự lễ Vượt Qua cuối cùng của Ngài.

Phi-e-rơ và Giăng sẽ chọn một chiên con không tì vết, đem đến đền thờ để giết nó. Sau đó, họ mang chiên con và các thứ cần thiết đến ngôi nhà đã hẹn trước. Ở đó, chiên con sẽ bị quay trên lửa. Bàn tiệc được dọn lên gồm có rượu, bánh không men, và rau đắng để nhắc nhở dân Do Thái về ách nô lệ triền miên đắng cay ở Ai Cập (Xu 12:1-28).

Vấn đề về thời gian là điều đáng nói ở đây. Phải chăng các tác giả Phúc Âm đã mâu thuẫn nhau? Theo Gi 18:28, các nhà cầm quyền Do Thái chưa dự lễ Vượt Qua và ngày Chúa Giê-xu bị bắt là “ngày sắm sửa về lễ Vượt Qua” (Gi 19:14). Nhưng Chúa và các môn đệ đã dự lễ Vượt Qua trước! Trong cuốn sách “Sự hài hoà giữa các sách Phúc Âm” (Harmony of the Gospels - Harper & Row), Robert Thomas và Stanley Gundry đã đưa ra lời giải thích hữu lý cho vấn đề này. Thời ấy, dân Do Thái tính ngày theo 2 cách từ lúc mặt trời lặn hôm nay đến mặt trời lặn ngày hôm sau, hoặc từ mặt trời mọc hôm nay đến mặt trời mọc hôm sau. Cách tính thứ nhất theo truyền thống của người Do Thái (Sa 1:5) còn cách thứ hai của người Rô-ma mà trước đây Kinh Thánh cũng nói đến (Sa 8:22).

Nếu Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca sử dụng cách tính ngày của người Do Thái và Giăng sử dụng cách tính của người Rô-ma, vậy không hề có sự mâu thuẫn. Cách tính chồng lạp về ngày cho phép cả 2 nhóm người dự lễ cùng một ngày nhưng lại khác thứ. Các thầy tế lễ trong đền thờ cho phép dân Do Thái đem chiên con đến giết sớm hơn hoặc trễ hơn. Rõ ràng, các chức sắc Do Thái theo cách tính ngày của người Rô-ma (Gi 18:28), còn Chúa Giê-xu và các môn đệ theo cách tính của dân Do Thái. Chúa chúng ta bị đóng đinh trong kỳ lễ Vượt Qua vào thời điểm các chiên con bị giết, làm trọn lời tiên tri trong Cựu Ước.

2. Trong bữa ăn tối: Lời mạc khải (Lu 22:14-16,21-38)

Các môn đệ không biết điều gì sẽ xảy đến khi họ nhóm lại ở Phòng cao, nhưng hôm ấy đã trở nên một buổi tối của sự mạc khải đau thương. Chúa Giê-xu vị chủ tiệc đã tiếp họ bằng cái hôn bình an theo truyền thống Do Thái (Ngài đã hôn Giu-đa như vậy!). Mọi người ngồi quanh bàn, Giu-đa ở bên trái Chúa và Giăng ở bên phải (Gi 13:23)

Chúa bày tỏ tình yêu Ngài (Lu 22:14-16): Chúa bày tỏ tình yêu qua lời Ngài phán và việc Ngài làm. Ngài cho các môn đệ yêu dấu biết rằng Ngài rất muốn cùng họ dự lễ Vượt Qua cuối cùng này trước khi phải chịu thương khó. Lễ Vượt Qua kỷ niệm hành trình của dân Do Thái thoát khỏi đất Ai Cập hằng thế kỷ trước. Nhưng Chúa Giê-xu sẽ thực hiện một “hành trình” vĩ đại hơn trên thập tự giá. Ngài sẽ mua chuộc sự cứu rỗi cho một thế giới tội lỗi và hư mất (Lu 9:31).

Đoạn Ngài đứng dậy, lấy khăn vắt ngang lưng mình và rửa chân cho các môn đệ kể cả Giu-đa (Gi 13:1-20). Buổi tối hôm đó, các sứ đồ biện luận nhau xem ai sẽ là lớn nhất, vì vậy họ chẳng để tâm đến bài học về sự khiêm nhường và tinh thần phục vụ này. Có lẽ Phi-e-rơ đã nhớ cảnh tượng này khi những năm sau ông khuyên mọi người “phải trang sức bằng sự khiêm nhường” (IPhi 5:5 Phi 2:1-11).

Lời Chúa trong c.16 cho thấy sẽ không có lễ Vượt Qua nào nữa trong “lịch” Đức Chúa Trời. Lễ Vượt Qua kế tiếp sẽ là bữa tiệc lớn ở Nước Trời khi Ngài trở lại trên đất để thiết lập quyền cai trị của Ngài (Lu 22:28-30 13:24-30 Mat 8:11-12). Ngài nhìn vượt trên sự thống khổ để thấy vinh hiển, vượt trên thập tự giá đã thấy mào triều thiên. Và bởi tình yêu Ngài đã dang rộng vòng tay tiếp nhận những kẻ được gọi là “bạn hữu” Ngài.

Chúa nói trước về sự phản bội (Lu 22:21-23): Chúa đã hé mở cho môn đệ rằng sẽ có một người trong số họ không thật tâm theo Ngài (Gi 6:66-71), nhưng giờ đây Ngài công khai nói về kẻ phản bội trước mặt họ. Tuy nhiên, Ngài làm điều này không vì các

môn đệ, mà vì Giu-đa. Ngài đã hôn Giu-đa, rửa chân cho ông ta và bây giờ lại muốn cho ông ta một cơ hội ăn năn. Thật là điều ý nghĩa khi Chúa không công khai chỉ đích danh Giu-đa là kẻ phản bội, nhưng bảo vệ Giu-đa đến giờ phút cuối cùng.

Nếu biết trước rằng Giu-đa sẽ phản bội, sao Chúa lại chọn ông ta vào vị trí quan trọng như vậy? Nếu phải có người phản bội Chúa, vậy tại sao Ngài lên án Giu-đa? Nói cho cùng, Giu-đa chỉ đơn giản làm theo ý Đức Chúa Trời và làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu Ước (Thi 41:9 55:12-14 so sánh Thi 69:25 và 109:8 với Cong 1:15-20).

Trước khi chọn lựa 12 sứ đồ, Chúa Giê-xu đã thức trọn đêm để cầu nguyện (Lu 6:12-16). Vì vậy chúng ta phải tin rằng, việc Giu-đa được chọn giữa các sứ đồ là ý muốn của Đức Chúa Trời (Gi 8:29). Nhưng việc Giu-đa được chọn không quyết định số phận ông ta, đúng hơn đó chính là cơ hội để ông ta có thể chăm xem Chúa Giê-xu, tin nhận Ngài để được cứu. Trong quyền tể trị của Đức Chúa Trời, Ngài định trước rằng Con Ngài phải bị một bạn hữu phản bội. Tuy nhiên, sự biết trước của Đức Chúa Trời không loại bỏ đến trách nhiệm và quyết định của con người. Giu-đa đã tự do quyết định điều mình làm, nên phải bị xét đoán tương xứng, dù anh ta vẫn làm trọn ý định Đức Chúa Trời (Cong 2:23).

Việc các môn đệ bối rối khi nghe sự bày tỏ kỳ lạ này cho thấy họ không biết bản chất thật của Giu-đa, nên cứ thắc mắc ai trong chúng ta sẽ làm việc góm ghiếc đó? Họ cũng không biết về những lời tiên tri trong Thi thiên và không nhớ lời Chúa phán trước rằng Ngài sẽ bị nộp vào tay kẻ thù (Mat 17:22 20:18). Nếu Phi-e-rơ thật sự biết trước điều xảy ra, có lẽ ông ta đã cho Giu-đa ném mùi lưởi gươm của mình!

Còn nhiều điều bí ẩn về Giu-đa chúng ta chưa biết hết nên chúng ta không nên suy đoán quá nhiều. Chắc chắn Giu-đa là một nhân chứng cho sự vô tội của Chúa Giê-xu, vì nếu có ai có thể nêu lên chứng cứ nghịch lại Ngài thì người đó chính là Giu-đa. Các nhà cầm quyền phải tìm những chứng đối để có cơ nghịch Chúa. Giu-đa thừa nhận rằng đã “nộp huyết vô tội” (Mat 27:4).

Vào thời điểm này, Giu-đa rời khỏi Phòng cao để đến với các chức sắc đền thờ, chuẩn bị bắt Chúa trong vườn, khi Giu-đa đi ra, “trời đã tối” (Lu 22:53) vì muốn phục dưới “quyền của sự tối tăm” (22:53). Than ôi, chỉ vì Giu-đa mà trời tối và mãi mãi tăm tối!

Chúa bày tỏ về tính chất thế gian của các môn đệ (Lu 22:24-30): Đây không phải là lần đầu các môn đệ phạm lỗi này (9:46-48 Mat 20:20-28 Mac 9:33-37), nhưng qua ánh sáng của lời Chúa phán và việc Chúa làm, hành động cuối cùng của họ không có nào để bào chữa được. Có lẽ cuộc tranh luận bắt đầu khi họ suy đoán ai sẽ phản bội Chúa, hoặc có thể giữa họ đã nảy sinh sự ganh tị về chỗ ngồi ở bàn ăn. Khi bạn quan tâm đến sự cất nhắc của bản thân, cuộc tranh luận sẽ nhanh chóng nổi lên chớ chẳng phải chờ lâu!

Chúa phải giải thích rằng cách suy nghĩ của họ giống như người ngoại chớ không giống con cái Đức Chúa Trời. Người Rô-ma đặc biệt luôn giành cho được địa vị và danh vọng, nhưng họ không phải là tấm gương cho chúng ta. Trong mọi sự, Chúa Giê-xu là tấm gương cho chúng ta noi theo, Ngài xứng đáng là mục thước của sự cao trọng thật.

“Sự cao trọng thật” nghĩa là “giống Chúa Giê-xu”, phục vụ người khác. Đầy tớ không tranh luận ai sẽ là người cao trọng nhất, vì biết mình thấp hèn nhất và người

ấy nhận điều này nơi Đức Chúa Trời. Vì mọi Cơ Đốc nhân đều là người hầu việc, nên chúng ta không có có tranh giành danh vọng với người khác. Tiếc thay, tinh thần ganh đua này đang nổi lên trong Hội Thánh hôm nay khi con người tự đề cao bản thân và chức vị mình như những “kẻ cao trọng nhất”.

Chúa kết thúc bài học về sự phục vụ bằng cách bày tỏ cho họ phần thưởng trong Nước thiên đàng (Lu 22:28-30). Dù yếu đuối thất bại, các môn đệ vẫn đứng vững và trung thành với Chúa suốt thời gian Ngài thi hành chức vụ trên đất, và Đức Chúa Trời sẽ thưởng công cho sự trung tín của họ. Hôm nay, chúng ta không nên e ngại làm những người hầu việc, vì chúng ta sẽ ngồi với Chúa trong Nước thiên đàng. Vì vậy sự hầu việc trung tín của chúng ta hôm nay chuẩn bị cho chúng ta phần thưởng trong tương lai. Chúa đưa ra ví dụ về thập tự giá và sau đó là mảo triều thiên.

Chúa cho biết trước về sự chối Chúa của Phi-e-rơ (Lu 22:31-38): Thật thú vị khi lời báo trước này tiếp theo lời khiển trách về việc ai sẽ là kẻ cao trọng nhất! Bạn hình dung xem các môn đệ suy nghĩ ra sao khi họ biết rằng không những sẽ có một người trong số họ phản Ngài, nhưng Chính Phi-e-rơ người phát ngôn và lãnh tụ của họ cũng công khai chối Ngài. Nếu một người mạnh mẽ như Phi-e-rơ còn chối Chúa, vậy những môn đệ kia còn có hy vọng gì đứng vững?

Chữ “ngươi” trong Lu 22:31 là đại danh từ số nhiều Sa-tan đòi có tất cả các môn đệ để nó có thể sàng sảy họ như lúa mì. Họ đã theo Chúa trong mọi thử thách (22:28) hẳn Ngài sẽ không bỏ rơi họ trong sự thử thách. Đây là một lời cảnh cáo, cũng là sự an ủi khích lệ Phi-e-rơ và các môn đệ. Lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu đã được Đức Chúa Trời nhậm, Phi-e-rơ ngã lòng nhưng không mất đức tin. Ông đã được phục hồi mối liên hệ với Đấng Christ và được đại dụng trong việc làm vững mạnh dân Chúa.

Sự khoe khoang có tính chủ quan của Phi-e-rơ nhắc nhở chúng ta rằng không ai trong chúng ta hiểu rõ lòng mình (Gie 17:9) và chúng ta có thể vấp ngã ở lãnh vực mà mình cho rằng mạnh mẽ nhất. Sức mạnh vĩ đại nhất của Áp-ra-ham là đức tin, nhưng ông đã yếu đức tin khi đến xứ Ai Cập và nói dối về Sa-ra (Sa 12:10-13:4). Sức mạnh của Môi-se là sự khiêm nhu (Dan 12:3) nhưng khi nổi giận ông đã nói ra những lời thiếu suy nghĩ nên không được vào xứ Ca-na-an (Dan 20:1-29). Phi-e-rơ là người can đảm nhưng sau đó đã chùn bước và chối Chúa 3 lần. “Vậy thì, ai tưởng mình đứng, hãy giữ kéo ngã” (ICo 10:12).

Từ “hối cải” ở Lu 22:32 có nghĩa là “quay trở lại”. Phi-e-rơ là kẻ được cứu, nhưng sau đó đã bắt đầu đi chệch hướng và được kêu gọi trở lại ăn năn hối cải với Chúa. Ông không bị mất món quà của sự sống đời đời, nhưng ông không vâng lời Chúa, và gây nguy hại cho địa vị làm môn đệ Ngài. Tất cả các môn đồ đều bỏ rơi Chúa, thậm chí Phi-e-rơ đã chối Ngài trước thiên hạ. Đây là bài học cho chúng ta thấy sự yếu đuối của con người.

Các môn đệ không hiểu rõ ý nghĩa của lời Chúa khuyên trong Lu 22:35-38, vì họ chỉ hiểu lời Ngài theo nghĩa đen hoàn toàn. Sự bạo động bằng gươm của Phi-e-rơ trong vườn là một bằng chứng về điều đó (22:49-51). Chúa muốn nói về một ý nghĩa rằng: “các ngươi sắp trải qua một giai đoạn hoàn toàn mới. Nếu người đời bắt ta, sẽ có một ngày họ bắt các ngươi. Nếu họ đối xử ta như kẻ tội phạm (Es 53:12), họ cũng sẽ xử các ngươi như thế. Vậy hãy sẵn sàng!”

Suốt thời gian đồng công với Chúa, các môn đệ được sai đi với quyền năng đặc biệt, được đối xử bằng tôn trọng và ưu ái (Lu 9:1 10:1). Lúc bấy giờ, Chúa Giê-xu là

thầy dạy đạo rất nổi tiếng, các bậc cầm quyền không thể tấn công môn đệ Ngài. Nhưng đến lúc này “giờ Ngài đã đến” và hoàn cảnh đã thay đổi nhanh chóng. Hôm nay, con cái Đức Chúa Trời cũng giống khách lạ trên lãnh địa kẻ thù, vì vậy chúng ta phải hầu việc Chúa bằng đức tin và lương tri được thánh hoá. Đây là lời khuyên hữu ích cho những người quá khích tự đưa mình vào chỗ nguy hiểm rồi mong đợi Chúa làm phép lạ giải cứu. Sứ đồ Phao-lô đã biết cách sử dụng “gươm” của con người như thế nào để bảo vệ mình cũng như bảo vệ Phúc Âm của Chúa (Ro 13:1-14 Cong 16:35-40 21:37-40 25:11).

Câu nói “có 2 thanh gươm” đây hẳn đã làm Chúa buồn lòng, vì nó chứng tỏ các môn đệ đã hiểu sai lời phán của Ngài. Lẽ nào họ lại nghĩ rằng Ngài cần được họ bảo vệ? Hoặc bây giờ Ngài sẽ lật đổ Rô-ma để lập vương quốc Ngài? “y là đủ” có nghĩa như “Đừng nói thêm về việc này nữa” (Phu 3:26). Vương quốc Ngài được lập nên chẳng phải bởi gươm loài người (Gi 18:36-37) nhưng bởi quyền lễ thật từ Đức Chúa Trời vì Lời Đức Chúa Trời sắc hơn gươm loài người (Eph 6:17 He 4:12).

3. Sau bữa ăn tối lễ tưởng nhớ (Lu 22:17-20)

Khi tiệc lễ Vượt Qua chấm dứt, Chúa lập một Thánh lễ mà Hội Thánh gọi là “Tiệc thánh” (là tiệc thông công, hoặc “Tiệc thánh của Chúa” (ICo 10:16 ICo 11:20).

Lễ Vượt Qua được bắt đầu bằng lời cầu nguyện tạ ơn. Sau đó người ta uống chén rượu đầu tiên trong số 4 chén (Rượu được pha loãng với nước nên không làm cho say). Tiếp đó, người ta ăn rau đắng và hát Thi 113:1-114:8. Kế đến, họ uống chén rượu thứ 2 và ăn thịt chiên con cùng bánh không men. Sau khi uống chén rượu thứ 3, họ hát Thi 115:1-118:29. Cuối cùng, chén rượu thứ 4 sẽ được chuyền tay nhau để uống. Có lẽ chén rượu sau cùng này đã được Chúa Giê-xu sử dụng khi Ngài lập Tiệc Thánh.

Phao-lô cho biết trật tự của Tiệc Thánh trong ICo 11:23-26. Trước tiên Chúa Giê-xu bẻ bánh không men, cảm tạ Đức Chúa Trời và trao cho các môn đệ. Ngài phán rằng bánh ấy tượng trưng cho thân thể Ngài đã tan nát vì họ. Sau đó, Ngài cầm chén, tạ ơn và phán rằng chén ấy tượng trưng cho huyết Ngài. Đây là hình thức đơn giản, sử dụng những yếu tố cơ bản trong một bữa ăn khiêm tốn của người Do Thái. Chúa Giê-xu đã thánh hoá những điều đơn sơ trong cuộc sống và sử dụng chúng để rao ra những lễ thật thuộc linh thâm thúy.

Chúa xác định mục đích của Tiệc Thánh “...để nhớ đến ta” (ICo 11:24-25). Đây là hình thức nhắc nhở Cơ Đốc nhân rằng chính Chúa Giê-xu đã hy sinh thân Ngài và đổ huyết ra để cứu chuộc thế giới. Trong câu chuyện của lễ Tiệc Thánh chúng ta, không có điều gì “kỳ diệu” nào xảy ra khi Chúa Giê-xu chúc phước trên bánh và chén. Bánh vẫn là bánh và chén vẫn là chén. Hành động ăn bánh và uống chén không tạo nên một điều gì đặc biệt đối với các môn đệ. Khi dự Tiệc Thánh, chúng ta đồng nhất hoá chính mình với thân và huyết Chúa (ICo 10:16) chớ không có nghĩa là chúng ta “nhận” chính thân thể và huyết Ngài!

Mục đích thứ 2 của Tiệc Thánh là “rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến” (ICo 11:26). Tiệc Thánh giúp ta nhớ lại những gì Chúa đã làm cho mình trên thập tự giá hầu thêm sự yêu mến và tôn quý Ngài, Tiệc Thánh còn giúp ta nhìn tới tương lai với sự tin cậy về ngày Chúa trở lại. Bởi chúng ta phải cẩn thận đừng bước vào bàn Tiệc thánh của Chúa với tội còn đó chưa ăn năn. Tiệc thánh còn là dịp tiện để chúng ta

nhìn vào bên trong xem xét tấm lòng mình cũng như để xưng nhận tội lỗi mình trước Chúa (ICo 11:27-32).

Phước hạnh thứ 3 của Tiệc Thánh là sự nhắc nhở về tính hiệp nhất của Hội Thánh: chúng ta là “một cái bánh” (ICo 10:17). Đây là Tiệc Thánh của Chúa chứ không phải là hình thức đặc biệt của giáo phái Cơ Đốc nào cả. Mỗi khi dự Tiệc Thánh, mọi Cơ Đốc nhân đều được nhắc nhở về nhiệm vụ “dùng dây hoà bình mà giữ gìn sự hiệp một của Thánh Linh” (Eph 4:3).

Đối với chúng ta, nhận ơn phước thuộc linh từ Tiệc Thánh không chỉ đơn giản là việc tham dự tiệc ấy. Chúng ta phải “phân biệt thân Chúa” (ICo 11:29), nghĩa là xem xét những lẽ thật thuộc linh vốn có nơi bánh và chén. Sự phân biệt thuộc linh này đến từ Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh khiến mọi sự này trở nên một lẽ thật khi chúng ta đứng trước bàn tiệc của Chúa.

Sau khi lập Tiệc Thánh, Chúa Giê-xu dạy môn đệ nhiều lẽ thật mà họ cần phải biết để thi hành chức vụ Chúa giao một cách kết quả giữa thế gian đầy thù hận (Gi 14:1-16:33). Ngài cầu nguyện cho các môn đệ (Gi 17:1-26) và cùng họ hát một Thánh ca. Sau đó rời phòng cao để đến vườn Ghết-sê-ma-nê. Giu-đa biết mọi người sẽ đến đó nên bảo các quân lính sẵn sàng bắt Ngài.

Khi xem đến đoạn này, bạn sẽ không khỏi xúc động về sự bình tĩnh và can đảm của Đấng Christ. Chính Ngài là Đấng làm chủ mọi tình thế xảy đến chứ không phải Sa-tan, Giu-đa hay Toà Công luận. Chính Ngài khích lệ các môn đệ, thậm chí Ngài còn có thể hát Thánh ca trước khi đến chịu chết trên thập giá! Isaac Watts có cùng tâm trạng với chúng ta khi bày tỏ rằng:

“Tình yêu Ngài thật quá kỳ diệu, quá thánh khiết

Đòi hỏi linh hồn tôi, sự sống của tôi cùng những gì thuộc về tôi”.

4. Vào đêm người ta bắt Chúa! (Lu 22:39-71)

Chú ý đến những hình ảnh trong câu chuyện này có lẽ là cách tốt nhất để chúng ta nắm được ý nghĩa của những bài học thuộc linh đằng sau những biến cố đau thương xảy ra vào đêm đó. Kinh Thánh tựa như cuốn truyện tranh và cũng là cuốn sách kể lại lịch sử và tiểu sử con người. Những bức tranh này có thể nói cho chúng ta biết nhiều điều. Qua đoạn này, có 6 hình ảnh giúp ta hiểu rõ về sự Thương khó và sự chết của Chúa Giê-xu Christ. Đó là: khu vườn vắng vẻ, cái chén đắt giá, cái hôn giả dối, lưới gươm vô dụng, gà gáy và ngôi vinh hiển.

Khu vườn vắng vẻ (Lu 22:39) Chúa Giê-xu rời khỏi Phòng cao, đi cùng các môn đệ đến vườn Ghết-sê-ma-nê trên núi Ô-li-ve. Đây là nơi quen thuộc Ngài từng ở lại đêm khi đến Giê-ru-sa-lem (Lu 21:37). Biết rõ Chúa ở đó (Gi 8:1-2) Giu-đa đã dẫn quân lính La Mã và những quan coi đền thờ đến bắt Ngài, Đấng đã sẵn sàng phó mình vào tay họ.

Nhưng tại sao địa điểm lại là một khu vườn? Lịch sử loài người khởi đầu tại một khu vườn (Sa 2:7-25) và con người cũng bắt đầu phạm tội trong vườn (Sa 3:1-24). Với những kẻ được cứu chuộc, cả câu chuyện sẽ đạt đến điểm đỉnh trong một “thành phố vườn” nơi không còn sự hiện diện của tội lỗi (Kh 21:1-22:7). Nhưng giữa ngôi vườn nơi con người thất bại và ngôi vườn nơi Đức Chúa Trời cai trị là vườn Ghết-sê-ma-nê, nơi Chúa Giê-xu nhận chén từ tay Cha.

Giăng cho chúng ta biết rằng Chúa đã đi qua khe Xết-rôn khi đến vườn (Gi 18:1). Có lẽ Giăng nhớ lại từng trải của vua Đa-vít khi vua rời Giê-ru-sa-lem để trốn khỏi Ap-sa-lôm con trai ông (IISa 15:1-37 đặc biệt xem 15:23). Cả vua Đa-vít và Chúa Giê-xu đều là những vị vua không ngôi, đồng hành với những người bạn thân nhất và bị chính dân tộc mình phản bội. Tên gọi “Xết-rôn” nghĩa là tối tăm, âm u “Ghết-sê-ma-nê” nghĩa là “máy ép ô-liu”. Hẳn những địa danh này đều có ý nghĩa.

Những hướng dẫn viên ở “Giê-ru-sa-lem hiện đại” có thể dẫn du khách đến 4 địa điểm khác nhau và tuyên bố đó là vườn Ghết-sê-ma-nê khi xưa. Có lẽ một địa điểm được nhiều người chấp nhận và quen thuộc với dân chúng là nơi nằm ngoài bức tường thành Giê-ru-sa-lem ở phía Đông, gần Nhà thờ của mọi dân tộc. Những cây ô-liu ở đó thật rất nhiều tuổi, nhưng dường như chúng không chứng kiến được thời của Chúa Giê-xu, vì dân La Mã đã huỷ phá mọi cây cối khi xâm chiếm đất Giu-đa năm 70 TC.

Vị trí của vườn Ghết-sê-ma-nê không quan trọng bằng thông điệp thuộc linh chúng ta nhận được từ những gì Chúa Giê-xu đã làm ở đó khi Ngài ném “chén đắng” của Đức Chúa Cha. A-đam đầu tiên đã chống nghịch Đức Chúa Trời tại vườn Ê-đen nên đã đem tội lỗi và sự chết vào thế gian, nhưng A-đam sau cùng (ICo 15:45) đã đầu phục Đức Chúa Trời tại vườn Ghết-sê-ma-nê nên đã đem sự sống và sự cứu rỗi đến cho mọi kẻ tin nhận.

Cái chén đắng (Lu 22:40-46) Chúa Giê-xu để 8 môn đệ ở lại một nơi và đem Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng đến nơi vắng vẻ để cầu nguyện (Mac 14:32-33). Đây là lần thứ 3 Ngài chia sẻ dịp tiện đặc biệt với họ. Lần thứ 1 khi Chúa gọi con gái Giai-ru sống lại (Lu 8:41-56), lần thứ 2 khi Ngài hoá hình trước mặt họ (9:28-36). Hẳn phải có một thông điệp thuộc linh ở đây!

Tấn sĩ G.Campell Morgan nhà giải kinh người Anh nêu lên, rằng mỗi trường hợp trong số này đều có liên quan đến sự chết. Ở nhà Giai-ru, Chúa Giê-xu bày tỏ chính Ngài là Đấng đắc thắng sự chết. Trên núi hoá hình, Ngài được vinh hiển qua sự chết (Ngài cùng Mô-i-se, và Ê-li nói về sự “vượt qua” của Ngài ở Giê-ru-sa-lem 9:31). Tại khu vườn Ghết-sê-ma-nê, Ngài đầu phục sự chết. Trong số 3 sứ đồ này, Gia-cơ là sứ đồ chịu chết trước tiên (Cong 12:1-2), Giăng chết sau cùng, Phi-e-rơ phải trải qua sự bắt bớ khủng khiếp và sau đó bị đóng đinh. Ba bài học này rất thực tế cho đời sống họ.

Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời nên Ngài biết rõ mình sẽ sống lại từ cõi chết. Tuy nhiên tâm thần Ngài vẫn nếm trải sự đau đớn tột cùng khi nhìn thấy những sự việc sắp xảy đến cho mình. Lúc ấy, Ngài sẽ bị sỉ nhục, mắng nhiếc và chịu đau đớn trên thập tự giá. Hơn thế, Ngài bị định tội vì chúng ta và bị phân cách với Đức Chúa Cha. Ngài gọi từng trải này là “uống chén” (Es 51:17,22 Thi 73:10 75:8 Gie 25:15-28).

Các sách Phúc Âm bày tỏ rằng Chúa Giê-xu cầu nguyện 3 lần về “chén” Ngài phải uống và đến với môn đệ 3 lần nhưng chỉ thấy họ ngủ. Họ chẳng để tâm gì đến thử thách và nguy hiểm ở trước mặt! Sẽ ý nghĩa với Chúa biết bao nếu có sự cầu nguyện của họ hỗ trợ khi Ngài đối diện với Gô-gô-tha (He 5:7-8).

Lu-ca là tác giả Phúc Âm duy nhất chú ý chi tiết “mồ hôi trở nên như giọt máu lớn rơi xuống đất”. Có một hiện tượng vật lý hiếm hoi xảy ra khi dưới áp lực tâm lý nặng nề, các mạch máu nhỏ sẽ vỡ ra trong những tuyến mồ hôi, tạo nên hỗn hợp máu và mồ hôi. A-đam đầu tiên đã phạm tội trong vườn nên bị định tội “sẽ làm đổ mồ hôi

trán mới có mà ăn” (Sa 3:19). A-đam sau cùng là Chúa Giê-xu đã vâng phục Cha trên trời trong khu vườn và đắc thắng tội lỗi của A-đam (Ro 5:12-21).

Lu-ca cũng là tác giả duy nhất chú ý đến công việc của thiên sứ (Lu 22:43). Thực ra, sách Lu-ca và Công vụ đều dành cho các Thiên sứ một vị trí quan trọng trong công tác của Chúa. Các vị ấy không thể chết thay cho chúng ta, nhưng chỉ có thể thêm sức cho Đấng Christ khi Ngài dạn dĩ nhận “chén” của Đức Chúa Cha. Tấn sĩ George Morrison nói rằng: “Mỗi đời sống đều có một Ghết-sê-ma-nê, và mỗi Ghết-sê-ma-nê đều có thiên sứ”. Thật là điều khích lệ cho con cái Đức Chúa Trời khi phải vật lộn với nghịch cảnh và cầu nguyện trước những quyết định đắt giá!

Cái hôn giả dối (Lu 22:47-48) Có người nói rằng “cái hôn” tựa như “sự thu nhỏ của môi miệng bởi con tim mở rộng”. Nhưng không phải mọi cái hôn đều xuất phát từ lòng yêu thương, vì những cái hôn có thể là giả dối. Ở trường hợp của Giu-đa, cái hôn của anh ta thuộc loại đê tiện nhất trong sự giả dối và phản bội.

Thời đó, các môn đệ thường chào thầy mình bằng một cái hôn đầy kính trọng và yêu quý. Giu-đa dùng cái hôn để làm ám hiệu cho những kẻ bắt Chúa biết Ngài là ai (Mat 26:48-49). Chúa Giê-xu hằng ngày đã dạy dỗ trong đền thờ, nhưng các quan coi đền thờ không nhận ra Ngài!

Sự hiện diện của đám lính trang bị gươm giáo ấy chứng tỏ Giu-đa biết về Chúa Giê-xu quá ít. Lẽ nào Giu-đa nghĩ rằng Chúa sẽ lo chạy trốn hay ẩn nấp đâu đó trong vườn? Giu-đa hẳn tưởng rằng Chúa và các môn đệ sẽ kháng cự nếu không, anh ta đã không huy động nhiều sự giúp đỡ như vậy. Có lẽ Giu-đa sợ Chúa sẽ làm phép lạ. Nếu Ngài làm phép lạ, đám lính mang gươm giáo kia có thể làm được gì để đối phó với quyền phép của một Đức Chúa Trời toàn năng?

Giu-đa là kẻ giả dối giống như Sa-tan vì nó đã vào lòng anh ta (Gi 13:27 8:44). Giu-đa làm ô uế mọi thứ mình rờ đến: tên anh ta, tập thể môn đệ (Lu 6:13-16), quà dâng cho Chúa (Gi 12:1-8) và cái hôn. Giu-đa thậm chí còn xâm phạm đến buổi cầu nguyện riêng, khiến buổi ấy bị ô uế bởi sự hiện diện của mình. Anh ta đã phản bội Đấng Christ bằng một cái hôn. “Bạn hữu làm cho thương tích, ấy bởi lòng thành tín còn sự hôn hít của kẻ ghen ghét lấy làm giả nguy” (Ch 27:6).

Lưỡi gươm vô dụng (Lu 22:49-53) Các môn đệ ghi nhớ (và hiểu sai) lời Chúa phán về thanh gươm (Lu 22:35-38), vì vậy họ hỏi Ngài đây có phải là lúc dùng gươm hay không. Không chờ Chúa trả lời, Phi-e-rơ đã lao đến tấn công một người tên là Man-chu đầy tớ của thầy cả thượng phẩm (Gi 18:10,26-27).

Vì sao Phi-e-rơ hành động như vậy? Một lý do là Phi-e-rơ phải hỗ trợ những lời khoe khoang đã nói ra trong Phòng cao (Lu 22:33) và lặp lại trên đường đến vườn Ghết-sê-ma-nê (Mat 26:30-35). Phi-e-rơ đã ngủ thay vì nên cầu nguyện, nói huyên thuyên thay vì lắng nghe, khoe khoang thay vì kính sợ. Giờ đây, Phi-e-rơ lại bạo động thay vì phải đầu phục!

Phi-e-rơ đã phạm những sai lầm nghiêm trọng khi tấn công Man-chu bằng gươm. Trước tiên, Phi-e-rơ đã chống cự không đúng kẻ thù bằng vũ khí không thích hợp. Kẻ thù chúng ta không bằng xương thịt và máu huyết nên chúng ta không thể bị đánh bại bằng những vũ khí tầm thường (Eph 6:10-18 ICo 10:3-6). Khi bị cám dỗ trong đồng vắng, Chúa Giê-xu đã đánh bại Sa-tan bằng lời Đức Chúa Trời (Mat 4:1-11). Đó cũng là vũ khí chúng ta phải sử dụng (He 4:12 Eph 6:17). Phi-e-rơ cũng bày tỏ thái độ

thiếu đúng đắn khi tin tưởng nơi một năng lực sai lầm. Trong khi Chúa Giê-xu đầu phục Đức Chúa Trời, Phi-e-rơ lại khiêu chiến! Phi-e-rơ cậy nơi cánh tay xác thịt, hành động của ông ta trong tình huống này không giống Chúa chút nào (Gi 18:36), đó cũng là lời cảnh tỉnh chúng ta hôm nay. Thế gian hư mất có thể hành động theo cách này, nhưng đó không phải là cách tôi tớ Đức Chúa Trời nên làm (IITi 2:24 Mat 12:19).

Chúa Giê-xu đã hành động cách nhân từ khi kẻ khác làm việc gian ác (Thi 103:10). Ngài bày tỏ sự nhân từ với Phi-e-rơ khi quở trách hành động quá tự tin của ông và sửa chữa lại hành động sai lầm ấy. Ngài bày tỏ lòng nhân từ đối với Man-chu một đầy tớ thấp hèn khi chữa lành tai anh ta. Ngài còn bày tỏ lòng nhân từ với cả thế giới khi vui lòng hạ mình xuống và đi đến Gô-gô-tha. Ngài đến không phải để xét đoán nhưng để cứu con người (Lu 19:10 Gi 3:17).

Phép lạ cuối cùng Chúa Giê-xu thực hiện trước khi lên thập tự giá không phải là sự kiện gây chú ý cho người khác. Có lẽ rất ít người có mặt đêm đó biết điều Phi-e-rơ và Chúa Giê-xu đã làm. Lẽ ra Chúa có thể triệu tập 12 đạo Thiên sứ (Mat 26:53), mỗi đạo Thiên sứ (6.000 thiên binh) bảo vệ cho một trong số 11 môn đệ và một đạo Thiên sứ bảo vệ Chúa, nhưng Ngài không làm vậy. Thay vì thực hiện một kỳ công “ngoạn mục”, Ngài đã ân cần chữa lành tai của người đầy tớ vô danh và vui lòng để người ta bắt trói Ngài.

Mỗi người trong chúng ta quyết định xem mình sẽ trải qua cuộc sống trong sự giả dối như Giu-đa hoặc chiến đấu như Phi-e-rơ, hoặc đầu phục hoàn toàn ý muốn Đức Chúa Trời như Chúa Giê-xu. Liệu có phải là cái hôn, lưỡi gươm hay chén đắng?

Gà gáy (Lu 22:54-62) Chúa Giê-xu đã chịu đựng 6 thử thách trước khi bị đóng đinh, 3 lần trước dân Do Thái và 3 lần trước các quan chức La Mã. Trước tiên Ngài bị giải đến thầy cả thượng phẩm An-ne, là người thế lực và tiếng tăm trong nước (Gi 18:12-13). An-ne giải Ngài đến con rể ông là Cai-phe vốn mang chức vụ thầy cả thượng phẩm (Mat 26:57). Cuối cùng, vào buổi sáng Ngài bị xét hỏi trước toà công luận để luận tội Ngài (Lu 22:66-71).

Người Do Thái không được phép giết ai (Gi 18:31-32) nên họ giải Ngài đến nhà cầm quyền Rô-ma. Trước tiên họ đưa Ngài tới quan tổng đốc Phi-lát (Lu 23:1-4). Người này cũng không muốn xét xử Ngài nên giải Ngài đến vua Hê-rốt (23:6-12), nhưng sau đó vua Hê-rốt giao Chúa lại cho Phi-lát! (23:13-25). Khi Phi-lát thấy mình không còn cách nào giải quyết việc của Chúa Giê-xu nên ông chiều ý toà công luận và kết án Chúa phải bị đóng đinh trên thập tự giá.

Ở phiên toà xét xử Chúa lần thứ 2, Ngài đối diện với thầy cả thượng phẩm Cai-phe, còn Phi-e-rơ lại chối Chúa 3 lần ở trong sân phiên toà xử án. Vì sao chuyện ấy xảy ra như vậy? Trước hết, Phi-e-rơ đã không chú tâm đến lời khuyên của Chúa (Lu 22:31-34 Mat 26:33-35), cũng không “tỉnh thức và cầu nguyện” theo lời Chúa dạy trong vườn (Mac 14:37-38). Cho rằng mình can đảm và sốt sắng, Phi-e-rơ hầu như không có sự chuẩn bị để đối phó với sự tấn công của ma quỷ?

Chúa Giê-xu bị giải đi khỏi vườn, còn Phi-e-rơ “theo Ngài xa xa” (Lu 22:54). Đây là bước tiếp theo dẫn đến sự thất bại, cho dù là nhiều bài giảng dựa trên khúc Kinh Thánh này đã phê bình Phi-e-rơ vì theo Chúa xa xa, nhưng thật ra ông không hề có ý định theo Ngài. “Chiên” bị định trước phải tan lạc và sẽ gặp lại Chúa tại Ga-li-lê (Mat 26:31-32). Thật ra, khi bị bắt, Chúa nói với những lính canh rằng “hãy để cho những kẻ này đi” (Gi 18:8-9). Đó là dấu hiệu rõ ràng cho thấy các môn đệ không thể theo Ngài

được. Phi-e-rơ và Giăng theo đám đông vào sân thầy cả thượng phẩm Cai-phe (Gi 18:15-16). Đó là một đêm lạnh lẽo (dù Chúa đổ mồ hôi), nên Phi-e-rơ đến đứng gần đồng lửa (Gi 18:18), ngồi chung với các đầy tớ và lính canh (Lu 22:55). Ngồi trong lãnh địa kẻ thù, hẳn Phi-e-rơ là mục tiêu của họ (Thi 1:1). Trong khi Chúa mình đang bị quân lính sỉ nhục, Phi-e-rơ chỉ nghĩ đến bản thân (Lu 22:63-65).

Ban đầu, Phi-e-rơ bị thử thách bởi một đầy tớ gái của thầy cả thượng phẩm. Đầy tớ ấy nhận ra Phi-e-rơ là người từng ở với Chúa Giê-xu và là môn đệ Ngài. Phi-e-rơ chối rằng: “Hỡi người đàn bà kia, ta không biết người đó” (Lu 22:57 Mat 26:71). Phi-e-rơ bỏ ra ngoài hiên và gà gáy lần thứ nhất (Mac 14:68). Lẽ ra điều này phải khiến Phi-e-rơ cảnh tỉnh, nhưng ông cứ nấn ná ở đó.

Phi-e-rơ không thể thoát khỏi sự chú ý của nhiều người. Có một đầy tớ gái khác cũng nói rằng “Người cũng thuộc về bọn đó” (Lần thứ 2 Phi-e-rơ chối rằng: “Hỡi người, ta không phải thuộc về bọn đó đâu? Khi một người bà con của Man-chu chỉ Phi-e-rơ và nói: “Ta há chẳng từng thấy người ở trong vườn với người sao?” Những kẻ khác cũng đồng thanh”. Chắc thật người cũng thuộc về đảng ấy, vì tiếng nói của người khai người ra” (vì người Ga-li-lê có giọng địa phương dễ nhận biết). Lúc này Phi-e-rơ thề: “Ta không biết người đó đâu? Ta không biết người nói chi!” và tiếng gà gáy lần thứ 2 cho thấy lời báo trước của Chúa Giê-xu đã ứng nghiệm (Mac 14:30).

Khi Chúa Giê-xu bị giải đi để chịu xét xử lần thứ 2, Ngài quay lại nhìn Phi-e-rơ. Anh mắt Ngài khiến lòng Phi-e-rơ như tan vỡ ra. Trong khi đám đông xem Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ lên ra ngoài và khóc lóc thảm thiết. Chính vì vấn đề đức tin của Phi-e-rơ, điều Chúa phải làm là nhìn ông, hầu có thể khiến ông trở lại ăn năn tội.

Con gà nào đó đã gáy đúng lúc trong khi mọi loài chim trong thành vẫn đang yên lặng, thật là một phép lạ! Nhưng tiếng gà gáy ấy còn màu nhiệm hơn một phép lạ, vì nó làm ứng nghiệm lời của Chúa. Đó cũng là thông điệp đặc biệt dành cho Phi-e-rơ, giúp ông phục hồi lại địa vị mình, tiếng gà gáy đã khích lệ sứ đồ Phi-e-rơ về điều gì?

Trước tiên, tiếng gà gáy bảo đảm với Phi-e-rơ rằng Chúa Giê-xu vẫn đang cai trị mọi sự dù Ngài ở trong tình trạng bị xem là tội nhân, bị trói và dường như bất lực trước những kẻ bắt bớ Ngài. Phi-e-rơ có thể nhớ lại chứng cứ về quyền phép Chúa tể trị trên những con cá, trên bão biển, thậm chí trên bệnh tật và sự chết. Dù Phi-e-rơ đang trong giờ phút tăm tối, Ngài vẫn là Đấng tể trị mọi sự!

Thứ hai, tiếng gà gáy giúp Phi-e-rơ tin chắc rằng tội lỗi ông có thể được tha. Ông đã không cẩn thận chú tâm đến lời Chúa, lại còn biện luận, không vâng lời và lún sâu vào những vi phạm. Nhưng giờ đây ông đã “nhớ lại lời Chúa đã phán cùng mình” (Lu 22:61), điều này đem đến cho ông niềm hy vọng. Vì sao? Vì lời báo trước của Chúa cũng là một lời hứa tha thứ! Phi-e-rơ sẽ hối cải và làm vững chí anh em mình (22:32).

Cuối cùng, sự nhiệm màu của tiếng gà gáy cho Phi-e-rơ biết bình minh của một ngày mới đang bắt đầu. Đó không phải là ngày mới dành cho dân Do Thái hay cho kẻ thù của Chúa. Đó là ngày mới dành cho Phi-e-rơ khi ông ăn năn và khóc lóc đắng cay. “Của lễ đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là tâm thần đau thương: Đức Chúa Trời ôi! Lòng đau thương thống hối Chúa không khinh để đâu” (Thi 51:17). Vào buổi sáng Chúa Phục sinh, thiên sứ Đức Chúa Trời đã rao cho Phi-e-rơ một thông điệp đặc biệt để khích lệ ông (Mac 16:7) và quả nhiên Chúa đã hiện ra trước mặt Phi-e-rơ vào ngày ấy để phục hồi địa vị của ông (Lu 24:34).

Sẽ có lúc mỗi người trong chúng ta rơi vào tình trạng “chối Chúa”. Lúc ấy (bằng cách nào đó), hãy lắng nghe, “tiếng gà gáy”. Sa-tan sẽ nói với chúng ta rằng chúng ta đã thất bại, tương lai chúng ta sẽ đi đến chỗ “huỷ diệt”, nhưng đó không phải là thông điệp của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta. Đó chắc chắn không phải là sự kết thúc của Phi-e-ơ! Ông được tha thứ hoàn toàn hầu có thể nói trước dân Do Thái rằng “Các ngươi đã chối bỏ Đấng Thánh và Đấng Công Bình” (Cong 3:14). Lúc đó, Phi-e-ơ không có câu Kinh Thánh I Gi 1:9 để đọc, nhưng kinh nghiệm được sự tha thứ của Chúa qua chính tấm lòng ông.

5. Ngôi vinh hiển (Lu 22:63-71)

Chúa Giê-xu không bị định tội công khai vậy mà người lại cho phép lính canh nhạo báng và nhiếc móc Ngài. Họ chế nhạo việc Ngài xưng mình là tiên tri và vua (Gi 19:1-3). Tuy nhiên, sự nhạo báng tội lỗi của họ thật sự ứng nghiệm lời phán của Chúa (Mat 20:19). Ngài là tấm gương cho cách xử thế khi kẻ ác nhạo báng đức tin chúng ta (I Phi 2:18-24).

Người ta cho rằng toà án Do Thái không có quyền biểu quyết về sự tử hình giữa đêm, nên các thầy tế lễ cả, thầy thông giáo và các trưởng lão phải tập họp lại ngay khi trời sáng. Chúng ta không biết rõ vào thời Chúa Giê-xu luật này thi hành hay chưa, tuy nhiên, phiên toà vào buổi sáng sớm của toà công luận đã giải thích vấn đề này.

Đây là giai đoạn căng thẳng ở phiên toà giáo hội và vấn đề chính là “Có phải Chúa Giê-xu Na-xa-rét là Đấng Christ của Đức Chúa Trời không?” Họ cho rằng những lời tuyên bố của Chúa là giả dối nên định cho Ngài tội lộng ngôn. Hình phạt dành cho tội lộng ngôn là xử tử (Le 24:10-16).

Chúa biết lòng của những kẻ tố cáo Ngài, sự vô tín và bất nghĩa của họ (Lu 20:1-8). Lúc này, dù giảng dạy cho họ hay tranh luận với họ cũng chẳng ý nghĩa gì! Bởi họ muốn bác bỏ mọi chứng cứ Chúa bày tỏ (Gi 12:37-43). Chúa càng bày tỏ lẽ thật, càng cho thấy tội lỗi và sự xét đoán dành cho họ bấy nhiêu (Gi 9:39-41).

Chúa xưng Ngài “Con Người”, một danh hiệu dành cho Đấng Mê-si-a được chép trong Da 7:13-14. Ngài cũng khẳng định về quyền “ngồi bên hữu quyền phép Đức Chúa Trời” (Lu 22:69) một ám chỉ rõ ràng về Thi 110:1. Đây cũng là câu Kinh Thánh được Chúa trích dẫn khi Ngài biện luận với các lãnh đạo tôn giáo trước đó (Lu 20:41-44). Chúa đã nhìn thấy ngôi vinh hiển đằng sau sự thương khó của thập tự giá (He 12:2 Phi 2:1-11).

Việc Chúa Giê-xu được ngồi bên hữu Đức Chúa Trời là một lẽ thật thường được nhắc lại nhiều lần trong Tân Ước (He 1:3 8:1 10:12 12:2 I Phi 3:22 Cong 2:33 5:31 7:55-56 Ro 8:34 Eph 1:20 Co 3:1). Đó là nơi cao trọng và quyền phép. Khi tuyên bố về sự cao trọng này, Chúa Giê-xu muốn bày tỏ chính Ngài là Đức Chúa Trời. Chỉ có Lu-ca đã ghi chép câu hỏi trực tiếp ở Lu 22:70 và lời đáp trực tiếp của Chúa Giê-xu với nguyên văn “chính các ngươi nói ta là Con Ngài! họ đã sử dụng chứng cứ này khi nộp Ngài cho Phi-lát (Gi 19:17). Một số nhà thần học phái tự do cho rằng Chúa Giê-xu chưa từng tuyên bố Ngài là Đức Chúa Trời. Chẳng biết họ sẽ nói gì về phiên toà công khai này? Các lãnh đạo tôn giáo Do Thái biết điều Chúa Giê-xu muốn nói, đó cũng là lý do họ kết tội lộng ngôn cho Ngài.

Phiên toà xét xử của giáo hội giờ đây đã chấm dứt. Bước kế tiếp, họ đưa Chúa ra trước công chúng để người ta xử Ngài. Họ thuyết phục nhà cầm quyền Rô-ma rằng

Chúa Giê-xu Na-xa-rét là tội nhân đáng xử chết. Con Đức Chúa Trời phải bị đóng đinh và chỉ có dân Rô-ma mới có thể làm điều đó.

Nói đến nhà cầm quyền Do Thái, trong cuốn sách “Vụ án và Sự chết của Chúa Giê-xu” (The Death of Jesus Christ) William Stalker viết: “Họ bước đi trong ánh sáng của riêng mình nhưng ánh sáng trong họ chỉ là sự tối tăm”.

Mathew Henry nhà giải nghĩa Kinh Thánh nói rằng: “Không ai mù loà như những kẻ không muốn nhìn thấy”.

“*Các người đương có sự sáng, hãy tin sự sáng, hầu cho trở nên con cái của sự sáng*” (Gi 12:36).

22. CHÚA BỊ KẾT ÁN VÀ ĐÓNG ĐINH (Lu 23:1-56)

Phiên toà xét xử và sự chết của Chúa Giê-xu bày tỏ lòng gian ác của con người và lòng nhân từ của Đức Chúa Trời. Khi con người phạm tội gồm ghiếc nhất là lúc Đức Chúa Trời bày tỏ sự nhân từ vô đối của Ngài. “Nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa” (Ro 5:20). Chúa Giê-xu bị đóng đinh không phải vì kẻ ác muốn giết Ngài nhưng “theo ý định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời” (Cong 2:23). Đó là sự định trước từ buổi sáng thế (IPhi 1:20 Kh 13:8).

Khi học đến đoạn này, bạn hãy chú ý đến 6 cuộc gặp gỡ Chúa trải qua suốt những giờ phút thương khó này.

1. Chúa Giê-xu trước mặt Phi-lát (Lu 23:1-25)

Phi-lát làm tổng đốc xứ Giu-đê từ năm 26-36 SC. Sau đó ông được triệu về Rô-ma và không còn được nhắc đến trong lịch sử La Mã nữa. Bị người Do Thái căm ghét, Phi-lát chẳng bao giờ muốn hiểu họ. Có lần ông đã chọc giận dân Do Thái khi cho giương những biểu ngữ vô thần của dân Rô-ma trong đền thờ và sai các do thám trang bị vũ khí đến đền thờ để dẹp những người Do Thái chống đối (Lu 13:1-3).

Khi xét xử Chúa Giê-xu, vị quan tổng đốc này tỏ ra do dự. Phúc Âm Giảng ghi lại 7 động tác của Phi-lát khi bước ra gặp dân chúng rồi trở vào thăm vấn Chúa Giê-xu (Gi 18:29,33,38 19:1,4,9,13). Ông cố tìm sơ hở nhưng không thể được. Phi-lát là người thất bại khi thăm vấn Chúa, 3 lần tuyên bố Ngài vô tội vậy mà vẫn để người ta đóng đinh Ngài.

Lời xác nhận của Phi-lát (Lu 23:1-5) Các quan chức Rô-ma thường dậy sớm khi có nhiệm vụ, nhưng buổi sáng hôm ấy có lẽ Phi-lát ngạc nhiên biết mình phải giải quyết một vụ xử kiện về tội tử hình vào lễ Vượt Qua. Các quan Do Thái biết rằng luật lệ tôn giáo của họ chẳng có ý nghĩa gì đối với một quan chức La Mã, vì vậy họ đưa vào bản cáo trạng Chúa những vấn đề mang tính chất chính trị. Họ buộc Ngài 3 tội: phản quốc, chống đối việc nộp thuế cho Sê-sa và tự xưng là vua.

Phi-lát tra hỏi Chúa Giê-xu cách riêng tư về việc Ngài xưng mình là Vua, vì đây là vấn đề quyết định. Ông kết luận rằng Chúa vô tội. Ba lần trong phiên toà, Phi-lát khẳng định rõ ràng sự vô tội của Chúa (Lu 23:4,14,22). Bên cạnh lời nói của Phi-lát “ta không thấy người này có tội gì”, Bác sĩ Lu-ca đưa ra 3 chứng cứ khác về Chúa, đó là: vua Hê-rốt (23:15), Một tên cướp (23:40-43) và thầy đội La Mã (23:47).

Sự nhượng bộ của Phi-lát (Lu 23:6-12) Dân Do Thái bác bỏ sự phán quyết của Phi-lát nên bắt đầu tố cáo Chúa nhiều hơn nữa. Khi họ nhắc đến người Ga-li-lê thì Phi-

lát, một nhà chính trị lão luyện liền thấy một cơ hội chuyển Chúa Giê-xu sang chỗ khác. Ông giải Ngài đến vua Hê-rốt An-ti-ba vua chư hầu xứ Ga-li-lê, người đã giết Giăng Báp-tít và cũng nóng lòng muốn gặp Chúa Giê-xu (23:7-9). Có lẽ vị vua xảo quyệt này đã tìm cách làm hài lòng dân Do Thái.

Có lẽ vua Hê-rốt rất ngạc nhiên và hồi hộp khi quân lính giải Chúa Giê-xu vào. Tuy nhiên, càng đặt câu hỏi với Chúa, vua càng trở nên can đảm hơn! Có lẽ Chúa Giê-xu đã làm vua hài lòng bằng một phép lạ! Dù bị vua tra hỏi liên tục và bị dân Do Thái tố cáo quyết liệt, Chúa Giê-xu vẫn không nói lời nào. Hê-rốt đã làm ngưng tiếng nói của Đức Chúa Trời. Hê-rốt có ý định xét xử Chúa, nhưng chính Chúa mới là Đấng xét đoán ông.

Cuối cùng, vua Hê-rốt thật “can đảm” khi nhạo báng Chúa và cho phép quân lính mặc “áo hoa hòe” cho Ngài, loại áo được dân Rô-ma dệt cho quan chức. Vua Hê-rốt không đưa ra được lời phán quyết công khai dành cho Chúa Giê-xu, rõ ràng ông không tìm được tội lỗi đáng chết nào nơi Ngài (Lu 23:15).

Thủ đoạn này đã thực hiện được một vấn đề duy nhất: hàn gắn lại một mối quan hệ bằng hữu đã đổ vỡ. Hê-rốt biết ơn Phi-lát vì đã giúp ông gặp được Chúa Giê-xu, lại còn hỏi ý kiến của ông nữa! Việc Hê-rốt giao Chúa lại cho Phi-lát mà không đưa ra lời định tội, có thể giải thích như sau: “Thưa Ngài Phi-lát, vì chúng ta không ở Ga-li-lê nên Ngài có quyền hành động, tôi sẽ không can dự vào. Giê-xu này là phạm nhân của Ngài, không phải của tôi. Tôi biết Ngài sẽ hành động đúng”. Chính vì 2 người cùng gặp phải một mối đe dọa chung, nên họ đã bỏ qua những hiểm thù để kết bạn trở lại.

Sự mặc cả của Phi-lát (Lu 23:13-23): Lần thứ 2 Phi-lát cho các quan trưởng Do Thái biết rằng ông không tìm thấy tội lỗi nào nơi Chúa Giê-xu. Việc vua Hê-rốt giao quyền quyết định cho Phi-lát không khiến dân Do Thái để tâm đến, vì họ vốn căm ghét Hê-rốt cũng như không ưa gì dân Rô-ma.

Nhà cầm quyền thường có lệ tha bổng một phạm nhân vào kỳ lễ Vượt Qua, nên Phi-lát muốn đưa ra một quyết định dung hoà: ông sẽ đánh đòn Chúa Giê-xu rồi tha Ngài. Hiện Phi-lát đang giam giữ một phạm nhân tên Ba-ra-ba và ông tin chắc dân Do Thái sẽ không muốn tha tên ấy. Xét cho cùng, Ba-ra-ba là một kẻ trộm cướp (Gi 18:40), kẻ giết người và là kẻ dấy loạn (Lu 23:19). Có lẽ Ba-ra-ba đã cầm đầu những kẻ Do Thái cực đoan muốn lật đổ Rô-ma lúc bấy giờ.

Bạn đừng cho rằng dân chúng trong thành Giê-ru-sa-lem được phép tụ tập lại và kêu la trước Phi-lát về huyết Chúa Giê-xu, dù lẽ dĩ nhiên một đám đông hiếu kỳ thường tụ tập lại. Chính các chức sắc tôn giáo trong nước đặc biệt là các thầy tế lễ cả (Lu 23:23) đòi Phi-lát phải đóng đinh Chúa Giê-xu. Thật không chính xác hoàn toàn nếu nói rằng những người đã tung hô “Hô-sa-na” vào Chúa nhật lễ Lá cũng là những người cuối cùng hét lên “Đóng đinh nó trên cây thập tự đi!” vào ngày thương khó của Chúa.

Sự đầu hàng của Phi-lát (Lu 23:24-25): Phi-lát nhận ra rằng việc ông không giải quyết được tình huống này thật sự gây nên cuộc bạo động và sự nổi dậy của dân Do Thái có thể sẽ là kết quả sau cùng trong kỳ lễ Vượt Qua. Vì vậy, ông rửa tay trước mặt dân chúng để khẳng định sự vô can của mình (Mat 27:24-25). Ông là kẻ nhượng bộ “muốn cho đẹp lòng dân” (Mac 15:15). Ba-ra-ba được tha bổng, còn Chúa Giê-xu phải bị xử chết trên thập tự giá của dân Rô-ma.

Bản tính của Phi-lát thật khó hiểu. Ông từng tuyên bố sự vô tội của Chúa Giê-xu, nhưng vẫn cho phép người ta đánh đòn và xử chết Ngài. Phi-lát cẩn thận tra hỏi Chúa, thậm chí run sợ trước lời đáp của Ngài, nhưng lẽ thật của Lời Đức Chúa Trời vẫn không thay đổi được quyết định của ông. Ông muốn được nổi tiếng hơn làm người công bình, quan tâm đến danh vọng hơn phẩm chất. Nếu Hê-rốt làm ngưng tiếng nói Đức Chúa Trời Phi-lát cũng làm nghẹt ngòi tiếng nói ấy. Có cơ hội trong tay, Phi-lát đã đánh mất nó.

2. Chúa Giê-xu và Si-môn (Lu 23:26)

Vác thập tự giá của chính mình đến trường án là nỗi tủi nhục của phạm nhân. Vì vậy khi Chúa Giê-xu rời khỏi sân Phi-lát, Ngài phải vác thập tự giá (Gi 19:17). Chúa thật sự không thể bước nổi nên quân lính phải buộc Si-môn người xứ Sy-ren vác thập tự cho Ngài (Mat 5:41). Khi theo dõi những việc Chúa chịu đựng từ khi bị bắt trong vườn, thật không khó hình dung Ngài gục ngã ra sao dưới gánh nặng trên lưng. Hơn thế: mang thập tự giá là biểu hiện của sự phạm tội, nhưng Chúa Giê-xu không hề có tội!

Hàng ngàn người Do Thái từ mọi xứ đến Giê-ru-sa-lem dự các kỳ lễ (Cong 2:5-11), Si-môn đi chung với họ. Ông ta đã đi 800 dặm từ Châu Phi đến dự lễ Vượt Qua, giờ lại phải chịu nhục nhã trong một ngày lễ trọng thể nhất! Ông sẽ nói gì với gia đình khi trở về?

Chuyện xảy đến với Si-môn như một tai họa, đã trở nên một cơ hội kỳ diệu, đưa ông đến trong mối liên hệ với Chúa Giê-xu. (Vây còn Si-môn kia đâu? Si-môn Phi-e-rơ, người đã thề sống chết cùng Ngài?) Có lẽ Si-môn đến thành Giê-ru-sa-lem để dự buổi lễ cầu nguyện lúc 9 giờ sáng, nhưng quân lính đã thay đổi kế hoạch của ông ta.

Chúng ta có lý do tin rằng con người Si-môn đã được thay đổi sau lần gặp gỡ Chúa Giê-xu. Mác xác nhận Si-môn là “cha A-léc-xan-đơ và Ru-phu” (Mac 15:21), đó là 2 người Mác cho rằng các độc giả Rô-ma có thể biết họ. Phao-lô gửi lời chào thăm một tín hữu tên Ru-phu ở Ro 16:13, và có thể đó là con của Si-môn người Sy-ren. Rõ ràng, Si-môn và 2 con ông là những tín hữu được nhiều người biết đến và được Hội Thánh Chúa tôn trọng.

Trước khi Si-môn gặp Chúa, ông đã có niềm tin và sự tin kính. Nhưng sau khi gặp Chúa, ông nhận được lẽ thật và sự cứu rỗi. Buổi sáng ấy, ông đã có một cuộc gặp gỡ về mặt thuộc thể và thuộc linh, làm thay đổi cuộc đời ông. Đức Chúa Trời vẫn có thể sử dụng những hoàn cảnh khó khăn mà con người không ngờ đến, thậm chí những sự nhục nhã để đem con người đến với Đấng Cứu Thế.

3. Chúa Giê-xu và những phụ nữ thành Giê-ru-sa-lem (Lu 23:27-31)

Những vụ xử án công khai thường thu hút nhiều người xem, đặc biệt vụ xử án này có liên quan đến Chúa Giê-xu lại càng khiến đông người chú ý. Thêm vào sự kiện này, thành Giê-ru-sa-lem đầy những khách hành hương nên dễ tin rằng có một “đoàn dân đông lắm” (Lu 23:27) đi theo những kẻ bị kết án đến đồi Gô-gô-tha.

Trong đoàn dân, có một số phụ nữ than khóc vì cảm thông sự thương khó của Chúa và nghĩ đến tình trạng thuộc linh suy đồi của dân tộc mình. Điều này cho thấy theo các sách Phúc Âm, không có phụ nữ nào chống đối Chúa. Chúa Giê-xu cũng chưa

từng là kẻ thù của giới phụ nữ. Tấm gương của Ngài, sự dạy dỗ và trên hết sự Cứu Chuộc của Ngài đã góp phần to lớn trong việc đề cao giới phụ nữ. Tin tức về sự Giáng sinh của Chúa được loan báo cho một trinh nữ Do Thái. Sự chết của Chúa được các người đàn bà đau khổ chứng kiến. Và tin mừng về sự Phục sinh của Chúa được rao ra trước tiên cho người đàn bà bị quỉ ám trước đó.

Chúa Giê-xu đánh giá cao sự chia sẻ của họ và dùng điều đó để dạy dỗ họ cùng chúng ta một bài học đầy ý nghĩa. Trong khi họ khóc cho cái chết của một người vô tội, Ngài lại nhìn thấy trước và đau thương cho sự huỷ diệt khủng khiếp dành cho cả dân tộc Do Thái, một sự đoán phạt hoàn toàn công bằng (Lu 19:41-44). Nhưng than ôi, phụ nữ và trẻ con lại chịu hoạn nạn nhiều nhất lịch sử đã minh chứng điều này. Quân Rô-ma cố bắt phục người Do Thái bằng cách làm cho họ bị đói Vì vậy những kẻ giữ thành đói khát phải dùng lương thực của vợ con mình, thậm chí giết người và ăn thịt cùng huyết họ.

Đất nước Y-sơ-ra-ên giống như “cây xanh” trong những năm Chúa Giê-xu hiện diện trên đất. Chính vào lúc có cơ hội và ơn phước cây xanh ấy phải kết quả. Thế nhưng dân tộc này đã chối bỏ Chúa và trở nên “cây khô” chỉ xứng đáng dành cho lửa. Đã bao lần Chúa muốn nhóm dân Ngài lại, nhưng họ không muốn. Khi kết án Chúa, chính họ đã tự kết tội mình.

Lời Chúa phán có thể được diễn giải rằng: “Nếu nhà cầm quyền Rô-ma làm điều này cho Đấng Vô tội, vậy họ sẽ còn làm gì cho các người, là những kẻ tội lỗi? “Khi ngày đoán xét xảy đến, liệu các người có thoát khỏi?”

4. Chúa Giê-xu và 2 kẻ trộm cướp (Lu 23:32-43)

Lời tiên tri đã báo trước rằng Con Đức Chúa Trời sẽ “bị kể vào hàng kẻ dữ” (22:37 Es 53:12). Thật vậy, 2 phạm nhân bị đóng đinh cùng Ngài là những kẻ cướp (Mat 27:38). Hai người này bị kết tội cướp của giết người.

“Chỗ Sọ” theo tiếng Aram nghĩa là “gô-gô-tha”. Có lẽ địa điểm này trông như một cái sọ người. Đồi Gô-gô-tha ở gần cửa thành Damascus ở Giê-ru-sa-lem có thể tên gọi này được biết đến đơn giản bởi những vụ thi hành án khủng khiếp.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh khoảng 9 giờ sáng và bị treo trên thập tự đến 3 giờ chiều. Vào giữa trưa sự tối tăm bao trùm khắp đất (Mac 15:25,33). Chúa Giê-xu đã cất tiếng 7 lần suốt 6 giờ đồng hồ đau thương khủng khiếp này.

1. “Lạy Cha, xin tha cho họ” (Lu 23:34)
2. “Hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi (23:43)
3. “Hỡi đàn bà kia, đó là con của người” (Gi 19:25-27)
4. “Đức Chúa Trời ơi sao Ngài lìa bỏ tôi” (Mat 27:46)
5. “Ta khát” (Gi 19:28)
6. “Mọi việc đã được trọn” (Gi 19:30)
7. “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Cha” (Lu 23:46)

Phúc Âm Lu-ca chỉ ghi lại 3 trong 7 lời nói của Chúa: Lu 23:1,7. Lời cầu nguyện của Chúa cho kẻ thù và công tác Ngài dành cho một kẻ trộm cướp đã ăn năn, những điều

này thích hợp với mục đích của Lu-ca, bày tỏ Chúa Giê-xu là Con Người cảm thông, luôn quan tâm đến những kẻ khốn khó.

Khi người ta đóng đinh Chúa trên thập tự, Ngài cứ cầu nguyện: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu 23:34). Ngài không chỉ thực hiện điều Ngài đã dạy dỗ kẻ khác (Lu 6:27-28), Ngài còn làm ứng nghiệm lời tiên tri và “cầu thay cho những kẻ phạm tội” (Es 53:12). Qua lời cầu nguyện của Ngài, chúng ta không nên suy đoán rằng sự dốt nát là cơ sở cho sự tha tội, cũng đừng cho rằng những ai phạm tội nghịch cùng Chúa Giê-xu tự nhiên đã được tha thứ bởi sự cầu nguyện của Chúa. Chắc chắn người Do Thái và người Rô-ma đều thiếu hiểu biết về sự kinh khiếp của tội lỗi, điều đó cũng không thể miễn tội cho họ được. Luật pháp cho phép người làm lỗi phạm tội được dâng của lễ chuộc tội (Dan 15:27-31 Xu 21:14 Thi 51:16-17). Sự cầu thay của Chúa Giê-xu đã “trì hoãn” được sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên dân tộc này suốt gần 40 năm, cho họ thêm nhiều cơ hội để được cứu (Cong 3:17-19).

Thật là một sự thần hựu khi Chúa Giê-xu bị đóng đinh ở giữa 2 tên cướp, vì điều này giúp họ có cùng một cơ hội để tiếp cận với Đấng Christ. Cả 2 có thể đọc bảng viết trên thập tự “**NGƯỜI NÀY LÀ VUA DÂN GIU-ĐA**”. Họ có thể nhìn xem Chúa, Đấng đầy lòng nhân từ đã phó thân mình vì tội lỗi cả thế gian.

Một tên cướp lặp lại lời chế giễu của các chức sắc tôn giáo và yêu cầu Chúa tự cứu mình khỏi cây thập tự, nhưng tên cướp thứ 2 lại có suy nghĩ khác hẳn. Có lẽ anh ta có thể lý luận rằng: “Nếu người này thật sự là Đấng Christ, nếu Ngài có Vương quốc, nếu Ngài từng cứu nhiều người, vậy Ngài hẳn có thể đáp ứng nhu cầu lớn nhất của tôi là sự cứu chuộc tội lỗi. Tôi chưa sẵn sàng để chết!” Tên cướp này có can đảm, bất chấp ảnh hưởng của bạn mình, sự chế nhạo của đám đông để đặt niềm tin nơi một vị Vua đang hấp hối! Khi xem xét những trở ngại anh ta phải khắc phục, bạn sẽ thấy đức tin anh ta đáng ngạc nhiên biết bao!

Người này được cứu hoàn toàn bởi ân điển, đó là sự ban cho của Đức Chúa Trời (Eph 2:8,9). Anh ta không xứng đáng nhận ân điển, cũng không tự mình có được. Sự cứu rỗi dành cho chính anh có tính chất chắc chắn, được bảo đảm bởi lời của Chúa Giê-xu. Anh hy vọng được giúp đỡ trong tương lai, nhưng Chúa Giê-xu ban cho anh sự tha thứ ngay hôm ấy, nên anh đã qua đời và đồng đi với Chúa đến Ba-ra-đi (II Co 12:1-4).

Điều đáng chú ý ở đây, những người có mặt nơi đồi Gô-gô-tha đã làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Cựu ước qua hành động của họ: bắt thăm chia nhau áo xống Chúa (Thi 22:18), nhạo cười Ngài (22:6-8) và cho Ngài uống giấm (69:1). Đức Chúa Trời vẫn ngự trên ngôi Ngài và tế trị mọi sự qua lời Ngài.

5. Chúa Giê-xu với Đức Chúa Cha (Lu 23:44-49)

Hãy nhớ rằng điều Chúa Giê-xu hoàn tất trên thập tự giá là công tác vĩnh cửu, có liên quan đến Đức Chúa Cha và Chúa Giê-xu. Ngài không chết như Thánh tử đạo mất lý tưởng, cũng không chỉ là một gương cho con người noi theo. Es 53:1-12 bày tỏ rằng Chúa Giê-xu không chết vì chính tội lỗi mình bởi Ngài vốn vô tội. Ngài chết thay cho tội lỗi của chúng ta. Linh hồn Ngài buồn bực vì có tội lỗi con người (Es 53:4-6,10-12).

Sự tối tăm trong suốt 3 giờ đồng hồ quá là một phép lạ! Đó không phải là hiện tượng nhật thực vì nó không thể xảy ra trong mùa lễ Vượt Qua khi trăng tròn. Đó là bóng tối do Đức Chúa Trời bao phủ thập tự giá khi Con Đức Chúa Trời gánh thay tội

lỗi chúng ta (ICo 5:21). Ngay cả thiên nhiên cũng bày tỏ nỗi cảm thông với Đấng Tạo Hoá khi chính Ngài chịu thương khó và chịu chết. Khi dân Y-sơ-ra-ên ở trong Ê-díp-tô, có 3 ngày tối tăm trước lễ Vượt Qua đầu tiên (Xu 10:21). Khi Chúa Giê-xu bị treo trên thập tự, có 3 giờ đồng hồ tối trước khi Chiên Con Đức Chúa Trời chết thay tội lỗi thế gian (Gi 1:29).

Cả Ma-thi-ơ (Mat 27:45-46) và Mác (Mac 15:33-34) ghi lại tiếng kêu của Chúa khi trời đất tối tăm, trích từ Thi 22:1 “Đức Chúa Trời tôi ôi! Đức Chúa Trời tôi ôi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?” Sự lìa bỏ ấy là gì và cảm xúc của Chúa ra sao, chúng ta không thể hiểu rõ. Nhưng chắc hẳn nó có liên quan đến sự kiện Ngài đã trở nên tội lỗi vì chúng ta. Khi Chúa kêu lớn tiếng rằng: “mọi việc đã được trọn!” (Gi 19:30), đó là lời tuyên bố đắc thắng. Ngài đã hoàn tất công tác Cha trên trời giao phó (Gi 17:4). Công tác cứu chuộc đã được hoàn thành, mọi lời tiên tri đã được ứng nghiệm (He 9:24) và Đấng Christ giờ đây có thể yên nghỉ.

Lần cuối cùng, Ngài cầu nguyện với Cha rằng: “Hỡi Cha, tôi giao linh hồn lại trong tay Chúa!” (Thi 31:5). Đây chính là lời cầu nguyện mà các trẻ em Do Thái cầu nguyện khi đi ngủ và điều này, cho chúng ta biết cách Chúa Giê-xu chết: tự tin, mãn nguyện và đắc thắng (Gi 10:17-18). Những ai tin Chúa Giê-xu là Đấng Christ của mình, đều có thể chết như Chúa với sự thanh thản như vậy (Phi 1:20-23 ICo 5:1-8).

Khi Chúa trút linh hồn, bức màn trong đền thờ xé ra làm đôi “từ trên chí dưới” (Mac 15:38). Phép lạ này bày tỏ cho thầy tế lễ và dân chúng biết rằng con đường sống Đức Chúa Trời đã mở ngang qua cái màn cho những ai đến gần Ngài bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu (He 9:1-10:25). Tội nhân chẳng cần đến đền thờ trên đất, bàn thờ, của lễ hay thầy tế lễ nữa, vì mọi sự đã được trọn vẹn trong công tác đã hoàn tất của Con Đức Chúa Trời.

Lu-ca ghi lại 3 phản ứng đối với những biến cố xảy ra vào những giây phút cuối cùng trước khi Chúa tắt hơi. Thầy đội là người có nhiệm vụ thi hành án, đã xác nhận: “Thật người này là người công bình thật là Con Đức Chúa Trời” (Lu 23:47 Mac 15:39). Ông sợ hãi trước cảnh tối tăm và đất rung động (Mat 27:54) đặc biệt trước tình trạng thương khó và chết của Chúa. Ông hẳn phải ngạc nhiên khi Chúa la lớn tiếng và trút hơi đột ngột, vì các nạn nhân bị đóng đinh thường sống yếu ớt vài ngày và không đủ sức để nói.

Dân chúng đến xem cảnh tượng này bắt đầu lê bước trở về, một số người dấm ngực vì biết mình tội lỗi (Lu 18:13). Họ có phải là những người tin Chúa? Có lẽ không phải vậy. Họ chỉ là những kẻ ngoại cuộc bị thu hút đến nơi xử án, nhưng mọi điều họ thấy và nghe đủ để họ cảm biết tội lỗi mình.

Sau cùng, các bạn hữu của Chúa đã có mặt ở đó, có cả những người đàn bà từng đi theo Chúa (8:1-3 24:22). Thật ý nghĩa khi những người đàn bà là những người sau cùng có mặt nơi thập tự giá và cũng là những người đầu tiên có mặt tại phần mộ Ngài vào buổi sáng Phục sinh.

6. Chúa Giê-xu và Giô-sép ở A-ri-ma-thê (Lu 23:50-56)

Giô-sép và bạn ông là Ni-cô-đêm (Gi 19:38-42) đều là thành viên trong hội đồng xét xử của dân Do Thái, nhưng họ đã có mặt để biểu quyết về việc xử Chúa Giê-xu. Mac 14:64 cho thấy cả hội đồng đều kết án Chúa Giê-xu, có lẽ điều ấy sẽ không xảy ra nếu Giô-sép và Ni-cô-đêm có mặt hôm ấy.

Có lẽ Giô-sép và Ni-cô-đem đã biết lời Kinh Thánh Cựu Ước nói về cách Chúa Giê-xu chịu chết, nên họ muốn lo việc chôn cất cho Ngài. Ngôi mộ mới chắc hẳn là của Giô-sép, được xây trong vườn rất gần nơi thi hành án và rất xa nhà ông. Không người giàu nào lại chuẩn bị cho mình một ngôi mộ với vị trí như vậy. Đây là phần mộ dành cho Chúa chớ không phải cho Giô-sép. Có thể, 2 người này đã giấu ngôi mộ khi Chúa bị treo trên thập tự giá, chờ đến khi Ngài trút hơi. Hẳn là họ đã chuẩn bị các hương liệu và vải liệm vì họ không thể mua sắm những thứ này trong ngày lễ Vượt Qua.

Khi Chúa Giê-xu chết, Giô-sép lập tức đến Phi-lát để xin xác Ngài, còn Ni-cô-đem ở lại đòi Gô-gô-tha để thăm dò. Họ nhẹ nhàng đem xác Ngài xuống khỏi thập tự, nhanh chóng đem Ngài đến khu vườn, ướp xác Ngài bằng các hương liệu. Đây là việc chôn cất tạm thời, họ sẽ trở lại sau ngày Sa-bát. Khi đặt Chúa vào phần mộ mới, họ đã làm ứng nghiệm lời tiên tri Es 53:9 và không để cho dân Rô-ma vất xác Ngài nơi đồng rác ngoài cửa thành. Các tử tội thường không có quyền được chôn cất Tuy nhiên Đức Chúa Trời biết rằng thân thể của con Ngài phải được chôn cất với sự kính trọng và yêu mến.

Thật ý nghĩa khi thân thể này được chôn cất thích đáng, vì Đức Chúa Trời sẽ khiến Ngài sống lại từ cõi chết. Nếu có điều gì không rõ ràng minh bạch về sự chết và chôn của Chúa, có thể đã ảnh hưởng đến thông điệp và công tác Phúc Âm (ICo 15:1-8).

Sau 6 ngày Đức Chúa Trời hoàn tất công tác “sáng tạo cũ” Ngài nghỉ ngơi (Sa 2:1-3). Sau 6 giờ Chúa chúng ta hoàn tất công tác “sáng tạo mới” (II Co 5:17), Ngài nghỉ ngơi trong ngày Sa-bát tại phần mộ của Giô-sép.

Tuy vậy, đó chưa phải là kết thúc của câu chuyện. Ngài sẽ sống lại!

23. CON NGƯỜI ĐÃ CHIẾN THẮNG (Lu 24:1-53)

Tiến sĩ John Stott nói: “Bản chất của Đạo Cơ Đốc là Đạo của sự Phục sinh. Quan niệm về sự phục sinh chính là điều quan trọng cốt lõi của Đạo. Nếu bạn bỏ nó qua một bên, Cơ Đốc giáo xem như bị huỷ diệt”.

Sự Phục sinh của Chúa Giê-xu xác nhận với chúng ta rằng Ngài thật là Con Đức Chúa Trời, như Ngài đã phán (Ro 1:4). Điều này chứng minh của lễ hy sinh của Ngài thay cho tội lỗi loài người đã được chấp nhận và công tác cứu rỗi đã hoàn tất (Ro 6:4 Ga 2:20). Sự phục sinh của Chúa công bố cho chúng ta biết Ngài là Đấng xét đoán, sẽ có một ngày Ngài xét xử cả thế gian (Cong 17:30-31).

Không có gì ngạc nhiên khi Sa-tan tấn công vào lẽ thật của sự Phục sinh. Lời dối trá trước tiên nó dựng lên, đó là việc các môn đệ đến ăn cắp xác Chúa Giê-xu (Mat 28:11-15). Nhưng khó hình dung nổi các môn đệ làm việc ấy ra sao. Cửa mồ được lính canh cẩn mật (Mat 27:61-66). Hơn nữa những môn đệ còn đang khiếp sợ không thể đánh bại quân lính để mở cửa mồ lấy xác Chúa. Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất là do các sứ đồ không tin rằng Chúa mình đã phục sinh! Vậy tại sao họ muốn trộm xác Ngài và dựng ra trò lừa như vậy?

Sự dối trá thứ hai cho rằng Chúa Giê-xu thực sự chưa chết trên thập tự nhưng chỉ ngất đi, và khi được đặt vào phần mộ “lạnh lẽo”, Ngài đã tỉnh lại! Chính Phi-lát và thầy đội đã kiểm tra để biết Chúa có thật sự chết hay không (Mac 15:44). Lính La Mã khi đánh gãy ống chân 2 tên cướp cũng biết rằng Chúa đã chết (Gi 19:31-34). Hơn nữa,

làm sao ngôi mộ lạnh giá kia có thể thay đổi thân thể Chúa hầu Ngài có khả năng biến hoá và đi xuyên qua cửa đóng kín?

Thông điệp Phúc Âm dựa trên nền tảng sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu (ICo 15:1-8). Các sứ đồ được sai đi làm chứng về sự phục sinh của Ngài (Cong 1:22), còn sách Công vụ tập trung vào sự sống lại của Chúa Giê-xu. Đây cũng là lý do Lu-ca kể lại những lần Chúa xuất hiện sau khi sống lại từ cõi chết. Trước tiên, Ngài hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len (Gi 20:11-18), sau đó Ngài hiện ra cho những người đàn bà khác (Mat 28:9-10), hai người trên đường đến Em-ma-út (Lu 24:13-22). Chúa cũng hiện ra cho Phi-e-rơ (24:34) và cho Gia-cơ (là em cùng mẹ khác cha của Ngài) (ICo 15:7).

Vào buổi chiều hôm đó, Ngài hiện ra trước các môn đệ (Lu 24:36-43), nhưng Tô-ma không tin lời họ kể (Gi 20:19-25). Một tuần sau đó, Ngài hiện ra cho các sứ đồ lần nữa, đặc biệt cho Tô-ma (Gi 20:26-31). Ngài hiện ra cho 7 sứ đồ khi họ đang thả lưới ở biển Ga-li-lê (Gi 21:1-23). Trước khi thăng thiên, Ngài còn hiện ra vài lần cho các sứ đồ, dạy dỗ họ và giao nhiệm mạng cho họ (Cong 1:1-12).

Khi các tín hữu biết Chúa Giê-xu đang sống, đời sống họ đã thay đổi một cách kỳ diệu.

1. Những tấm lòng bối rối: Ngài mở cửa mộ (Lu 24:1-12)

Chúng ta không rõ Chúa Giê-xu sống lại lúc mấy giờ vào ngày đầu tuần, nhưng có lẽ rất sớm. Đất rung động và thiên sứ lăn cửa mộ (Mat 28:2-4) không phải để Chúa Giê-xu bước ra, nhưng để minh chứng cho sự phục sinh của Ngài “Hãy đến xem!... Hãy đi mau nói...” là mệnh lệnh ngày Phục sinh cho Hội Thánh.

Ma-ri Ma-đơ-len là người đặc biệt được Chúa cứu và đi theo hầu việc Ngài (Lu 8:2). Bà có mặt cho đến cuối cùng nơi thập tự giá (Mac 15:47) và đến mộ Chúa trước tiên. Bà đi cùng Ma-ri mẹ của Gia-cơ, Gian-nơ cùng những người đàn bà khác (Lu 24:10) hy vọng có thể hoàn tất việc chuẩn bị xác Chúa cho việc chôn cất chính thức. Tấm lòng buồn bực của họ, giờ đã biến thành niềm vui mừng khi khám phá Chúa Giê-xu đang sống.

“Ai sẽ lăn hòn đá lấp cửa mộ ra cho chúng ta” (Mac 16:3) là điều họ quan tâm. Lính La Mã không muốn phá dấu niêm phong đặc biệt chỉ vì một nhóm phụ nữ Do Thái than khóc kia! Nhưng Đức Chúa Trời giải quyết nan đề của họ: cửa mộ đã mở và không còn xác để chuẩn bị!

Lúc này có 2 thiên sứ xuất hiện Mat 28:2 và Mac 16:5 chỉ nói đến một thiên sứ người rao sứ điệp cho những người đàn bà. Sứ điệp cũng mang tính chất quở trách khi thiên sứ nhắc họ về trí nhớ kém cỏi của họ. Hơn một lần, Chúa Giê-xu cho môn đệ biết Ngài sẽ chịu thương khó, chịu chết và sống lại (Mat 16:21 17:22-23 20:17-19 Lu 9:22,44 18:31-34). Thật đáng buồn nếu con cái Đức Chúa Trời quên lời Ngài để sống một cách thất bại. Hôm nay, Thánh Linh Đức Chúa Trời vẫn giúp chúng ta nhớ lại lời Ngài (Gi 14:26).

Vâng theo nhiệm mạng, những phụ nữ này đã chạy đi rao tin cho các môn đệ, nhưng họ không tin! (Theo Mac 16:14 sau đó Chúa Giê-xu đã quở trách sự vô tín của họ). Ma-ri Ma-đơ-len bảo Phi-e-rơ và Giăng đến xem mộ (Gi 20:1-10), họ cũng chứng kiến ngôi mộ không có Chúa Giê-xu ở đó. Chứng cứ này cho thấy Chúa đã phục sinh và không có cuộc bạo động nào xảy ra.

Khi Ma-ri khóc lóc nơi phần mộ, Chúa Giê-xu hiện ra với bà (Gi 20:11-18). Thấy ngôi mộ trống và những tấm vải liệm là một việc, nhưng gặp được Chúa Phục sinh lại hoàn toàn là một việc khác. Hôm nay, chúng ta không thể nhìn thấy bằng chứng ấy nơi mộ, nhưng chúng ta có lời chứng của các nhân chứng được ghi trong lời được hà hơi của Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể sống bằng đức tin trong Chúa Giê-xu và kinh nghiệm sự sống của Ngài trong chúng ta (Ga 2:20).

Hãy nhớ rằng những phụ nữ không nghĩ rằng Chúa sống. Họ quên hẳn những lời báo trước của Chúa về sự phục sinh của Ngài, nên chỉ đến phần mộ để hoàn tất việc xúc dầu cho xác Chúa. Nếu cho rằng họ bị ảo giác và chỉ tưởng mình gặp Chúa, nghĩa là chúng ta chỉ lướt qua bên ngoài của chứng cứ. Chẳng lẽ nhiều người lại đều có ảo giác về một sự việc trong cùng một lúc? Chẳng hề vậy. Họ đã trở thành những nhân chứng nhiệt thành ngay cả cho những người lãnh đạo của họ rằng Chúa Giê-xu đang sống!

2. Những tấm lòng chán nản: Chúa mở mắt họ (Lu 24:13-35)

Em-ma-út là ngôi làng nhỏ cách Giê-ru-sa-lem 12 km ở phía Tây Bắc. Hai người này đi từ Giê-ru-sa-lem đến Em-ma-út, họ là những môn đệ nhụt chí, trong lúc không có lý do gì để chán nản như vậy. Họ đã nghe những người đàn bà kể lại sự việc ở ngôi mộ trống và việc Chúa đã sống lại, nhưng họ không tin. Họ hy vọng Chúa Giê-xu sẽ cứu dân Y-sơ-ra-ên (Lu 24:21) nhưng hy vọng ấy đã tiêu tan! Chúng ta có cảm giác rằng họ chán nản vì Đức Chúa Trời đã không hành động theo điều họ muốn. Họ chỉ nhìn thấy vinh hiển của Vương quốc nhưng không hiểu gì về sự thương khó.

Chúa nhân từ đồng hành với 2 người, lắng nghe câu chuyện “sôi nổi” của họ (Lu 24:17). Chắc hẳn, họ đã trung dẫn những lời tiên tri trong Cựu Ước, cố nhớ lại những lời dạy dỗ của Chúa Giê-xu, nhưng họ không thể đối chiếu những lời ấy để đưa ra một lời giải thích ý nghĩa. Ngài là Đấng đắc thắng hay chiến bại? Vì sao Ngài phải chịu chết? Liệu có một tương lai hứa hẹn dành cho dân tộc này không?

Một chi tiết đầy thú vị ở 24:19 khi Chúa hỏi: “Việc gì vậy?” Ngài là trung tâm của mọi sự việc xảy ra tại Giê-ru-sa-lem, nhưng giờ đây Ngài muốn hỏi chính họ những sự việc này! Chúa thật kiên nhẫn biết bao khi Ngài lắng nghe chúng ta kể cho Ngài những điều mà Ngài đã biết rõ (Ro 8:34). Chúng ta có thể “dạn dĩ” đến trước ngôi Ngài, dốc đổ lòng mình ra hầu Ngài có thể giúp chúng ta khi cần (He 4:16 Thi 62:8).

Cleopas càng nói nhiều, ông ta càng tự buộc tội mình và bạn ông về sự vô tín của họ. Họ muốn chứng cứ nào nữa? Những nhân chứng (kể các các sứ đồ) đã thấy ngôi mộ trống. Các thiên sứ rao về sự phục sinh của Chúa. Các chứng nhân đã mục kích Chúa sống và nghe Ngài nói. Đó chính là chứng cứ!

“Đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng” (Ro 10:17). Đây là lý do Chúa Giê-xu mở lời với 2 người khi họ đến làng Em-ma-út. Nan đề thật của họ không phải ở lý trí nhưng ở tấm lòng họ (xem Lu 24:25,32,38). Có thể họ đã bàn luận vấn đề này trong vài ngày nhưng chưa tìm được lời giải đáp thoả đáng. Họ cần hiểu rõ Lời Đức Chúa Trời vì vậy Chúa giúp họ hiểu rõ về Ngài. Ngài mở Kinh Thánh và mở mắt họ. Họ nhận ra rằng Chúa Giê-xu không những đang sống mà Ngài thật sự còn ở cùng họ!

Nan đề chính của họ là gì? Họ không tin mọi điều các tiên tri đã viết về Đấng Mê-si-a. Đó cũng là nan đề của dân Do Thái thời bấy giờ: họ biết Đấng Mê-si-a là Đấng

Christ đắc thắng, nhưng không hiểu rằng Ngài cũng là Đầy tớ Thánh phải chịu thương khó. Khi đọc Kinh Thánh Cựu Ước, họ chỉ thấy sự vinh hiển chứ không thấy sự thương khó, thấy mãi vinh hiển chứ không phải “thập tự giá”. Các giáo sư thời đó không giống như những nhà truyền giáo đầy ơn hôm nay. Họ mù loà với toàn bộ thông điệp của Kinh Thánh.

Có lẽ Chúa Giê-xu bắt đầu dạy từ Sa 3:15 là lời hứa đầu tiên về Đấng Cứu chuộc, và chỉ cho họ thấy lời hứa này qua suốt Kinh Thánh. Có lẽ Ngài dừng lại ở Sa 22:1-19 là đoạn nói về việc Ap-ra-ham dâng con một yêu dấu của mình trên bàn thờ. Hẳn Ngài cũng nói về lễ Vượt Qua, về những của lễ không xứng đáng, lễ nghi, ngày cứu chuộc, con rắn trong đồng vắng, Đầy tớ thánh ở Es 53:1-12 và những thông điệp ở Thi 22:1-30 69:1-36. Chìa khoá để hiểu Kinh Thánh là nhìn xem Chúa Giê-xu ở từng trang Kinh Thánh Ngài không chỉ dạy chúng ta lý thuyết hay lời tiên tri Ngài dạy “những lời chỉ về Ngài” (Lu 24:27) .

Hai người nói chuyện với Chúa và lắng nghe Ngài. Khi Chúa tỏ ra dường như muốn đi xa hơn một mình thì họ nài Ngài ở lại với họ. Lời Đức Chúa Trời đã chinh phục được họ, nhưng họ vẫn chưa biết Vị Khách Lạ này là ai. Họ chỉ cảm thấy được “nóng cháy” và muốn hưởng hạnh phúc này đến tận cùng.

Càng nghe lời Đức Chúa Trời, họ càng muốn gắn bó và cứ ở trong lời ấy. Một tác giả Thánh ca bày tỏ rằng: “Lạy Chúa, vượt trên các trang sách thánh, con tìm kiếm Ngài”. Sự hiểu biết Kinh Thánh có thể sanh ra “kiêu căng” (ICo 8:1) nhưng nhận lễ thật Kinh Thánh và đồng hành với Đấng Christ sẽ sanh ra một tấm lòng nóng cháy.

Chúa Giê-xu mở Kinh Thánh cho họ, và rồi mở mắt họ để họ nhận biết Ngài. Giờ đây họ hiểu rằng Ngài đang sống. Họ có chứng cứ ngời mộ trống, những thiên sứ, các nhân chứng, Lời Kinh Thánh và về kinh nghiệm của riêng họ với Chúa. Ngài thoát biến đi, không có nghĩa là bỏ rơi họ, vì Ngài luôn ở cùng họ dù họ không thấy Ngài. Họ sẽ lại gặp Ngài.

Chúng có rõ nhất cho thấy chúng ta hiểu Kinh Thánh và gặp được Chúa sống, là chúng ta nhiệt thành chia sẻ với người khác niềm vui của mình. Hai người vội vã rời Em-ma-út trở lại Giê-ru-sa-lem để cho các môn đệ biết việc họ đã gặp Chúa Giê-xu. Nhưng khi họ đến nơi, các môn đệ cùng những người khác kể cho họ rằng Chúa đã sống lại và hiện ra cùng Phi-e-rơ! Những buổi nhóm thờ phượng trong Hội Thánh chúng ta sẽ khác hẳn biết bao nếu mọi người gặp nhau và chia sẻ kinh nghiệm gặp Chúa sống của mình! Nếu những buổi thờ phượng của chúng ta “Thiếu sức sống” có lẽ vì chúng ta chưa thật sự đồng đi và lắng nghe lời của Đấng Christ Hằng sống.

Việc bẻ bánh (Lu 24:30-35) có liên quan đến một bữa ăn, không phải Tiệc Thánh của Chúa. Như chúng ta biết các sứ đồ là những người duy nhất được Chúa dạy về Tiệc Thánh. Cho nên dường như Chúa không có ý nhắc lại Tiệc Thánh ấy lúc này. Ngài bày tỏ chính mình cho họ suốt một bữa ăn bình thường, đó là cách Ngài hành động. Chúng ta phải học cách nhìn xem Ngài qua những việc thường nhật trong cuộc sống. Tuy nhiên, khi dự Tiệc Thánh nhiều lần, chúng ta đều mong Chúa bày tỏ Ngài cho chúng ta theo một cách mới. Vì vậy chúng ta không nên hài lòng với bất cứ điều gì còn khiêm khuyết.

3. Những tấm lòng ngờ vực: Chúa mở trí họ (Lu 24:36-46)

Có quá nhiều sự việc phấn khích xảy ra ngày hôm đó có nhiều điều không thể giải thích được nên mười sứ đồ cùng những người khác gặp nhau tối hôm ấy và chia sẻ những gì họ thấy. Trong khi Cơ-lê-ô-ba cùng bạn ông kể cho nhau về chuyện Chúa Giê-xu, Ngài xuất hiện trong phòng khi mọi cửa đều đóng kín! (Gi 20:19).

Có lẽ bạn tưởng rằng các tín hữu sẽ reo mừng và dâng lời ca ngợi, nhưng họ đều sững sốt, rụng rời và bối rối (Lu 24:37-38). Họ tưởng đã gặp! Điều xảy ra bất ngờ khiến họ hầu như không có sự chuẩn bị, dù nhiều người trong số họ đã gặp Chúa Phục sinh. Mac 16:14 cho thấy tình trạng của lòng họ đã ảnh hưởng đến việc biểu lộ sự sợ của họ.

Chúa trấn tĩnh họ. Trước tiên, Ngài chúc phước cho họ: “Bình an cho các ngươi” (Lu 24:36). Ngài cũng lặp lại lời chúc phước ấy lần nữa (Gi 20:19-21). “Đức Chúa Trời bình an” là Đấng đã khiến Chúa sống lại từ cõi chết, nên họ không có điều gì phải sợ hãi (He 13:20-21). Bởi Chúa Giê-xu đã hy sinh trên thập tự, mọi người giờ đây được “hoà thuận với Đức Chúa Trời” (Ro 5:1) và vui mừng hưởng “sự bình an của Đức Chúa Trời” (Phi 4:6-7).

Điều kế tiếp khi Ngài trấn an họ, đó là cho họ xem tay chân bị đóng đinh của Ngài (Thi 22:16) để họ tin chắc Ngài không phải là một bóng ma. Các tác giả thánh ca đôi khi nhắc đến những “vết hằn” trên thân thể Ngài, nhưng sách Phúc Âm không đề cập gì đến những vết sẹo ấy. Dấu vết của Gô-gô-tha ở trên thân thể vinh hiển của Ngài (Gi 20:24-29) và chúng vẫn còn đó (Kh 5:6,9,12). Có người nói rằng: “Giờ đây, tác phẩm duy nhất của nhân loại ở trên thiên đàng, đó là những dấu vết Gô-gô-tha trên thân thể Đấng Christ đáng tôn quý”.

Chúa đồng ăn với họ để chứng minh cho những tín hữu ngờ vực này tin rằng Ngài thật sự đang sống và hiện hữu, thậm chí Ngài còn mời họ rờ thử vào thân thể Ngài (Lu 24:39 IGi 1:1). Với tri thức hạn hẹp, chúng ta không thể giải thích được làm sao thân thể một người có xương thịt rắn chắc lại di xuyên cửa và biến hoá được. Chúng ta cũng không hiểu vì sao thân thể được vinh hiển mà vẫn còn mang những dấu vết của thập tự giá. Nhưng chúng ta biết rằng sẽ có một ngày chúng ta sẽ giống Ngài trong sự vinh hiển (IGi 3:1-2).

Lu 24:41 bày tỏ một tâm trạng bối rối: vì có vui mừng nên chưa tin chắc. Quả là một sự thật khó tin! Đây cũng là tâm trạng của Gia-cốp khi hay tin Giô-sép con mình vẫn còn sống (Sa 45:26-28). Dân Y-sơ-ra-ên kinh nghiệm điều này khi Đức Chúa Trời đem đến sự giải cứu cho họ (Thi 126:1-3). Chúa Giê-xu cho môn đệ biết rằng họ sẽ vui mừng khi thấy Ngài trở lại và lời hứa ấy đã được trọn (Gi 16:22).

Nguồn bình an và sự bảo đảm cuối cùng, là lời Đức Chúa Trời. Vì vậy Chúa “mở trí họ” về lời Kinh Thành ở Cự Ước, như Ngài đã làm cho các môn đệ ở Em-ma-út. Sau cùng, các môn đệ không bị lạc hướng trong tư tưởng và suy đoán của riêng mình, nhưng nhận lấy những lẽ thật của lời Đức Chúa Trời. Hôm nay chúng ta không thể rờ được Chúa Giê-xu, và cũng không cần thiết phải làm vậy, nhưng chúng ta vẫn có thể đặt niềm tin mình trên lời Đức Chúa Trời (IGi 1:1-5).

Không chỉ giúp họ hiểu luật pháp, các tiên tri, các đoạn Thi thiên, Chúa còn nhắc họ nhớ lại những điều Ngài đã dạy dỗ họ, và giải thích cho họ những mối liên hệ đó. Giờ đây họ hiểu rằng, Ngài phải chịu thương khó, chịu chết và vì sao thập tự giá có liên quan đến những lời hứa về Vương quốc trên trời (IPhi 1:10-12). Thật là một đặc ân dành cho họ khi lắng nghe Chúa bày tỏ Lời Ngài!

4. Những tấm lòng vui mừng: Chúa mở môi miệng họ (Lu 14:47-53)

Đặc ân luôn đem đến trách nhiệm. Các môn đệ phải làm chứng về những điều Chúa đã phán và thực hiện (Cong 1:8). Người làm chứng là người nói thật những gì mình thấy và nghe (Cong 4:20). Theo vài cách dùng khác nhau từ “làm chứng” được đề cập đến 29 lần trong sách Công vụ. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta không phải là những quan xét hay luật sư buộc tội được sai đến để lên án thế gian. Chúng ta là những chứng nhân nói về Chúa Giê-xu và cho tội nhân hư mất biết phương cách để được cứu rỗi.

Làm sao một nhóm người bình thường có thể tin rằng họ thực hiện được nhiệm vụ như thế? Đức Chúa Trời hứa ban cho họ quyền năng (Lu 24:49 Cong 1:8) và Ngài đã làm vậy. Vào ngày lễ Ngũ tuần, Thánh Linh Đức Chúa Trời đã giáng trên Hội Thánh và ban cho họ quyền năng rao giảng Đạo Ngài (Cong 2:1-47). Sau lễ Ngũ tuần, Đức Thánh Linh vẫn ban quyền năng lớn cho họ (Cong 4:33).

Việc làm chứng không phải là điều chúng ta đã làm cho Chúa, nhưng đó là điều Ngài hành động qua chúng ta khi chúng ta đầy dẫy Đức Thánh Linh. Có một sự khác biệt lớn giữa “quảng cáo hàng hoá” với lời làm chứng trong quyền năng Thánh Linh. Vance Havner nói rằng: “Người ta không đến với Chúa Giê-xu sau một cuộc tranh luận. Si-môn Phi-e-rô đến với Chúa vì Anh-rê đã đi theo làm chứng cho ông? Chúng ta ra đi với thẩm quyền của danh Chúa, trong quyền năng Thánh Linh để rao giảng về Phúc Âm của ân điển Ngài.

Chúng ta nên so sánh Lu 24:50-52 với Mac 16:19-20 và Cong 1:9-12. Bởi vì sự thăng thiên của Chúa không là điều được chú ý trong Hội Thánh lúc đó. Bạn hãy nghĩ đến ý nghĩa của sự kiện này đối với việc Ngài lên trời và ngự trên ngai vinh hiển! (Gi 17:5,11). Sự thăng thiên này là bằng chứng Ngài đắc thắng mọi kẻ thù và cai trị “cao hơn hết mọi quyền” (Eph 1:18-23).

Hôm nay trên thiên đàng, Chúa chúng ta đang làm công việc của Ngài như Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm của chúng ta (He 7:25,26) và là Đấng cầu thay cho chúng ta (IGi 2:1). Là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Ngài ban ơn phước khi chúng ta cần đối phó với thử thách và cám dỗ (He 4:14-16). Khi chúng ta vấp ngã Ngài là Đấng Cầu thay sẵn sàng tha thứ và phục hồi địa vị chúng ta nếu chúng ta xưng nhận tội lỗi mình (IGi 1:6-10). Là Đầu Hội Thánh, Ngài chuẩn bị cho chúng ta mọi điều trọn vẹn để sống cho Ngài và hầu việc Ngài trong thế gian này (He 13:20-21 Eph 4:7-16). Qua lời Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện, Ngài dùng Đức Thánh Linh để hành động trong chúng ta và khiến chúng ta trở nên giống Ngài hơn.

Dĩ nhiên, Ngài còn chuẩn bị một nơi trên thiên đàng cho chúng ta, là những con cái Ngài (Gi 14:1-6). Một ngày nào đó, Ngài sẽ tái lâm để đem chúng ta đi với Ngài mãi mãi.

Điều cuối cùng Chúa thực hiện, đó là: chúc phước cho những người thuộc về Ngài. Vì vậy điều trước tiên họ làm là thờ phượng Ngài! Hai điều này sẽ luôn đi đôi với nhau, vì khi chúng ta thật sự thờ phượng Ngài, Ngài sẽ ban phước cho chúng ta. Ngài không chỉ mở môi miệng các tín hữu để làm chứng về Ngài, Ngài còn mở môi họ để thờ phượng và tôn vinh Ngài!

Bác sĩ Lu-ca mở đầu Phúc Âm bằng một hình ảnh trong đền thờ (Lu 1:8) và kết thúc Phúc Âm giống như vậy (Lu 24:53). Tuy nhiên, có một sự khác biệt giữa thầy tế lễ vô tín và câm lạng với những thánh đồ tin cậy và vui mừng! Lu-ca đã giải thích vì sao Chúa Giê-xu đến Giê-ru-sa-lem và hoàn thành công tác cứu chuộc của Ngài. Sách Lu-ca mở đầu và kết thúc tại thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng trong sách Công vụ các Sứ đồ của ông đã giải thích quá trình Phúc Âm của Đức Chúa Trời loan truyền từ Giê-ru-sa-lem đến Rô-ma.

Phải chăng Phúc Âm cũng đang được rao ra khắp đất từ “Giê-ru-sa-lem” của bạn?